Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

NĂM THỨ HAI, SỐ 33–34 1er–15 Décembre 1922

HỮU-THANH

CƠ-QUAN CỦA HỘI BẮC-KỲ CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP

Tùng-thư của hội Ích-Hữu Thư-Xã

Sáng-lập : NGUYỄN-HUY-HỢI

Chủ-nhiệm : NGHIÊM-VỊNH

YẾU-MỤC

DEPOT LEGAL INDOCHINE Nº 675

CÁI NGHÈO	405	VĂN THƠ	448
CÁI THÓI QUEN CỦA NGƯỜI ĐỜI	413	LĨNH-NAM DẬT SỬ	451
QUỐC-VĂN BÌNH-LUẬN	421	TÙY ĐƯỜNG DIỄN NGHĨA	459
CÁI GIA CÓ CHỮA ĐƯỢC KHÔNG ?	427	GÁI PHỤC THÙ CHA	470
CÁI THỜI-KỲ TÁI-DI N LỊCH-SỬ LOÀI NGƯỜI CỦA CON THẺ	436	BẠCH-TUYẾT	476
KHÍ GIỚI CỦA CÁC LOÀI VẬT	431	BÀ PHƯỚC	482
Ở XỨ ĐỜ DANG	441	BỎ CHỒNG	485
ĐỘC GIẢ LUẬN-ĐÀN	444	THỜI-ĐÀM	489
		CÔNG VIỆC HỘI CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP	504

Mỗi tháng xuất-bản hai kỳ : mồng một và rằm

DIRECTION — RÉDACTION
ADMINISTRATION
58, Rue du Coton, Hanoi
TÉLÉPHONE : 346

IMPRIMERIE ICH-HUU-THU-XA
45, Rue des Paniers, Hanoi
TÉLÉPHONE : 167

1922

Mỗi số 0$50

HŨ'U-THANH TẠP-CHÍ

LUẬN-LÝ. — HỌC-THUẬT. — THỰC-NGHIỆP. — KINH-TẾ. — VĂN-NGHỆ

Organe de l'Association Amicale des Employés Indigènes de Commerce et d'Industrie du Tonkin

Edition de la Société « Ich-hữu-thư-xã »

ÂN-NHÂN CỦA « HỮU-THANH »

MM. Phạm-Văn-Thụ . . . . . *Tổng-đốc Nam-định*
Vũ-Ngọc-Hoánh . . . . . *Tuần-phủ Lạng-sơn*
Trần-Mỹ . . . . . *Tuần-phủ Thái-bình*
Nguyễn-Tất-Tế . . . . . *Thương-tá Hà-đông.*

Chủ-nghĩa và mục-đích « Hữu-Thanh »

Hữu-Thanh tạp-chí *này, lấy « Hữu-ái » làm chủ-nghĩa, mục-đích để cổ-động cái tinh-thần tương-ái trong đồng-bào mong người trong nước cùng yêu mến nhau như ruột thịt, để nương tựa nước Pháp lên đường văn-minh.*

Biên-tập đủ các môn luận-lý, học-thuật, văn-nghệ, thực-nghiệp, kinh-tế để giúp quốc-dân về mọi đường phổ-thông tri-thức. Phàm biên-tập cốt lấy thông-thường làm trọng.

Giá tạp-chí « Hữu-Thanh »

Sáu tháng... 2$50 Một năm... 5$00 Ngoại-quốc mỗi năm... 6$00

Mua tạp-chí « Hữu-Thanh » xin giả tiền trước.

Tòa tạp-chí « Hữu-Thanh » ở số 58 Phố Hàng Bông (58 Rue du Coton *Hanoi*)
Nhà in tại số 45 Phố Hàng Bồ (45 Rue des Paniers) *Hanoi (Tonkin)*

MEUBLES ET CARPETTES EN JONC RETORS

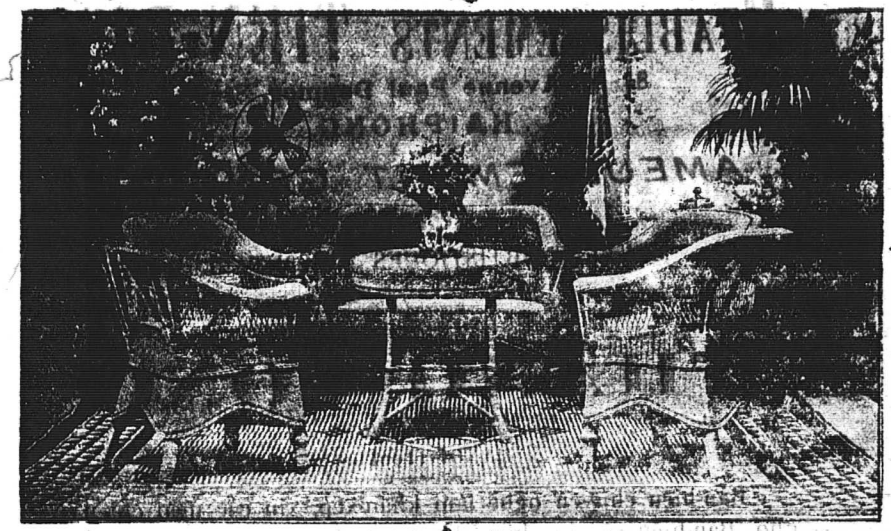

CHẤN-THỤY, 6, Quai Clémenceau, Hanoï

祥和裕
YU-WO-TSÉONG

Soieries Chinoises et Annamites en tous genres

VENTE EN GROS

48, Rue des Cantonnais, Hanoi

Téléphone n° 266

Kính trình các qui-khách biết rằng: Bản hiệu bán buôn các thứ gấm, vóc, nhiễu, kỷ-cầu, v. v... Hàng Saigon: như cẩm châu, trừu, lương, xuyến, lĩnh, v. v... Hàng Bắc-kỳ như: Lương, xuyến, lĩnh, lượt, bâng, quế, v. v .. Hàng Tàu bản-hiệu có xưởng tự làm ra được, hàng Bắc và hàng Saigon thì bản-hiệu buôn nhiều, cho nên được một giá rẻ hơn các hiệu khác. Hàng bản hiệu bán buôn, chứ không bán lẻ, và không gửi mẫu đi các tỉnh, vì rằng cây nào cũng còn nguyên, không thể cắt được mẫu, như các qui khách ở tỉnh xa mà có lòng quang-cố đến bản hiệu thì bản-hiệu xin gửi một cái đơn khai giá các thứ hàng là đủ. Bản hiệu cũng muốn giao-thiệp buôn bán với các qui-khách cho lâu dài, chớ nên nếu qui khách có gửi mua thứ gì thì bản-hiệu xin hết sức chọn những cây thật tốt mà tính giá phải chăng, để khỏi phụ lòng qui khách đã tin cậy.

Vậy xin các qui-khách có cần dùng đến thứ hàng gì để bán thì xin chiếu cố mua giúp cho bản hiệu. *Nay kính cáo.*

YU-WO-TSEONG

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

ÉTABLISSEMENTS TIẾN-ĐỨC

84-86, Avenue Paul Doumer, 84-86

HAIPHONG

AMEUBLEMENT GÉNÉRAL

SPÉCIALITÉ

MEUBLES ARTISTIQUES DÉMONTABLES

THĂNG-LONG

15, Rue du Chanvre, 15

HANOI (Tonkin)

Bản-hiệu chuyên nghề làm khăn-xếp, xin các ngài chiếu-cố cho. Bản-hiệu sẽ xin chiều được vừa lòng các ngài.

THĂNG-LONG cẩn-bạch

GRANDS MAGASINS RÉUNIS

ĐÔNG-PHÁP ĐẠI-THƯƠNG-CỤC

NHÀ GÔ-ĐA HÀ-NỘI

HÃNG BUÔN RỘNG NHẤT Ở ĐÔNG-PHÁP

NHIỀU THỨ HÀNG NHẤT

NÀY THỬ XEM KHU HÀNG MỚI SANG:
NÀO HÀNG PHA-LÊ, ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ, ĐỒ BÀY TRONG NHÀ, ĐỒ ĐIỆN, HÀNG GIẦY, HÀNG THỢ MAY

MỘT NGƯỜI CAI CẮT ÁO VÀ MỘT NGƯỜI CAI THỢ GIẦY NGƯỜI PHÁP CHUYÊN LÀM CHO HIỆU

CÓ MỘT KHU RIÊNG BÁN CÁC VẬT-THỰC

Nên đến lấy quyển mẫu hàng về mà xem

Năm thứ hai — Nos 33 et 34 — 1er et 15 Décembre 1922

HỮU-THANH

CÁI NGHÈO

Nhân-loại không thể quanh lại cái thời-đại ăn lông ở lỗ, sinh-hoạt một cách tự-nhiên, thế-giới không thể xoay ra cái thế-giới ở lộn ăn chung, tài-sản đều là công-cộng; còn có cạnh-tranh, còn có tiến-hóa, có kẻ giầu thì cũng lại có kẻ nghèo, vậy cái nghèo quanh-quẩn với đời người không bao giờ hết, mà nó sờ-dĩ quanh-quẩn với đời người như thế, thực cũng bởi tự người ta ươn hèn lười biếng phần nhiều, chớ không phải toàn-nhiên là bởi số-mệnh đâu.

Tuy vậy, nếu cái nghèo chỉ làm cho người ta kém phần sung-sướng mà thôi, thì cũng chẳng đủ cho ta phải lấy làm quan-tâm lắm, song cái nghèo sinh ra cho người ta thực lắm cái hại, hại cho cá-nhân, hại cho gia-đình, hại cho xã-hội, mà những cái hại ấy làm trở-lực cho văn-minh hạnh-phúc rất nhiều, thực khiến cho ai có chút lòng mẫn-thế ưu-thời đều phải lấy làm ghê sợ. Vậy tưởng nên xét những sự hại sinh ra bởi cái nghèo thế nào, rồi xem qua đến cái hiện-tình nước ta, mà nghĩ cách nào cho bớt được cái nghèo làm hại kia đi, thì cái hậu-vận nước ta mới mong có ngày giầu thịnh được.

Cái nghèo có hại cho cá-nhân thế nào?

Nói rằng cái nghèo có hại cho cá-nhân, thì chắc có người sẽ cãi rằng: «Xưa nay những người hư-hỏng phần nhiều là các con nhà giầu-sang, nhờ cha mẹ được sẵn ăn sẵn tiêu, phóng túng chơi-bời, chẳng thiết học-hành, không chăm nghề-nghiệp, rồi đến thành ra dở ông dở

thằng ; chớ những con nhà nghèo-túng, thường họ lại biết lo nghĩ mà lập-chí tu-thân, chuyên-cần học-tập, làm nên nọ nên kia được. Xem như các cụ ngày xưa, cụ nào thuở bé càng hàn-vi bao nhiêu, thì về sau khoa-hoạn lại càng hiển-hách bấy nhiêu, mà các ông Ấm ông Chiêu phần nhiều lại là những người không tài-học không sự-nghiệp gì cả ; đến cả thời nay cũng thế, đỗ-đạc này nọ, làm nên kia khác, cũng phần nhiều con nhà tầm-thường ; mà những kẻ vô-tài vô-nghệ, thường lại là các công-tử thừa ăn thừa tiêu. Vậy thì cái nghèo không chắc có làm hại người ta không ? » — Đành vậy, song nghèo mà biết lập-thân thì thực ít, giầu mà vô-chí có kể chi. Ta cứ lấy toàn-thể xã-hội mà xét cho công-bằng, thì thực thấy cái nghèo làm hại người ta hơn là đã làm lợi cho người ta. Ôi ! « Cái khó bó cái khôn », người ta đã đến ăn không có mà ăn, mặc không có mà mặc, thì dù cho bẩm-tính thông-minh đến mấy nữa, cũng hồ dễ mấy người đã yên thân mà học-hành được. Thế là cái nghèo nó đã làm hại ngay từ lúc nhỏ tuổi, là lúc đương dễ học-hành rồi. Tuy cũng có người chịu kham-khổ mà chuyên-cần học-nghiệp, song đến nữa chừng bức-bách về cái cảnh nghèo-túng trong gia-đình, đành phải tắt ngang đi làm, sự-nghiệp cũng chỉ đến một tháng mấy chục bạc lương, mà cái tài học đáng lẽ còn triển-giương được nữa thì cứ cùn dần mãi đi, có ích gì cho xã-hội đâu. Ấy thế còn khá, chớ phần nhiều lại vì sự không có tiền học mà chẳng theo đòi được chút bút-nghiên nào, rồi lớn lên bị những sự cần dùng nó xúc-bách, bị những cái dục-vọng nó cám-dỗ, mới đàm ra làm càn làm bậy, thế là con người vô-nghệ, vô-lương, vô-lại, quá ra tội phạm đến luật-pháp mà trụy-lạc một đời. Ta chẳng từng thấy những đứa trẻ con mặt mũi khôi-ngô, có thể nhờ sự học trở nên người khá được, thế mà chỉ để dùng vào những việc hạ-tiện ư ? Ta lại chẳng từng thấy những kẻ cũng con nhà tử-tế, chỉ vì nghèo không học được, đến thành ra vô-nghệ-nghiệp du-đãng hoặc làm việc bất-lương mà đến hãm vào hình-phạt ư ? Những hạng người nói trên này, ta thường thấy nhiều thì đủ biết rằng cái nghèo nó làm hại người ta đến thế nào vậy.

Cái nghèo có hại cho một gia-đình thế nào ?

Họp nhiều người lại là một cái gia-đình, họp nhiều người nghèo lại là một cái gia-đình nghèo. Một người nghèo còn kém học thức, kém giáo-dục, kém tài-nghệ, kém luân-lý đạo-đức, người chẳng bằng ai, huống chi một nhà họp bao nhiêu người đều kém thế cả, thì cái cách cư-xử còn sao cho được hòa-thuận, cảnh gia-đình sao cho được êm-đềm nữa ! « Đồng-tiền liền khúc ruột », nghèo thì đồng tiền tất phải bo-bíu ; đồng

tiền đã đến bo-bíu, thì tất mọi người trong cái gia-đình nghèo ấy không đủ thỏa những cái cần-dùng, những cái dục-vọng ; bấy giờ mới sinh ra có những sự bất-bình, những điều thất-hòa : cha mẹ cũng vì tiền mà mất cả cái lòng từ đối với con, con cũng vì tiền mà lỗi cả cái đạo hiếu đối với cha mẹ ; anh em làm đến đồng tiền mà mất lòng nhau, sinh ra ly-tán ; vợ chồng cũng vì nghèo túng mà sinh lòng chán, lỗi đạo xướng-tùy. Gia-đình như thế còn ra cái gia-đình gì nữa ! Tuy không phải nhà nào nghèo cũng như thế cả, cũng thường có nhà nghèo mà cư-xử được trên hòa dưới thuận, làm gương tốt cho phong-hóa xã-hội, hơn là những nhà giầu mà vì tiền của đến nỗi sinh ra kiện-cáo tranh dành ; song đó thuộc về số ít lắm, vả lại những nhà nghèo mà giữ được nền-nếp như thế là bởi ở cái gia-giáo tốt, chớ có phải cái nghèo gây nên cho những gia-đình ấy được cái cảnh tốt đẹp đâu. Ta chỉ thường thấy lắm nhà cha con ở với nhau mất tình phụ-tử là bởi cái nghèo túng nó làm cho lỗi cả bổn-phận, anh em chia tan nhau, vợ chồng ruồng-rẫy nhau, là vì cái cảnh nghèo nó xui-khiến, chớ ta chưa từng thấy mấy nhà ăn tiêu dư-dụ mà lại hay sinh ra những cái biến-cố trong luân-thường bao giờ.

Trong gia-đình đã vì cái nghèo mà đến nỗi nay sinh ra những sự lục-đục này, mai sinh ra những chuyện lôi-thôi kia, thì còn ai làm được việc gì cho nó ra việc, chuyên được nghề gì cho nó ra nghề, sinh-kế tất phải ngày một tiều-tụy mãi đi, chẳng những ngay một đời ấy, cái gia-đình đó đã suy kém những gia-đình khác, mà về sau đàn con lũ cháu sinh ra, vì sự sinh-hoạt nó làm kém cái học-thức, cái giáo-dục thì cũng khó mà gây lại cho cái gia-đình ấy hưng-thịnh lên được.

Ôi ! Phong-hóa ngày một suy-đồi, trăm nhà họa được vài nhà có cái gia-giáo tốt ; nếu những nhà kém gia-giáo kia mà bị phải cái cảnh nghèo, thì cũng khó lòng mà tránh khỏi những cái hại như đã nói trên kia được. Vậy thì cái nghèo há chẳng phải là một cái vạ lớn ở trong gia-đình lắm ru ?

Cái nghèo có hại cho một xã-hội thế nào ?

Phàm một xã-hội sở-dĩ hưng-vượng được, là nhờ ở hai đường tinh-thần và vật chất đều phát-đạt, mà sự phát-đạt ấy lại bởi ở cái trình-độ sinh-hoạt của xã-hội được phong-doanh. Ai cũng thừa ăn thừa tiêu mà học-hành cho trở nên người dân-nước đủ tư-cách, biết bồi-thực cho nhân-tâm thế-đạo, biết gin-giữ lấy quốc-túy quốc-hồn, thì đường tinh-

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

thần của một xã-hội mới phát-đạt được. Ai cũng sẵn tiền sẵn của, không phải bận-bịu về cái kế y-thực nữa, chỉ lưu-tâm về sự mở-mang các công cuộc ích-lợi, khai-thác lấy những nguồn tài-sản thiên-nhiên, thì đường vật-chất của xã-hội mới phát-đạt được.

Nếu một xã-hội nghèo thì không mở-mang được học-thuật để gây lấy những người có tài có học, không mở rộng được đường kinh-tế cho quốc-dân được sinh-hoạt phong-túc. Ai học cái gì, làm nghề gì, chẳng qua cũng chỉ làm kế mưu-sinh, mà cái kế mưu-sinh ấy không đủ thì nó lại làm hại đến cả cái chí tiến-thủ của người ta nữa. Ai cũng lo ăn lo tiêu không đủ, ai còn nghĩ chi đến phong-hóa suy hay thịnh, ai còn tưởng chi đến quốc-túy mất hay còn! Thế là cái tinh-thần của xã-hội cứ tiêu-ma dần đi! Các nghề không có tiền để chấn-hưng lên được, vật-dụng thiếu-thốn, cái gì cũng phải ngưỡng-cấp ở ngoài, mà tài-hóa trong nước cứ lậu-chi ra mãi; sản-vật không có tiền để khai-thái lấy được, tiền rừng bạc bể mình chịu coi là của vô-dụng, mà lợi-quyền nhượng cả cho người ngoài. Thế thì đường vật-chất của xã-hội còn tiến-hóa sao được! Tinh-thần kém thì còn đâu là cái lòng tiến-thủ, sức cạnh-tranh! Vật-chất suy thì lấy gì mà mở-mang ở trong, đối-phó với ngoài! Thế là cái nghèo nó làm liệt mất cả bộ máy hoạt-động của một xã-hội.

Ôi! đường tiến-hóa thênh-thang trên đại-lục, sóng cạnh-tranh lai-láng khắp trùng-dương; mạnh về gạo, bạo về tiền, xã-hội nào sinh-tồn được, cường-thịnh được, cũng đều nhờ ở cái nguồn kinh-tế dồi-dào cả. Vậy những xã-hội nhờ kinh-tế dồi-dào mà sinh-tồn, mà cường-thịnh được bao nhiêu, thì những xã-hội kinh-tế quẫn-bách lại càng hèn-yếu, càng suy-lạc đi bấy nhiêu. Mạnh được yếu thua, cái lệ công của thiên-diễn xưa nay như thế, tránh sao cho khỏi được?

Cái nghèo nó ở một người hay một gia-đình thì may còn có thể lạc-đạo an-bần được, chớ nó đã lan cả trong một xã-hội, thì thực ghê-gớm dữ-dội, sinh ra những nguồn hại rất thảm-khốc, không sao ngăn giữ được nữa.

Nước ta có là nước nghèo không?

Viết xong mấy câu trên kia, sực nghĩ đến cái vận-mệnh nước nhà, giật mình, dừng bút lại mà phát ra câu hỏi này, thực là một câu hỏi quan-trọng mà ta nên phải xét kỹ và trả lời cho đúng vậy.

Nhiều người vẫn thường than rằng: « Nước ta nghèo thực! » Tin ở lời than đó, thì nước ta có lẽ là nước nghèo; mà ta xem khắp từ trong

Nam cho chí ngoài Bắc, từ thành-thị cho chí thôn-quê, cái hạng người lam-lũ rách-rưới ở đâu cũng thấy phần nhiều, cái cách sinh-hoạt rộng-rãi phong-lưu, ở đâu cũng thấy số ít; những việc canh-nông, kỹ-nghệ thương-mại to-lớn ở trong nước, mười phần thì người mình chỉ có được một vài. Vậy bảo là nghèo thì có lẽ cũng là nghèo thực. Song ta phải biết những sự nghèo đó, có phải là bởi tự nước ta không có của cải gì không?

Ba kỳ thênh-thang đất rộng, quả nửa là đồng-bằng, nhất là Nam-kỳ và Bắc-kỳ đất mầu lúa tốt, mỗi năm gạo đem xuất-cảng bán hầu khắp cả các nước, lại còn ngô, đỗ, v. v... các thứ cũng nhiều. Mạn thượng-du Bắc-kỳ, và phía bắc Trung-kỳ, gỗ quí thực lắm, lại các thứ lâm-sản khác như sơn, cánh-kiến, v. v... cũng nhiều. Khoáng-sản thì như là mỏ than Hongay, mỏ than Đông-triều, thực là những cái mỏ rất quí, lại còn bao nhiêu mỏ các loài kim khác hoặc đã tìm thấy, hoặc chưa tìm thấy ở khắp vùng thượng-du Bắc-kỳ và suốt một dọc núi Hoành-sơn ở Trung-kỳ. Về phía bể thì nhất là về hạt Nam-định Thái-bình, v. v... ruộng bể cứ ngày một bồi thêm ra, kể có bao nhiêu vạn mẫu. Lại suốt từ Bắc cho chí Nam, một giải ven bể, hầu khắp chỗ nào là cũng có thể thu được cái lợi ngư diêm.

Kể lược qua sản-vật trong nước như thế, đem so với nước khác cũng đã thấy không mấy nước được phong-phú bằng. Vậy nước ta nguyên có phải là nước nghèo đâu.

Nước ta vì cớ gì mà nghèo?

Nước ta đã nguyên không nghèo, nhưng sao nguồn tài-lợi trong nước không được dồi-dào, đường sinh-kế của dân nước hãy còn quẫn-bách? Điều đó hình như một điều trái ngược, song thực lại là những lẽ rất tự-nhiên, ta cứ xét mấy cớ sau này đủ rõ:

1° Ta chưa lợi-dụng được hết những sản-vật thiên-nhiên. — Trong các sản-vật thiên-nhiên của nước ta, trừ ra có ngũ-cốc thuộc về nghề nông là một nghề chuyên-trị của dân ta từ xưa đến nay, thì dân ta còn thu được đôi chút lợi mà thôi; còn các sản-vật khác, hoặc cũng có thứ ta biết lợi-dụng được một ít, hoặc cũng có thứ ta bỏ hoài đi như là của vô-dụng. Ôi! tiền rừng bạc bể biết bao, đó chính là cái gia-tài ta đáng được thừa-nhận; thế mà ta chẳng thừa-nhận thì chớ, ta lại còn hình như thờ-ơ không thiết đem vứt của đi nữa! lạ thay!

2° *Thực-nghiệp chưa được mở-mang.* — Thực-nghiệp có khuếch-trương thì lợi-nguyên mới phong-dụ. Thực-nghiệp ở nước ta trước kia hình như chỉ là những nghề tầm-thường, những kẻ lỡ bước trong đường công-danh hoặc sinh ra con nhà hàn-tiện mới chăm làm thôi. Còn cái khuynh-hướng của quốc-dân thì không ở đó. Kẻ làm ruộng chỉ loanh-quanh trong vùng quê-hương mình mà đất hoang mọi nơi không thiết khai-khẩn; lúa thóc ăn tiêu còn thừa, chỉ biết chất đống lại đó để đến vụ đói kém thì bắt chẹt kẻ nghèo. Người làm nghề, phần nhiều chỉ làm để đủ cung y-thực, chớ nghề khéo thuật hay không biết giảng-cầu, đặng mà mở-mang những việc ích to trong công-giới. Nghề buôn thì trước kia phó-mặc cho bọn phụ-nữ, nay tuy cũng đã có các hiệu buôn nọ, cửa hàng kia mở ra, song cái quyền buôn-bán vẫn còn ở tay người khác mà mình chỉ như là người buôn lại đó thôi.

3° *Không biết dùng tiền.* — Đồng-tiền biết dùng thì sinh năm đẻ bảy, đồng tiền không biết dùng thì không những chẳng sinh lợi được chút nào, mà lại hao-mòn đi nữa. Người mình có tiền biết tiết-kiệm, thì lại tiết-kiệm không phải đường, làm ra được đồng nào chỉ bo-bo giữ kỹ, không biết đem ra làm việc nọ việc kia cho sinh lợi ra. Thành ra trong hòm trong tủ, dưới hố dưới hầm, bao nhiêu đống tiền vô-dụng. Ai không tiết-kiệm thì lại quá ư xa-hoang, làm ra được một đồng thì tiêu về những cái cư-xử phục-dụng lại những mấy đồng kia rồi. Những đồ quốc-hóa rẻ tiền không thèm dùng mà những xa-xỉ-phẩm của các nước thì đắt mấy cũng mua dùng cho sang-trọng! Lại còn những cái tệ nữa, là lắm người có tiền, chỉ để mua lấy cái hư-danh hão, hoặc dùng vào những sự chơi-bời cờ-bạc, trăm nghìn đổ một như không!

Họp mấy cớ trên này lại mà xem, thì của-cải sinh ra đã ít, tiền-tài thu vào cũng không bao, mà cái số tiền lọt ra ngoài cũng là vứt vào nơi vô-ích thì thực lắm. Ôi! nông-sản mà chi! Lâm-sản mà chi! khoáng-sản mà chi! ngư-lợi mà chi! Những sản-vật ấy, những lợi-nguyên ấy, ta không biết thừa-nhận, không biết lợi-dụng lấy, bỏ vất bỏ vả, không chịu đoái-hoài, thì còn ích chi! thì tài nào cái tài-sản của mình lại chẳng ngày càng tiêu-hao đi! Vậy cái nghèo của nước ta, chẳng phải là trời sinh ra nghèo mà thực tự ta làm ra nghèo; chẳng cũng đáng tiếc mà đáng lo lắm ru?

Sao cho nước ta khỏi nghèo?

Nước ta nghèo đã là tự ta không biết làm giàu mà sinh ra, thì cái nghèo ấy cũng không phải là không có cách gì mà cứu chữa. Một người tay trắng không đồng xu nào mà biết cần-lao, biết kiên-chí cũng còn làm nên giàu được, Huống chi nước ta sản-vật thiên-nhiên nhiều như thế, cái tư-cơ để làm giàu thực đã sẵn-sàng rồi, may lại nhờ được Nhà nước Bảo-hộ đương gia-tâm khai-hóa cho dân ta, thì cái thời-thế cũng lại rất thuận-tiện cho sự làm giàu của ta nữa; như vậy thì cái nạn nghèo ở nước ta, muốn bạt-trừ đi, cũng không phải là một điều không thể làm được.

Ai cũng biết rằng nước ta nghèo là bởi cái phần sinh-lợi ít mà cái phần phân-lợi nhiều, của thu-nhập không được là bao, mà tiền lậu-chi ra ngoài thì lắm; vậy muốn sao cho nước ta khỏi nghèo, thì chắc ai cũng bảo rằng phải nên lợi-dụng lấy hết những sản-vật thiên-nhiên ở trong nước, chấn-hưng mọi nghề để thu lấy lợi-quyền và bớt những cái tiền-lậu-chi hoang-phí vô-ích.

Ấy lý-luận thì vẫn như thế, mà làm được như thế thì trong nước chóng giàu không gì bằng. Song xem cái hiện-tình nước ta, thì không thể làm được ngay như thế đâu; vì rằng các công-cuộc khai-khẩn to-tát phải cần có tư-bản nhiều mới làm được; mà dân ta đường sinh-lý hiện hãy còn eo-hẹp lắm thì đã mưu sao được ngay những công-cuộc ấy. Vậy sự thực-hành không thể dung-dị như là lời nói được. Tất phải sự sinh-hoạt của quốc-dân, ai ai cũng phải phong-túc để khỏi phải có những cái lo về y-thực và được dư tiền-của, thì rồi mới có thể làm nghề kia nghiệp nọ cho ra tuồng.

Muốn được như vậy, trước hết người trong nước ai cũng nên phải chăm về nghề-nghiệp; ai cũng có nghề có nghiệp thì cái kế doanh-sinh của mình đã được thư-thư rồi. Phàm người ta, cái bổn-thân mình có được yên ấm, thì sau mới nghĩ đến việc nọ công kia được. Thế là trong nước đã bớt được hạng người nghèo đi rồi. Còn những hạng người gia-tư kha-khá hoặc là có của dư-dật, thì cũng cần phải nhuệ-chí tiến-thủ, không nên bo-bo giữ của, mà phải nên đem của ra mở-mang các việc ích-lợi. Lại cần nhất là bất cứ hạng người nào, cũng nên phải cần-kiệm, bỏ hẳn những cái xa-hoang. Như vậy thì tiền-của của dân trong nước mới có thừa-thãi. Khi đã có tiền thừa-thãi rồi, bấy giờ mới có thể đem ra dùng vào việc khai-khẩn đất hoang, mở-mang các kỹ-nghệ lớn, kinh-

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

doanh các việc buôn bán to..... Đồng tiền đã sẵn trong tay, thì làm gì mà không có ích-lợi!

Vẫn biết rằng đất hoang nên khẩn, nhưng không tư-bản thì khẩn thế nào; vẫn biết rằng khoáng-sản nên khai, nhưng không tư-bản thì khai bằng gì; kỹ-nghệ không tư-bản cũng không làm sao cho thành kỹ-nghệ tinh-xảo được; thương-nghiệp không tư-bản cũng không làm sao cho thành thương-nghiệp to-tát được. Nói tóm lại muốn làm công-cuộc ích-lợi gì, cũng cần phải có tư-bản cả. Nếu chỉ nói rằng nên khẩn đất, nên khai mỏ, nên chấn-hưng kỹ-nghệ, nên khuếch-trương thương-nghiệp, mà tiền không sẵn hoặc có tiền giấu kín một nơi hay là dùng vào những sự xa-hoang khác, thì không những đất không bao giờ mình khẩn được, mỏ không bao giờ mình khai được, kỹ-nghệ không bao giờ mình chấn-hưng được, thương-nghiệp không bao giờ mình khuếch-trương được, mà trong khi ấy, các nguồn lợi đã sạch-sành-sanh từ bao giờ rồi! Sau mình chỉ còn ngồi giương mắt mà nhìn, dù có tư-bản muốn đem ra mà sinh-lợi, mà làm giầu, cũng không còn gì mà sinh-lợi mà làm giầu nữa rồi! Thế thì muôn đời nghìn kiếp vẫn còn nghèo mãi!

Ôi! tài-sản của một nước, tức là tài-sản của dân, dân làm được giầu thì nước cũng giầu. Vậy muốn cho nước khỏi nghèo, thì dân phải nhiều nghề-nghiệp, phải biết làm giầu trước đã.

* * *

Sao cho nước ta khỏi nghèo? Đó thực là một cái vấn-đề trọng-đại ngày nay ta cần phải giải-quyết, mà cách giải-quyết thế nào cho có thực-hiệu, tuy cũng không phải một ngòi bút cùng mấy lời bàn xuông này có thể bổ-ích được chút gì, song đại-khái sự thực cũng không xa ngoài lý-luận mấy chút. Vậy cũng dám mong rằng mấy lời hư-ngôn này không đến nỗi vô-ích cho người nghe, và những ai biết thương đến cái nỗi nghèo nước ta, biết lo đến cái tương-lai nước ta, cũng thường thường tâm-niệm câu: «Sao cho nước ta khỏi nghèo» mà nghĩ làm sao cho nước ta được khỏi nghèo, thì có lẽ cũng là cái hay cho nước ta vậy.

NGUYỄN-THƯỢNG-HUYỀN

Cái thói-quen của người đời

Thế nào là thói-quen? Thói-quen tức là một sự tập-nhiễm lâu ngày. — lâu đời — mà biến thành một tính tự-nhiên vậy. Ngạn-ngữ Tây nói: « Người đời chẳng qua chỉ là cái thói-quen cả », lại nói: « Thói-quen là thiên-tính thứ hai của người đời »; ngạn-ngữ Tàu nói: « Tập-nhiễm quen, thành tính tự-nhiên ». Vậy thì người ta bất-cứ hay hay dở, tổng-chi ai cũng đều có cái thói-quen. Sự tác-dụng của thói-quen rất vĩ-đại rất thâm-diệu, mà có quan-hệ với nhân-tâm phong-tục cùng sự động-tác hành-vi của cuộc tiến-hóa, nhỏ từ cá-nhân, lớn cho đến một xã-hội, một dân-tộc rất mật-thiết vậy.

Thói-quen không thể hiểu được

James tiên-sinh thuyết-minh sự tác-dụng của thói-quen, có một đoạn chứng-thực sau này: Một người lính đã mãn-khóa về, một hôm lên phố mua vặt, khi trở về, giữa đường gặp một người bạn tính hay vui đùa đi theo sau hô lên rằng: « Đứng ngay mình lại! » (Gare à vous! là khẩu-lệnh nhà binh). Người lính mãn-khóa chợt nghe tiếng hô, vội-vàng vất cả đồ-vật trong tay, đứng ngay-ngắn mình lại thật nghiêm-chỉnh. Sao vậy? Vì lúc tại-ngũ, tai nghe cái khẩu-lệnh đó đã quen, mình tập cái thể-cách đó đã quen, cái cảm-giác « tai nghe » cùng sự vận-động « mình làm » vốn vẫn sẵn có một mối liên-lạc; nên chi hễ chợt thấy tiếng hô như thế, thì tự-nhiên là mình cứ việc làm như thế. Xem đó đủ biết sự tác-dụng của thói-quen vĩ-đại thâm-diệu là nhường nào!

Cứ như lời một người quản-lý giám-ngục đã kinh-nghiệm nói, thì một người mà nửa đời làm chức giám-ngục, thường lại lấy việc đó làm thích, cơ-hồ khó lòng mà bỏ dứt đi được.

Ngạn-ngữ Nhật-bản có câu: « Làm ăn-mày ba ngày, tiện-thị là dứt ra không được! ». Vậy thì việc, vô-luận là hay dở, hễ đã thành thói-quen, đều không tự-giác là ý-nghĩa ra sao nữa.

Một tờ báo ở Thượng-hải năm trước, có đăng một bài nói về cách sinh-hoạt của kẻ ăn-mày, thuật hết cái tình-trạng sinh-hoạt khốn-cực của kẻ ăn-mày và bàn lẽ xã-hội nên chu-cấp cứu-tế cho bọn ấy. Sau có một người Chùm ăn-mày viết một bài lại-cảo bày tỏ tình-trạng và ám-thị cái khốn-nạn của sự cứu-tế.—Ôi! Cái cách sinh-hoạt của kẻ ăn-mày còn có ra gì, vậy mà chính kẻ ăn-mày lại hình như không sao bỏ dứt cách sinh-hoạt ấy được! Đó có thể nói là cái chỗ diệu-dụng của thói-quen vậy.

Một đứa bé chưa đầy tuổi-tôi, vốn vẫn cho ngủ riêng một mình, trời rét đặt ngủ với mẹ, thì khóc hoài không chịu ngủ, sau lại để cho nằm riêng một mình, thì liền nín mà ngủ. Đó cũng là do ở cái thói-quen.

Thói-quen, loài động-vật cũng có: Một người nuôi con hổ, — hổ đã đèn-tập — một hôm đóng cũi đưa lên xe-hỏa, khi xe đương chạy, hổ xổng cũi chạy ra, mọi người trong xe đều kinh-sợ; vậy mà một lát hổ lại tự trở vào cũi.

Chim nuôi lâu ngày, thường đem thả ra cho đi kiếm ăn, rồi cũng tự nó bay về lồng về chuồng nuôi.

Đại-khái như thế, cũng đủ chứng-minh được thói-quen lắm cái thật bất-khả-giải ra làm sao. Đó là cái thói-

quen của loài động-vật – động-vật mà không phải nhân-loại. — Vì đem cái khái-niệm về thói-quen mà nói rộng ra, thì cái hiệu-dụng của thói-quen lại còn cả đến vô-sinh-vật cũng thế nữa. Vô-sinh-vật cũng có thể nói là có thói-quen. Giỏ nước vào mặt kính cho tự chảy đi, thì cái vệt nước chảy trên mặt kính lần đầu, đến lần sau nước cũng cứ theo vệt ấy mà nhẹ-nhàng chảy qua ; gấp một tờ giấy đã thành nếp, thì cứ cái nếp ấy lần sau lại gấp rất dễ ; dòng sông cũng vậy, cũng vì như dòng nước chảy trên mặt kính, lúc đầu tất cũng nhân một đôi cớ gì đó, thành ra dòng sông nhỏ, rồi tùng-thử nước cứ theo dòng chảy xuôi mãi, lâu ngày thành ra sông lớn, rồi thuận lối chảy ra biển-khơi. Đó có thể nói là sự tác-dụng và cái thói-quen của vô-sinh-vật.

Cái ý-nghĩa của thói-quen

Một người hay hút thuốc, hay uống rượu, hay đánh bạc, hay khạc nhổ, hay nói to, hay làm-lụng, hay ưa sạch, hay tiết-kiệm, hay đi chơi, hay đọc sách... thì ta có thể nói rằng ấy là người đó có cái thói-quen hay hút thuốc, hay uống rượu.... Vô-luận là ở vào địa-phương nào, thường thường hay làm những cái gì, thì ta có thể nói rằng ấy là cái thói-quen làm những cái ấy, hoặc là làm những cái ấy đã thành thói-quen. Đó là cái thông-tục cái ý-nghĩa của thói-quen vậy. Cứ theo khoa-học — tâm-lý-học — mà nói, thì có thể nói rằng : « Thói-quen ấy là cái khuynh-hướng của thần-kinh-hệ về những cái đã thực-hành qua một đôi lần vậy », hoặc nói rằng : « Thói-quen ấy là cái khuynh-hướng của những cái đã thực-hành qua một đôi lần về thần-kinh-hệ vậy. »

Cái cơ-sở sinh-lý của thói-quen

Nói rằng cái cơ-sở sinh-lý của thói-quen, là chỉ về cái cơ-sở sinh-lý của hết thảy tinh-thần tác-dụng mà nói. Cái tinh-thần tác-dụng của người ta, không có một chút nào là không quan-hệ với cái sinh-lý tác-dụng của thói-quen. Thân với tâm quyết không thể đem chia tách hẳn ra làm hai được. Cái khích-thích ở bề ngoài (như quang-tuyến, âm-hưởng, v. v.) ta có thể nhận biết ; cái ý-chí của ta nghĩ, ta có thể phát-biểu ; đó là cái vấn-đề thuộc về tâm-lý, mà có quan-hệ rất mật-thiết với sinh-lý. Nói cho rõ ra, là vì người ta có thần-kinh. Thần-kinh có hai thứ : Một là cảm-giác thần-kinh, chủ về sự cảm-giác ; hai là vận-động thần-kinh, chủ về sự vận-động. Người ta nhận biết được mọi vật bề ngoài, là nhờ về có cảm-giác thần-kinh (cái khích-thích đi qua các cảm-quan, do thần-kinh truyền-đạt tới não, rồi phát-sinh ra sự cảm-giác). Người ta phát-biểu được ý-hướng, là nhờ về có vận-động thần-kinh (cái khích-thích hoặc mạnh-lệnh khởi-nguyên ở trong não, do thần-kinh truyền-dạt tới cân-nhục, phát-sinh ra sự vận-động). Cái đường lối tổ-chức của gốc hai thứ thần-kinh ấy, là do bộ thần-kinh-nguyên nối liền lại với nhau, cho nên ta có thể do cảm-giác phát-sinh ra vận-động, lại có thể do vận-động phát-sinh ra cảm-giác. Cái thói-quen sở-dĩ thành được, ấy cũng rất có quan-hệ ở sự tổ-chức và cái cơ-năng của thần-kinh đó.

Phàm lúc do cảm-giác mà vận-động, thời cái khích-thích đều phải đi qua cái lối mà liên-tiếp hai thần-kinh lại đó. Lúc ban đầu đi qua lối đó, thì ở chỗ liên-tiếp nhau tất có phát-sinh ra sức đề-kháng lại. Song đi qua một vài lần, ba, bốn lần..., về sau thành quen, cái trình-độ đề-kháng giảm bớt dần đi, nhất-thiết những cái khích-thích ở trong mình truyền-đạt lại thường thường phải chọn những đường lối ít sức đề-kháng mà đi. Những lối đã đi qua một vài lần, thì lần sau cứ việc dễ-dàng mà đi qua. Nói ngay như người ta, cái gì đã làm qua một vài lần, thì về sau có phải quen tay cứ thấy dễ làm mãi, làm mãi không thôi, tiện-thị là về sau nếu không thời-thường làm cái đó luôn thì không chịu được. Thí-dụ người hút thuốc, lần đầu hút thấy hay-hay, lần sau lại hút, thì đã thấy dễ hút, một lần, hai lần, ba, bốn lần..... quen đi, hút thấy dễ chịu, rồi sau cứ thế mãi, thành quen miệng, không hút không chịu được. Khi thấy người ta nói chuyện, bất-cố là phải trái nên chăng thế nào, cũng cứ việc chõ vào nói quàng nói quấy mà đối-đáp với người, như thế một vài lần thành quen, rồi coi thường không tự biết là xấu. — Những cái thói xấu gây nên, thường thường đều bởi như thế ; mà những cái thói tốt gây nên, thường thường cũng đều bởi như thế. Thói-quen vô-luận là hay hay dở, hễ đã thành thói-quen, ấy là khó lòng mà phá đổ đi được, đó là vì cái căn-cứ của sinh-lý như đã nói trên đây.

Cái công-hiệu của thói-quen

Cái tác-dụng vĩ-đại của thói-quen, đã nói rõ ở đoạn đầu bài rồi ; đây lại đem cái hiệu-dụng của thói-quen chia ra làm bốn hạng :

1· Thói-quen có thể tỉnh-tiết được thời-giờ. — Thí-dụ ta tập viết một chữ, hát một bài, đàn một khúc, hoặc tập một bài thể-thao ; làm chưa quen, tức là lúc chưa thành thói-quen, thường thường có lắm cái không cần làm mà ta làm thừa ; như thế thì phí thời giờ và uổng công biết bao. Khi đã thành thói-quen : viết, có thể cầm bút tùy ý viết luôn ; hát, có thể mở miệng cất giọng hát luôn ; gẩy đàn, tập thể-thao cũng vậy, nhất-thiết việc gì cũng có thể trong chốc-lát là làm ngay được, không còn phải có những cái làm thừa vô-ích như lúc mới tập. Như vậy đủ rõ thói-quen đã thành, có thể sinh ra được sự kinh-tế về thời-giờ.

2· Thói-quen có thể làm giảm-bớt cái năng-lực và sự khó-nhọc. — Phàm lúc mới bắt đầu làm việc gì — tức là lúc mới tạo-thành sự liên-lạc cảm-giác-thần-kinh với vận-động thần-kinh — cái đường lối của thần-kinh chưa khai-thông, cái năng-lực đề-kháng khích-thích của thần-kinh còn rất lớn rất mạnh, vì đó ta sẽ phải chịu nhiều sự tốn công, sự khó-nhọc ; khi đã thành thói-quen, thì tự nhiên không có những cái nỗi ấy. Trâu cầy đem dùng sang việc trọng-tải, ngựa cưỡi đem dùng sang việc kéo xe, thì thấy mệt-nhọc khó lòng ngay ; người thư-ký suốt ngày cắm đầu xuống bàn làm giấy không thấy nhọc-mệt, đem đổi sang coi-quản công-việc, thì thấy trật-vật không chịu nổi ngay. Theo cái công-lệ ấy, trái lại, đem trâu kéo đi cầy, ngựa xe để cưỡi, người quản-lý làm việc thư-ký, thì cái nhọc-mệt khốn-khó, sức không chịu nổi cũng lại thế. Văn nước Anh có một câu thành-ngữ rằng : « Người đời tổng-chi là bị cái thói-quen dàng-buộc. » Lời nói đó thật là chí-lý. Đủ biết thói-quen có thể làm giảm bớt cái năng-lực và sự khó-nhọc vậy.

3· Thói-quen có thể làm tăng-tiến kỹ-năng và việc làm được lanh-chóng chắc-chắn. — Lúc chưa thành thói-quen, thì làm một việc gì, việc làm tất

là tạp-loạn, không đâu vào đâu. Việc làm tạp-loạn, thì một là thời-giờ phải hao-phí, hai là vận-động không tinh-xác ; mà kết-quả việc làm đó tất chẳng ra gì. Lúc đã thành thói-quen, thì sự hành-động của ta cũng ví như xe-hỏa chạy trên đường sắt, chẳng những lanh-lẹ, mà lại chơn-tru vững-chãi nữa. Người viết giỏi, không những viết lanh, mà chữ lại tốt lại đẹp ; người đàn giỏi, không cứ nguyệt hay nhị, thập-lục hay độc-huyền, động bắt tay vào là thành tiếng, là dễ-dàng êm tai. Đó đều là cái hiệu-dụng của thói-quen vậy.

4· *Thói-quen có thể tỉnh-tiết được sự nỗ-lực về nghĩ-ngợi và về đạo-đức.* — Ta thường ngày làm việc, nhờ có thói-quen, cứ để thói-quen hoạt-động, tự không sinh-sự phiền-nhiễu gì. Giả như không có thói-quen, mỗi ngày sáng sớm giậy : tám giờ nên làm gì, chín giờ nên làm gì, mặt nên rửa hay không, áo sống nên mặc thế nào, bữa ăn dùng đũa làm gì, dùng thìa ra sao...? Trong một ngày bao nhiêu việc vặt-vãnh như thế, mà nếu cứ nhất-nhất ly-thí đều phải nghĩ-ngợi phân-vân, thì phiền chịu sao nổi ! Nhờ có thói-quen, việc thường hằng ngày có thể không cần phải phí sự nghĩ-ngợi. Đó là sự nỗ-lực về nghĩ-ngợi ; còn về đạo-đức cũng vậy, nếu có thói-quen, thì làm gì cũng sẽ được tròn-trặn lanh-chóng, mà có thể tỉnh-khước được nhiều nỗ-lực. Thí-dụ : người học-trò, nếu mỗi lần nghe trống vào học, còn phải nghĩ xem nên vào hay không ; mỗi lần nghe chuông tắt đèn, còn phải nghĩ xem nên đi nghỉ hay không ; như thế chẳng là phiền lắm ! Ông Giáo-sư, khi đến trường, còn phải nghĩ xem có nên khai-giảng hay không ; học-trò có lỗi, còn phải nghĩ xem có nên quở-phạt chỉ-bảo hay không ; ông thầy thuốc, khi có bệnh-nhân đến chữa, còn phải nghĩ xem có nên cho thuốc hay không ; người làm việc ngân-hàng, khi có người đến lĩnh tiền, gửi tiền, còn phải nghĩ xem có nên làm việc đó hay không ; như thế chẳng là phiền lắm ! Song, nhờ có thói-quen, công việc hằng ngày không cần phải bận lòng nghĩ-ngợi, ai nên phải làm việc gì, cứ việc theo thói-quen tự-nhiên mà làm. Thành-thực, cần-lao, thanh-khiết, tiết-chế.., phàm những cái thói hay nết tốt ấy, đều đã dưỡng-thành thói-quen rồi, thì khi gặp việc nên thành-thực, cần-lao, thanh-khiết, tiết-chế,... tự-nhiên không đợi phải nghĩ-ngợi, mà nên thế nào tự làm được thế. Aristotle tiên-sinh nói rằng : « Đạo-đức là cái thói-quen của nết tốt », điều đó thật là chí-lý. Đủ biết thói-quen có thể tỉnh-khước được nhất-thiết những sự nỗ-lực về nghĩ-ngợi và về đạo-đức vậy.

Cái tệ-hại của thói-quen

Tiến lên một tầng nữa mà nói, thì thói-quen cũng có điều dở. Chia làm hai điều sau đây :

1. Thói-quen thường làm mất sự chú-ý. — Sự động-tác của thói-quen ấy là tự-nhiên, là khí-giới vậy. Khi những công-việc theo thói-quen đó mà làm, thì sự tác-dụng của sự chú-ý thường thường không có cái dư-địa hoạt-động nữa. Một người làm gì mà không có sự chú-ý, tất-nhiên sinh-xuất nhiều cái kết-quả không hay. Người ta thường ngày gặp những sự thất-bại, đều là do cái tính-chất ấy cả. Ta thường thấy nói : « ... chưa từng làm qua bao giờ, thì còn có thể nói được ; chứ đã làm qua rồi, không hiểu sao lại còn đến nỗi ấy !... » Đó là lời của những người sau khi gặp sự thất-bại rồi mình tự oán-trách, trong câu nói tỏ ra cái ý vừa thẹn vừa bực, việc không đáng thất-bại mà làm đến nỗi thất-bại, thì trong lòng có ý ngượng-ngập khó-chịu. Những cái thất-bại đó có thể bảo là lỗi tại thói-quen.

Hai người, một người cưỡi ngựa quen, một người không quen cưỡi ; cùng cưỡi ngựa đi chơi, phóng cương cho chạy như bay, giữa đường không sinh-xuất điều chi lạ cả. Chợt đến một nơi, đường cũng phẳng-phẳn, ngựa đương chạy lanh bỗng dừng bước đi thong-thả, thì người vốn quen nghề cưỡi ngựa xưa nay tự-nhiên ngã ngựa bị-thương. — Sự thất-bại đó quyết là do tự thói-quen. Sao vậy ? Lúc ngựa đi thong-thả trên quãng đường phẳng-phiu cùng với lúc ngựa chạy lanh-lẹ hoặc lúc gặp quãng đường gập-ghềnh, hai cái thái-độ khác nhau. Ngựa đi khoan-thai trên con đường phẳng-phẳn là sự thường, ngựa chạy lanh vội gặp quãng đường gập-ghềnh là sự họa-hoằn ; người cưỡi quen coi thường, ngồi trên mình ngựa cứ việc phóng-ý, thành ra chợt gặp sự bất-thường là bị ngã. Sự thất-bại đó vẫn đành là do không chú-ý, mà cái nguyên-nhân không chú-ý có thể nói là vì cái thói-quen vậy. Người kia sở-dĩ không bị ngã, là vì không cưỡi quen, ngồi trên mình ngựa lúc nào cũng phải chú-ý giữ-gìn. Cho nên nói rằng : sự động-tác của thói-qnen là tự-nhiên, là khí-giới, có cái hại làm mất sự chú-ý.

2. Thói-quen có thể làm trở-ngại sự tiến-bộ. — Cái tính-chất thói-quen là chỉ bảo-thủ. Đã có cái thói-quen, thì thường thường nhất-thiết cái gì cũng chỉ hay bảo-tồn, yên bề thủ-cựu, lười sự canh-tân. Phán-đoán giá-trị của sự-vật đã cố-thủ cái hình-thức nhất-định, thì cái khái-niệm thật hoàn-hảo ấy là sự cố-thủ bất-biến. Đối với cái thị-phi xưa nay, thủy-chung cứ giữ một mực ; đối với cái tốt xấu xưa nay, cũng lại thủy-chung cứ giữ một mực. Ví dụ như nước Tàu, xưa nay chuyên-trọng văn-học, còn về khoa-học có thể nói rằng không có một ai đoái-hoài đến. Không phải là biết mà không chịu đoái-hoài đến đâu, nói quá ra, thì là không hiểu khoa-học ra sao, cho nên không ai chịu công-nhận khoa-học cũng tức là một môn học-vấn, thường có người nói rằng : « Cái đó thuộc về *hình-nhi-hạ* nghĩa là thuộc về vật-chất, chứ không phải là học-vấn » ! Đời vua Quang-tự nhà Thanh bãi khoa-cử, theo tân-học, phàm những bọn cựu-hủ thấy các nhà trường giảng-dạy tân-học, thì bảo : « đó là đọc sách tây », « giảng tây-học », lăm những tìm cách ngăn-trở người đi học. Tuy họ không phản-đối hẳn ra mặt, song trong lòng họ thì không lấy đó làm phải ; hoặc có người nhân thấy việc học đổi mới, cảm-hận thống-tích là điên-đảo thị-phi ! Đó cũng là vì cái thói-quen của họ khiến nên. Đủ biết thói-quen có thể làm ngăn-trở sự tiến-bộ, cái thế-lực cũng không phải là nhỏ vậy.

Họ Dương xướng lên thuyết « vị-ngã », họ Mặc giảng cái thuyết « kiêm-ái », người thời xưa bảo hai nhà ấy là « vô-phụ, vô-quân » ; đó chẳng qua cũng là vì cái cớ hai nhà ấy xướng lên hai thuyết mới lạ kia cùng với cái thói-quen bấy giờ cùng sung-đột phản-đối vậy. Ông Socrates chủ-trương xướng lên nhất-thần-giáo, đối với thị-phi thiện-ác không có nguy-biện như học-phái thiên-trọng chủ-quan ; những điều ông nói, phần nhiều đều là không hợp với ý-thức của

xã-hội bấy giờ, nên họ phản-đối ông, bảo là ông phản-bạn quốc-giáo, cổ-hoặc thanh-niên, đem ông ra giết chết. Tôn-giáo Gia-tô nguyên là vị chung cả thế-giới, chứ không phải chỉ vị riêng một quốc-gia ; cái thuyết xướng ra không hợp với sự dự-kỳ và cái thói-quen của người Do-thái, nên họ phản-đối, bảo là vụ-miệt tôn-giáo, phiến-hoặc nhân-tâm, đem ra đánh chết. Ông Galileo, ông Copernicus xướng lên thuyết « đất tròn », « đất động », nhân điều chủ-trương của hai ông đó không hợp với sự tín-ngưỡng của xã-hội bấy giờ, họ đồ cho là tạo-thuyết sinh-sự, họ phản-đối hãm-hại và bỏ vào ngục giam. Ông Hervey phát-minh ra cái nguyên-lý huyết-dịch tuần-hoàn, sự phát-minh đó là ông đã thực-nghiệm kỹ-càng nhiều lần, nghĩ-ngợi khó-nhọc tám năm trời mới thành-công được ; chỉ vì cái thuyết của ông khác hẳn với sự tin của học-giả bấy giờ, nên họ đều phản-đối, bảo ông là cuồng-vọng ; trải qua 25 năm sau mới tiềm-tiệm được học-giả thừa-nhận. Đương khi bấy giờ, ông có nói rằng : « Cái ý-kiến đó, có người thì vui lòng tán-thành, nhưng có người lại hết sức phản-đối bảo ta là quồng-vọng, là vì sao ? vì họ lấy cái ý-kiến của ta trái hẳn với nhất-thiết học-giả về khoa giải-phẫu làm điều tội-ác. Ta cũng đã lấy làm sợ lắm, tự nghĩ dễ có lẽ ta phải làm kẻ thù-địch của thế-giới nhân-loại mới xong. Ôi ! truyền-thuyết và thói-quen thật là cái thiên-tính thứ hai của loài người ! » — Biết bao những thuyết có bổ-ích cho người đời, chỉ vì khác với thói-quen của người đời mà đến nỗi lúc buổi đầu thường phải gặp nỗi khốn-khó, không ai chịu tin. Ôi ! Cái thói-quen làm trở-ngại sự tiến-bộ thật lớn lắm thay !

Sự phá-đổ và sự gây nên thói-quen

Cứ như trên đây đã nói, có thể biết rằng thói-quen có cái công-hiệu rất lớn có cái tệ-hại cũng rất lớn vậy. « Người đời chẳng qua chỉ là cái thói-quen cả », « Người đời tổng-chi là bị cái thói-quen dàng-buộc ». Nhân-cách của một người là thế nào ? Cách sinh-hoạt của họ là cách sinh-hoạt gì ? Cái đó chỉ lấy cái thói-quen của họ mà đoán-định ; thói-quen hay hay dở, tiện-thị là người hay hay dở. Cho nên người ta nên cần phải có cái thói-quen tốt, mà không nên có cái thói-quen xấu. Cái thói-quen tốt phải cố sức gây nên, cái thói-quen xấu tất cũng phải cố sức phá-đổ. Gây nên cái thói-quen có bốn cách sau này :

1· Cố sức thực-hành. — Sự gây nên và phá-đổ thói-quen, là do ở việc làm chứ không phải do ở lời nói. Vì sự làm đối với thần-kinh-hệ ảnh-hưởng rất lớn, mà sự nói không có quan-hệ ảnh-hưởng với thần-kinh-hệ chi hết. Thực-hành một lần, có thể gấp được mười lần, trăm lần, cho đến nghìn lần, vạn lần chỉ nói hão. Cho nên việc hay cần phải làm, việc dở cần phải tránh, thì mới mong gây nên cái thói-quen tốt mà phá đổ cái thói-quen xấu được. Thí-dụ : cả ngày vẫn nói sáng phải giậy sớm, mà thực thì không một hôm nào sáng giậy sớm cả, như vậy thì cái thói-quen giậy sớm của người đó thủy-chung không thể nào gây nên được ; lại như thường vẫn nói chừa hút thuốc, mà thực thì không một ngày nào là bỏ không hút thuốc, như thế thì cái thói-quen không hút thuốc của người ấy thủy-chung không thể nào gây nên được. Muốn gây nên một cái thói-quen tốt, tất phải quyết-đoán thực-hành ngay ; muốn phá đổ một cái thói-quen xấu cũng vậy, tất cũng phải quyết-đoán thực-hành ngay. Vì nếu cứ giữ một lối nấn-ná, nay hẹn mai, mai hẹn ngày kia, . . . không thực-hành phắt ngay, thì cái thói-quen hay còn gây nên sao được, cái thói-quen dở còn phá đổ sao được !

2· Không nên cô-tức. — Thói-quen tốt cần phải gây nên ngay, thói-quen xấu cần phải phá đổ ngay, không nên khiên-diên cô-tức. Nếu đã định làm mà lại khiên-diên cô-tức, thì thần-kinh-hệ liền chịu cái ảnh-hưởng không tốt, rồi đến có cái nguy-hiểm nữa chừng lại hỏng. Thí-dụ : một người xưa nay vốn không nói hoang bao giờ, chợt có việc xảy đến mà tạm nói hoang một vài lần, thì cái thói-quen thành-tín của mình không khỏi có sự nguy-hiểm ; người định chừa hút thuốc, chừa đánh bạc, chừa uống rượu, gặp bữa yến-hội, bảo rằng hãy tạm dùng cách-ngoại thảo-khoán một vài hôm, sau sẽ nhất-định chừa hẳn cũng chẳng hề chi. Nhưng, có biết đâu đã chừa mà không chừa tiệt hẳn thế, là cái hại rất lớn đó. Cho nên khiên-diên cô-tức, thì cái thói-quen tốt tất sẽ tiệm-tiệm tiêu mất, mà cái thói-quen xấu kia kết-cục vẫn không bao giờ phá đổ đi được. Cái đó nhất là đối với những hạng đồng-ấu, thanh-niên tính-tình chưa nhất-định, thì lại càng hại lắm.

3· Xa sự dẫn-dụ và dùng cái khác thay vào. — « Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng. » cái thói-quen ảnh-hưởng với hoàn-cảnh lớn lắm thay ! Muốn gây nên lấy cái thói-quen hay, tất phải gần cái hay ; vì có cái dụ-hoặc, dẫn-dụ ta, có thể khiến cho ta làm những cái dở, gây nên thói-quen dở, thì phải tránh cho xa ra mới được. Muốn bỏ cái dở, mà vẫn chưa trọn-vẹn thành-công, thì càng phải nhất-định tránh xa những cái dụ-hoặc, không nên bén-mảng tới gần. Người chừa uống rượu, chừa hút thuốc, mà liền bên mình lúc nào cũng có rượu, có thuốc, thì chừa sao được. — Lại còn một cách nữa, là cách dùng một cái khác để thay, thí-dụ người vô-công rỗi-nghề, nghiện đánh bạc, mà muốn chừa đánh bạc, thì lúc buồn-rỗi, có thể soay ra đánh cờ, gẩy đàn, . . . thay vào cho đỡ buồn.

4· Phải chú-định tinh-thần, gắng sức mà làm. — Người ta, xác thịt vẫn đành là có thể sai khiến được tinh-thần, nhưng tinh-thần cũng có thể soay-sở được xác-thịt ; chỉ cần có cái tinh-thần chú-định, thì việc chi cũng làm nổi hết. Loài người cần phải có đức-hạnh ; cái thói-quen hay cần phải gây nên, cái thói-quen dở cần phải phá-đổ. Vô-luận thế nào, hễ mình cố sức nhất-ý tiến-vãng, dùng hết tinh-thần tâm-lực mà đánh đổ cái dụ-hoặc là được. Lại còn một cách mình cứ tự-tín là mình có đủ cái năng-lực phá đổ cái thói-quen dở, gây nên cái thói-quen hay được, dùng cái thái-độ tự-đắc mà dũng-vãng tiến-hành, đó cũng là một phương-pháp rất có thế-lực vậy.

* * *

Đời người ta, nhất là lúc đồng-ấu, càng dễ tập-nhiễm gây nên thói-quen lắm. Vì người ta vào lúc bấy giờ, không cứ là ai, linh-đài còn trong-chẻo, tai nghe mắt thấy cái gì, thường lấy làm gương mà bắt-chước làm theo ngay. Đó là cái thời-kỳ, tâm-lý-học và giáo-dục-học bảo là thời-kỳ « uốn-tính » mà chính là cái thời-kỳ rất dễ gây nên thói-quen vậy. Nhà giáo-dục — phụ-

huynh, sư-trưởng — dạy trẻ, điều trọng-yếu nhất là cần phải gây nên cho trẻ cái thói-quen tốt. Cần nhất là phải kịp lúc đó, tùy-thời, tùy-địa dùng các phương-pháp mà uốn-nắn — cái phương-pháp nhậy nhất là lấy ngay mình làm mẫu — săn-sóc luôn đến sự hành-vi của chúng, cốt sao khiến cho chúng tập quen những điều hay mà chớ làm những điều dở mới được.

Nước ta vốn là nước văn-hiến, dân thuần thói tốt, trải đã mấy nghìn năm nay; quốc-dân ta, cái thói-quen hay chẳng phải là không có, mà cái thói-quen dở cũng chẳng phải là tuyệt không; song cứ bình-tĩnh xét ra, đem so-sánh cân-nhắc mà xem, thì bao giờ cái thói-quen hay vẫn thấy ít mà cái thói-quen dở vẫn chiếm phần nhiều. Lệ như những thói: hay cầu-thả, hay trì-trá, hay lười-biếng, hay cờ-bạc, hay đam-mê, chuộng hư-danh, khinh thực-nghiệp, ... kể ra thì nhiều lắm, bút-mực khôn tả xiết! Gần đây nhờ có ngọn tân-trào ở ngoài khích-thích, giấc mơ-mộng mấy nghìn năm cũng đã tỉnh dần, dưới quốc-dân đã thấy nhiều người nói đến cải-lương, thực-hành cải-lương, trên Chính-phủ cũng hết lòng khai-đạo dụ-dịch, trông-nom săn-sóc cho biết đường mà cải-lương. Cái cơ-hội cải-lương không phải là không tốt, cái phương-pháp cải-lương không phải là không hay. Có người thấy cái hiện-trạng thì vội mừng mà bảo rằng chúng ta có thể ngồi mà chờ xem cái kết-quả cải-lương sẽ bày ra trước mắt chúng ta bây giờ. Điều đó tuy chưa dám vội chắc, nhưng cũng dám chắc về cuộc tương-lai. Thật thế; tục-ngữ ta đã nói: « Bé không vin, lớn cả gẫy cành » cái thói-quen tiêm-nhiễm hàng mấy nghìn năm, mà nhất-đán phá-đổ cho hết đi, thật khó lắm thay! Cứ theo về cách giáo-dục mà nói, thì giáo-dục có thời-kỳ, nghĩa là phải theo tuổi mà dạy, quá cái tuổi đi học rồi, cho dẫu dạy đến thế nào, cũng là vô-hiệu. Những người bây giờ trong tâm-não đã in sâu cái thói-quen dở, khác nào cây đã cằn, còn mong gì uốn-nắn nữa! Vậy thì cái tiền-đồ cải-lương của ta là chỉ trông-mong về bọn quốc-dân sau này. Mong rằng bọn quốc-dân tương-lai đừng có như bọn quốc-dân hiện-tại; muốn gây lấy bọn quốc-dân tương-lai đó, thì hiện-tại ta cần phải sớm lưu-tâm săn-sóc việc giáo-dục bọn nhi-đồng, mà cần nhất là phải đào-luyện lấy cái óc nghĩ-ngợi, sự quan-sát, chí tưởng-tượng cho bọn nhi-đồng, khiến cho chúng tiệt hẳn cái thói ỷ-lại, gây nên cái tinh-thần tự-lập, thì có thể tránh khỏi được nỗi tập-nhiễm cái thói-quen dở đã lâu ngày vậy.

MẠNH-MAI thuật

QUỐC-VĂN BÌNH-LUẬN

(Tiếp theo số báo 24 ra tháng Juillet 1922)

Nói qua về thơ ngũ-ngôn

Thơ ngũ-ngôn mỗi câu chỉ có năm chữ, vậy đặt lại phải khó hơn thơ thất-ngôn nữa. Bình-giả kỳ trước đã nói: thơ nôm ngũ-ngôn của ta ít người làm, cho nên chọn được bài hay ra mà bình-luận thời thật khó. Nay chỉ xin nói qua về cách làm thơ ngũ-ngôn.

Lối thơ ngũ-ngôn có bài đặt 4 câu, có bài đặt 8 câu, có bài đặt đến 12 câu, còn dài hơn nữa là lối thơ ngũ-ngôn trường-thiên, không hạn định là bao nhiêu câu cả. Nếu theo về thể trường-thiên, thời trong một bài thỉnh-thoảng có câu đối nhau, còn thời cứ đặt luôn cho ý liên-tiếp và lời hùng-hồn là được. Song còn như đã đặt theo về đường-luật nghĩa là đặt 8 câu hoặc 12 câu, thời những câu đối nhau cần phải cho chỉnh, vì chỉ có 5 chữ mà đối lại không chỉnh, thời sao gọi được là hay! Thơ ngũ-ngôn lại còn có một cái khó nữa là câu đã ít chữ mà lại phải sao cho được hết ý, vì không hết ý thời tất hối-nghĩa.

Gần đây có cuộc thi thơ « Đề đền hai bà Trưng » hạn làm ngũ-ngôn, cho nên thơ nôm ngũ-ngôn mới thêm phát-hiện ra nhiều. Bình-giả nhân là người đứng ngoài, xin lấy ngay những bài đã đăng lên báo mà bình-luận cho rõ.

Trong các bài ấy có hai bài mở lên rằng:

Ngựa Gióng đã lên không,
Rừng Thanh voi chửa lồng.

Cùng là:

Độc-lập cõi Nam-bang,
Hai bà đứng chủ-trương.

Lối mở lên mà gieo hai vần ngay như thế vẫn cũng là đúng luật, song theo như lời thi-thoại của ông Tùy-viên, thời mở thế chỉ là đặt cho êm, chứ kém phần hùng-hồn mà khó làm cho bài thơ nổi được. Phàm mở lên đặt hai câu đối nhau ngay, mà đối cho thật chỉnh, lời cho thật mau, lại có ý sáng rõ vào bài ngay, thời cả bài tất là nổi thêm. Cho nên trong những bài thơ đã đăng báo đó, thời chỉ có bài mở lên rằng:

Một bụng em cùng chị,
Hai vai nước với nhà.

là có lẽ hay hơn cả. — Câu tam tứ thì có câu:

Muôn thu cờ độc-lập,
Một trận tiếng hai bà.

Cùng câu:

Giang-san thu một gánh,
Tình-nghĩa vẹn đôi đường.

là lời hùng mà hay hơn những câu ở các bài khác. — Còn như câu:

Ơn nặng mong đền thước,
Thù riêng há vị nhà.

thời cũng đã muốn đặt cho hay, song tiếc rằng: chỉ hay được một câu trên, còn câu dưới thời nghĩa hơi hối. Ai không biết bà Trưng-vương khởi-binh vừa vì nghĩa chung, lại vừa vì thù riêng nữa, chứ có phải chỉ vì ơn nước mà không vị thù nhà đâu! Vậy cứ như câu ấy thời ý tất phải sao cho rõ ra rằng: « Thù riêng chẳng những vị nhà » mới là được; nhưng ngặt vì câu có 5 chữ, thời chữ « chẳng những » không sao đưa vào được cả, tác-giả tất cũng đã khổ-tâm mà phải dùng chữ « há » đó thôi! « Há vị nhà » thời nghe

ra chẳng vị gì đến thù nhà nữa. Vậy thành ra không hết nghĩa.

Tất cả các bài thơ đã đăng báo, xét cho cùng ra, thời có lẽ chưa có bài nào được toàn-bích thật. Có lẽ như bài hợp-thái ở báo *Trung-bắc* đã đăng là hay hơn, nhân xin lục ra :

Một bụng em cùng chị,
Hai vai nước với nhà.
Thành My khi đế-bá,
Sông Cấm lúc phong-ba.
Ngựa sắt mờ non Vệ,
Cờ lau mở động Hoa.
Trời Nam nền độc-lập,
Muôn thuở tiếng hai bà!

Song lại tiếc rằng: bốn câu dưới chỉ chuyên nói về hai bà xây nền độc-lập, thời đề vào đền cũng còn là chưa đủ ý, vì đề vào đền thời tất phải như câu kết :

Nén hương lòng cố-quốc,
Xin khấn một lời chung.

thời mới thật là hay, vì câu kết về thơ ngũ-ngôn thời lại cần phải dư-ý.

Ấy nhân một cuộc thi thơ ấy, mà đem trích bàn ra vài câu, tưởng cũng đã là bàn qua về cách làm thơ nôm ngũ-ngôn vậy. Ôi! mỗi câu chỉ 5 chữ, mà dùng ra tiếng nôm sao cho được đủ ý, đối sao cho được tề-chỉnh lại có văn-chương lời-lẽ, thời thật cũng khó thay!

* * *

Mục này là bình-luận về quốc-văn, mà riêng một thơ nôm đã bàn đến 2,3 kỳ báo, cũng vẫn còn là sơ-lược lắm, vì bình-giả đã nói : cái hay của thơ nôm không biết thế nào là cùng, cái dở của thơ nôm cũng không biết thế nào là cực, cho nên không thể bình-luận được xiết. Nay nói tóm tắt bàn qua như thế, cũng còn có thể bàn thêm được nữa, song lại e rằng : cứ thơ nói mãi, thời độc-giả tất cũng sinh nản. Vậy còn lối thơ « tứ-tuyệt liên-châu » thể-lệ cũng như thơ tứ-tuyệt Đường-luật, cùng là thơ ngũ-ngôn, thất-ngôn yết-hậu và « thi-ca liên-hành » là lối bình-giả thiền-nghĩ đặt ra, thời còn ít người dùng, nên lược bỏ qua không cần phải bàn đến. Duy còn cái bệnh thơ nôm của ta gần đây, đại-khái có những điều này :

1. Nệ dùng điển,
2. Cưỡng ghép vần,
3. Muốn lập-tứ quá cao,
4. Nệ dùng chữ điểm-nhiễm,
5. Đặt cầu-kỳ.

thời cũng còn cần phải bàn ra, xin để sau này bàn đến tập thơ nào, thời sẽ trích bàn ngay đến những câu thuộc vào mấy điều đó. Nay xin bàn sang mục khác.

Nói về ca-dao

Ca-dao tức là những câu hát nhỏ của dân-gian thường hát, giọng điệu bao giờ cũng tự-nhiên, mà cái tính-tình của người ta phát-lộ ra ở đó. Những câu ca-dao của ta lưu-truyền từ xưa đến nay mới thật là lối văn riêng của ta ; phong-tục nước ta, quốc-túy của ta, đều ở đó cả. Vậy thời trong các lối văn, có lối ca-dao là ta cần phải coi trọng hơn hết.

Những câu ca-dao của ta tức cũng như là những câu quốc-phong trong kinh Thi, nghĩa là những lời ngâm-vịnh về công việc của dân-gian và phát-lộ cái tình-tứ của mọi người, đọc đến câu ca mà có thể biết được phong-tục trong một nước, cho nên cũng gọi là phong-dao là lẽ thế. Phong có chính - phong, có biến - phong : chính-phong là về lúc phong-tục thuần hậu, thời những lời ca-dao của dân-gian thổ-lộ ra chân-tình chính-tính ; biến-phong là về lúc phong-hóa suy-đồi, thời những câu ca-dao của dân-gian nghe ra dâm - đãng, phù - bạc. Thánh-nhân san-định kinh Thi mà chia ra chính-phong, biến - phong, thật đã xét kỹ về nhân-tâm thế-đạo lắm vậy.

Nước ta về trước, phong-tục còn thuần-hậu, cho nên những câu ca-dao cũ, biết bao nhiêu là câu êm-ái mà chính-đính dễ nghe, tiếc chưa ai có thể chép nhặt được đủ, được kỹ, để in ra thành tập mà thôi. — Ca-dao đã là do ở tính-tình tự-nhiên của dân-gian phát ra, thời cũng không phải là không có những câu bỉ-lý, những lời thô-lỗ, song đã là những câu phổ-thông khắp mọi người, ai cũng biết đến, ai cũng đọc đến, thời ta chỉ nên chọn những câu hay để dùng làm cái kho tài-liệu về quốc-văn sau này, mà những câu không hay ta cũng không cần phải trích ra bình-luận làm chi. (1)

Bình-giả nói về ca-dao đây, không phải khảo về ca-dao, mà chọn lấy từng câu chia ra từng mục từng loại mà nói, cũng không phải là dẫn các câu ca-dao cũ ra mà bình-luận từng câu đâu. Trước hết nói qua về ca-dao cũ để sẽ bàn ca-dao mới, mong cho những câu ca-dao sau này không trái với ý-nghĩa ca-dao cổ, lại sẽ được thêm mới, thêm hay ra mà thôi! Nhưng đã nói về ca-dao, thời cũng nên nói về thể ca-dao.

Ca-dao có ba thể : thể *phú*, là kể rõ tên hoặc nói ngay đến việc gì ; thể *tỉ*, là đem vật này mà ví với vật khác ; thể *hứng*, là mượn một vật gì mà dẫn-khởi một việc nói theo sau.

Thể *phú* thời như câu :

Giàu đâu đến kẻ ngủ trưa,
Sang đâu đến kẻ say-sưa tối ngày.

là nói ngay đến việc đến lẽ.

Chim khôn đậu nóc nhà quan,
Trai khôn tìm vợ, gái ngoan tìm chồng.

là đem chim khôn mà tỉ với trai khôn và gái ngoan.

Còn như câu :

Con cò lặn-lội bên sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ-non.

Nhân thấy con cò lặn-lội bên sông mà nói luôn đến sự gánh gạo đưa chồng, thế tức là thuộc về thể *hứng*.

Ấy là lược cử những câu thuộc về các thể đã nói trên đó cho được rõ ; các câu ca-dao xưa nay, phi thuộc về thể nọ, tất thuộc về thể kia, kể không được xiết, nhưng cứ theo lệ trên đó mà suy ra, thời câu nào thuộc về thể nào, cũng dễ phân-biệt được vậy.

Nhân nói qua đến lời lẽ, thời những câu vừa kể trên đó thật là êm - đềm, mà ý-nghĩa hay biết bao nhiêu! Đại-khái những câu ca-dao của ta xưa, phần nhiều là những câu tự-nhiên mà hay như thế cả. Cho đến như câu hát của trẻ con chăn trâu cũng tự - nhiên mà hay :

Giã ơn chú bạn chăn trâu,
Tớ về nhà tớ hái dâu chăn tằm.

Câu hát viển-vông cũng êm-đềm mà thú :

Đố ai quét sạch lá rừng,
Để anh khuyên gió, gió đừng rung cây
Đố ai biết lúa mấy cây,
Biết sông mấy khúc, biết mây mấy từng?

Lại như câu :

Sông sâu, nước dọc, đò ngang,
Mình về đằng ấy ta sang bên này!

thời vô - tình mà thật nghe ra hữu-tình, hay biết thế nào mà kể!

Nói tóm lại, thời các câu ca-dao cũ phần nhiều do ở chân-tình, chính-

(1) Ca-dao đã là những câu hát tự-nhiên của dân-gian, thời dẫu những câu không hay ta cũng nên biên chép để xét biết phong-tục ngày trước, những câu nào quê-kệch thời ngày nay ta đặt ca-dao không nên bắt chước mà thôi, chứ không như thơ ăn cũ mà có khi phải trích ra bình-luận vậy.

tình của người ta mà phát ra, coi những câu ca mà đủ biết người mình khi xưa thật là thuần-hậu chất-thực vậy.

Nước ta ngày nay đương vào buổi quốc-văn mở rộng, các nhà làm văn phần nhiều cũng ưa chuộng về ca-dao, trong các tập văn, trên các tờ báo thường thấy nhiều câu ca-dao mới phát-hiện, những câu ca-dao mới đó chắc đâu sau này lại chẳng lưu-truyền khắp chốn dân-gian ? Ôi ! đã sẽ có một ngày kia lưu-truyền khắp cả mọi người, thời những câu ca-dao đặt ra, thật sẽ có ảnh-hưởng đến phong-hóa ! Vậy thiết-tưởng các nhà đặt ra ca-dao cũng cần phải cẩn-thận mới được.

Trí-thức của dân ta ngày nay tuy đã mở-mang hơn trước, nhưng phong-hóa của dân ta ngày nay dễ thường không được như xưa, nếu những câu ca-dao bây giờ đặt ra, mà toàn những câu phù-phiếm lẳng-lơ, thời truyền đến người sau, họ cho là biến-phong cả mất ! Các nhà làm văn, há lại không nghĩ tới ru ?

Nay các nhà làm văn thường cứ theo thể ca-dao mà đặt ra câu ca, hoặc nói về tình riêng, hoặc ngâm-vịnh phù-phiếm, như vậy thiết-tưởng chỉ nên gọi là câu ngâm, câu tự-thuật, chớ sao là ca-dao ! Vì đã không đặt theo về phương-diện chung, thời không gọi là ca-dao được vậy (1).

Ca-dao mới như là câu :

Đêm qua tối lửa tắt đèn,
Nhà em bỏ vắng anh len anh vào.
Ước gì giăng trận mưa rào,
Sân nhà em vớt lối nào anh ra.

(Đoàn-Như-Khuê, Một-tấm-lòng)

(1) Như câu ở quyển Ngọn-đèn-khuya :
Ngồi buồn nhớ lễ Tứt sanh,
Nhớ người tri-kỷ với mình năm xưa.
Nhớ khi hợp chuyện ỡm-ờ,
Về Hà-nội tiếp ngay thơ Thái-bình.
là nói về ý riêng, không phải ca-dao. Ru)

Cũng là câu :

Em là con gái hái dâu,
Thấy anh mũ trắng trên cầu qua chơi.
Ước gì anh biết đến tôi,
Cùng nhau ta dủ nhau ngồi trong dâu.

(Hoàng-Thăng Mối-sầu-trung)

thời tuy cũng ra lời ca-dao thuộc về trai gái, nhưng lẳng-lơ như vậy, há chẳng gọi là câu ca biến-phong ru ? Thiết-tưởng như thế thời không nên đặt.

Phàm đặt ca-dao muốn nói về tình, hoặc nói những ý thương ai, nhớ ai, song cái tình không tỏ ra những lời lẳng-lơ, cho người đọc không trái tai, thời mới là không hại.

Như những câu :

Em ôm bó mạ xuống đồng,
Miệng ca, tay cấy mà lòng nhớ ai.
Ngửng lên em lại trông trời,
Bóng chiều đã sế mà người chưa sang.

(Nguyễn-mạnh-Bổng, Ngọn-đèn-khuya

Thuyền ai lững-thững bên sông,
Thuyền xuôi lái ngược trong lòng [ngổn-ngang.
Từ khi em gặp được chàng,
Khi về lụy bến, khi sang lụy đò.

(Một-tấm-lòng)

Thân hươu lần-khuất bóng tùng,
Biết nhau thương lấy nhau cùng, ai ơi !
Quản chi non nước xa khơi,
Yêu nhau góc bể bên trời có nhau.

(Trần tuấn-Khải, Duyên-nợ phù-sinh)

Ấy cũng là câu tình cả, mà nghe được cả.

Song có một điều này, các nhà đặt ca-dao cũng cần nên biết : Phàm đã gọi là ca-dao mới thời nên đặt cho thật mới, sao cho người sau đọc đến, nhận biết ngay là câu ca ở khoảng thế-kỷ thứ 20 này, thời mới là hay. Bình-giả nghe có một ông đặt câu du em rằng :

. . . . . .
. . . . . .
Ngày sau khôn-lớn nên người,
Dưới bể tầu lặn, trên trời tầu bay !

Ấy tuy câu trên câu dưới ý hơi xa nhau, nhưng cũng đã là mới mẻ vậy.

Song dẫu muốn đặt cho mới, nhưng lại phải sao cho có bổ-ích đến phong-hóa, nghĩa là trong câu ca có ý khuyên những điều hay, răn những điều dở trong lúc hiện-thời, thời mới là quí hơn. Như câu phong-dao Hà-thành của ông Nguyễn-Khắc-Hiếu :

I — Bờ Hồ những gió cùng trăng,
Những trăng cùng gió lăng-nhăng sự [đời.
Ai lên gởi trách ông trời,
Bầy chi trăng gió cho người lăng-[nhăng.

II — Đêm qua mất cắp như chơi,
Có chỗ mất vợ, có nơi mất chồng.
Ông Tơ nghĩ chẳng thẹn-thùng,
Còn toan chắp mối tơ-hồng buộc ai !

và mấy câu ca-dao mới của ông Đầu-nam Trần-Huy-Liệu đăng ở bản-chí số 7 :

I — Văn-minh đồn những đâu đâu,
Rủ nhau ta cũng húi đầu ta chơi.
Óc trong ta dẫu thua đời,
Vỏ ngoài cũng vẫn ra người văn-minh.

II — Đừng thấy áo rách mà khinh,
Đừng thấy áo rách ra tình chê-bai (1).
Hay chi tốt mã dể-coi,
Biết rằng trong có như ngoài hay không ?

Ấy thật là những câu mới mẻ mà có ý châm-biếm ngay những sự hiện-thời, thật là những câu ca-dao có giá-trị vậy.

(1) Hai câu này, câu dưới cùng áo rách cả thời chưa thú, và chữ « ra tình » chưa hay, vậy thiết tưởng nên đổi làm :
Đừng thấy áo rách mà khinh,
Đừng thấy áo cũ mà mình chê bai.
(Ru)

Nhưng bình-giả nói ca-dao nên đặt cho mới, là muốn rằng : Các câu ca-dao đặt sao cho mới mẻ mà lại tự-nhiên, cho vẫn êm-đềm, vẫn có nghĩa-lý, chớ không phải là cứ cầu lấy mới mẻ mà thành lông-bông đâu ! Muốn đặt lấy mới mà hóa cầu-kỳ thời sao bằng cứ đặt lấy êm mà có ý-vị.

Như câu :

Ai đi đợi với tôi cùng,
Tôi đi mua rượu cho chồng tôi soi.
Chồng hư mang tiếng mang tai,
Tiếng tai thiếp chịu, hơn ai không chồng.

(Khối-tình-con, Nguyễn-khắc-Hiếu)

thời có phải là hay về một cách tự-nhiên, chẳng phải cố đặt lấy mới mà hóa mới không ?

Còn như câu của ông Hiếu :

Ngồi buồn rủ vợ đi chơi,
Vợ rằng chờ thế mà trời mắng cho.
Đàn-bà sao khéo xa lo,
Trời không có mắt, trời cho mặc lòng.

thời là câu muốn đặt lấy tự-nhiên mà lại có ý cầu-kỳ, nên không được thú.

Nay xin nói về đặt giọng ca-dao. — Ta đã biết những câu ca-dao cũ giọng điệu câu nào cũng êm-đềm mà tự-nhiên, thời ngày nay ta đặt ca-dao mới, tất cũng phải như thế. Phàm đã gọi là ca-dao thời phải cho ai đọc cũng hiểu, vậy dẫu không nên đặt thật-thà quá, quê-kệch quá, nhưng tất phải dùng những tiếng dân-dị, những câu rõ-ràng cho người nghe hiểu vỡ ngay. Nhất là đặt được tự-nhiên mà lời êm như đủ, mới thật là hay được. Vả, câu ca có ý-vị hay nhưng lời có rõ-ràng êm-ái thời người đọc mới vui nghe, có vui nghe, thời mới gẫm được đến cái ý-vị hay của câu ca đó, vậy đặt giọng ca-dao cũng không phải là dễ.

Nay nếu đặt ca-dao mà lại tỉ-mỉ từng chữ, điêu-luyện từng câu, hoặc là đặt lời cho văn-hoa, xếp ý cho ngoắt-nghéo, thời là câu ngâm, câu ca lục-bát của nhà văn, chứ không gọi là ca-dao được, vì đã nói giọng ca-dao cốt là tự-nhiên. Nay thử lấy một câu :

Cỏ cây san-sát từng hàng,
Trước sân hoa nở, sau tường chim kêu,
Bên ngoài một giải trong veo,
Gió trưa gợn sóng, trăng chiều lồng gương.

thời các ngài độc-giả có nhận câu ấy là ca-dao được không ? tất phải cho là lời ngâm của khách làng văn vậy.

Nhân lấy thế mà suy ra, như câu ca-dao của ông Khắc-Hiếu :

Người ta đi võng đi xe,
Thân em cấy mướn đi về lấm chân.
Trời xa sích lại cho gần,
Phong-lưu sẻ với phong-trần cho ai !

Hay thời thật hay, nhưng tiếc rằng : hai câu trên rõ ra lời phong-dao, còn hai câu dưới khí điêu-luyện, nghe ra lời văn-sĩ mất.

Nay lại dẫn thêm hai câu :

1. Câu của ông Hiếu :

Cô kia đen thủi đen thui,
Phấn đánh vô hôi, cái má vẫn đen !
Lắm vàng nên thắm nhân-duyên,
Cô kia trắng nõn, không tiền, lấy ai ?

2. Câu ông Bồng :

Cô kia đã ỏng lại đen,
Người lùn mặt rỗ, lắm tiền nên xinh !
Cô kia mà đỏ người thanh,
Kém đồng bạc trắng, nên thành xấu-xa.

Hai câu ý-vị cũng hay như nhau, song câu trên của ông Hiếu lời rất tự-nhiên, nghe thật tự-nhiên, nghe thật ra lời phong-dao, nên hay hơn câu dưới.

Bình-giả lại nhớ năm xưa ông Phạm-Quỳnh bình-phẩm quyển « Một-tấm-lòng » ở báo Nam-phong, có khen mấy câu hát-vặt của ông Hải-nam Đoàn-Như-Khuê thật tự-nhiên như lời đàn-bà con trẻ thường hát. Câu bình-phẩm ấy thiết-tưởng cũng chưa là sác. Nay xin bàn lại :

Một là câu :

Hôm hôm ra đứng đầu cầu,
Dưới chân nước biếc, trên đầu mây xanh.

Có ta với một vài anh,
Thấy vài cô nữa loanh-quanh đầu cầu !

Như vậy thời có thể công-nhận câu ấy thật ra lời ca-dao được không? Thiết-tưởng hai câu ở bên dưới còn hơi ra lời ca-dao, chứ câu : « dưới chân nước biếc, trên đầu mây xanh » văn-hoa như thế, thời ra lời ngâm của ông Hải-nam, sao ra lời hát của đàn bà con trẻ ?

Hai là câu :

Cảnh trời ai bán ta mua,
Mua non non Thúy, mua chùa chùa Hương.

Mua hoa mới nở giữa vườn.
Mua trăng mới mọc bên sườn núi cao.

Câu này lời càng chải-chuốt, đẹp-đẽ, rõ ra giọng mặc-khách tao-nhân, chứ có đâu câu hát đàn bà con trẻ mà lại điêu-luyện đến rằng : «Mua non non Thúy, mua chùa chùa Hương » bao giờ ?

Vậy cứ ý bình-giả thời xin nói : mấy câu đó thật ra câu ca của một nhà văn-sĩ.

Nhân đây, cũng xin lấy dư-ý mà bàn thêm, câu thứ hai vừa dẫn đó, nói cho riết ra thời cũng chưa là hay hẳn : Non Thúy chùa Hương thời khó lòng mà được mua, giăng mọc sườn núi thời không tài nào mua được, vậy ba cái cảnh khó mua đó sếp lại với nhau mà nói còn là phải lẽ ; còn như hoa nở giữa vườn thời có phải là một vật khó mua đâu ! Ôi ! Hoa tươi, hoa thắm, cảnh ai, vườn ai, nếu mình chịu phí một cái giá đặc-biệt ra, thời không những mua được cả hoa, mà đào đến cả cụm cũng không khó !.... Vậy thời đem một vật dễ mà dắt vào trong ba vật khó sao hay ? Phàm đặt có 4 câu mà muốn nói về 4 cái gì, thời phải cho lẽ nó hợp nhau, đều nhau, mới là phải cách. Nay nếu bảo « mua hoa mới nở giữa vườn » là ý nói khó lòng mua được mầu tươi đẹp của hoa để chơi bền như hoa giấy, thời ý lại xa quá, ba câu kia ý lộ mà câu này ý hội, thời lại là không cân ! Hãy xem câu hát cổ của ta :

Bao giờ rau diếp làm đình,
Gỗ lim ăn ghém, thời mình lấy ta !
Bao giờ trạch để ngọn đa,
Sao để dưới nước, thời ta lấy mình !

Rau diếp không bao giờ làm được đình, gỗ lim không bao giờ ăn được ghém, trạch không bao giờ lên để trên ngọn đa, sáo không bao giờ lại để dưới nước. Như vậy có phải bốn lẽ khó sếp vào với nhau thật đã cân lắm không ?

Thôi, bình-giả nói về ca-dao đây, tuy cũng còn là sơ-lược, nhưng cái thể-cách đặt ca-dao, cũng đã là bàn qua. Còn những lời lẽ về ca-dao cần nên bàn thêm, thời xin để sau này bàn đến tập văn nào có mục ca-dao, sẽ xin trích nói.

Nay xin nhắc lại : ca-dao là lối văn phổ-thông của ta, rất dễ lưu-truyền mà rất dễ khiến người cảm-động. Vậy các bạn làm văn nên ưa-chuộng về ca-dao, lưu-tâm về đặt ca-dao.

TRỊNH-ĐÌNH-RƯ

Cái già có chữa được không ?

Từ ngày thế-giới càng văn-minh thì y-khoa cũng mỗi ngày một tiến-bộ. Ta cứ xem như mỗi năm ta lại được từng mắt thấy tai nghe những cái ý-kiến tân-kỳ trong y-học-giới, thì đủ biết tiến-bộ hay không. Nào là dùng điện để chữa bệnh ; nào là dùng lôi-đình (*Radium*) để chữa bệnh ; nào là phát-minh ra quang-tuyến X làm kính soi khắp suốt tâm-can tỳ-phế, chỗ nào hư biết, chỗ nào không cũng biết. Ngoài ra còn biết bao nhiêu những bệnh xưa kia không chữa được, bây giờ cũng chữa được tất cả. Kia như bệnh dịch-hạch, trước kia làm hại nhân-loại thiệt đi biết bao nhiêu con người trong một năm, mà nay cũng có thuốc chữa ; còn những bệnh như phong, lao, cổ, lại là bốn thứ bệnh ai cũng công-nhận là nan-y, thế mà nay cũng đã tìm được phương cứu chữa. Xem thế thì biết nghề làm thuốc của thế-giới tiến-bộ biết chừng nào ! và hạnh-phúc cho nhân-loại biết chừng nào !

Nói tóm lại, thì bây giờ bệnh gì cũng đã có thuốc tiên ; hết thảy từ bệnh nặng cho chí bệnh nhẹ, từ bệnh đau lắm cho chí bệnh đau vừa, không có một bệnh gì là không thể chữa được cả.

Mới đây lại mảng nghe được những lời khởi-nghị rất là lạ-lùng của những nhà y-học uyên-thâm bàn về phương thuốc chữa già, khiến cho những kẻ bình-sinh hữu-tâm với nhân-loại phải bừng đôi con mắt mà tung-hô lên một tiếng rằng:

« Ôi ! lớn-lao thay y-học-giới ! Vẻ-vang thay y-học-giới sau này ! »

Phương thuốc mà một nhà y-sĩ trứ-danh là quan Đốc-tơ Henri Bouquet sắp đem ra bàn đây, không phải là có ý muốn chữa cho người ta sống lâu mãi mãi, song chính lại là một phương thuốc chữa cho người ta lâu già, để mà hưởng-thụ thêm chút vui-thú thanh-niên đó thôi.

* * *

Ta sống thì ta phải vận-động làm ăn, mà mỗi cái ta cử-động, mỗi cái ta làm, mỗi cái ta lo, mỗi cái ta nghĩ, nó làm cho ta hao-mòn ít khí-lực trong mình, và giảm bớt một chút thể-chất của ta nữa. Bởi vậy ta cần phải ăn để bồi-bổ vào chỗ hao-thiệt đó. Trong sự ăn uống của người ta, cần thứ nhất là sự tiêu-hóa ; có sự tiêu-hóa thì ta mới sống được và chính cũng nhờ có sự tiêu-hóa mà ta biết chất nào ăn bổ chất nào không ; lại cũng nhờ có sự tiêu-hóa mà giống sinh-linh mới thu-thập được những tài-liệu trong đồ ăn để bồi-dưỡng cho thân-thể.

Thí-dụ như một người ăn thịt bò, nghĩa là người ấy hóa thịt bò làm thịt mình, hóa gân bò làm gân mình, v. v.

Trước kia thịt bò là thịt bò, mà nay đã hóa ra thịt người ; ta nhờ đó mới sinh-tồn trên thế-giới này được.

Tuy-nhiên, không kể những cái người ta ăn và hóa-thành được như thế, lại còn nhiều cái trong đồ ăn sau khi đã hóa rồi vẫn còn có ích, mà người ta không biết đường lợi-dụng.

Tỷ-như cái máy đốt than, hóa than thành lửa, cũng còn ro và khói. Đồ ăn sau khi tiêu-hóa cũng còn bã-giả.

Bã-giả sau khi tiêu-hóa còn lại có hai thứ : một là thứ bã-giả vô-bổ ; hai là thứ bã giả bổ.

Bã-giả vô-bổ rất dễ tan, sau khi tiêu-hóa rồi thì đã có những máy tống như quả thận, phổi, bì-phu, nó tống ra rất dễ ; còn những bã-giả bổ thì còn phải ở lại trong thịt người ta.

Khi ta hãy còn đang thời lớn lên, thì sự tiêu-hóa lại càng cần cho ta lắm. Bấy giờ là lúc sự tiêu-hóa phải làm cho tất cả cái gì mà khẩn-yếu cho các cơ-quan trong mình ta như thịt sương mỗi ngày một càng thêm cứng rắn và nở-nang mãi ra, vì rằng những biết bao nhiêu sinh-viên (cellules vivantes) chung-đúc nên thân-thể ta lúc nào cũng cần phải có những sợi ngang sợi dọc, để nó duy-trì lấy những viên ấy và tập-hợp các viên ấy lại, để làm thành hình cho những cơ-quan trong thân-thể người ta.

Khi nào mà ta thôi không thể lớn lên được nữa, nghĩa là thời đã đứng tuổi rồi, thì không có cái gì là giống thời đang lớn cả. Bấy giờ là lúc những bã-giả cứ việc vận vào trong mình ta, bộ tiêu-hóa không làm sao được, cũng phải chịu để cho nó sinh-sinh hóa-hóa mãi ra.

Những bã-giả ở ngoài vận vào gặp những bã-giả ở trong tống ra, hai cái phối-hợp làm một, thì sự sinh-hóa của nó mới lại càng thêm chóng lắm.

Nếu ta cứ lấy thân-thể người ta mà so-sánh với một bộ máy, thì ta có thể nói rằng : thân-thể người ta không khác gì một cái nhà máy lớn, mà các viên trong mình ta lúc nào cũng làm việc không nguôi, cũng như các cơ-khí trong nhà máy chạy luôn không nghỉ vậy.

Những viên-bạch (les cellules glandulaires) thì vận-hóa những nước tiêu-thực (les sucs), những viên thuộc về gân (les cellules musculaires) thì khi nào ta cử-động lại nở ra bóp vào ; những viên này thì hoạt-động trong sự tiêu-hóa, những viên kia thì chuyển những cảm-giác lên óc, những cục máu đỏ thì chuyển-vận dưỡng-khí cần dùng cho khắp các cơ-quan trong thân-thể ; những cục máu trắng thì coi-sóc và tiêu-hóa bớt những chất lạ (nhất là những chất độc).

Công việc của bộ tiêu-hóa trong người ta lúc nào cũng vận-động rất mạnh không còn có để bã-giả lại được nữa. Nếu không kể thứ bã-giả sinh bởi những viên ra, còn có thứ bã-giả nào xuất-hiện, thì bộ tiêu-hóa phải tống ra cho hết, không thì nó cứ bám đầy hết cả các cơ-quan trong thân-thể, rồi lần lần có bao nhiêu chất bổ nó chiếm mất hết và nó lại còn làm cho những chất bổ ấy phải suy kém và giảm bớt đi, khiến cho bộ máy tiêu-hóa bối-rối không làm việc được như thường, cũng có khi không vận-động được nữa bởi vì không có chất bổ-dưỡng, thế là mình chết.

Ta thường được mục-kích những ông già bà cả chết cũng vì thế luôn luôn. Những người già-cả thường thịt mỗi ngày một tiêu-thước và không có bao giờ lại được khỏe mạnh như thời hãy còn trai-trẻ, bởi vì những mạch máu có những cái màng đóng lại và giầy ra, làm cho huyết-mạch lưu-thông một cách rất khó-khăn ; sương-cốt trong mình sinh ra bở, những khớp sương thì khó co ruỗi, vì những chỗ giáp đầu sương đều khô-khẳng và gồ-ghề ; tai không nghe rõ, vì trong lỗ tai đều đầy bã-giả, cho nên máy-móc trong tai không vận-động được như thường ; mắt không trông rõ, vì cái màng ở trong mắt (la rétine) càng ngày càng giảm bớt cảm giác của viên, trước kia nhờ có nó chuyển những cái quang-cảm (les impressions humineuses) lên óc, thì nay bị mờ ám ; người già lưng còng, là vì xưa kia cái trọng-lực nó đè xuống bao nhiêu thì đã có những cơ-quan cứng-cáp nó chống lại bấy nhiêu, ngày nay những cơ-quan ấy đều suy-nhược, cho nên không chống lại được nữa, hóa ra còng ; tóc người già rụng, là vì chỉ thấy rụng mà không thấy mọc lên nữa ; mặt mũi dăn-deo, là vì da-dẻ không được mền-mại như xưa.

Đó là những câu thí-dụ ta có thể kể không bao giờ hết được.

Bây giờ có một bệnh ta nên chữa hay là nên tránh, một vấn-đề ta nên giải-quyết cho xong, tức là vấn-đề tìm thuốc chữa cho khỏi chóng già vậy. Cứ theo như chủ-nghĩa yếm-thế, thì tôi xin công-bố rằng đó là một vấn-đề khó lòng giải-quyết được.

Nếu các ngài có chú-ý vào vấn-đề ấy, thì xin hãy để rồi ra sau này y-khoa thực tiến-bộ, tất chữa được cho người ta khỏi chóng già.

Nếu cứ theo như những lời phán-đoán của tôi vừa kể trên kia, thì xin chữa theo cách sau này : Một là ngăn-ngừa cho bã-giả bớt sinh-hóa ra ; hai là làm cho những bã-giả không hay tan hóa thành hay tan để ta có thể dễ tống ra ngoài được. Muốn ngăn-ngừa cho bã-giả bớt sinh-hóa mãi ra, thì phải định lấy hai cách sau này :

Cách thứ nhất là chớ nên ăn những đồ ăn hay sinh bã-giả ; cách thứ hai là giữ-gìn cho trong khi hành-động những bã-giả không có thể tự-chế ra được.

Phương thuốc thứ nhất thì hơi khó, chỉ xin theo cách-thức của Berthelot

tiên-sinh thì may ra có thể được. Ta cũng không chắc rằng phương thuốc của tiên-sinh chế ra thì có được thần-hiệu hay không, song ta phải nên cự-tuyệt đừng nên làm cho tiêu-hóa tất cả những cái gì mà ta đã ăn; ta phải nên chọn kỹ những đồ ăn cần dùng để cho sống, chứ nếu dùng phương-kế gì mà làm cho các viên không hành-động được để mà chữa bệnh chóng già, thì tuyệt-nhiên không nên, vì những viên trong mình ta có hành-động được thì ta mới có thể sống, nếu nó không hành-động được thì ta chết.

* * *

Làm cho bã-giả dễ tan cũng là một việc rất khó thành, vì rằng thứ thuốc mà có thể chữa được một việc hay như thế thì không có.

Cũng đã có nhiều vị giáo-sư về khoa trường-sinh-học đã chế ra thứ nước trường-sinh và dùng cả nước thải (eau bénite) của các thánh ban cho uống, cũng không thấy công-hiệu gì.

Gần đây lại bàn rằng nên gây những chất có vi-trùng, những nước tiêu-thực (les sucs) rỉ ở các quan trong mình ra hoặc tiếp những quan ở ngoài vào mà chữa, thì lại càng vô-lý, vì đó là những phương-pháp chuyên về khoa-học chính-lý, ta không có thể trông cậy vào đó mà làm cho người ta khỏi chóng già được. Bởi có nhiều người ngộ-tưởng như vậy, nên mới bàn qua đôi chút mà thôi.

Ông *Metnikoff* là người có đôi chút lý-tưởng riêng và hơi khác những lý-tưởng vừa giãi tỏ trên kia về sự cấu-tạo của sự già trong đời người, ông có nói rằng: « Ta cũng nên trị những vi-trùng hại ở trong ruột ta, song ta lại rất nên gây lấy giống vi-trùng nó làm ích cho ta. Muốn gây giống vi-trùng đó, thì phải dùng một thứ sữa để cho lên men mà người phương Đông vẫn thường gọi là sữa Képhir. »

Nhà bác-học đó có ý muốn lợi-dụng một thứ vi-trùng ấy để mà làm cho người ta sống lâu, song giống vi-trùng đó chỉ ở miền nhà-quê mới có, và cũng nhờ có nó mà người nhà-quê ít mắc bệnh-tật. Chúng tôi cũng vẫn giữ cách dùng giống vi-trùng đó và đã xét ra thì những vi-trùng đó cũng có nhiều cái đức-tính rất tốt, nhưng cũng không có thể nhờ nó mà làm cho người ta sống lâu dài mãi mãi được, vì chúng tôi chắc nó cũng chẳng có thể làm được nào.

Còn sự đem trích cơ-quan trong mình ra, thì lại khác nữa.

Những hạch trong mình ta thường vận-động luôn luôn và rỉ ra những nước tiêu-thực cần dùng cho sự sống của người ta lắm. Cũng có khi ta ốm thì nước tiêu-thực ấy hết không thể chảy được hoặc chảy có ít, như thế là một sự rất nguy cho cơ-thể ta lắm.

Đã có người bàn rằng: khi nào hạch trong mình không rỉ thứ nước ấy ra, thì lấy thứ nước của một con vật chọn kỹ rồi mà tiêm vào cho người cũng được.

Phép chữa đó cũng đã thực-hành rồi và cũng đã có lắm cái kết-quả rực-rỡ, duy chỉ dùng tạm-bợ trong khi nước tiêu-thực ở hạch chảy ra không đủ dùng mà thôi, song cũng không phải là làm cho người ta sống thêm lâu mãi được hoặc chữa được cho người ta khỏi chóng già đâu.

Còn như cách chữa dùng phép chắp (greffes), thì lại hàm-hồ lắm nữa. Những cách chắp thì chỉ nhằm vào những lúc có một cái cơ-quan nào trong mình hư-hỏng không vận-động được nữa, mới dùng đến cái cơ-quan lấy ở ngoài chắp vào để thay. Đó là một cái ý-kiến rất hay, nhưng tiếc rằng không sao thực-hành được.

Chắp một cái cơ-quan nào cũng có khi được, nhưng nếu đôi bên cơ-quan đánh đổi lộn cho nhau (đây là nói riêng về loài-vật), có cùng loài cùng giống thì mới được, còn nếu đôi bên cùng khác loài khác giống thì hỏng không được. Còn cái ý-kiến đem cơ-quan loài vật mà chắp thay vào cho người, thì tới ngày nay vẫn chỉ là một cái ảo-tưởng mà thôi.

Chắc hẳn là không ít khi ai lại muốn giết người cùng loài cùng giống đi để mà cầu sống thêm một vài tuổi nữa.

Khoa-học mồ-xẻ cũng đã có nói: Không bao giờ lại có thể lấy cơ-quan của con bò hoặc con lợn mà chắp thay vào cho người nào, tuy cái người ấy cũng chẳng có thiệt-hại gì, song đó lại là một phương-diện khác.

Vả lại người nào đến tuổi già mà già, có phải là tại riêng gì một cái cơ-quan trong mình người ấy hư-hỏng không vận-động được đâu, chính là bởi tại tất cả các cơ-quan trong mình đều không vận-động được vậy.

Giả-sử có thể lấy được cơ-quan của một người mà chắp cho một người nào già, thì có khác gì muối bỏ bể, chứ có ăn-thua cái gì.?!

Như thế, muốn chữa thì phải thay tất cả các cơ-quan trong mình người ấy mới được.

Người nào ở đời vô-lo vô-lự, lúc nào cũng được bình-an như thường, không có ốm-đau bệnh-tật hoặc vấp-váp về thể-nhục hay về tinh-thần, không có máu tham-lam, không phải lao-khổ, không hay gặp bước khó-khăn, không có tính ganh-đua; thì lâu già và thọ.

Nhưng ở đời mấy ai lại có thể giữ gìn được cho chàu-toàn đến thế!

Bởi vậy ta chỉ có thể giữ-gìn đừng có để cái gì thái-quá hoặc về tâm-đảm can-tràng hoặc về trí-não ngũ-quan, như thế thì chắc giữ được lâu già, và ta chớ nên để gặp phải những tai-nạn bất-kỳ nữa thì mới được.

Tục-ngữ có câu nói rằng: « Đèn không có dầu thì tắt, nhưng cũng đừng cậy có dầu mà thắp bội-phần. » Đó là một câu rất có ý-nhị, có thể tổng-kết cái ý bài này vậy.

VŨ-LIÊN *lược-thuật.*

Khí-giới của loài vật

Cách bắt mồi và cách giữ thân của loài vật thì nhiều lắm và khác nhau không biết đâu mà kể. Thí-dụ như con hổ, con gấu, con báo, con chó, con mèo, vân vân..., thì thường dùng sức mà cự nhau với loài khác. Những giống này hoặc dùng răng nhọn, hoặc dùng móng sắc mà bắt mồi, mà giữ thân.

Lại cũng có giống như lợn-lòi, voi, tê-giác, trâu, bò, v. v. thì thường dùng ngà, dùng răng nanh, dùng sừng làm khí-giới; loài rắn lấy mình quấn con vật thù cho ngạt hơi phải chết, loài sâu như bọ-hung, ong, thường lấy hàm, lấy ngòi tiêm những giống khác chêu-chọc đến mình.

Lại còn một giống cá kia, sinh-trưởng phải nơi nước sâu vũng tối, thường có phép phun ra một thứ điện sáng để tìm lối mà đi, kiếm mồi mà bắt. Còn như loài nhện thì dùng lưới để bắt mồi, mồi đã vướng vào không đường tẩu-thoát, nhện ta mới lững-thững đến sơi, thực là làm-ăn nhẹ-nhàng và ổn-thỏa.

Tuy-nhiên, trong bấy nhiêu cách giữ thân và kiếm mồi cũng chưa lấy gì làm lạ lắm. Nay ta xét đến một thứ khí-giới của vài bốn loài vật này thì mới thực là kỳ-khôi hơn nữa. Thứ khí-giới này không phải như ngà, như vuốt, như lưỡi, như điện, song như một viên đạn ở trong mình con vật bắn ra kẻ thù vậy.

Loài phun hơi độc

Loài này tức là một thứ sâu nhỏ hình như con *sén-tóc* con, tên Pháp gọi là *Brachinus*. Loài *Brachinus* mình nhỏ và đẹp, thường nay ở từng đàn ở dưới tảng đá hay là ở trong vỏ cây. Hễ khi ta lật đá hay bóc vỏ cây ra thì thường nó chạy lao-sao từng đàn một. Trong khi nó hoảng-hốt chạy, ta thường nghe thấy có tiếng lách-tách. Những tiếng ấy là tiếng ở hậu-môn loài *Brachinus* bắn ra vậy. Những loài này không bắn ra tiếng mà thôi, chúng lại bắn ra một thứ hơi sắc vàng-vàng trắng trắng nữa. Hơi ấy rất khó-chịu, nếu tay ta bị hơi ấy bắn phải, cháy xám lại như lửa bỏng, rồi một vài hôm, chỗ ấy mới lại nguyên như cũ. Bởi nó bắn ra hơi như thế, nên chi người ta gọi nó là *con bắn súng*.

Loài này không cứ có lắm ở nơi nhiệt-đới mà thôi, ở chốn khí-hậu ôn-hòa cũng có lắm. Ngay như ở gần miền Paris là kinh-thành nước Pháp cũng có lắm con bắn nổi mười hai phát hơi luôn mới hết đạn. Loài này khi gặp giống thù như thằn-lằn, thạch-sùng... thì thường quay đít lại bắn ra mà chạy trốn. Con thằn-lằn hay con thạch-sùng bị nó bắn trúng bỏng rộp cả đầu, thì dẫu muốn đuổi bắt, nhưng cũng không kịp nữa, vì nó đã có thì giờ chạy xa mất rồi.

Loài này ở xứ ta cũng thường thấy. Tối ta thắp đèn, nó thường bay ra. Ta mà vô-ý nắm phải nó thì nó bắn ra đành « sẹt » một cái, ta bỏng tay vội bỏ nó ra, thế là nó bay thoát đó. Vì nó có tính như vậy, ta thường đặt tên nó là *con trung-tiện*.

Loài phun nước độc

1· Loài kiến. — Có một thứ kiến mình hơi xám đen, hễ khi đánh nhau thường bắn một thứ nước độc ở đàng hậu-môn ra đánh quân thù-nghịch. Nhưng loài kiến này không giống như loài *Brachinus* ở trên kia; loài này tuy dùng hậu-môn bắn nước, song vẫn quay đầu lại đối-thủ kẻ thù, chứ không ngoảnh lưng lại mà tìm đường chạy trốn đâu. Số là kiến ta đứng dựng hẳn người dậy, giạng hai chân dưới ra, cong quặt hẳn đít lại đàng trước mặt mà bắn nước vào quân thù-nghịch. Thứ nước này cũng cháy thịt như thứ hơi độc *con trung-tiện* bắn ra vậy.

Tuy thế, thứ nước của kiến bắn ra cũng chưa độc bằng thứ nước của một *loài trung-tiện* lớn, tên Pháp gọi là *crabe* kia. Loài *crabe* bắn nước ra xa chừng năm, bảy phân tây, mà hễ nước ấy dính phải tay mình, thì chỗ da bị dính cháy xém lại, trong một đôi ngày đóng vảy bong ra, như phải bỏng nước sôi vậy.

II. *Loài mouffette.* — Loài này là giống ăn thịt ở bên Mỹ-châu, mình to chừng bằng con mèo rừng, đuôi dài và đẹp, ở giữa lưng thẳng xuống mãi đầu đuôi thì sắc đen nhánh mà hai bên diềm-cạnh thì trắng phau-phau.

Ở vào mạn khấu-đuôi loài này có vài ba cái hạch sinh chất nước độc. Loài ấy có tính phun chất nước độc ấy ra ngoài được.

Nhà bác-sĩ *Kalm* kể chuyện rằng khi con *mouffette* bị người hay là vật đuổi, thì thường chạy nhanh hết sức hay là leo lên cây trốn. Hễ nó bí đường, nó lại có một cách bảo-thân công-hiệu hơn nữa, là cách phun nước độc ra đàng sau, xa tới sáu thước tây chẵn. Chất nước ấy ngửi mùi rất ghê-gớm, bất-cứ người hay chó, đã ngửi phải thì cũng buồn nôn, buồn ọe và cũng chỉ sợ có khi đến chết ngạt thôi. Nếu thứ nước ấy bất-hạnh bắn vào mắt ta, tài ta cũng khó lòng mà chữa khỏi mù được. Quần áo phải thứ nước ấy cũng hết nghề rặt sạch như nguyên cũ. Bác-sĩ *Kalm* lại thuật rằng khi tiên-sinh ở Mỹ-châu, tiên-sinh được chứng-kiến một việc hiển-nhiên như sau này:

Số là một đêm kia, một con *mouffette* lạc vào trong hầm nhà. Người nhà biết, thức dậy đánh chết được, nhưng cái nước của nó đã bắn ra mùi ngửi khó chịu nồng-nực cả nhà. Bao đồ ăn để trong hầm cũng phải bỏ đi hết, vì thức nào cũng hôi-thối cả. Bao người nhà ngửi phải mùi nước ấy thì cũng ốm nặng trong ít lâu ngày mới thật khỏi. Ta xem thế, con vật đó là loài nguy-hiểm không ít.

Song, cũng không phải vì thế mà người bản-xứ bỏ không dám lấy lốt để bán kiếm tiền đâu! Họ thường để một thân cây rỗng ruột ở trong rừng; tối đến loài *mouffette* hay chui vào đó từng đôi để ngủ. Sáng sớm ngày ra, họ lại bắt thì hay được lắm, nhưng cũng phải ngạt hơi khó chịu mất một lúc ít lâu.

Loài *mouffette* có thứ khí-giới độc như thế, mà vì có cái áo đẹp nên cũng bị người ta bắt lấy được, tưởng như nếu nó không có lốt đẹp thì có dễ nó chẳng cần đến khí-giới cũng chẳng ai hại đến thân-thể nó đâu đấy nhỉ?!

III. Loài nhái xanh. — Loài nhái xanh dùng nước giải bắn ra quân thù-nghịch, thường khi cũng công-hiệu lắm. Nước đái nó tuy không độc gì, song khi đã nhằm trúng vào mắt một con vật nào đuổi theo nó, thì con vật kia mờ-mịt choáng-lộn mất một lát lâu; con nhái xanh nhân lúc may-mắn đó mà nhảy thoát đi được.

Loài nhái này ta muốn thí-nghiệm cũng không khó gì. Hễ ta trông thấy nó, ta vồ được nó, thì thể nào nó cũng đái ra tay ta một ít nước chớ chẳng không!

Loài phun ra máu

I. Loài phrynosome. — Loài này là một loài thuộc giống thằn-lằn, mình ngắn và to, trông dở thằn-lằn, dở cóc, hình giáng thật kỳ-quặc gớm-ghê. Đuôi nó ngắn cộc mà đầu thì như có sừng nhỏ đâm ngược lại; mình thì hoa đen, hoa đỏ lồm-nha lồm-nhồm, chớ không chơn-chu nhẵn-nhụi như vật thường. Chân loài này có móng nhọn, hơi giống như chân gà chọi vậy. Ở Nam Mỹ-châu thường thấy lắm lắm.

Loài này là do nhà du-lịch *Wallace* nhận thấy trước tiên. Nhà du-lịch *Wallace* vốn cũng là nhà bác-sĩ nữa, nên đã vì kinh-nghiệm, xướng-xuất lên rằng loài *phrynosome* có tính phun một thứ nước đỏ như máu ở mắt ra. Tiên-sinh nói rằng sự đó tiên-sinh đã nghiệm-xét ở hai con *phrynosome* khác nhau; một con thì phun nước

đỏ ở mắt ra xa chừng mười lăm phân tây, trúng giữa tay tiên-sinh ; một con thì khi tiên-sinh múa con dao sáng quắc ở trước mặt nó, nó cũng phun nước mắt đỏ ra trúng phải. Tiên-sinh không tin thứ nước ấy là máu, tiên-sinh chỉ cho là một thứ nước mắt đỏ thôi ; song mãi tới sau mới có một nhà bác-vật khác tên là *Hay* khám-nghiệm kỹ ra, biết chắt nước đó chính là máu vậy.

Hay tiên-sinh một khi nhìn thấy con *phrynosome* đang lột da, tiên-sinh bắt nó bỏ vào nước, tưởng rằng như thế thì nó chóng lột xong, ai ngờ đâu nó phát tức, phun ở mắt ra 90 giọt đỏ lều-bều trên mặt nước. Tiên-sinh lấy kính soi những giọt đó thì nghiệm ra rằng chính là máu, chứ không phải chất gì khác cả.

Khi tiên-sinh vớt nó ra ngoài để khô một lát, lại lấy tay ghẹo nó chơi, thì nó lại phun ở mắt bên hữu ra một đám máu nữa y như lúc trước.

Tại *Californie*, một nhà thí-nghiệm cũng từng thấy như vậy ; song nhà này bị hai lần máu nó trúng phải mắt thì thấy hơi cay một chút rồi khỏi ngay. Chẳng hay rằng nó nhằm trúng hay là vì tinh-cờ mà trúng phải, sự chưa khảo-sát ra rõ.

II Loài bọ lè-máu. — Ta gọi loài *bọ lè-máu*, vì tên tây nó là *Crachesang*. Loài này còn một tên nữa gọi là *Timarcha*, mình-mẫy hình-thù hơi giống như con cánh-cam, cánh-quýt.

Không chỉ một loài phrynosome phun máu mà thôi đâu, loài *Timarcha* cũng phun máu, nhưng phun một cách khác. Loài này khi ta nắm được, thường nó ứa ra một thứ nước đỏ hay là vàng ướt đẫm cả mình. Ta thấy nó lấy-nhấy những nước bần, ta ghê mình thường vứt nó đi, ấy là cách nó thoát-thân đấy. Chất nước ấy nghiệm ra thì chính là máu, chứ không phải là nước gì cả. Máu ấy có lẽ ở trong những lỗ con trong mình nó, hễ ai động đến thì ứa ra ngoài chăng ?

Loài phun ra mực

Loài vật phun hơi, phun nước, phun máu cũng chưa lạ bằng loài vật phun ra mực. Nhưng mới nghe thì tưởng là lạ, chứ khi đã biết tên loài ấy rồi thì lại có lẽ là thường lắm. Vậy loài ấy là gì ? Là loài cá-mực.

Loài cá-mực này mình dài độ 15 phân tây, khi yên lành thì sắc mình hung-hung vàng và có điểm vài nốt trắng ở trên lưng, nhưng khi nó hung lên thì sắc biến ra đỏ thẫm, lưng sởn lên những vẩy nhọn, sắc bóng như đồng. Mắt nó bình-nhật hơi xanh xanh, nay cũng lộn ngược lên mà coi lóng-lánh những vàng cùng đỏ. Nếu có con vật nào đuổi theo nó, nó thường buông ra một thứ phân đen như mực. Thứ mực ấy hòa với nước hóa đen ngòm cả lên, con vật nọ không biết đường nào đuổi bắt nó nữa, ấy thế là nó kiếm đường tẩu-thoát đó.

Sự này ta muốn kinh-nghiệm cũng không khó gì. Nay ta bắt một con mực bỏ vào trong một cái bình thủy-tinh lớn. Nếu ta lấy que chọc trúng nó, thì nó sẽ phun ra một thứ mực làm đen ngòm cả nước này. Thứ ấy nghiệm ra thì là một chất đen ở trong bọng gần tim con cá-mực.

Loài dùng vật ngoài làm khí-giới

Trên kia ta mới nói những loài dùng những chất thiên-tạo ở trong mình làm đạn mà bắn ra thôi, chứ ta chưa từng bàn đến những giống mượn vật ngoài làm khí-giới mà bắn hại nhau. Loài mượn khí-giới ngoài mà đánh

bắn giống khác cũng không phải là ít. Nay hãy kể một đôi loài :

I Loài hầu ném đá. — Loài hầu dài đuôi, tên gọi *Cynocéphales*, hay ở từng đàn những nơi trơ-trọi và những chỗ đồi núi. Loài này do những con đực lớn làm chủ-tướng dắt đi mọi chốn kiếm ăn. Loài vừa khỏe, vừa đảm, vừa nhanh, nên chi khi chúng bị người hay là vật khác đến đánh bắt, chúng thường nhặt đá hay cành cây ném xuống mà chống cự.

Đã có khi một toán hành-khách gặp đàn nó ở trên đồi núi, mới giúi súng ra bắn một lát. Đàn nó chết mất dăm, sáu con, nhưng không chịu chạy, quay cả lại nhặt đá to hơn đầu người ném xuống, bọn hành-khách thấy thế nguy-nan, tìm chỗ kín đứng mà bắn. Được một lát lâu, dưới lũng chật đầy những đá lớn hơn đầu người, mất cả đường lối lưu-thông nữa.

Sự ấy tưởng cũng không lạ gì, có lẽ ở trong các chuồng khỉ nhỏ ta cũng thường thấy hầu con nó cầm cành que mà ném ta luôn.

2· Loài sâu bắn cát. — Loài hầu dùng đá đã đành, chớ như loài sâu thì dùng đá sao được ; vì vậy loài sâu nhỏ hơn đã phải dùng cát thay vào đá, tưởng cũng là một thứ khí-giới xứng-đáng vậy. Loài sâu ấy là gì ? Là loài *kiến-sư-tử* (fourmi-lion).

Loài *kiến-sư-tử* hay ở những nơi đất cát, con cái và con đực có cánh, nên bay ở trên không-khí coi cũng nhẹ-nhàng ; còn như con con ở dưới đất mình nặng chề-chề, râu dài lủa-tủa, nếu không biết bắt mồi mà ăn, thì thường khi chết đói mất. Vì vậy loài sâu này hay khoét cát lũm xuống như một cái phễu ; loài ấy nằm ở giữa phễu, hễ khi nào sâu bọ khác lảng-vảng đến miệng phễu (một con kiến, con ruồi chẳng hạn), nó xoay đầu một cái thật mạnh, cát bắn vung lên, con bọ kia tối-tăm mặt mũi, vả nhân chỗ mép phễu giốc, đành ngã lăn xuống làm mồi cho *kiến-sư-tử*. Kiến-sư-tử lúc bấy giờ cứ ung-dung bắt lôi xuống đất mà hút chất bổ nuôi mình.

Giống kiến này chỉ bắt đồ tươi ăn, chớ không chịu ăn đồ chết. Nếu ta đánh con ruồi vứt ngay vào miệng nó, nó cũng không thèm ăn. Vả chăng nó có tính nhịn đói lâu ngày cũng không chết, nên mới ăn uống cao-kỳ như vậy.

Song, những loài vừa kể đây dùng những chất rắn làm đạn cả, nay lại nói đến một loài dùng nước làm tên để bắn mồi nữa.

3· Loài cá-bắn-nước. — Loài cá này có nhiều nhất ở xứ *Mã-lai* (Malaisie), tên chữ là *toxote*, hay ở sông nhỏ. Vì loài này biết bắn thế, nên người ta thường gọi là *cá-bắn-cung*. Loài này hễ khi thấy một con bướm hay con ruồi đậu ở trên cành cây là xuống mặt nước, là nó se-sẽ lại gần, ngậm một hụm nước đầy, khép mang lại, rồi thốt-nhiên lòi mõm lên mặt nước, phun ra một cái thật mạnh. Tức-thì nước tủa lên lưng con bướm như một cái *douche* ; bướm không chịu nổi, ngã lăn xuống nước, cá kia vội đưa ngay vào trong dạ.

Những nhà kinh-nghiệm cái tính bắn nước của giống cá này, đã phải chịu rằng không mấy khi nó nhằm sai hết cả.

Tại *Chà-và* (Java) và tại *Mỹ-châu* (Amérique), họ thường hay thả giống cá này vào trong chậu thủy-tinh để chơi. Mỗi khi họ cho ăn, họ thường để mồi lơ-lửng ở cách trên mặt nước hơi

xa cho nó bắn lên mà xem; ấy cũng là một cách tiêu-khiển có lẽ lại còn hơn cách chơi chọi chim, chọi gà, chọi trâu của ta đó.

Ta viết hết bài này, tưởng cũng nên nhắc lại độc-giả biết rằng loài *dim* không phải là có tính bắn lông ra kẻ thù-nghịch được đâu. Loài *dim* vốn lông ăn vào thịt rất nóng, vì vậy hễ khi nào nó rũ mình thì thường lông bắn vung ra chung quanh mình nó. Có lẽ cũng vì thế mà ta tưởng lầm nó bắn lông ra chăng? Nay ta chỉ nên biết rằng lông nó để làm quản bút, làm trâm cài, chứ không phải làm tên đạn như ta đã tưởng lầm trong bấy lâu nay vậy.

BÙI-HUY-CƯỜNG.
lược-thuật tạp-chí Tây

Cái thời-kỳ tái-diễn lịch-sử loài người của con trẻ

Loài người ta, từ khi làm con trẻ cho đến lúc thành-nhân, tất phải trải qua một quãng rất thú-vị gọi là « Cái thời-kỳ tái-diễn lịch-sử loài người. »

Thời-kỳ tái-diễn lịch-sử loài người là gì? Là vì sự phát-dục của con-trẻ, từ lúc phôi-thai cho đến kỳ thanh-xuân, trong vòng mấy mươi năm ấy, phải đem hết cả những bậc tiến-hóa trong lịch-sử của loài người, từ lúc hỗn-mang cho đến bây giờ, tái hồi diễn ra từng điều một trong khoảng mấy năm vậy. Hồi tưởng đến cuộc tiến-hóa của loài người ta, thay đi đổi lại, từ xưa đến nay, trải qua một quãng rất dài không biết là mấy nghìn vạn năm, mới được có cái cảnh-giới văn-minh bây giờ; thế mà những con-trẻ, ở trong một thời-kỳ rất ngắn ngủi ước chừng năm sáu năm, lại có thể đem cả những điều của tổ-tông mình đã từng trải trong các bậc diễn-tiến, mà từng bước từng bước một kinh-lịch qua một phen; tới khi hai mươi mốt tuổi, là lúc thành-nhân, bèn trở nên con người cái thế-kỷ thứ hai mươi! Cho nên cái thời-kỳ tái-diễn lịch-sử loài người của con-trẻ, tức là cái ảnh-tượng sống của các nhân-vật trong những thời-đại thái-cổ, thượng-cổ, trung-cổ, cận-cổ; vậy nếu mình mà chê-ghét cái khí-cục của con trẻ, cũng trách chúng có tính nết hư, thì phải hiểu rằng tổ tông mình khi xưa đã đến tuổi thành-nhân rồi vẫn còn như vậy! Nếu bởi thế mà mắng hay là đánh đòn những con trẻ, thì thật oan cho chúng lắm. Hiện nay các nhà sinh-vật-học cùng nhà tâm-lý học, đã tìm được nhiều điều phát-minh thuộc sự tái-diễn lịch-sử, như: Loài ếch đẻ trứng trong nước, hóa ra nòng-nọc, in như con cá, sau lại sinh ra phổi và tứ-chi, rồi mới trở nên con động-vật bốn chân thuộc loài ở đôi chỗ. Đó là cái chứng rõ rằng: giống động-vật có phổi, đều từ giống động-vật có mang-tai mà hóa nên vậy. Người ta trong khi ở trong thai mẹ, trải qua năm sáu tháng, tất cũng phải lấy cái sơ-hình của những giống cá, ba-ba, gà, chó, bò, ngựa mà tái-diễn một hồi, rồi mới có được cái hình-thể hoàn-toàn của loài người. Đấy hãy còn là sự tái-diễn lịch-sử về phần vật-chất mà thôi.

Nhà tâm-lý-học luận về tổ-tông loài người, có nói rằng: « Các cụ khi xưa đều là ăn ở trên ngọn những cây lớn, trong lúc ban đêm ngủ đi, có cụ không cẩn-thận, giở mình một cái liền từ ngọn cây lớn ngã xuống đất, bị chết; cũng có cụ dẫu rơi xuống, song tới nửa chừng vướng lại trên cành lớn khác, thì không bị chết, đến sáng sớm hôm sau thức giấy, bỗng trông thấy anh em mình bị chết ngã ở bên dưới cây, thì trong lòng kinh-sợ khôn xiết. Bởi thế, nên chúng ta là cháu chắt mấy nghìn vạn đời của người, dẫu nằm trên giường sắt, mà mỗi lần thấy chiêm-bao cũng thường đem tấn bi-kịch ấy tái-diễn một lần, nghĩa là: nằm mê thấy mình từ đứng từ nơi rất cao té xuống tới giữa lưng chừng bỗng thôi; đó gọi là « giấc mộng té lưng-chừng » (Falling-throng-space Dream). Tại sao giấc mộng té ấy lại không xuống đến đất? Bởi vì các cụ té xuống đến đất thì đã chết mất rồi, nhưng chúng ta là con cháu của những cụ sống, cái tư-vị té xuống đến đất chính tổ-tông ta cũng chưa từng nếm kia mà. Đấy mới là sự tái-diễn lịch-sử về phần tinh-thần vậy.

Ở tỉnh Maryland phía đông-bắc nước Mỹ, có trường tiểu-học Mặc-đô-nô (Mc Donaugh School), phàm nhất-thiết qui-tắc trong trường đều dùng cái chế-độ « tha-hồ »; trừ ra các bài học trong nhà giảng-dạy là phải nghe người lớn chỉ-bảo mà thôi, còn những thời-giờ ở ngoài nhà giảng đều để cho học-trò được tự-do hành-động cả. Khu đất của nhà trường ấy rộng tám trăm mẫu, ở tại giữa nơi lắm núi về phía bắc thành Ban-ti-mo (Baltimore), phần nhiều là đất tốt, cũng có rừng cực nhiều cây-cối. Học trò cả thầy có 150 người, tổ-chức thành hẳn ra một khu thực-dân-địa của con-trẻ; nhà trường để cho con-trẻ quản-trị lấy hết mọi sự trong khu đất ấy, tha-hồ hưởng-thụ, khác nào như tình-cảnh trong vườn Phước-hựu ngày xưa vậy. Những con-trẻ đó toàn-nhiên chưa tiêm-nhiễm đến phong-tục văn-minh của cận-đại chút nào; sự thay đổi về cuộc tiến-hóa cùng tình-hình trong xã-hội của họ, toàn là xuất-ư-tự-nhiên cả; xét ra cho kỹ, thì thấy tình-trạng trong xã-hội họ là noi theo cái bậc tiến-hóa từ đầu chí cuối, đem lịch-sử của nhân-loại tái-diễn ra từng điều một. Bây giờ chúng ta có thể lấy các bậc tiến-hóa của xã-hội đã chép trong lịch-sử với sự tái-diễn lịch-sử của con-trẻ, khai ra trong một cái biểu để so-sánh mà xem.

Thứ-tự bậc	Lúc con trẻ	Tuổi khác nhau	Tính nết	Sự phát đạt về trí	Nghĩa-vụ thần-dân	Tình-trạng kết hợp của nhân-loại
Chưa thành bậc	Chưa biết nói	Ba tuổi trở lên	Chưa tự biết mình là tồn tại	Biết có tự-thân	Manh tòng	Tình-trạng về lúc chưa có lịch-sử
Bậc thứ nhất	Khi làm con nít	Từ 3 tuổi đến 6 tuổi là nửa kỳ trên	Biết có ta	Có sức tự-chế (về thất-tình)	Biết có cha	Thời-đại chuyên-chế của gia-trưởng
		Từ 7 11 tuổi là nửa kỳ dưới	Biết có đảng		Ái mộ lứa-bạn	Thời đại tụ-tộc cách giã man
Bậc thứ hai	Khi làm con trẻ	10 đến 14 tuổi	Thời-đại hợp-quần	Kết bạn hữu	Biết có mình và nhân-quần	Thời-đại tông-pháp xã-hội, (về thời đại này tuy là quân chủ chuyên-chế, song hơi có ý dân-trị). (1)Hội đồng tráng-sĩ (2) Các tộc chịu ở dưới quyền một người tộc-trưởng mà liên hiệp cùng nhau, kẻ đứng đầu có quyền lắm.
Bậc thứ ba	Thời-kỳ mới chín	13-15 tuổi là thời kỳ tiểu học	Thời đại tiến-thủ	Biết trung với một người, phục tùng vua-chúa	Sùng-bái anh-hùng	Thời đại phong-kiến rất chuyên chế
Bậc thứ tư	Thời-kỳ vừa chín	14-18 tuổi là thời kỳ trung học	Thời đại giữ quyền lợi	Nhân sự từng-trải về đường cạnh tranh mà bỏ tính hay ỷ lại	Chủ-nghĩa vị-ngã	Thời đại cách-mạnh lập-hiến
Bậc thứ năm	Thời-kỳ tối hậu	17-24 tuổi là thời-kỳ đại-học	Thời-đại nhất-chí hành động	Có tài làm kẻ đứng đầu (nhiều mưu-kế)	Tận trung với nước	Thời-đại cộng hòa trong nước tự chủ, có chủ-nghĩa dân-trị xã-hội

Về sự so-sánh lịch-sử loài người với sự tái-diễn lịch-sử của con-trẻ, xem trong tờ biểu trên kia tưởng đã rõ ra thể nào rồi; nay xin đem sự tái-diễn lịch-sử về xã-hội của con-trẻ trong trường Mặc-đô-nô mà thuật lại vài điều như sau này:

1· *Về chủ-quyền đất ruộng.*— Cả khu đất rộng tám trăm mẫu của nhà trường Mặc-đô-nô, đều để cho học-trò được tùy-ý đi lại chơi bời; trong lòng những học-trò ấy chẳng biết cái gì là địa-sản (biens immeubles), cái gì là quyền riêng của một người cả; đến sau học-trò càng ngày càng đông dần thêm, mà đất thì vẫn chỉ như trước, họ mới đạc ra giới-hạn, chia cho mỗi người được một phần như nhau; đến sau nữa, những học-trò mới vào chưa có đất, họ mới đem đất của mỗi người ra quân-phân lại một lần nữa. — Sự tái-hồi chia đất này, về các nước như nước Anh, nước Nga, nước Đức, nước Do-thái (Jubilée Year mỗi 7 năm một lần) đời xưa đều làm như thế cả. — Các thứ trái quả, trứng chim, vân vân của họ đã thu-hoạch trong vườn, hoặc nhiều hoặc ít, không được đều nhau, thì đến mùa thu-hoạch năm sau họ chia lại lần nữa cho được đều nhau; ở trên mỗi một cây thuộc về người nào, đều có gián tên của người ấy cả, ai nấy đều nhận biết cây nào là thuộc về của mình.

2· *Về sự chiếm lấy đất và sự sinh ra xã-hội-đảng.* — Về đời thái-cổ, những nhà tù-trưởng lớn đã dùng nhiều cách như: đánh nhau, ăn-hiếp, thu-mãi, trộm-cướp, biếu-tặng, di-chúc, vân vân để chiếm lấy đất của người khác thuộc về mình thế nào; bây giờ ở trong đám thực-dân-địa của con-trẻ, cũng làm như thế ấy: họ ở trong cơn chẳng hay chẳng hiểu, chịu được cái tính di-truyền của tổ-tông để lại, những việc làm lúc đương trẻ của họ bây giờ chẳng khác gì như những việc làm lúc thành-nhân của tổ-tông khi xưa cả; cho nên cả đất ruộng trong khu đất của trường Mặc-đô-nô chẳng bao lâu đã trở nên sản-nghiệp riêng của năm, sáu người! Là vì mỗi người học-trò ra trường cũng có di-chúc để lại phần đất mình biếu cho người bạn thân; té ra học-trò nào giao-du nhiều thì được đất cũng nhiều hơn. Nhưng mà một mình được nhiều quyền-lợi như thế, ai để cho yên? Song le trừ ra dùng cách vũ-lực giải-quyết, thì những kẻ khác cũng không còn phép nào mà lấy lại những đất ấy được! Bấy giờ một người nói, trăm người họa, bèn thành-lập được một đảng đi cổ-động về chủ-nghĩa quân-sản; khi ấy mấy kẻ có nhiều đất lấy làm sợ, liền đem một phần đất xấu bỏ ra cho chúng, ngõ làm cho thỏa-mãn lòng họ. Trải qua không bao lâu, cả đất của mấy nhà địa-chủ lớn kia đã thuộc về của một người; rồi bỗng từ thời-đại phong-kiến đổi ra thời-đại quận-huyện, từ đó trở đi, thì kể là giang-sơn nhất-thống rồi! Song le, chúng chẳng chịu, đều khởi lên mà phản-đối, muốn đem ma-vương chuyên-chế đuổi đi, khác nào như thể cơn đại-cách-mạnh bên Đại-pháp ngày xưa vậy; khi ấy những kẻ cố sức cổ-động về việc cải-lương xã-hội đã được quyền cao chức trọng nhiều vàng lắm của rồi, thì cũng chẳng thiết gì đến sự cải-cách nữa; nên chi có bọn chính-khách xăng xuất-hiện, đem đất ruộng chia ra làm tám phần, để mình ở giữa cho dễ thao-túng mọi việc. Vậy cái cuộc tái-diễn này, đã trải qua năm giai-cấp mới tới cái địa-vị như thế!

3· *Về sự tổ-chức chính-trị của con-trẻ.* — Khi trước các học-trò không biết về sự tổ-chức chính-trị, tình-trạng của họ như thể không có chính-phủ vậy; đến sau nhân vì không có không được, nên họ đã tổ-chức thành một chính-phủ theo trạng-thái lúc nguyên-sơ; cơ-quan lập-pháp với cơ-quan hành-chính đều không có chốn nhất-định để làm việc, khi nào muốn làm tại đâu thì làm ở đó mà thôi; trong khi họp hội-đồng cũng chẳng có trật-tự nhất-định, dù ai muốn nói thế nào cũng chẳng ai ra mà ngăn-cấm, đợi đến khi người đó làm dày-dà quá khiến những người khác phải khó chịu, lúc ấy tất cả đều kêu lên, người đó mới im lặng. Các sự thi-hành về luật-pháp cùng cách tư-pháp của họ toàn như kiểu người nguyên-sơ, không khác gì cả; họ chẳng biết cái gì là đạo-đức của luật-pháp, chỉ hiểu cứ pháp mà làm theo thôi, như thế thì có điều thâm-khắc thật; đến sau có án mới xảy ra, pháp-luật cũ không thích-dụng nữa, họ mới cứ tình-lý mà chế ra pháp-luật mới. Còn như cách phán-đoán của họ, thì chỉ lấy ý-kiến của nhiều người làm chuẩn-cứ thôi. Vả

lại, ba quyền về hành-chính, lập-pháp và tư-pháp của họ cũng chưa phân-biệt rõ ra; chốn hội-đồng của họ, thì đều là nơi vắng-vẻ trên chỗ đất không cả.

4° *Về cách tránh khỏi sự sung-đột. — Tòa án và nơi thượng-thẩm.* — Những người đời xưa, khi gặp phải sự sung-đột, không có cách gì giải-quyết theo pháp-luật, chỉ kêu với vũ-lực hoặc bắt thăm hoặc làm đau-đớn bằng thủy, hỏa, mộc ba cách đó mà thôi; con-trẻ là kẻ ưa động không ưa tĩnh, nên không thích dùng hai cách sau, chỉ muốn đánh nhau một trận để mà giải-quyết; qui-tắc của sự đánh nhau một ngày một nên trọn-vẹn, hễ có sự đánh nhau, thì trước hết phân-vua cho mọi người đều biết, đến hôm sau, chúng bèn họp lại, đứng thành cái vòng tròn, để nguyên-cáo cùng bị-cáo ở giữa đánh lộn, coi xem ai được ai thua để định cho ai phải ai trái; vậy nên sự đánh nhau là khó lắm, nếu không đến nỗi hết hơi hết sức thì không bên nào chịu thôi cả. Vì thế, có kẻ lớn hơn, biết nghĩ, thì bàn định để lập ra một tòa án, lựa chọn một người có lòng công-chính làm kẻ xử-đoán, khi bên nào bị thua thì xử phải buộc vào cây chịu đòn một trận; sau lại e quan án có lòng tây-vị, bèn mời cả đoàn-thể đồng-học công-phán nữa, kể là cái cơ-quan thượng-thẩm. Nói tóm lại, thì họ hay coi trọng cái quyền-lợi trong luật-pháp hơn là cái đạo-đức của luật-pháp, ấy là một điều không thể giấu được.

5° *Về sự sinh-hoạt kinh-tế.* — Xét tình-hình giao-dịch của con-trẻ thì đủ biết rõ: Đồ hàng giao-dịch của con-trẻ toàn những là trứng chim, các thứ trái-quả, con dao, giây thừng, vân vân; đấy là tái-diễn về thời-đại người đi săn-bắn để kiếm ăn. Những con-trẻ lớn hơn, thì hay nuôi chuột đồng-nai, thỏ, vân vân, có khi mình bận việc, thì nhờ bạn đồng-học coi-sóc hộ cho mình; đấy là tái-diễn về sự của thời-đại chăn-nuôi. Mà về cách sinh-hoạt làm vườn làm ruộng của họ, thì là tái-diễn về sự của thời-đại cày-cấy, tưởng không cần phải nói nhiều. Còn như khi họ đem sữa bò cùng các thứ đồ vật khác ra ngoài mà bán, đấy là tái-diễn về thời-đại thương-nghiệp vậy. Coi cả mấy điều trên kia về các tích tái-diễn lịch-sử loài người của con-trẻ, thì hiểu rằng chúng ta phải để cho con-trẻ được tự-do đến chừng nào? Bởi vì nếu chúng ta muốn thực-hành cái chủ-nghĩa dân-trị, chẳng biết có phải để cho các con-trẻ phải tái-diễn lại về những giai-cấp phong-kiến, chuyên-chế, vân vân hay không?

Nhà trường Mắc-đô-nô đã thí-nghiệm như thế, là muốn mở-mang một cái giác-ngộ đặc-biệt trong sự giáo-dục cho con-trẻ:

Một là về những phép-tắc ở trong nhà trường. Ví thử đang khi còn là kỳ tái-diễn hồi thứ nhất, thì phải lo liệu sẵn cái thứ-tự về sự tái-diễn hồi thứ hai, đem ca mọi điều tri-thức phải biết trong kỳ tái-diễn thứ hai dạy rõ cho chúng biết trước, thế thì không có lưu lại cái tệ-hại của kỳ thứ nhất, mà sự tấn-bộ của con-trẻ cũng có phần lành hơn.

Hai là nhà trường đã rõ rằng sự tái-diễn lịch-sử ở trong học-trò là một sự không tài nào tránh khỏi được; vậy thì chương-trình của sự dạy-dỗ sắp thi-hành, phải nên nhân đó mà biện-lý, ngõ không đến nỗi rối-loạn cái trật-tự mà trái với tâm-lý của học-trò, hoặc đè-nén cái năng-lực của họ.

Nhân-đình thuật

Ở XỨ DỞ-DANG

(Au pays d'à-peu-près)

Nếu ai cũng không muốn đi du-lịch, là vì có lắm sự phiền-phức nó xảy ra. Tuy-nhiên không mấy ai lại không thiết nghe những câu chuyện phiêu-lưu; nhất là các cậu thanh-niên thời lại càng ham nghe ham đọc những chuyện đó, những chuyện mà trong có xảy ra lắm cái cảnh-ngộ ly-kỳ cho những nhà thám-hiểm ở những xứ xa lạ. Về phần tôi, tôi mới đi du-lịch một vòng khá dài ở một xứ dân-cư rất kỳ-dị. Tôi xin kể ra đây để ai nấy mua vui trong khi nhàn-rỗi.

Thường tôi đã được nghe nói chuyện về xứ dở-dang. Nhưng cho được biết đích xứ đó dân-xã ra sao, phong-tục thế nào, thế tất tôi phải đi đến đó mới rõ. Tôi bèn sắm-sửa đồ hành-lý, mang theo một món tiền, một cái gậy trắc đầu bịt sắt, cái đồng-hồ quả-quít và một hộp kẹo ngậm-hơi cho tinh-thần được sảng-khái. Thứ kẹo này rất tốt cho trong khi đi đường nhỡ có sự gì bất-tiện xảy ra; nếu quên không mang theo, thời đi chơi mất thú.

Qua một xứ mà ở đấy tính hai với hai là bốn, vạch thẳng thẳng xuống vạch ngang, buổi trưa là chính giữa ban ngày, tiếng có là có, tiếng không là không; đi qua xứ đó thời rồi đến một chỗ địa-giới.

Nhưng cứ thực tình ra, thời ở đấy cũng chưa phải là chỗ địa-giới. Mà quả thật thế, đố ai có thể phân-biệt được địa-giới xứ dở-dang một cách minh-bạch bao giờ. Không biết xứ ấy bắt đầu từ đâu và đến đâu là cùng. Kẻ cũng khó chịu thực, ấy cũng chỉ vì xứ dở-dang không phân địa-giới rõ-ràng, cho nên dân-cư quanh năm suốt đời tranh-dành cãi-cọ với lân-bang. Đối với lân-bang họ giữ một thế, nhưng không có thể gọi được là thế chiến-tranh, vì họ không có chiến-tranh thực bao giờ, và lại cũng không có cớ gì; quân-binh của họ cũng chỉ hầu như có; Thủ-tướng của quân-binh họ là những quan nguyên-soái; những mà nói cho cùng thời những quan nguyên-soái đó chỉ là những lối quan nguyên-soái gần biết cầm quân, mà về đến đồng chiến-pháp binh-thư, địa-dư và tất cả các khoa thuộc về binh-nghệ thời hầu như không biết.

Họ học cái binh-nghệ ấy ở trong các trường; nhưng ở đấy cái gì cũng chỉ dạy có nửa phần hay già lắm là ba phần chia tư; đến nỗi những hạng quan-binh ở đấy ra chỉ là những hạng quan-binh để cười, mà cả đến những binh-lính họ cầm quyền cũng thuộc về một hạng đó. Chính thực thời là binh-lính hoặc-giả như thế gọi là binh lính cũng được; nhưng mà họ chỉ biết tập-tành hơi-hơi. Gươm-đao của họ cũng chỉ hơi chém được; súng ống cũng vậy, bắn chỉ gần đúng cả; đến thuốc-đạn cũng thế, chẳng ra khô hẳn mà cũng chẳng ra ướt hẳn, cho nên khi nạp súng để bắn không thể nói được rằng đạn có đi hay không đi, có tin hay không tin. Những cái đó cũng chỉ là gần-gần thế cả.

Chỉ có một điều có thể nói chắc được, là mỗi khi toán quân như thế chống nhau với quân giặc đều bị thua.

Ở xứ dở-dang ấy, con-trẻ chỉ hơi vâng lời cha mẹ. Khi chúng ngồi ăn, chân tay chúng chỉ sạch vở sạch vẫn. Chúng ăn cơm không có lau bát bao giờ cả, ăn còn bỏ dở.

Đến khi đi học, tới trường thời vào khoảng đúng giờ ; cặp-sách thời nửa gấp nửa mở, bài-vở thời vừa mới bắt đầu làm nhưng không bao giờ xong ; khi chúng viết những chữ « I » thời chỉ chấm dấu có ba phần chia tư mà thôi ; phần nhiều những trang vở thời sạch-sẽ, nhưng không được suốt cả quyển ; bài học thời kể chúng cũng có thuộc, nhưng không thuộc đến nơi đến chốn ; khi thầy giáo nói, chúng mở một con mắt, lắng một bên tai ; còn một bên tai, một con mắt thời chúng để vờ-vẫn vào những việc đâu-đâu.

Khi quan Thanh - tra đến khám trường, lúc về để lại một cái nốt như sau này : « Học trò nếu không hơi kém thì cũng hơi khá, ta đây không thể quyết-đoán được. »

Khi đi khỏi, thường có ban khen cho thầy giáo những lời chúc tụng, nhưng có thể nói được rằng những lời đó lại vừa là những lời chê-bai. Song kẻ nào đã biết nói thế thời là tay chẳng vừa.

Thợ mộc ở xứ dở-dang làm những sàn nhà, cửa lớn, cửa kính, cửa chớp cũng như các thợ mộc khác, song nếu đứng trông họ làm thời thấy họ cưa hơi thẳng, bào cũng thế, cho nên khi lắp mộng thời khấp-kha khấp-khểnh, cửa lớn thời hở, cửa kính thời không ra mở mà cũng không ra đóng ; miếng kính thời thiên - thẹo, góc kính thời lệch-lạc ; ván sàn thời cấp - kênh ; còn bàn ghế thời hình như nhầy-đầm cả.

Những thợ đóng thùng, đóng những thùng ton - nô, thùng vuông, chai, nhưng mà hết thảy đều chảy.

Khi soi gương ở xứ dở-dang, soi cũng thấy mặt, nhưng không thể biết chắc là mặt ai, có lẽ mặt mình, nhưng cũng có lẽ mặt anh ruột mình hay là anh họ mình cũng không biết chừng.

Những ảnh truyền-thần của những nhà thợ họa ở xứ đó đều chỉ hơi giống với ảnh chính.

Những thợ nề ở đấy cũng giống như thợ nề ở xứ ta, họ có cả giây mực lẫn thước vuông. Nhưng không có góc nào là vuông mà cũng không có được cái tường nào là thẳng. Có lẽ vẹo cả chăng ? Cái đó cũng không dám chắc, vì nói thế chẳng khỏi nói ngoa. Bởi vậy mà nhà ở, nhà thờ, chợ quán, đều chỉ vững bền một cách tương-đương. Phải nên biết rằng nếu mới rồi mái nhà hát ở một tỉnh trong xứ đó có sụt thời cũng chỉ sụt một phần mái, và nếu có những người bị thương thời cũng chỉ bị thương có một nửa. Thầy thuốc gọi đến chữa cũng chỉ chữa gần khỏi những người bị đau và cũng chỉ gần giảm bớt được một phần què-quặt.

Những nhà hàng ở cái xứ kỳ-khôi ấy dùng những cân, những đấu cũng chỉ hơi đúng. Bởi thế cho nên nếu ta mua hàng về nhà cân lại thời làm thế nào cũng thiếu, chẳng nhiều thì ít. Nếu họ giả lại hào con, vẫn đành rằng hào tốt, nhưng ít khi được tốt đều. Ở những cửa hàng vặt thời những đồ hàng chỉ khả-dĩ vào hạng dở-dang. Thế nhưng nếu bảo những hàng của họ là mạt-hạng cả thời lại là nói oan cho họ, mà nếu họ bảo hàng của họ là thượng-hạng thời lại là người nói sai.

Những hàng bán trứng chỉ hơi tốt, thịt cá gà vịt cũng tươi thật, nhưng tươi một cách khả-nghi.

Ấy đến cái hạnh-kiểm của những nhà buôn bán đó và sự sạch-sẽ của cửa hàng họ cũng rưa-rứa. Đành rằng cái tiếng chê-bai đó nó không có nghĩa sâu-sắc lắm, nhưng tưởng cũng đã là quá vậy.

Nếu có việc gì xảy ra, hoặc tai-nạn hoặc đánh nhau, giết người, vân vân thời lính cảnh-sát cũng có đến, nhưng đến chẳng ra sớm quá mà cũng chẳng ra muộn quá.

Họ lấy khẩu-cung và có làm tờ trình, nhưng trong cái tờ trình đó làm thế nào cũng thiếu mất một vài việc, chẳng khác nào như con ngựa chạy có ba chân vậy.

Tòa án có gọi người làm chứng thời họ cũng chẳng lấy gì làm chắc rằng họ có trông thấy, hoặc nghe thấy. Nhưng không phải là họ nói những điều họ không trông thấy hoặc không nghe thấy đâu. Thế dễ họ nói thật chăng ? Hẳn thế, nhưng mà làm thế nào họ cũng dấu bớt đi một phần còn-con.

Khi kiện-cáo xong, quan tòa cũng có đọc án, nhưng cái án cũng chẳng ra cái án. Nó giống như miếng xườn không biết chặt, lải-nhải lai-nhai. Bởi thế cho nên thường khi có kiện-cáo gì thời lập án mãi không xong.

Cứ quanh-quẩn mãi không xử xong việc mà cũng không thể kết án được rằng ai phải ai trái.

Đến như đàn-bà xứ đó thời tôi cũng có để ý xem xét. Nhưng nếu có ai hỏi tôi rằng họ đẹp hay là xấu, thời tôi rất lấy làm phân-vân khó trả lời cho đúng được, vì nếu bảo họ xấu thời thật là nói oan cho họ mà nếu bảo họ đẹp thời lại là nịnh họ không phải đường. Nếu lại có ai hỏi tôi rằng những người đàn-bà ấy có yểu-điệu, có lanh-lẹn, có tài tề-gia nội-trợ, có thông-minh, có đức-hạnh không, thời thật quả tôi không sao trả lời được.

Cái gì họ cũng biết như là biết quét nhà, biết đan sợi vậy. Thế thì họ đan sợi và quét nhà ra làm sao ? Đây tôi xin kể : quét nhà thời họ chỉ quét có giữa nhà chớ không bao giờ quét cả trong sỏ trong sỉnh. Thành thử trong nhà thì những chỗ sỏ-sỉnh không trông thấy đều bẩn ngập ; mà còn bít-tất đan thì có lẽ thủng tứ-tung.

Nhân đây tôi xin kể qua sự ăn uống của tôi trong lúc đi du-lịch đó. Tôi ăn uống ra làm sao ? Thưa rằng : chẳng ra ngon, mà cũng chẳng ra không ngon. Đồ uống có mát không, cái đó tôi không có cái hân-hạnh nói đúng được. Vậy thời đồ uống tôi dùng đều nóng hay sao ? Không, tôi không có cái đặc-quyền dám quyết-đoán như vậy. Vả lại tôi cũng không dám phàn nàn, bởi vì nước uống của họ, rượu nho, rượu bọt của họ đều không nóng mà cũng không lạnh.

Ấy cả đến người họ cũng rứa. Không nóng mà cũng không lạnh.

Ở cái xứ dở-dang ấy, trên từ Chính-phủ, dưới đến tư-gia, không có cái gì là cái thực-thà đúng mực, quả-quyết cả. Ta thử nghĩ một nước như vậy thời ra sao ? Không có cái gì xấu, mà cũng chẳng có cái gì tốt. Nhưng mà như thế tưởng cũng không phải là hay Như thế thời là dở mà là quá dở vậy.

Một nửa cách-trí, một nửa tinh-xảo, một nửa thực-thà, một nửa hạnh-kiểm, như thế là nghĩa gì ? Vì rằng như thế thời lại không ra gì hơn là thiếu hẳn cách-trí, thiếu hẳn tinh-xảo, thiếu hẳn hạnh-kiểm vậy. Chẳng thà quỷ-quái mà thẳng, nói dối nhưng có can-đảm trong sự nói dối, thế lại hơn. Miễn là mình phải biết mình, không ra ngoài cái giới-hạn của mình. Ta thế nào thời cứ giữ như thế. Ta phải làm việc gì thời ta cứ việc ấy mà làm. Ta chớ nên đành chịu phận dở-dang. Vả chăng không gì bực mình bằng dở-dang.

Dở-dang nào có hay gì .....

Thế là tôi cũng đã biết thêm được một đôi tí ở xứ đó. Vậy nay đến buổi tôi phải trở ra về.

Biết bao nhiêu những sự bất-trắc, những sự cưỡng-bách, những sự trái ngược nó làm cho tôi phải tức mình đến nỗi những kẹo ngậm hơi của tôi hết sạch lúc nào không biết.

Vũ-Văn-Định dịch-thuật

(Trích ở trong thuyết-bộ Par le Sourire của Ch. Wagner tiên-sinh)

ĐỘC-GIẢ LUẬN-ĐÀN

Xem người

Vừa rồi tôi đọc báo « *Hữu-Thanh* » số 30, đến mục « *Độc-giả luận-đàn* » thấy có bài « Bóng-dáng bề ngoài » của ông Nguyễn-Dzương-Y, tôi đọc đi đọc lại vài lượt mà sinh cảm-tình vô-hạn. Ông Nguyễn thật đã xét hết nhân-tình thế-thái, nên khi cầm bút mô-tả đủ các hạng người đời mà nói sạch tình-lý.

Thực như lời ông Nguyễn nói! Chẳng kể những bọn lục-lục mưu-lợi hằng ngày như kẻ buôn bán, kẻ thợ-thuyền, v. v... thường có nhiều điều mạn-trá; cho đến chính kẻ ký tên trên tờ báo, họa tay trên diễn-đàn cũng không toàn là những người đạo-đức đáng làm mô-phạm cho ta. Ông Nguyễn viết bài ấy tháng trước, tôi họa theo bài của ông Nguyễn tháng này, cũng vậy, đều chưa chắc đã đủ mua lòng tin các nhà độc-giả khác. Chẳng những các nhà độc-giả không vội hẳng theo lời nói mà tin ông Nguyễn với tôi, mà chính ông Nguyễn chắc cũng không tự tin ông Nguyễn, tôi cũng không dám tự tin tôi được.

Mặt-mày giả-trá, áo-khăn giả-trá, cười giả-trá, khóc giả-trá, nói giả-trá, các cái giả-trá ấy còn dễ xét; đến như ngòi bút giả-trá, thời thật khó lường. Giả-trá nào dễ xét, cái tội giả-trá còn nhẹ; giả-trá nào khó xét thì cái tội giả-trá mới trọng mà thâm. Sao vậy? Đã gọi rằng giả-trá, không cần phải nói chi hình-thức thế nào, hành-vi thế nào, vẫn nên ghép vào một mặt luật khi-trá là phải. Nhưng xét ra cái hạng giả-trá thuộc về ăn-mặc, nói, cười, chẳng qua dối được một phần người nào thì phần người ấy mắc lầm hoặc bị hại. Mắc lầm hoặc bị hại ít thì tội man-trá còn ít; chớ như ngòi bút giả-trá, viết trên một tờ báo, là một vạn người xem, viết trên một quyển sách, là vô-số người đồng-thời và người hậu-học đều đọc, man-trá nhiều người bao nhiêu thì tội man-trá phải to bấy nhiêu. Vẫn biết rằng người viết báo hoặc viết sách nói gì mặc họ, người đọc báo, đọc sách phải suy nghĩ cho thấu lẽ phải chăng. Nhưng thử xem trong một trăm người đọc báo, đọc sách, được mấy mươi người biết suy xét. Giả-sử trong một trăm người có năm mươi người biết suy xét, cũng chưa chắc năm mươi người ấy đều chịu để trí suy xét, mà dù có để trí suy xét, lại chưa chắc đã chịu đem lẽ phải mà bảo cho năm mươi người khác được nghe. Huống chi ngòi bút giả-trá khi gạch lên trên tờ giấy, vô-luận nói phải, nói trái thế nào, đều đã phạm cái tội tự-khi và khi-nhân vậy. Mình còn mắc vào vòng cờ-bạc mà răn kẻ khác không nên cờ-bạc, mình còn phạm đến điều phi-nghĩa mà trách kẻ khác phạm điều phi-nghĩa, ấy là mình muốn giả-danh chính-nhơn quân-tử, mà dối người đọc báo đọc sách đó, chẳng phải là tự-khi và khi-nhơn hay sao?

Tôi nói điều ấy cũng sợ có trở-lực đến điều tiến-bộ của nhà ngôn-luận, nhà trước-thuật hiện-thời và tương-lai trong đồng-bang mình, vì theo như lời nói ở trên đó, thì ai chịu đương lấy địa-vị chính-nhân quân-tử để cho kẻ khác nghị-luận. Nhưng không phải thế. Một nước có giá-trị, vẫn là nhờ có nhiều nhà ngôn-luận, nhiều nhà trước-thuật. Nhà ngôn-luận, nhà trước-thuật không phải đợi toàn là chính-nhân quân-tử mới được cầm bút mà làm ra văn đâu. Văn-chương ngôn-ngữ cùng đức-hạnh là riêng từng khoa, xưa nay nhiều kẻ văn-chương hay hoặc ngôn-ngữ hay để tiếng trên đời, không phải toàn là có đức-hạnh; miễn là mình biết được điều gì hay, thì mình nói cho kẻ khác nghe, mình biết được điều gì dở, thì mình nói cho kẻ khác biết, ấy là một lẽ giúp nhau làm điều lành. Nhưng trước khi mình muốn cầm bút nói điều gì, mình nên xét lấy mình phỏng đã sạch chưa, thì hay hơn. Vả chăng nếu mình tự xét mình không tì-vết gì, thì dù mình tự đương lấy địa-vị chính-nhân quân-tử, cũng không ai nghị-luận mình được.

Tôi nói đến đó, tôi lại nghĩ đến một cớ khiến tôi ngạc-nhiên không giải-quyết được. Lạ thay! Mấy năm gần đây, tôi chỉ thấy ký tên trên tờ báo phần nhiều là hạng người tuổi trẻ học mới; tôi thấy làm ra sách này sách nọ cũng phần nhiều là người tuổi trẻ học mới. Tôi không hiểu cớ sao mà các cụ tiền-bối của ta lại làm thinh không chịu viết một tờ nào. Nói về tân-học, các cụ tiền-bối ta vẫn nên nhường cho con em nói là phải, chứ như mặt cách-ngôn cảnh-thế, các cụ chính là mô-phạm đạo-đức, sao chẳng hiện-thân thuyết-pháp cho con-em nghe? Mà các ông tuổi trẻ học mới lại thường thường hay giảng đạo-đức, học miệng ông thánh ông hiền, điều ấy cũng lạ! Tôi thấy có một vài ông như ông Dương-Hùng ngày xưa, làm ra sách thì toàn như sách Pháp-ngôn, sách Thái-huyền, lâu nay tôi vẫn tin các ông ấy là hiền là thánh, nay đọc đến bài của ông Nguyễn, thì tôi lại sinh-nghi.

Nói cho bình-tĩnh, ông thánh ông hiền không phải toàn là người có tuổi, vả lại người nào cũng học được làm ông thánh ông hiền. Các ông thường hay giảng đạo-đức, nói nhân-nghĩa đó, tuy họ chưa chính là thánh-hiền, nhưng cho là hạng người học làm thánh-hiền, tưởng cũng không phải quá đáng. Người nước ta cũng nên mong cho nhau học được ông thánh ông hiền, mà đừng nghi-kỵ nhau. Thế mà theo thường-tình của người nước ta, — nói về mặt đạo-đức — thì dù có đức-hạnh như ông Nhan-Uyên mà tuổi còn ít, tưởng cũng khó mua được lòng tin thiên-hạ!

Thế thì bậc lão-thành đạo-mạo đã ít toàn là người mô-phạm cả không? — Vấn-đề ấy, tôi không dám giải-quyết, vì tôi cũng về hạng ít tuổi, mà bàn đến các bậc tiền-bối, sợ đắc-tội với tiền-bối chăng!

Thôi! Tôi không dám phiếm-luận! Tôi xin tiếp theo đoạn trước bàn về sự giả-trá, để cho khỏi xa cái đề-mục: « Bóng-dáng bề ngoài » của ông Nguyễn đã.

Ông Nguyễn đã kể những sự man-trá ở đời và đã nói lược đến các cách tránh khỏi lừa-đảo; nay tôi xin bàn thêm vài câu như sau này:

Giả-trá có nhiều hạng, nói tóm thì có kẻ vì lòng khiếp-nhược mà giả-trá, kẻ vì lòng ích-kỷ mà giả-trá, kẻ khác nữa vì lòng hiếu-danh mà giả-trá.

Ví-dụ một người có tội lỗi gì phải tìm cách để tránh lỗi mình, ấy là vì khiếp-nhược mà giả-trá; hạng người này cũng rất nhiều mà cách man-trá

cũng tầm-thường không lưu-đọc đến ai mấy. Lừa người lấy của, dối người lấy lợi, ấy là vì lòng ích-kỷ mà giả-trá ; hạng người này cũng nhiều mà cách man-trá khiêu-khê, không thể nói hết, thường thường nó dối được ai thì nấy bị hại, nhưng ai đã bị nó dối một lượt thì biết, không đến nỗi bị hại nhiều lần. Hai hạng trên đó, tưởng không đợi trinh-thám lâu mới rõ. Chỉ có cái hạng thứ ba là hạng người hiếu-danh, là khó trinh-thám mà thôi.

Ôi ! danh là một thứ của báu giữa đời, ai mà chẳng muốn ! Bởi vì danh quí, nên kẻ hiếu-danh phải dùng đến cách giả-trá mà mua. Nói cho đáng, các hạng người hiếu-danh xưa nay phần nhiều bổ-ích cho xã-hội, dù kẻ giả-trá về danh cũng thế. Sao vậy ? Trên xã-hội nào, hạng người giả-trá vì danh cũng nhiều, nếu họ không vì danh mà gánh-vác việc xã-hội, thì một số ít chân-chính anh-hùng hào-kiệt có xướng không ai họa, có làm không ai theo, bao giờ nên được việc gì ! Hạng người ấy có kẻ nay theo đảng này, mai theo đảng khác, trước làm một người rõ hay, sau làm một người rõ dở, ta có thể xét mà biết được. Nhưng có kẻ khác trước vẫn vì danh mà giả-trá, đến khi đã cầu được danh, thì gắng giữ lấy danh cho trọn, hóa ra thành một người hay ; lại có kẻ giả-trá mua danh, nửa chừng vì danh mà chết, lại che được cái tiếng giả-trá. Những bọn giả-trá mới nói đó, ta muốn trinh-thám họ, tưởng cũng khó vậy.

Muốn trinh-thám cái hạng người thuộc về hạng hiếu-danh, thì phải làm thế nào ?

Lấy diện-mạo mà phân-biệt người lành kẻ dữ, vẫn không đúng ; lấy lời nói mà phân-biệt người thực kẻ dối, lại cũng không đúng. Bàn đến đề-mục « xem người », lẽ phải nói đến sự hành-động của người, là đúng hơn.

Thế mà hạng người hiếu-danh chính giữa mặt hành-động mà man-trá thiên-hạ : Tề-Hoàn, Tấn-Văn giả-nhân giả-nghĩa, giả việc tôn Châu, nên các vua Hầu-quốc đời Xuân-thu mới nghe theo ; Vương-Mãng giả làm khiêm-kính trọng-dãi người hiền, nên các tôi đời Hán đều tin mà xưng-tụng công-đức ; Tào-Tháo giả xướng nghĩa đánh giặc phò vua, nên bọn Vương-Doãn, Trần-Cung mắc lầm trước, mà bọn Tuấn-Úc mắc lầm sau ; anh em Lô-bối-ty-biết (Rober-pierre) trong khi làm việc cách-mạnh, ai ngờ là một người không thương nước ; cha con Nguyễn-hữu-Chỉnh trong khi giết Trịnh phò Lê, ai ngờ là đê-đảo tiểu-nhân. Đó là cử một đôi kẻ đại-gian-hùng mà thôi, suy ra nữa lại còn nhiều người lấy việc làm mà man-trá ta được. Ai nghe người hiếu-tử mà không kính-chuộng ; nhưng có kẻ vãi lúa cho chim ăn, mỗi khi khóc cha mẹ thì chim bay xuống. Ai nghe người ở ẩn không cầu danh-lợi, mà không gọi rằng cao-thượng ; nhưng có kẻ giả làm ra mặt Hứa-Do, Sào-Phủ, để giọn con đường tiệp-kinh làm quan.

Mình theo việc hành-động để trinh-thám họ, họ lại dùng việc để man-trá mình ! Khó làm thay ! Ông Khổng-tử có dạy rằng : « Thị kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở ấn » nghĩa là trước xem việc làm của họ phải hay trái, sau lại xét xem ý họ có yên chí việc làm của họ hay không. — Ông Mạnh-tử có nói rằng : « Những người hiếu-danh, có khi nhường nước cho họ làm vua, họ cũng không làm, nhưng đã là giả-dối, thì đến khi mất bát cơm bát canh mọn, lại hiện ngay ra sắc mặt. »

Theo như lời hai bậc thánh-hiền ở Á-Đông nói đó, ta thấy ai làm việc hay, ta xét ý họ có nhất-định ưa việc hay mà làm không ; ta thấy ai làm việc dở, ta xét họ có chủ-ý ưa làm việc dở không. Thường thường mấy kẻ hiếu-danh giả làm việc anh-hùng hào-kiệt, giả làm việc siêu-thoát thường-tình, nếu ta xét đến việc tiểu-tiết của họ, thì ta đoán rõ họ là người giả-dối được. Bởi vì họ chỉ chăm làm việc cao-xa để mua danh-dự, còn việc nhỏ-mọn thì họ không ngờ ta xét đến đó, nên họ có khi sơ-phòng.

Tuy thế, xem người là một sự rất khó, nếu ta không lịch-duyệt trò đời, không có con mắt tinh-giám, thì cũng không khỏi tin lầm, không những xem hạng hiếu-danh là khó cho ta mà thôi, cho đến chính hạng quân-tử không hiếu-danh, mà ta cũng khó lòng dò được.

Vậy thì ta phải trinh-thám mới biết được hạng người quân-tử hay sao ?

Đã gọi rằng chính-nhân quân-tử, thì làm việc minh-minh bạch-bạch, có giả-trá gì mà ta cần phải trinh-thám. Chính-nhân quân-tử vẫn không làm điều gì man-trá, nhưng vì chính-nhân quân-tử không hiếu-danh, nên ta xem bề ngoài chẳng khác gì người lưu-tục. Say-sưa như ông Lưu-Linh, điên-cuồng như ông Nguyễn-Tịch, ngơ-ngẩn như ông Phong-Tiên (La Fontaine), hát-xướng như ông Mô-Ly-E (Molière), các ông ấy tính thích điều gì thì làm điều ấy, nếu ta không có con mắt tinh-giám, thì dù gặp các ông cũng không biết các ông là người thế nào. Ta thấy ông Khổng-Minh ôm vế ngâm thơ trong núi, ta cho là một anh hủ-nho ; ta thấy ông Tỷ-Sĩ-Mạch (Bismaock) hào-hoa du-đãng lúc còn trẻ, ta cho là một cậu công-tử-bột ; ta thấy ông Mao-Nghĩa cầm tờ hịch của quan tỉnh mời ra làm quan mà mừng, thì ta đoán rằng một người tham công-danh. Hình-tích các ông ấy cũng như hình-tích người thường, nếu không phải thâm-giao với các ông, thì lời bình-luận của ta ắt sai nhiều lắm. Vì thế người xưa có câu nói rằng : « Thiên-hạ đắc nhất tri-kỷ, túc dĩ bất hận » ý nói được một người tri-kỷ là khó. Ôi ! anh-hùng mới biết được anh-hùng, hào-kiệt mới biết được hào-kiệt ! Không phải Tư-Mã-Huy ai biết Phục-long, Phụng-sồ ; không phải Trần-Đức-Hòa, ai biết ông Đào-Duy-Từ ?.... Ta muốn trinh-thám đến hạng người ấy, tưởng lại càng khó hơn trinh-thám hạng người giả-trá kia một tầng.

Nói tóm lại thì người đời chính hay tà, quân-tử hay tiểu-nhân đều khó trinh-thám, ta phải tuân theo lời ông Khổng-tử dạy cách xem người mới được. Nhưng trước khi ta trinh-thám người nào, ta phải lấy một lẽ công-bằng đối với người ấy, thấy họ làm một điều gì hợp ý mình, chớ quyết rằng điều ấy là phải, thấy họ làm một điều gì không như ý mình, cũng chớ quyết rằng điều ấy là trái. Đến khi ta đã quyết một điều gì của họ làm là phải thì ta mừng cho họ, một điều gì của họ làm là trái thì ta ngại cho họ ; nhưng chớ vội đoán họ là quân-tử hoặc tiểu-nhân. Ta xét đi xét lại, ta xét họ, ta lại xét ta, bao giờ ta không còn chút tư-ý gì, chút thiên-kiến gì, mới dám phẩm-bình họ là người thế nào được. Không thế, ta mắc lầm kẻ giả-trá, mà mang lỗi khinh-luận các bậc hiền-hào.

LÂM-MẬU
Ex-Instituteur (Trung-kỳ)

VĂN THƠ

Tặng người cũ

Con bướm vườn xuân mấy độ qua,
Lìa cành riêng vẫn tiếc cho hoa.
Những toan vàng đá cùng ghi tạc,
Mà chẳng non sông bỗng cách xa!
Rõ khéo ẩm-ờ chi Tọa trẻ!
Sao không soi-xét hỡi Trăng già!
Tình-duyên ngẫm lại buồn cười nhỉ,
Âu cũng vô-vàn chẳng một ta!

Tiễn bạn

Trân-trọng đưa nhau tới mạn tầu,
Mặt nhìn tay chẳng nỡ dời nhau!
Trông vời non nước sa hàng lệ;
Ngẫm nỗi bèo mây sẻ mối sầu.
Vừa đó vui-vầy chưa mấy chốc!
Rồi đây xa-cách biết là đâu!
Trùng-phùng dầu có hay không nữa,
Ai chớ quên ai, dặn một câu.

Lại gặp người xưa

(Làm hộ người quen)

Xiết bao nhớ trộm với thương thầm!
Một tấm tình riêng, chốc mấy năm!
Bèo nước chắc đâu cơ tái-ngộ,
Non sông này vẫn khách tri-âm.
Tấc lòng son nọ tuy chưa giãi,
Đôi mắt xanh ai cũng chẳng lầm.
Âu hẳn ba-sinh duyên nợ sẵn,
Đá vàng xin tạc chữ đồng-tâm.

Nguyễn-Thượng-Huyền

PHÚ-ĐẮC :

Con cò lặn lội bờ sông.
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ-non

Kìa tiếng cò con có phải không?
Cớ gì ti-tỉ khóc bên sông?
Giang-san một gánh sầu trăm đoạn!
Nam bắc chia tay lệ mấy dòng!
Nào lúc trong đồng dan-díu nghĩa!
Mà nay mặt nước xót-xa lòng!
Bề tình chìm nỗi thương thân thiếp,
Trinh-bạch cùng chàng sá quản công.

Hang Địch-lộng

(thuộc huyện Gia-viễn)

Địch-lộng lưng trời một cửa hang,
Hỏi hang đã trải mấy tang-thương?
Thợ trời đá mọc bầy hàng quán;
Tòa bụt rêu phong nếp khói hương.
Chuông thỉnh mái thuyền vang khúc gió;
Trăng cài cửa động rạng mầu gương.
Một bầu phong-cảnh nhường quên tục,
Khiến khách hồn thơ luống vẩn-vương!

Hoa sen

Trên trời dưới nước giữa thời hoa,
Một điểm linh-đài khéo nở ra.
Hồ ngọc thảnh-thơi khoe sắc thắm,
Gió nam ngào-ngạt nức hương xa.
Nỗi danh bốn bể người quân-tử,
Mà bạn trên tòa đức Thích-ca.
Nhắn nhủ mắt xanh nào những kẻ:
Lòng vàng chẳng nhuộm chất bùn pha.

Thọ-vực Nguyễn-Xuân-Đài
(Gia-viễn)

Trò đời

Nghĩ kỹ mà xem cái thói đời,
Thói đời giáo-giở quá trò chơi!
Khinh-tài trọng-nghĩa nào ai nhỉ!
Đổi trắng thay đen có thế thôi!
Phú-quí ngoài da sơ quá mướp!
Nhân-tình đầu lưỡi đặm hơn vôi!
Nỗi niềm ta biết cùng ai hỏi,
Nghĩ kỹ mà xem cái thói đời!

Tùng-long Nguyễn-Khánh-Vận

Chiều mùa đông

(Cổ-thể)

Ngẫm cảnh chiều đông mờ-mịt tối,
Non nước âm-thầm buồn lắm nỗi!
Mây lồng đỉnh núi lừ-đừ bay,
Bèo trôi mặt nước lênh-đênh nổi!
Sao-sác về tổ đàn chim kêu;
Văng-vẳng thu-không tiếng ốc thổi.
Hồi chuông chiều-mộ gió xa đưa;
Lều cỏ cô-thôn xương phủ lối.
Người nơi đồng-nội lạnh-lùng sao!
Kẻ chốn thâm-khuê đốt lò sưởi!
Đau lòng rẽ khóc oán trời đông!
Não cảnh quyên sầu thưa tiếng gọi!
Tựa hiên ngẫm cảnh da bồi-hồi!
Xuôi ngược cảm ai thân lận-lội!
Nghiêng bầu mượn chén gượng làm vui,
Gió lạnh-lùng đưa lòng bối-rối!....

Tuyết-mai, Bùi-Xuân-Quang

Đêm vắng nghĩ buồn

Chữ sắc ghen chi với chữ tài!
Mối tình riêng những rối vì ai!
Mơ-màng giấc điệp đèn chung bóng,
Hiu-hắt hơi may gió ghẹo người!
Kìa đám mây xanh in vẻ nguyệt,
Này làn nước biếc lẫn da trời.
Ai lên nhắn hỏi ai xanh thẳm:
Chữ sắc ghen chi với chữ tài?

Cảm-hứng

(Liên-hoàn điệu)

Ngồi buồn lấy giấy viết thơ chơi,
Nhắn hỏi ai đây, hỏi thợ trời:
Hai chữ lợi-danh sao lúng-túng,
Một thuyền tình-nghĩa vẫn chơi vơi?
Hay còn nợ trước chi chi đó,
Mà để thân này thế thế thôi?
Thân-thế sao đây xin bảo thật,
Kẻo mang tai mắt ở trên đời.

. . .

Kẻo mang tai mắt ở trên đời,
Tuổi ngoại ba mươi vẫn thế thôi!
Mới được mươi năm tình sởi-lởi,
Đã từng trăm trận cuộc đầy vơi!
Tẻ vui ý hẳn theo tuần đất,
Nghìn vạn keo chi sẵn của trời!
Hay bởi thông-minh tài-trí lắm,
Yêu nhau trước hãy cợt nhau chơi?

Chán đời

Ta nghĩ mà ta cũng chán đời!
Chán đời đời chán, chán đời chơi!
Chán khi lững-thững con đường vắng!
Chán lúc lim-dim cái quạt rơi!
Chán ngẫm lưng trời mây lẩn-vẩn!
Chán trông mặt bể sóng đầy-vơi!
Lòng riêng đã chán, gì không chán!
Chán cả trăm năm đống đất vùi!

Nhớ ai

Ngồi nghĩ càng thêm nỗi nhớ ai!
Nhớ ai lòng những ngẩn-ngơ hoài!
Nhớ khi quẫng vắng cầm tay hỏi,
Nhớ lúc đêm thanh mỉm miệng cười.
Nhớ chén kim-bôi bình rượu rót,
Nhớ câu bạch-tuyết vận thơ bài.
Nhớ sao đi đứng ra vào nhớ?
Đêm có năm canh nhớ đến mười!

Phải chơi

(Miễu)

Đã sinh ra giống đa-tình,
Không chơi trời cũng bắt mình phải chơi.
Thà rằng mang tiếng chơi-bời,
Còn hơn ngồi chực nửa đời hóa dê!

(Nói)

Tam vạn lục thiên nhật,
Hạn trăm năm trẻ tạo đã an-bài.
Trót đa-mang mang tiếng là trai,
Nợ hoa-nguyệt ấy ai ai nên trả trắng!
Mùi thế-vị trải đắng-cay cay-đắng,
Cuộc trần-hoàn thay đen đỏ đỏ đen!
Đã sa chân vào chốn đua chen,
Giục lòng khách hơn-ghen chi lắm tá!
Xuân khứ xuân lai xuân dị quá,
Cảnh phù-sinh mấy chốc đã nên già!
Ai ơi, chơi cố kẻo mà!....

Ngọc-đình, Nguyễn-Quang-Lâm

Gửi bạn

(Khi tôi ở Hongay đổi đi Bạch-hạc, ông Tống-ngọc-Mai có mấy bài thơ tiễn đưa. Tôi nhân gửi mấy bài sau này đáp lại, gọi là biểu chút cảm-tình cùng bạn. Sau lại tiếp được hai bài ông Mai gửi cho, có ý đáp lại mấy bài trước. Vậy xin lục đăng cả.)

I

Mặt bể chân trời chốc mấy xuân,
Cũng vui vui có bạn làng văn.
Mông-dương xa bác hồi năm ngoái,
Giờ lại thêm xa cách mấy lần !

II

Xa cách nhưng lòng vẫn chẳng xa,
Xin ai đừng ngại cách quan-hà.
Khách trên sông Hạc, người miền bể,
Ấu vẫn chung-quanh đất nước nhà.

III

Giở báo xem thơ bác tiễn tôi,
Tấc lòng nhớ bác lại khôn nguôi !
Nhớ nhau thôi cũng là thường nhỉ,
Còn có văn-chương ta vẫn vui.

Trịnh-Đình-Rư

Đáp lại mấy bài trên

I

Người bờ bể nhớ kẻ bên trời,
Lòng vẫn bâng-khuâng vẫn chửa nguôi!
Giấc điệp mơ-màng vừa sực tỉnh,
Bên tai văng-vẳng bạn trao lời.

II

Bác vẫn không quên bạn ở xa,
Tạ lòng luyến-ái biết bao là.....
Nước non xa cũng không xa mấy,
Chắc có ngày ta lại gặp ta.

Tống-Ngọc-Mai

Phú đắc :

« Hảo-thê đa bạng chuyết-phu miên »

Tài-sắc càng thêm tạo-hóa ghen,
Phẩm tiên thường vẫn bén tay hèn !
Tiếc thay ông nguyệt se đầm-thắm,
Chỉ để mầu hoa lộn trắng đen !
Ngán thiếp hồng-nhan mà bạc-phận,
Mừng chàng xú-diện hóa may duyên !
Ai hay tránh khỏi vòng phu-phụ,
Nhắm mắt làm thinh lúc tắt đèn !

Hưu-nhân Hy-Tống

VĂN TRUNG-KỲ

Thế-cố nhân-tình phú

(Đọc-vận làm theo lời ngạn-ngữ)

Lui-tới dập-dìu,
Sôn-sao nhở ó ?
Nói-phô lắm sự nực cười,
Ăn-ở nhiều bề khó ngó.

Kẻ thì chém cây sống trồng cây chết, lòng sâu thật dã khôn dò ;

Kẻ thì bắt đầu cá vá đầu tôm, dạ tép hình chừng cũng nhỏ.

Có người giương mắt ếch, coi ra bộ trợn-trừng trợn-trạc, hung-hăng gậy múa vườn hoang.

Có người mỉn cười ròi, đưa những lời nhẹ bỗng nhẹ bỗng, xúc-xếch rắn bò miệng lỗ.

Rượu làng thời uống, bầu mang những tiếng vân-vi ;

Thuộc họ vài câu, trống đánh mà dùi bỏ-ngỏ.

Mười voi không được bát xáo, nói rứa rứa răng.

Một chạch cũng chẳng đầy đùm, kể chi chi đó.

Biết chưa được mấy thì, thế mà đi đã tay hoa.

Người cũng có ba loài, há dám coi như ngọn cỏ.

Biết thời thưa-thốt, đừng khoe như thánh như thần.

Ngọng lại năng phô, ra sự dở điên dở ngộ.

Mo ai kẻ nấy, không thời bữa một vài lưng.

La-lúng làm chi, nói những sự mấy gông một cổ.

Đói chẳng tha, giầu ra có phận, thôi chớ vênh-vang.

Ăn nên đọi, nói cho nên lời, làm chi ló-xó.

Chẳng thà quăng xuống nước, ai được nhờ ai được cậy, vào luồn ra lụy thế cho cam.

Đã có lưng bát cơm, chẳng nỡ uống chẳng nỡ ăn, khẩu-khỉnh cơ-cầu chi quá khổ.

Tan-tác ba bè bầy mảng, hở môi nói đã hứng thuyền.

Đi về anh ngược chú xuôi, nhóm gót xem không phải bộ.

Quyền rơm chừng thật nhẹ, tay xoang cánh vuốt, chẳng qua những bác thị-hùng.

Mách thóc thấy cũng vơ, dạ độc lòng tham, gẫm lại trong lòng đã hổ.

Chẳng ưa nói thừa cho xấu, chịu tiếng oan mang tiếng vụng, lưỡi người thật không xương.

Vì khó nên bó lấy khôn, bán đường ngắn mua đường dài, mắt ta đã có chộ.

Mỡ rước voi về giậm, đôi đường thế phải xở-xang.

Bếp đề gà người bươi, một cục hình như bó nhó.

Ăn không nhai nói không nghĩ, nhân-tình xem cũng lạ thay !

Hơn một ngày hay một điều, chính-lý khuyên người phải tỏ.

Gương hiền-thánh càng treo càng rạng, văn-nhân tài-tử những làng.

Việc thị-phi như cắt như in, dẫu quỉ-thuật tà-ngôn mặc họ.

Nhân thong-thả kể bên thư-án, vừa tuần gió mát trăng trong.

Lấy nôm-na giãi-tỏ tục-tình, kẻ-lể đường nầy nỗi nọ.

Võ-Công-Hòa

LĨNH-NAM DẬT-SỬ DIỄN-CA

(Diễn-giả : Lâm-Chức-Hiến tiên-sinh)

Vườn thu gặp buổi thung-dung,
Vài pho tiểu-thuyết chuyện cùng trẻ-thơ.
Lĩnh-nam này cũng truyện xưa,
Anh-hùng một gã, anh thư bốn nàng.
Tơ tình vướng với giây oan,
Bèo mây lắm lúc hợp-tan, buồn cười.
Lạ gì thường, biến cuộc đời,
Lò-cừ cố đúc cho người nên thân.(1)
Trước đèn ngẫm việc cổ-nhân,
Những điều họa-phúc khuyên-răn rành-rành.

1. Lò-cừ cũng như nói lò tạo hóa, có chữ rằng : thiên-địa nhất cừ lô.

HỒI THỨ NHẤT

Hoàng-Phùng-Ngọc lên chơi chùa gặp sư Thạch-ấn

Đời vua Vạn-lịch, triều Minh,
Triều-châu Trình-huyện thuộc thành Quảng-đông.
Đào-hoa-thôn có Hoàng-công,
Tư-trai là hiệu, vốn dòng thư-hương.
Một trai anh-tú khác thường,
Mặt đường quan-ngọc, mắt đường thụ-tinh.(1)
Chữ là Phùng-Ngọc, tên Quỳnh,
Mới lên mười tuổi thông-minh ai bì.

1. Thụ-tinh là sao Mai.

Non-sông chung-đúc cũng kỳ,
Tiên-gươm gồm sức, thánh-thi gồm tài.(1)
Trùng-dương lên chốn Sơn-đài,
Ghé chùa Thạch-ấn viếng người thượng-nhân.
Đầy chùa đàn-việt xa gần, (2)
Thập phương dâng lễ, lục-tuần vui chay.
Thấy chàng tuổi trẻ thơ hay,
Mấy đề tức-tịch, một tay cậy làm.(3)
Những câu tả cảnh giả-lam,(4)
Những câu chúc-hộ cù-đàm, tứ cao
Người đều khen đấng thi-hào.
Thần-đồng đáng mặt kém nào gã Oanh.(5)
Cửa thuyền đã mãn tiệc quỳnh,
Sư đưa Phùng-Ngọc đinh-ninh mấy lời.
Rằng : « Người sau hưởng lộc trời,
Trên đầu báo-đáp,giữa đời công-danh.
Chỉ hiềm mang lấy nợ tình,
Càng nhiều kỳ-ngộ càng sinh oán-thù.
Cơ trời thường biến mặc dù,
Miễn sao giữ được lòng tu cho thường.
Trú linh này tặng cho chàng,
Giúp người hoạn-nạn gặp đường nhân-duyên ! »
Cúi đầu vâng lĩnh bi-truyền,
Tạ từ chàng mới lui miền Đào-thôn.
Tự ngày dự tiệc thuyền-môn,
Tài đè Nguyễn, Bạch, tiếng đồn gần xa. (6)
Cao-nhân quí-khách đến nhà,
Luận bàn nghĩa mới, sa-đà câu hay.
Thoi đưa ngày tháng tháng ngày,
Mới mười xuân đó thêm rầy sáu xuân.

HỒI THỨ HAI

Hoàng-Phùng - Ngọc qua Tùng - hóa thăm cô

Nhà Hoàng có một cô thân,
Theo chồng sinh-lý đã gần mười năm.
Vốn không nhạn-tín ngư-âm,
Chẳng hay cảnh huống thăng, trầm ra sao ?
Bây giờ cô tuổi đã cao,
Thăm cô biết có người nào nên đi.
Quê cô cũng chẳng gần chi,
Huyện là Tùng-hóa, làng là Trà-san.
Thấy con học giỏi, tính ngoan,
Việc cô ông mới ngỏ bàn trước sau.
Sinh nghe vâng mệnh cúi đầu,
Rằng: « Con nghe cảnh La-phù rất vui. (1)
Lâu nay chỉ ước qua chơi,
Vì đeo dưới gối, dám dời gót chân.
Nay qua Tùng-hóa phỏng chừng,
Non La-phù cũng ở gần nẻo đi. »
Ông rằng: « Sông đẹp núi kỳ,
Cũng thường giúp tứ văn-thi cho người.
Thăm cô thừa tiện ghé chơi,
Mở-mang học-thức một vài, ấy nên ! »
Hành-trang dạy sắm-sửa liền,
Hoàng-Thông, Hoàng-Hán hai tên tùy-hành.
Đem theo vài xấp gấm Trình, (2)
Lấy đồ sản-vật, gọi tình chí-thân.
Dặn-dò mọi nỗi ân-cần,
Ông bà ra cửa tiễn chân lên đàng.
Ông rằng: « Đàng-sá gian-nan,
Phải dè thân trẻ, mới an lòng già ! »
Bà rằng: « Du-tử phương xa,
Liệu về cho sớm kẻo ta ngại lòng ! »
Lậy xin cha mẹ chớ trông :
« Ít chừng đôi tháng, nhiều cùng ba trăng. »
Mấy lời chép dạ khăng-khăng,
Ra đi chính lúc trung-tuần tháng hai.
Vó câu lần ruổi đàng mai, (3)
Lắm nơi thắng-tích, lắm bài đai-thi.
Gần đàng có một đình-bi,
« Sư-Hùng, mộng-xứ » (4) chữ ghi rõ-ràng.

1. Chữ rằng kiêm-toàn thi-thánh.
2. Đàn-việt là người đến bố-thí ở chùa.
3. Thơ tức cảnh làm liền tại-tọa gọi là tức tịch.
4. Già-lam là chùa, cù-đàm là sư.
5. Ông Tô-Anh khi xưa mới tám tuổi đã biết ngâm thơ.
6. Xưa ông Dương như-Sĩ làm thơ đề được ông Nguyễn, ông Bạch là hai người có tiếng hay chữ.

1. La phù là một núi đẹp nhất ở Quảng-đông.
2. Gấm Trình là gấm ở Huyện Trình-Hương.
3. Vó câu là vó ngựa; Đàng mai chữ là mai-dịch.
4. Xưa ông Triệu-Sư-Hùng đi đến đó nằm ngủ dưới cây mai, chiêm bao gặp tiên. Nên ở xứ ấy còn bia kỷ đề bốn chữ: « Sư-Hùng mộng-xứ. »

Gần đình mai nở thành hàng,
Hỏi ra mới biết ấy làng Mai-hoa.
Vì ai xui-khiến lân-la,
Vì say cảnh thắng, xui ra kỳ-phùng.
Bội-hoàn đâu bỗng tiếng rung,
Dưới mai thoắt thấy bóng hồng, hồn kinh.
Trạc chừng hai tám xuân-xanh,
Người tiên đâu đó, giáng-sinh cõi trần ?
Nếp khuê-các, vẻ thoa-quần,
Thôn-trang (1) đâu cũng ở gần lại chơi.
Tình-cờ người lại gặp người,
Gót sen nhẹ-nhẹ bước rời đàng hoa.
Trông theo chàng cũng theo qua,
Bên tường mẫu-lệ hằng-nga bước vào. (2)
Ngại-ngùng khốn hỏi khốn chào,
Thực chăng hay giấc chiêm bao chẳng là ?
Sinh đương thơ-thẩn thiết-tha,
Dưới tường thấy một cụ già ra chơi.
Tóc râu xem phỏng sáu mươi,
Dung-nhan ăn-mặc ra người nho-phong.

HỒI THỨ BA

Hoàng - Phùng - Ngọc gặp Trương-Thu-Cốc

Vội vàng đến trước chào ông,
Rằng : « Tôi lữ-thứ xin lòng rộng thương!
Ngựa câu nhờ miếng cỏ vườn, (3)
Tớ thầy nhờ một trú-phường nghỉ chân. »
Thấy chàng phong-nhã văn-nhân,
Ông liền đáp lễ tiếp-tân vào nhà.
Trái tây vừa cạn chén trà,
Ân-cần khách chủ gần xa hỏi tường.
Ông thì tên Hãn, họ Trương,
Hiệu là Thu-cốc, ở làng Mai-hoa.
Hỏi chàng tên họ quê nhà,
Rằng : « Tôi Phùng-Ngọc, Đào-hoa là
Thăm cô qua đất Trà-san, làng.
May đâu nay được biết Hàn-Kinh-Chi u. » (4)
Hai người trò chuyện hồi lâu,
Chủ, tình đạm-bạc,khách, câu văn bài.
Trống canh mới điểm một vài,
Lửa binh đâu đã đến nơi thình-lình.
Giặc Hỏa-đới, tướng Lại-Danh, (1)
Bốn năm trăm đứa cướp quanh xóm làng.
Nhà Trương nghe báo vội vàng,
Nhớ lời Thạch-Ấn nên chàng ra tay.
Khiến đem một bát nước đầy,
Múa gươm, niệm chú làm ngay phép thần.
Phép ra sóng nổi đất bằng,
Đứng xa thấy cửa lại gần thấy sông.
Lâu-la đến cửa Trương-công,
Tưởng nơi linh-địa đều không dám vào.
Giờ lâu lặng tiếng gươm dao,
Một vài tiếng chó nguồn đào sủa trăng (2)
Ông bà Thu-Cốc lòng mừng,
Áp-kinh (3) rót chén, cảm-ân bầy tình.
Rằng : « Nay hóa dữ làm lành !
Thật là cốt nhục tử sinh nhờ người » (4)
Thưa rằng : « Ông phước tầy trời,
Công tôi chi có nặng lời tạ ân. »
Trời khuya gần lạt bóng ngân, (5)
Chàng xin đặt gối nghỉ lưng phòng ngoài.
Phòng trong ông tựa án ngồi,
Xa gần còn nhọc một hồi tấm riêng.
Người đâu thơ thánh, gươm tiên,
Gặp đây chẳng cũng là duyên phận mình.
Người đâu tuổi-tác còn xanh,
Điều ăn nết ở lão-thành mấy ai.
Duyên con cũng muốn hòa-hai,
Đào-thôn ngại nỗi đàng dài khốn phân.
Ở đây giặc cướp lại gần,
Có đâu người cứ mỗi lần cứu cho.

1. Thôn-trang là nhà ở chốn hương thôn.
2. Tường mẫu-lệ là tường xây bằng đất.
3. Người xưa cầm khách ở lại, cột ngựa cây trong vườn mà.
4. Xưa ông Lý-Bạch biết được ông Hàn-Kinh Châu lấy làm may lắm.

1. Xứ ấy có tên Lại-Danh làm giặc. Hiệu là giặc Hỏa-đới.
2. Nguồn đào chữ là đào nguyên.
3. Uống rượu để đè áp lòng sợ. Gọi là áp kinh.
4. Xương mà hóa thịt chết mà hóa sống, chữ rằng tử sinh-nhơn, nhục bách cốt. . .
5. Bóng ngân là bóng trăng, chữ rằng nguyệt-sắc như ngân.

Chi bằng giả nghĩa Trần-Châu, (1)
Đẹp duyên phượng-lữ ngâm câu [Thước-sào. (2)
Dời nhà qua ở thôn Đào,
Đoàn-viên hai họ lẽ nào chẳng hay!
Gọi Hoàng-Thông đến hỏi ngay,
Rằng:«Tài-tử đã vẽ mày đâu chưa?»(3)
Thông rằng: « Vẫn có nguyền xưa,
Được người sắc nước mới ưa lòng [chàng.
Bấy lâu nhiều chỗ giầu sang,
Mà bề nhan-sắc tầm thường cũng [không.....
Được như lệnh-ái chưa chồng, (4)
Đào non gặp tiết lá hồng đề thi. (5)
Ông rằng: « Ơn nặng còn ghi,
Biết lòng người có yêu vì cho chăng?»
Non bồng chẳng cách mấy từng, (6)
Chim xanh khi đã ân cần dò la.
Sinh nằm nghĩ nghị gần xa,
So tài Quân-thụy cứu nhà Song- [Văn. (7)
Cơ-duyên này bởi phép thần,
Lời sư đã nghiệm vài phần rồi đây.

HỒI THỨ TƯ

Kết duyên Trương-Quí-Nhi

Vừng đông phút đã rạng ngày,
Thực tình ông mới tỏ ngay lòng già.
Chi-Long, con trưởng trong nhà,
Theo nghề buôn bán phương xa một [mình.
Phi-Long con thứ tuổi xanh,
Theo thầy học-tập ở thành Dịch-sơn.
Ở nhà gia-thế cô-đơn,
Quí-nhi cùng với gia-nhơn vài người.
Côn-đồ phá hại khắp nơi,
Muốn xa tai nạn phải rời gia-cư.

1. Xưa họ Trần họ Châu đời đời kết hôn.
2. Phượng lữ là lứa đôi chim phượng-hoàng, thước-sào ý nói đi ở ngụ làng Đào-hoa.
3. Xưa ông Trương-Xưởng vẽ mày cho vợ.
4. Lệnh-ái là con gái ông.
5. Có câu thơ rằng bồng sơn thử khứ vô đa lộ, hành-điều ân-cần vị thám khan.
6. Quận thụy là Trương-Hồng, Song-Văn là nàng Thôi-Oanh-oanh.
7. Quận-thụy đuổi được giặc Tôn-Phi-Hổ cứu mẹ con nàng Song-Văn khi ở chùa.

Ơn người tạc-dạ khư-khư,
Nguyện vầy duyên trẻ đề nhờ phước [sau.
Đào-thôn về ở với nhau,
Trăm đời để tiếng Trần Châu một [lòng. (1)
Thưa rằng: « Ngài có lòng thương,
Rùng gai mừng thấy phượng-loan mấy [lần. (2)
Nhà tôi được tiếp phương-lân, (3)
Thật may tơ trắng phụ gần chàm- [son. (4)
Đến như cái sự kết hôn,
Sợ không phụ-mệnh môi-ngôn dám [đành.
Huống chi sáu lễ chưa thành,
Giữa đường đâu lẽ tiện mình vơ [duyên. »
Ông rằng: « Dại-ngẫu tự thiên,
Gặp đây kỳ-ngộ kinh-quyền phải cầu.
Một lời gọi nghĩa Tấn Tần, (5)
Sau về thưa với hai thân ắt đành. »
Nghe lời tình đã nặng tình,
Hai bên ngọc nhuận, băng-thanh bằng [lòng. (6)
Duyên lành mới bén tơ-hồng,
Gấm Trình một xấp tạm dùng của tin.
Ông cầm bức gấm mặt nhìn,
Cây tùng, chữ thọ thêm in rõ ràng.
Rằng: « Này điềm tốt tạo-đoan.» (7)
Vào trong ông mới trao nàng Quí-nhi.
Kim-thoa lại rút một chi,
Ra trao Phùng-Ngọc đề nghi lời vàng.
Ba ngày mở tiệc hợp-hoan,
Cáo-từ chàng định lên đàng Hóa-châu.
Rằng: « Đi mấy lúc đã lâu,
Đoàn-viên xin đợi ngày sau còn nhiều.

1. Họ Trần họ Châu xưa ở một làng mà đời đời kết tình thân-gia nên người ta gọi làng ấy là làng Châu Trần.
2. Ý nói làng quê mùa, được ngài đến ở là quí lắm.
3. Cổ văn là câu: tiếp Mạnh-thị ghi phương lân.
4. Có chữ rằng; Tố-ty phục cận châu-lam, ý nói nhờ ngài dạy bảo cho.
5. Nước Tấn nước Tần làm thông-gia.
6. Ngọc-nhuận là chàng đề.
7. Băng-thanh là bố vợ.
8. Tạo-đoan phu-phụ.

Tưởng người tựa cửa trông theo,
Nhớ con đà não bao nhiêu lòng già.
Huống chi Tùng-hóa còn xa,
Thăm cô, tôi phải đi qua rồi về. »

HỒI THỨ NĂM

Gây thù Hà-Túc-Tượng

Ông rằng: «Thi-xã gần kề
Nhân ngày dục-phật (1) đua nghề thi [tiên.
Sẵn tài tịch-thượng trăm thiên, (2)
Tao-đàn thử sức sinh-viên huyện này.
Cảnh La-phù cũng gần đây,
Hạch rồi viếng cảnh vài ngày cho vui.»
Đường xa lòng vẫn bồi-hồi,
Mà duyên mới cũng sụt-sùi khôn đi.
Lần-lừa khảo hạch đến kỳ,
Hoàng-lang cũng đến cửa vi đua tài.
Thơ Triêu-Vân-mộ một bài, (3)
Câu câu tình-tứ, lời lời điểm-trang.
Văn hay trúng ý khảo-quan,
Quyền phê đầu-xứ tiếng vang xa gần.
Cửa rồng thanh-giá mười phần, (4)
Sàng-đông rạng mặt Hữu-quân ai [bì. (5)
Có nhà giầu có trăm bề,
Là Hà-Túc-Tượng u-mê trăm phần.
Rước thầy cũng học nghề văn.
Vẽ hồ viết sáo tiếng rằng thơ hay. (6)
Thấy Trương có gái tốt thay,
Cũng toan bẻ liễu về tay mới đành. (7)
Thấy chàng đến đó mà ganh,
Cầu Lam ai đắp đón anh Bùi-Hàng. (8)

1. Tục Tàu trong tiết tháng ba có ngày dục-phật làm theo đạo Thích.
2. Làm tịch-thượng một trăm thiên, là tài thơ lắm, ở nước ta có ông Hồ-Tôn-Sác làm thơ trăm bài trong một lúc liền xong, ở Tàu có ông Lý Bạch một vè rượu trăm bài thơ.
3. Triêu-Vân-mộ là mả nàng Triêu-Vân, khi khảo hạch có ra bài thơ, lấy ba chữ ấy làm đề bài.
4. Chữ rằng: Nhất đăng long-môn, thanh-giá thập-bội.
5. Xưa ông Vương-Hi-Chi hiệu là Vương Hữu-Quân nằm ở giường đông cho họ đến kén rể.
6. Vẽ hồ viết sáo là viết theo bài cũ, không phải tự mình làm ra. Chữ rằng: Y dạng họa hồ lô.
7. Có câu thơ rằng: Còn không lỏi Liễu-Trương-Đài? Dù còn cũng đã có ai bẻ rồi!
8. Xưa ông Bùi-Hàng đi đến cầu Lam gặp nàng Vân-Anh.

Ai ngờ cũng dự thi-đàn, (1)
Tên thì ngoài bảng Tôn-san một [mình. (2)
Việc hôn, chưa hết bất-bình,
Lại thêm việc hạch cũng sinh hiềm- [thù.
Đoạn này kể lược vài câu,
Oan-gia kết mãi về sau còn dài.

HỒI THỨ SÁU

Chơi núi La-phù

Hạch xong, ông rể đi chơi,
Hoàng-Thông, Hoàng-Hán hai người [theo đi.
La-phù cảnh thắng thiếu chi,
Bên thì Ngọc-nữ, bên thì Ma-cô. (3)
Mấy ngày đàng núi quanh-co,
Nhìn xem long-hổ (4) thầy trò [săm-săm.
Thấy ông đạo-sĩ đương nằm,
Phơ-phơ tóc bạc thâm thâm da chì.
Bên mình một gậy tích-phi, (5)
Trên treo chiếc gáo bên thì hồ-lô.
Đá nằm khắc bát-quái-đồ, (6)
Thấy người ngồi dậy mắt cua trắng [trắng.
Hỏi rằng:«Phùng-Ngọc phải chăng?»
Chàng liền đáp lễ thưa rằng: « Phải
Chẳng hay gặp gỡ mấy hồi? [tôi.
Mà ông còn nhớ tên tôi rành-rành. »
Đạo-nhân chỉ tấm đá xanh,
Bảo chàng ngồi xuống tự-tình một khi.
Rằng: « Ta vâng mệnh tôn-sư,
Đợi người đã mấy hôm ni chịu phiền.
Tôn-sư là Cát-Chỉ-Xuyên, (7)
Vì người đã luyện thuốc tiên hai hoàn.»

1. Thi-đàn là chỗ làm thơ.
2. Có câu thơ rằng Tôn-San đỗ cuối bảng vàng, mà tên anh lại ngoài chàng Tôn-San.
3. Ngọc nữ Ma-cô là tên hai hòn núi ở Cảnh La-phù.
4. Xem long-hổ là xem sơn-thủy.
5. Có câu thơ rằng: Tích-phi thường cận học Đạo-sĩ thường cầm cái gậy gọi là tích-trượng.
6. Tấm đá của ông Đạo sĩ nằm, có vẽ hình bát quái tám quẻ.
7. Xưa ông Cát-Hồng hiệu là Trí-Xuyên, tu-luyện ở núi La-phù.

Nói rồi lấy thuốc trao chàng,
Chúc hồ vào gáo dót tràn quỳnh-[tương. (1)
Nước tiên thơm phức mùi hương,
Cho chàng uống lại cho Trương một [bầu.
Có thơ gia-sự bốn câu,
Mỗi câu bốn chữ nghĩa sâu ý huyền.
Rằng: « Nay chân-quyết một thiên,
Trương-Thu-Cốc phải chép biên vào [lòng. »
Lai kêu Phùng-Ngọc bảo cùng,
Rằng: « Người là vị Kim-đồng giáng [sinh.
Ngày sau lập được công-danh,
Chớ nên bó buộc trần-anh (2) làm gì.
Tu cho sạch nợ tình-si,
Trích-tiên sau cũng có kỳ gặp ta. »
Chàng nghe quì xuống thưa qua:
« Xin bầy tôn-hiệu sau mà hỏi han. »
Ông rằng: « Ta hiệu Hoàng-San,
Đạo-am ở chấn Cao-loan đó mà. » (3)
Hai người ngửa mặt trông qua,
Am thì chẳng thấy ông đà đi đâu?
Tựa tùng than tiếc giờ lâu, (4)
Tre xanh nước biếc trước sau lạnh-[lùng.
Xem thơ Trương lại ngại lòng, (5)
Thủy-tai hỏa-nạn việc không biết [chừng.
Lời tiên đã dặn ân-cần,
Lên yên ông mới thấm khăn rẽ đàng. (6)
Kẻ Tần, người nọ Tiêu-tương, (7)
Chén mời dù cạn tình thương vẫn đầy.

1. Xưa ông Bùi-Hằng đi đến cầu Lão, xin nước uống, có một bà già đem cho nước quỳnh-tương mà uống. Ông Hằng lại gặp nàng Vân-Anh, kết làm vợ chồng với nhau, rồi đều thành tiên.
2. Có chữ rằng: giải lan phọc trần-anh, nghĩa là cởi hoa lan ra mà buộc lấy dây trần-tục.
3. Đạo-am là nhà ở của các ông Đạo-sĩ.
4. Thơ Đường có câu rằng: Dã-trúc phân thanh ái, phi-tuyền quải bích phong, vô nhân tri sở vãng, sầu ý lưỡng tam tùng.
5. Ông đạo-sĩ cho ông Trương Thu Cốc bốn câu thơ nói về việc thủy, hỏa, đạo, tặc.
6. Thơ Đường có câu rằng: vô vi tại kỳ lô, nhi-nữ cộng chiêm câu
7. Có câu rằng: Quân hướng Tiêu-tương, ngã hướng Tần.

Trong non cảnh vật buồn thay,
Nước khe róc-rách mây bay lừng-[đừng.
Ông về tử-lý còn gần,
Chàng đi đất khách phong-trần còn lâu.
Đàng dê quanh-quất vó câu,
Trời cao đất rộng, cánh âu giữa [đồng. (1)

HỒI THỨ BẢY

Lý Công-chúa kén chồng.

Bấy giờ giặc cướp tứ-tung.
Nơi nơi xưng bá xưng hùng một [phương.
Có người họ Lý tên Cương,
Đánh quen trăm trận sức đương muôn [người.
Triều-đình giả cuộc một nơi,
Trong non Gia-quế làm trời đất [riêng. (2)
Đại-vương có một gái hiền,
Mà đào mày liễu dường tiên non Bồng.
Cầm đàn thi-phú lầu thông,
Mà so võ-nghệ lại không ai bằng:
Nối cha sự-nghiệp tưng-bừng,
Hiệu là công-chúa tên xưng Tiểu-Hoàn.
Thẹn mình trộm cứ giang-san,
Sai người dâng biểu qui hàng nhà Minh.
Có quan Tổng-đốc Đồng-Thành,
Ngô-Phương hỏi rõ thuận tình tâu cho.
Mấy lần nữ-chúa hùng-đồ,
Lứa đôi chưa có trượng-phu, anh-[hùng.
Có người mẫu-cậu Phù-hùng.
Muốn tìm tài-tử xánh cùng gia-nhân.
Tìm tiên phải dụng chước thần,
Chọn mười danh-tướng chia quân [mười đường.
Kiếm nơi yếu-lộ khai-trương,
Đón người tài-tuấn liệu phương mời [về.
Mã-A vẫn một tay nghề,
Dọn hàng Tùng-hóa ra bề vẻ-vang.

1. Có câu rằng: Phiếu phiếu hà sở tự, thiên địa nhất sa-âu.
2. Lý-Công cứ ở núi Gia Quế làm giặc.

Cỗ-đồ, bát-bửu nghênh-ngang,
Ngoài hàng trà rượu trong bàn trân-[cam.
Quỳnh-tương đợi khách cầu Lam, (1)
Mò châu ai dám đến hàm ly-long. (2)
Lá bay một sợi chỉ hồng,
Vần mưa người sắp cũng lòng trời xui.
Thuận đường Phùng-Ngọc đến nơi,
Thấy hàng thanh-lịch nghỉ ngơi thỏa [lòng.
Thầy xuống ngựa tớ nghỉ gồng,
Mã-A liền rước vào trong quán ngồi.
Trà thơm khoản-tiếp một hồi;
Ân-cần lại rước qua ngồi nhà trong.
Trang-hoàng sẵn dọn một phòng,
Tường treo danh-họa vườn trồng [danh-hoa.
Giá trầm-hương thiết giữa nhà,
Một thanh bảo-kiếm vỏ ngà gác trên.
Đến gần sinh liếc mắt nhìn,
Khen rằng: báu ấy cũng nên hóa [rồng. (3)
Mã rằng: « Gươm có thư hùng,
So đôi bảo-kiếm thành Phong (4) [kém gì.
Của nhà họ Lý gần đây;
Đợi người tao khách kiếm này tặng [cho.
Mấy lần nhiều kẻ văn-nho,
Chưa ai phú được vận hồ cho xong » (5)
Nghe lời chàng cũng vui lòng,
Biết đâu lưới cá bủa hồng (6) mà nghi.
Chàng liền hạ bút đề thi,
Tám câu năm vận một khi đều rồi.
Mấy hàng chữ thảo tốt tươi,
Dưới mây hạc múa, trên trời hồng [bay. (7)
Mã mừng khen ngợi vỗ tay,
Sẵn đồ nhuận-bút lại bầy một diên. (1)
Rượu nồng cạn chén trạng-nguyên, (2)
Ngồi xem hoa-tái liễu-biên cũng [tinh. (3)
Tà tà bóng nguyệt ngang mành,
Hàm-đan mượn gối, Lư-sanh ghé [nằm. (4)

1. Điển này đã chú thích ở trang trên, số 1.
2. Dưới hàm rồng ly-long có ngọc trai, ai dám đến đó mò ngọc.
3. Gươm thần-kiếm hóa rồng. Ý nói kiếm ấy thật báu.
4. Xưa ở Phong-thành có hai bảo-kiếm.
5. Thơ lấy chữ hồ làm vần.
6. Ngư-võng hồng-ly, nghĩa là đặt lưới bủa cá, mà chim hồng lại mắc.
7. Chữ viết tốt như hạc múa rồng bay.

HỒI THỨ TÁM

Hoàng-Phùng-Ngọc vào Gia-quế-lĩnh

Cần-quyền Mã lại hỏi thăm:
« Chẳng hay qui-khách quang-lâm [chốn nào? »
Đáp rằng: « Ta ở thôn Đào,
Vì thăm cô-mẫu nên vào Trà-san. »
Mã rằng: « Công-tử Lý-Lang, (5)
Nhà gần Tùng-Hóa tiện đường rất hay.
Mai mời đến đó một giây,
Trà-san phỏng cũng ít ngày đến nơi. »
Tình ngay ai biết trêu chơi,
Rạng ngày Mã lại cố mời phải đi.
Lạ đàng chẳng biết lối gì,
Song đà quá bước thôi thì gắng theo.
Xa trông một lá cờ treo,
Triều-thiên hại chữ (6) gió chiều [phất-phơ.
Trên yên chàng luống ngẫn-ngơ,
Hỏi sao người khéo phỉnh-phờ làm [chi.
Mã rằng: « Người chớ kinh-nghi,
Đến nơi thì biết hỏi gì lỏi thỏi. »
Tớ thầy trong dạ bồi-hồi,
Quân Phù-Hùng đã đến nơi rước chào
Trong nhà dịch-quán mời vào,
Pháo mừng mấy tiếng cỗ bao bốn bề.
Chàng còn chưa rõ đông tê,

1. Nhờ người ta làm bài văn từ gì thì phải có đồ nhuận bút.
2. Rượu có thứ gọi là trạng nguyên.
3. Tái hoa phiên khách-lệ, biên liễu quải hương-sầu.
4. Xưa ông Lư-sinh đi đến Hàm-đan gặp ông Lữ-tiên cho một cái gối nằm ngủ.
5. Mã-A nói công-tử, không nói công-chúa, nói Lý Lang không nói lý-nương, cũng phỉnh Phùng Ngọc vậy.
6. Vì Lý Công-chúa đã làm tới triều-đình, nên cờ đề hai chữ chiêu thiên, nghĩa là châu trời.

Tưởng mình đến nước Đại-hoè rồi
[đây. (1)
Phù rằng : « Gia-quế chốn này,
Có bà công-chúa xưa nay hiền-lành,
Xuân-thu mười bảy còn xanh,
Tài gồm văn vũ sắc đành Tường,
[Thi. (2)
Năm xưa phụng-mệnh lai qui, (3)
Sắc phong công-chúa hiệu thì Kim-hoa.
Có đôi bảo-kiếm của nhà,
Lâu nay ít kẻ tài-hoa phẩm bình.
May đâu gặp được Đại-huynh,
Thì này báu nọ giá đành cân nhau. »
Thưa rằng : « Lạo-thảo vài câu,
So tài nhả-ngọc phun-châu sao bằng.
Bên Phù khoản tiếp ân-cần,
Bên chàng ngồi những nghĩ gần lo xa.
Rừng mai vừa dứt tiệc trà,
Tàn hồng rước khách kiệu hoa vào
[thành.
Hai bên cờ đóng phân-minh,
Ầm-ầm nổi trống đại-đình ba hồi.
Trước đình nghi-trượng hẳn-hoi,
Nhìn xa khi đã phức mùi hoa lan.
Một ngôi đứng giữa cửa màn,
Chói lòa áo gấm rỡ-ràng mão hoa.
Chuông reo người mới bước ra,
Châu bên thể-nữ cung-nga hai nàng.
Ra người trên điện Quảng-hàn,
Ra người lá ngọc cành vàng chẳng sai.
Dưới thềm trộm liếc một hai,
Chốn này người ấy mà ai ngỡ là.
Thoát nghe mời khách vào nhà,
Tả-biên bầy một chiếu hoa khách
[ngồi. (1)
Phù-Hùng vâng mệnh tiếp bồi,
Thị-tỳ dâng chén thụy-khôi vài
[tuần. (2)
Chúa rằng : « Kính-tạ cao-nhân,
Tay tiên đã vẽ câu-thần một chương.
Lòng tham Lũng, Thục (3) đôi đàng,
Xin người gia-tặng vài hàng thêm
[duyên. »
Trên bàn bầy sẵn bút nghiên,
Thị-tỳ đem giấy hồng-tiên trao chàng.
Trong tờ thấy viết một hàng,
Dĩ cầu vi vận, tái khan tiền-đề. (4)
Tay tiên vẫn đã quen nghề,
Chàng liền hạ bút chẳng hề nghĩ lâu.
Một bài năm vận tám câu,
Xem rồi công-chúa cúi đầu tạ ân.
Hai bên lễ ý ân-cần,
Bãi châu Phù lại tiếp-tân về nhà.

(*Còn nữa*) *Cúc-huề, Làm-Mậu* sao-lục

1. Xưa có người ngủ dưới cây đại-hòe nằm chiêm bao thấy quốc-vương mời đến gả công-chúa cho.
2. Vương-Tường, Tạ-Thi là hai người đàn bà đẹp đời xưa.
3. Lai qui là về đầu hàng triều-đình.

1. Tả biên là bên tả
2. Chén Thụy-khôi là chén trà. Thụy-khôi là hiệu trà ngon.
3. Chữ rằng : « Ký đắc Lũng hựu vọng Thục » nghĩ là đã đánh được đất Lũng lại trông lấy nước Thục.
4. Lấy chữ Cầu làm vần mà theo đề-mục trước.

N° 3

TÙY-ĐƯỜNG DIỄN-NGHĨA

NGUYỄN-BÍNH-GIAI *dịch thuật*

Đêm hôm đó Lý-Tĩnh trở về quán ngủ trọ, mộng thấy một vị thần vận mũ áo thâm, tay cầm tờ giấy vàng đưa cho Lý-Tĩnh mà rằng :

— Ta đây là bộ-hạ đức Tây-nhạc đại-vương, phụng mạnh đưa giấy này cho nhà-ngươi, ấy nhất-sinh sự-nghiệp của nhà-ngươi ở cả trong giấy này đó !...

Lý-Tĩnh vội đỡ lấy tờ giấy, mở ra xem, thì đại-khái nói không nên lo-nghĩ gì, thế nào cũng sẽ gặp chân-chủ ở tây-phương mà phò-tá để cứu-yên thiên-hạ..... Xem xong, vị thần ấy lại nói :

— Việc gì cũng đã có số-mạnh tiền-định cả, không nên xa-vọng, cũng chớ nên nóng-nảy hấp-tấp, phải đợi thời mà làm, phải tìm người mà giúp, lo gì sau này lại không được phú-quí.....

Nói dứt lời, biến mất. Lý-Tĩnh tỉnh dậy, trong bụng vẫn còn đinh-ninh nhớ hết những lời thần dặn trong mộng, một mình lượng-lự canh-chầy, tự nghĩ : « Cứ như lời thần-mộng, thì ta quả-nhiên không có phận.... nhưng ta sẽ gặp được chân-chủ mà phụ-tá.... Âu là hãy chờ xem thời-vận ra sao !... » Từ đó tấm lòng đồ-vương tranh-bá nguội lạnh dần, cũng đành yên phận đợi thời.

Một hôm đến thăm bạn ở Vị-nam, nhân lúc vô-sự, một mình cưỡi ngựa đi săn. Bấy giờ vào khoảng cuối xuân sang hè, trời lâu không mưa, ruộng đất khô-cạn, nông-dân làm ruộng dưới cánh đồng vất-vả trật-vật ; Lý-Tĩnh đi qua, nhân vừa mệt vừa khát, bèn xuống ngựa ngồi nghỉ và đến xin ông lão làm ruộng ở đấy bát nước uống, vợ lão thấy người tử-tế, vội-vàng chạy về nhà lấy nước ra cho, Lý-Tĩnh uống xong, cảm-tạ vợ chồng ông lão rồi lại lên ngựa đi. Đi được mội quãng, trông thấy dưới chân núi chợt có một con thỏ chạy ra, Lý-Tĩnh phóng ngựa đuổi theo, loanh-quanh chạy hoài, con thỏ vẫn ở trước mặt mà không sao đuổi kịp, liền giương cung bắn một phát trúng ngập mũi tên vào mình con thỏ, thỏ vẫn cứ chạy hoài, Lý-Tĩnh mải đuổi theo chạy miết mãi, sau thỏ chạy vào rừng mất, mới dừng ngựa ngẩnh lại, thì ra quên mất lối trở về, bỡ-ngỡ đường rừng, bước cao bước thấp, lỏng buông tay khấu bước lần dặm khơi, trông ra ác đã ngậm gương non đoài, lối lạ trời-tà, khôn đường lui-tới..... Một mình vơ-vẩn đương phân-vân lo-sợ, chợt xa trông trong cảnh rừng rậm thấp-thoáng nhường có bóng nhà, liền tế ngựa trông chừng thẳng tới ; đến nơi, thấy một tòa cửa cao nhà rộng, bấy giờ đã lên đèn, cổng ngõ đóng kín mít cả. Lý-Tĩnh xuống ngựa gõ cửa, thấy ông già canh cửa ra hỏi, Lý-Tĩnh bèn đem sự lạc đường trời tối muốn xin vào ngủ trọ một đêm nói với ông già, ông già rằng :

— Nhà tôi, các cậu đi vắng cả, tiên-sinh hãy đợi một chút để tôi vào trình với lão Phu-nhân tôi xem sao, nếu phu-nhân có bằng lòng cho trọ, tiên-sinh hãy vào.

Lý-Tĩnh được lời, bèn buộc ngựa vào gốc cây trước cửa, đứng đợi. Một lát, thấy ở trong có tiếng gọi: « Lão-Phu nhân tôi xin mời tiên-sinh vào chơi! » Lý-Tĩnh liền sửa-sang áo mũ đi vào; thấy ở trong đèn thắp sáng trưng, nhà cửa sàu thăm-thẳm, lầu son gác tía, trướng gấm dèm châu, trong nhà bày la-liệt những bảo-vật trân-kỳ, ngoài sân thì thị-nữ, cầm-y bày hàng thị-lập, coi rõ ra một nơi vương-hầu đệ-trạch. — Phu-nhân trạc ngoại ngũ-tuần, vận xiêm xanh áo trắng, nghiêm-trang đứng trên thềm, hai bên thị-tỳ sắp hàng đứng hầu, coi rất nghi-vệ. Lý-Tĩnh bước lên thềm thi-lễ; Phu-nhân cũng ung-dung đáp-lễ, rồi lên tiếng hỏi:

— Chẳng hay tiên-sinh ở đâu, mà đêm-hôm lại lạc đường tới đây?

Lý-Tĩnh bèn nói rõ tên họ, rồi kể chuyện lạc đường xin trọ một tối và lại hỏi xem Phu-nhân ở đây là thế nào.

Phu-nhân nói:

— Đây là biệt-trạch của Long-thị, già này với mấy đứa con ở đây; hôm nay con già đi vắng, lẽ ra nhà đàn-bà không tiện mời khách lạ nghỉ trọ, song lúc đêm-hôm, nhà xa đất lạ, tiên-sinh đã lạc lối tới đây, thì xin vâng, xin mời tiên-siuh cứ nghỉ trọ lại đây, chớ ngại!

Nói đoạn, ngảnh lại sai thị-tỳ bảo nhà-bếp làm cơm thết Lý-Tĩnh. Lý-Tĩnh đương còn từ chối, đã thấy cơm rượu giọn ra, bôi-bàn la-liệt, toàn-thị những của quí vật lạ cả. Phu-nhân ngồi một bên, sai thị-tỳ giót rượu, mời khách cùng uống. Lý-Tĩnh thấy Phu-nhân đoan-trang lễ-độ, sợ mình lỡ quá chén ngộ có sơ-suất thất-lễ không tiện, nên chỉ uống qua-loa một vài chén, rồi đứng dậy từ tạ xin lui. Phu-nhân nói:

— Con ngựa của tiên-sinh, già đã bảo người nhà giắt vào tâu-ngựa rồi; trái phía tả nhà khách đã dọn sẵn phòng ngủ, xin mời tiên-sinh lên đó nằm nghỉ; nhưng phỏng đêm khuya các con già nó về, hoặc có thấy tiếng người ngựa huyên-tạp, xin tiên-sinh cũng chớ lấy làm lạ mà sợ.

Phu-nhân nói đoạn, chào khách, quay mình trở vào nhà trong; người nhà đưa Lý-Tĩnh lên phòng ngủ. Lý-Tĩnh thấy phòng ngủ trần-thiết trang-hoàng, trong bụng ám-tưởng: « Không biết Long-thị là nhà thế nào, mà phú-quí thế này! Tiếp khách lại cực-kỳ phong-hậu hữu-lễ đến thế! . . Nhưng, nếu đêm khuya các con Phu-nhân trở về thấy nói có ta đến trọ, hoặc-giả muốn tiếp-kiến chăng? Vậy thì ta không nên ngủ sớm vội, hãy chờ xem sao đã . . . » Nghĩ vậy, bèn đóng cửa dong đèn ngồi chờ; sẵn có tủ sách, ngồi buồn với lấy mấy quyển ra xem, thì trong sách toàn là những chuyện quái-dị về các vị thủy-thần, các loài thủy-tộc mà chưa từng xem thấy bao giờ cả. Bấy giờ vào khoảng canh hai, đương ngồi xem sách, chợt nghe ngoài cửa xôn-xao tiếng nói có thiên-sứ xuống truyền chỉ đi làm mưa; lại nghe nhà trong cũng ồn-ào có tiếng Phu-nhân ra tiếp chỉ. Lý-Tĩnh bỡ-ngỡ không hiểu chuyện gì, có ý vừa hồ-nghi vừa hãi-sợ: « Quái-lạ! đi làm mưa là thế nào? Sao lại trời sắc cho nhà này đi làm mưa là thế nào? Chỗ này dễ thường cũng sao đây, chứ nhân-gian đâu lại có chuyện lạ! . . » Đương phân-vân nghĩ-ngợi, chợt thấy tiếng gõ cửa, chạy ra mở cửa, thì thấy gia-đình tới nói Phu-nhân mời vào muốn nhờ có chút việc. Lý-Tĩnh vội-vàng sốc áo đi vào nhà trong, thấy Phu-nhân đã đứng chờ sẵn, nghiêm nét mặt ung-dung mà rằng:

— Già nói thật câu này, xin tiên-sinh chớ sợ! Đây là Long-cung, mà già đây tức là Long-mẫu; hai con già đều có chức-vị trên Thiên-tào, giữ việc làm mưa. Đêm nay có chỉ đức Ngọc-hoàng sai đi làm mưa, bắt đầu mưa từ phía bắc sang phía tây, từ tây sang nam, hạn mưa trong năm trăm dặm, khởi mưa từ canh ba này cho đến gần sáng thì thôi. Việc đã đến nơi, không thể chậm lại được, mà ngặt vì hôm nay con già thì hai đứa đưa em gái về nhà chồng ở xa, và một đứa cũng đi cưới vợ tận hồ Động-đình, quan-sơn xa cách, gọi về không kịp; già thì đàn-bà, mà người-nhà đây-tớ thì không đi thay được. May bữa nay tình-cờ lại có tiên-sinh là bậc qui-nhân đến nghỉ trọ đây, già nói, xin tiên-sinh bỏ quá đi cho, ý muốn phiền nhờ tiên-sinh phụng-chỉ đi làm mưa giúp cho được thì may lắm. Tiên-sinh giúp cho được việc, không dám quên ơn, xin nhận lời cho, đừng từ chối!

Lý-Tĩnh vốn người trẻ tuổi, can-đảm có hào-khí; nghe hết lời phu-nhân nói, không chút nghi-ủy gì, liền đáp lại rằng:

Phu-nhân có lòng tin mà ủy-thác cho, xin vâng; duy chỉ ngại tôi là người phàm-trần, sợ không thể đại-long hành-vũ được thôi!

Phu-nhân nói:

— Nếu tiên-sinh chịu giúp cho, thì tự-khắc đã có phép, không phải ngại cái đó!

Lý-Tĩnh nói:

— Nếu vậy, thì xin vâng!

Phu-nhân bèn cả mừng, gọi người nhà giót một chén rượu, phu-nhân nâng chén rượu đưa lại cho Lý-Tĩnh mà rằng:

— Tiên-sinh uống cạn chén rượu này, tự-nhiên trong mình mạnh mẽ, đi gió được!

Lý-Tĩnh đỡ lấy chén rượu, thấy rượu có hương thơm kỳ, uống một hơi cạn chén, thì tự-nhiên thấy trong mình khoan-khoái thư-sướng lạ thường.

Phu-nhân nói:

Ngoài cửa đã sắp sẵn con long-mã, xin tiên-sinh ra cưỡi, cứ việc để vậy cho nó tự chạy lên không-trung, tiên-sinh không phải sợ trượt ngã chi hết! Trên yên con long-mã có đeo một cái bình thủy-tinh nhỏ, trong đó đựng đầy nước trong; bên miệng bình có cheo sẵn cái môi nhỏ bằng vàng, hễ khi đến chỗ nào, tiên-sinh thấy con long-mã nhảy lượn qua, thì lấy cái môi vàng ấy múc một môi nước trong bình giỏ xuống bờm con long-mã, không nên nhiều quá cũng không nên ít quá, cứ vừa phải là được. Đó là phép làm mưa, xin tiên-sinh nhớ kỹ lấy cho. Khi xong việc, tự-khắc con long-mã lại đưa tiên-sinh trở lại đây cẩn-thận, xin chớ ngại!

Lý-Tĩnh nghe xong, nhất-nhất lĩnh lời, rồi ra cửa cưỡi long-mã đi, con long-mã cực-kỳ cao lớn, mầu lông rất kỳ-dị, đi được vài ba bước, liền chạy lên không-trung, đi nhanh như bay, nhưng ngồi trên mình cực bình-ổn vô-sự, dần-dần càng lên cao mãi, một lát thấy dưới chân long-mã sấm-sét ầm-ầm, chớp lòe loang-loáng, Lý-Tĩnh tuy vậy vẫn cứ điềm-nhiên, không chút sợ-hãi, y theo lời phu-nhân dặn, đến mỗi chỗ thấy long-mã nhảy lượn qua, thì lại múc một môi nước trong bình giỏt vào bờm long-mã, cứ như thế không biết qua bao nhiêu chỗ, cũng chẳng biết giỏt bao nhiêu lần nữa, mãi sau tới một chỗ thấy long-mã nhảy lượn qua, liền múc một môi nước giỏt xuống bờm như mọi nơi trước, bấy giờ trời đã gần sáng, cúi đầu trông xuống, thì ra nơi đó chính

là cái chỗ ban ngày đi qua xin nước uống, bụng bảo dạ: « Chỗ này ta đã mục-kích ngày hôm qua, ruộng đất khô-cạn như thế, mà giỏ một môi nước này xuống thì thấm-thía vào đâu, nay cái quyền hành-vũ ở ta, chi bằng ta rộng ơn riêng cho phương dân này, vả hôm qua ta qua đó gặp lúc khát-khao, thôn-dân họ có lòng tốt mang nước chè cho ta, thì nay ta nhân dịp trả ơn, mưa thêm cho họ chút nữa lại là càng hay. » Bèn sẵn tay giỏ luôn xuống hai mươi môi nước. Xong việc, long-mã quay trở về, chốc lát về tới cửa, thung-dung lượn xuống, Lý-Tĩnh vừa đi vào cửa, đã thấy phu-nhân vận xống-áo trắng, mặt có vẻ buồn-rầu ra đón Lý-Tĩnh mà rằng:

— Tiên-sinh làm lỡ việc cho già quá! Một môi nước trong bình ấy là hóa thành một thước nước mưa dưới hạ-giới; theo lệnh thì hôm nay mỗi nơi chỉ giỏ xuống có một môi nước thôi, nay riêng một vùng kia tiên-sinh giỏ luôn xuống những hai mươi môi, thành-thử vùng đó bây giờ nước mưa ngập sâu tới hai trượng, ruộng nương lúa-má, nhà-cửa dân-sự đều ngập lủm hết! Già này vì lỗi ủy-thác không cẩn-thận, bị Thiên-đình phạt trăm roi; còn các con già cũng đều bị khiển-trách cả!

Lý-Tĩnh nghe nói, thất-kinh, lại vừa có ý hổ-thẹn.

Phu nhân lại nói:

— Thôi, nhưng đó cũng là cái hạn của nhà già, già đâu dám oán-trách tiên-sinh cho thêm lỗi với tiên-sinh! Như thế là già đã phiền tiên-sinh nhiều lắm, lẽ nên phải có gì tạ ơn mới phải; nhưng vàng-ngọc châu-báu chắc người quân-tử không thèm, vậy già có cái này muốn để gọi là thù-ân một chút...

Bèn gọi hai tên thanh-y nữ-tử ra, hai người diện-mạo đều diễm-lệ tuyệt-vời cả, một người thì nét mặt tươi cười, một người thì hơi có dáng dữ-tợn; phu-nhân nói:

Đây một là văn-tỳ, một là vũ-tỳ, xin kính dâng tiên-sinh, xin tiên-sinh tùy-ý kén-chọn lấy một hoặc ưng cả hai lại càng hay!

Lý-Tĩnh tốn-tạ mà rằng:

— Lý-Tĩnh này đã phụ với ủy-thác, để lụy cho phu-nhân, thật là hổ-thẹn muôn phần! Được phu-nhân khoan-thứ cho là may, còn đâu dám lạm-nhận hậu-tặng!

Phu-nhân nói:

— Xin tiên-sinh cứ nhận cho, rồi xin mau mau trở lại, kẻo lát nữa các con già về, sợ có điều không tiện....

Lý-Tĩnh tự nghĩ: « Nếu ta nhận cả đôi thì tự-hồ quá tham, mà nhận một văn-tỳ thì tự-hồ nhu-nhược » bèn chỉ tay tỏ ý ưng vũ-tỳ và nói với phu-nhân rằng:

— Như nếu phu-nhân nhất-định bắt ép, thì tôi xin nhận người này.

Phu-nhân bèn sai người nhà giắt con ngựa của Lý-Tĩnh ra và lại sắp sẵn một con nữa cho vũ-tỳ cưỡi đi theo sau.

Lý-Tĩnh từ-tạ phu-nhân rồi cùng với vũ-tỳ trở ra lên ngựa đi. Đi được vài ba bước, ngảnh lại trông, thì nhà cửa ở đấy bỗng đã biến đâu mất cả, không thấy gì nữa. Lại đi được và dặm, vũ-tỳ nói với Lý-Tĩnh rằng:

— Hoài của! hồi nẫy giá tiên-sinh nhận lấy cả hai chị em tôi, thì sau này tiên-sinh văn-vũ toàn-tài, hẳn là xuất-tướng nhập-tướng! Tiên-sinh lại bỏ văn mà nhận vũ, thì tiên-sinh mai sau chỉ có thể làm nên một vị danh-tướng mà thôi!

Nói đoạn, lấy trong tay áo ra một bức thư, đưa cho Lý-Tĩnh mà rằng:

— Tiên-sinh giữ lấy giấy này, tự-khắc sau này có thể lâm-địch chế-thắng, phụ-tá thành-công đó!

Đoạn rồi cất roi chỉ về phía trước mặt mà rằng:

— Đây cũng không xa sẽ tới chỗ tôn-ngụ; xin tiên-sinh tiền-đồ bảo-trọng; lão-phu-nhân khiến thiếp đi theo tiên-sinh, không phải là thật đem thiếp dâng tiên-sinh đâu, chính là sai thiếp mang thư này trao lại cho tiên-sinh đó. Tiên-sinh mai sau sẽ có người gặp-gỡ; thiếp không phải là người trần, không thể giữ phận sửa túi nâng khăn, cùng tiên-sinh tính cuộc trăm năm được; vậy từ đây xin cùng tiên-sinh từ-biệt!....

Nói xong, Lý-Tĩnh đương chực cố ý vẫn-lưu, nàng vội tế ngựa chạy lên không-trung, vụt thoáng đã không thấy đâu nữa. Lý-Tĩnh ngơ-ngẩn hồi lâu, rồi quất ngựa chạy, một lát trông thấy chỗ đi qua hôm trước, thì ra khắp vùng đó nước trắng bạch-lạng, mênh-mang như bể, không còn thấy gì, ngẫm xem cái cảnh-tượng thê-thảm đó, thì trong lòng lại càng hối-hận áo-não bội phần.... loanh-quanh tìm lối lần về, chốc-lát về tới khách-xá, giở cuốn thư ra coi, thì toàn là dạy về những yếu-quyết hành-quân và cách-thức chế-tạo xa-giáp binh-khí cả. Lý-Tĩnh từ đó đêm ngày đem cuốn thư đó ra nghiền-ngẫm luyện-tập, binh-pháp ngày càng tinh.

Nói về đêm hôm đó vùng kia bị mưa to ngập lụt, quan địa-phương trình-báo, quan tỉnh dâng tấu về Triều; Tùy-chủ xem tấu, rồi xuống chỉ truyền cho các quan hữu-tư kíp liệu phương-kế trị-thủy; một mặt thì sai trù-liệu việc phát-chẩn và trợ-cấp cho dân bị nạn. Nhân lại nghĩ: « Cữ trước ta nằm mộng thấy nước ngập kinh-thành; nay quả-nhiên các địa-phương gần kinh đều bị nước lụt cả, thì có lẽ mộng ấy ứng rồi đó!... » Từ đó nhà-vua mới giải-thích mối nghi-tâm. Tháng sáu niên-hiệu Nhân-thọ năm đầu, con thứ ba Tùy-chủ là Thục-vương Tú nhân việc Tấn-vương Quảng được lên làm Thái-tử, trong lòng có ý bất-bình; Thái-tử biết thế, sợ Thục-vương sẽ gây họa, bèn mật sai Dương-Tố dò bới quá-thất của Thục-vương, rồi đơm-đặt nên lời đề gièm-báng; Tùy-chủ tin lời gièm, bèn triệu Thục-vương về kinh, mạnh cho Dương-Tố tra-xét. Dương-Tố thừa dịp vu-oan cho Thục-vương là tàn-ngược hại-dân, phụng-chỉ bỏ làm thứ-nhân, giam vào nơi biệt-cung. Bấy giờ Đường-công là Lý-Uyên dâng sớ cố can-ngăn và xin đem Thái-tử Dũng đã bị bỏ và Thục-vương Tú vừa bị truất đều xin gia-ân giáng phong cho mỗi người ra một nước nhỏ, không nên bỏ làm thứ-nhân. Tùy-chủ tuy không chuẩn lời tâu ấy, song cũng không bắt tội mạo-tấu. Duy cái đó càng làm cho Thái-tử Quảng căm-giận và giới-ý với Lý-Uyên; Thái-tử bèn mưu với Trương-Hành và Vũ-văn-Thuật để liệu cách trừ bỏ Lý-Uyên. Vũ-văn-Thuật nói:

— Nếu Thái-tử sớm liệu từ trước mà buộc hẳn là đồng-đẳng với Thái-tử Dũng và Thục-vương Tú, thì làm cho hẳn tru-ri cũng dễ như chơi; song, đến nay đã chậm mất rồi! Thánh-thượng lâu nay đã biết hẳn là trung-trực, e rằng nhất-đán khuynh-đảo được hẳn cũng khó lòng lắm!

Trương-Hành nói:

— Tôi tưởng cái đó cũng còn có thể kịp, chẳng lấy gì làm khó cho

lắm. Vì Thánh-thượng vốn tính hay nghi-kỵ ; tôi xem từ khi Thánh-thượng nằm mộng thấy nước ngập đô-thành tới nay, coi thánh-ý vẫn thường thắc-mắc lo-nghĩ, không được yên lòng. Hôm trước cũng đã vì giấc mộng ấy mà đem giết con nhà họ Lý rồi, tưởng đó cũng là dịp hay cho ta, ta cũng còn có thể nhân cái mộng ấy mà thừa-gián dụng-sự hãm Lý-Uyên được. Chi bằng bây giờ ta cho người đi phao-ngôn lên rằng : Hồn và Uyên đều là họ *Lý*, mà chữ tên đều có *chấm-thủy* một bên cả... Làm như thế cho gợi lòng nghi của Thánh-thượng đã, bấy giờ ta lại thừa-cơ liệu kế mà làm, thì lo gì chẳng tru-ri được Lý-Uyên !

Thái-tử nghe nói, gật đầu khen là phải.

Trương-Hành bèn mật đi âm-hố rao-ngôn, trước còn phao-ngôn chốn thôn-quê, sau dần huyên-truyền nơi kẻ-chợ, trước còn do miệng con trẻ nói nhảm, sau đến miệng người lớn đồn vang, nào những « Đào-Lý-tử » có thiên-hạ », nào những « Họ Dương diệt, họ Lý hưng », khắp nơi kẻ-chợ thì-quê đâu đâu cũng đều cứ một mực huyên-truyền như thế, lệnh quan nghiêm-cấm cũng không nổi, dần dần tiếng đồn truyền vào cung-trung ; Tấn-vương cố-ý tâu xin truyền chỉ nghiêm-cấm những lời đồn bất-tường. Tùy-chủ thấy vậy lo nghĩ, nhân cũng có ý nghi-vực Lý-Uyên, trong lòng thường-thường nghĩ tới ; bấy giờ Trung-lang-tướng là Bùi-nhân-Cơ dò biết được ý Tùy-chủ, bèn lựa lời tâu rằng :

— Muôn tâu Bệ-hạ, hạ-thần xem ra từ khi Bệ-hạ xuống chỉ giết con Lý-Hồn tới nay, thì Lý-Hồn coi chừng có ý oán-vọng, chực dấp mưu làm càn. Dám xin Bệ-hạ kíp xuống chỉ khám-vấn cho ra, chắc rằng cái đồ-đảng phụ-họa cũng còn nhiều. . .

Thương-hại cho Lý-Hồn ! Tùy-chủ nghe lời Bùi-nhân-Cơ tâu, liền xuống chỉ sai bắt Lý-Hồn tra-hỏi, hãm vào tội mưu-nghịch, một nhà 32 mạng đều bị chết chém.

Lý-Uyên từ đó lòng đã bớt lo. Trương-Hành lại dùng một kế rất thâm-độc, đưa của-đút cho một người thuật-sĩ của Tùy-chủ vốn tin nghe xưa nay, khiến hắn nói với Tùy-chủ rằng xem khí-số thì thiên-hạ sẽ về tay họ Lý, và xin Tùy-chủ nên sớm đem bao nhiêu người họ Lý giết hết đi cho tiệt nọc, thì mới khỏi lo.

Bấy giờ quan Thượng-thư-hữu-thừa là Cao-Cảnh dâng lời tâu rằng :

— Muôn tâu Bệ-hạ ! hạ-thần trộm nghĩ những lời đồng-rao có cái có quan-hệ, cũng có cái không quan-hệ, có cái thật, cũng có cái giả. Như lời : « Trời sắp mưa, thương-dương múa » ấy là không có quan-hệ ; « Yểm-hồ cơ-bặc ấy là vong-Chu » ấy là có quan-hệ ; lời thật, như : « Sở dẫu tam-hộ, vong-Tần tất Sở », sau Sở bá-vương quả-nhiên làm vong Tần ; lời giả, như : « Trăng cao chẳng đầy cũng lên, núi cao chẳng đầy tự-nhiên đồ dần » là lời của Tô-Đĩnh bịa đặt ra để hại Hộc-luật-Quang, sau quả mất nước ; lại còn như Tần Thủy-Hoàng tin lời : « Vong Tần ấy là Hồ », mà có biết đâu lại là Hồ-Hợi ; Tấn Tuyên-đế tin lời : « Trâu đội ngựa », mà có biết đâu lại là kẻ tiều-lại họ Ngưu tư-thông với con gái Lang-gia-vương sinh ra Nguyên-đế..... Ôi ! Cơ trời vi-ẩn, biết đâu mà lường ! Cho nên chỉ cốt ở nhân-sự là hơn, không nên quá tin lời nhảm và cần nhất là thấy thế phải nên lo-sợ mà tu-đức để hồi lại lòng trời, chớ nên dùng khốc-hình làm chi, chỉ thêm làm nao lòng người, vô-ích ! Bệ-hạ nếu có lòng nghi-ngờ, muốn xin Bệ-hạ xuống chỉ gia-ân cho bao nhiêu người họ Lý hiện tại-chức được cáo-thoái về hết, không ai được quản-binh dụng-sự gì nữa, như thế có lẽ là êm-thấm mà lại ổn-thỏa mọi bề, dám xin Bệ-hạ lượng-xét.

Khi đó có Bồ-sơn-công là Lý-Mật hiện làm quan to trong triều, Tùy-chủ cũng ngờ cho là có phản-tướng, lòng vẫn nghi-kỵ. Song Lý-Mật vốn là bạn chí-thân với Dương-Tố, nên Dương-Tố cố sức bảo-toàn cho, bèn tán-thành lời tâu của Cao-Cảnh, mật bảo Lý-Mật lập-tức dâng sớ xin từ-quan. Từ đó các quan họ Lý hoặc xin cáo-thoái về nhà, hoặc xin thôi giữ binh-quyền rất nhiều ; Lý-Uyên cũng thừa dịp xin cáo về dưỡng-bệnh ở Thái-nguyên, liền được chỉ-chuẩn và lại mạnh cho giữ chức Thái-thú phủ Thái-nguyên, tiết-chế Tây-kinh.

Khi ấy vào khoảng tháng bảy niên-hiệu Nhân-thọ năm đầu, Thái-tử nghe tin Lý-Uyên được ân-chuẩn cho từ-quan, bèn nói với Vũ-văn-Thuật rằng :

— Cái kế của Trương Ma-tử (Trương-Hành) cũng diệu thật ! Chỉ thương-hại cho Lý-Hồn tự-nhiên cả nhà bị chết oan, mà Lý-Uyên thì lại bảo-toàn được thân-gia cáo quan về !

Vũ-văn-Thuật nói :

— Nay Lý-Uyên cùng toàn-gia được yên-toàn mà về như thế, điều đó nếu Điện-hạ còn phải bận lòng lấy làm nghĩ, thì cái đó có khó gì, kẻ hạ-quan nay có một kế, ví muốn giết sạch cả nhà Lý-Uyên cũng dễ như chơi !

Thái-tử cười mà rằng :

Nếu khanh sớm nghĩ được cái kế ấy, thì còn nói gì nữa, bây giờ còn chi phải bận lòng lo-nghĩ thế này !

Vũ-văn-Thuật nói :

— Nhưng, cái kế đó nay cũng còn có thể làm được !

Bèn ghé vào tai Thái-tử nói khẽ một lát, rồi Thái-tử vỗ tay khen mà rằng :

— Nếu khanh làm trôi được, thì sau này những con-gái và của-cải của hắn, ta sẽ nhường cho khanh hết đấy ! Duy có một điều ta nghĩ cũng còn hơi khó một chút, hắn là một viên chiến-tướng, tiễn-trừ được hắn tưởng cũng không phải là việc dễ đâu !...

Vũ-văn-Thuật nói :

— Hạ-quan cứ nghĩ như cái kế của hạ-quan, thì tưởng cũng không nỗi nào đến phụ lòng Điện-hạ ủy-thác ; túng-sử cái kế ấy mà không trừ hắn được hắn ra nữa, nhưng cũng có thể làm cho hắn một trận rõ điêu-đứng khốn-khổ, kệch hắn không dám còn có cái mộng-tưởng ra làm quan nữa. Hắn ngồi tròn ở nhà, ấy là mình khỏi phải lo !.....

Hai người bàn nhau xong, rồi lập kế để hại Lý-Uyên.

HỒI THỨ IV

Nói về Tần-Quỳnh, là người giết Dương-Quảng và cứu Lý-Uyên trong cơn giữa đường gặp nạn, lại là khai-quốc công-thần của Lý-Uyên sau này. Nguyên Tần-Quỳnh, tên tự là Thúc-bảo, người ở Lịch-thành thuộc Sơn-đông, là cháu nội Tần-Húc, quan Lĩnh-quân đại-tướng-quân Bắc-Tề ; cha là Trần-Di, quan Vũ-vệ đại-tướng-quân Bắc-Tề ; mẹ là Ninh-thị. Lúc Tần-Quỳnh mới sinh thì ông là Tần-Húc nói rằng : « Nay nước Tề mặt nam có Trần, mặt tây có Chu, binh-tranh luôn-lúy, không mấy lúc được yên. Vậy cái phận-sự của cha con ông cháu ta bây giờ là phải mưu cho quốc-gia được *thái-bình* vô-sự . . . » bèn gọi Tần-Quỳnh là *thái-*

bình-lang. Thái-bình-lang khi lên ba tuổi thì Tần-Di phụng-mạnh Tề-chủ sai đem quân ra trấn-thủ Tề-châu; Tần-Di đem cả gia-quyến đi theo; còn Tần-Húc thì hộ-giá Tề-chủ ở Tấn-dương. Không ngờ bấy giờ Tề-chủ nhiệm-dụng lầm người, dùng phải những lũ gian-tham tàn hại sinh-linh, thành ra dân-trúng oán-bạn. Giữa lúc ấy nước Chu đem quân sang đánh Tề, quân Tề thua, Tề-chủ chạy trốn ra Tề-châu; ủy cho Tần-Húc và Cao-diên-Tôn lưu-thủ Tấn-dương, hai người chống giữ với quân Chu được ít lâu, sau thế quân ngày một yếu, không chống lại được, Cao-diên-Tôn khi thành vỡ bỏ chạy, còn Tần-Húc gia sức chống-chế không nổi, cũng tử-trận.

Khi Tề-chủ ra đến Tề-châu, sợ rằng quân bên Chu ngày càng bức đến đánh thành, thế không chống nổi, bèn sai quan Thừa-tướng Cao-a-na-hoành hiệp-đồng với Tần-Di để giữ thành; còn Tề-chủ thì lại giá-hạnh sang Phần-châu. Quả-nhiên được mấy hôm thì quân Chu kéo đến đánh thành Tề-châu, Cao-a-na-hoành ý muốn mở cửa thành ra nghênh-hàng. Tần-Di ngăn lại mà rằng:

— Chết nỗi! Sao Thừa-tướng lại thế? Triều-đình sợ một mình Tần-Di này không giữ nổi, cho nên khiến Thừa-tướng hiệp sức cùng giữ; bây giờ ta là thế thủ, nên phải kiên sức chống giữ, đặng mà lựa cơ đánh lại, chứ đã đến nỗi nào mà thừa-tướng phải vội thế! Thừa-tướng đường-đường một vị đại-thần đương-quốc, há lại nỡ sinh nhị-tâm như vậy, coi sao cho phải!

Na-Hoành nói:

Không phải thế! Đó là Tướng-quân không xét rõ sự-cơ đó thôi! Ta thử coi đó xem, quân Chu sang đánh ta bây giờ thật có cái thế trúc chẻ ngói tan; đến như Nghiệp-hạ, Tinh-châu, toàn là những nơi kiên-thành còn chẳng giữ nổi; huống chi là một sở chỗ này? Chúng ta chịu quốc-ân nặng, khi nào lại có cải-tâm dịch-triệt được; song sự thế đã bách, vô-khả-nại-hà! Đã hay rằng chấp-kinh nhưng cũng có lúc phải tạm tùng-quyền mới được chứ! Có hề chi cái đó mà Tướng-quân phải hãnh-hãnh làm vậy!...

Tần-Di nói:

— Thôi! Việc đã tới nơi, cái đó tùy ý Thừa-tướng nghĩ sao cho phải?... Chứ như cha con Tần-Di này dù muốn một thế nào nữa, cũng thề xin sống chết một lòng, không khi nào lại có thay đổi!...

Tần-Di nói vậy, bèn chia từng quân-đội giữ các mặt thành, rồi trở vào nhà trong nói với phu-nhân rằng:

— Chủ-thượng sai Cao-a-na-hoành cùng ta giữ thành, nay không ngờ y nỡ đổi lòng thay dạ, chực bỏ chết mình ta mà ra hàng địch-quân, sự-thế đã nguy-cấp đến nơi! Ta đành phải liều chết cố giữ, muôn một có đến nỗi nào nữa, thì ta cũng có thể cáo-vô-tội với tiên-nhân ta ở nơi trùng-toàn!.. Thôi! Ấy dòng-dõi họ Tần ta còn một chút đó, xin ủy-thác cho phu-nhân!...

Tần-Di nói chưa dứt lời, thì thấy tiếng ầm-ầm về mặt Cao Thừa-tướng giữ đã mở toang cổng thành cho quân Chu kéo ồ vào. Tần-Di liền vội-vàng vác gươm chạy ra, thấy thế quân bên Chu kéo vào như nước chảy; trong tay Tần-Di bấy giờ tuy còn giữ được và trăm quân tinh-nhuệ, nhưng địch sao lại được. Liều chết cố đánh mãi, sau bộ-hạ chết gần hết, Tần-Di một mình cũng đã bị nhiều thương, bèn lên tiếng kêu: « Thần-lực kiệt rồi!.. » rồi vác đoản-đao xấn vào giết với được mấy quân địch nữa, đoạn dùng dao tự-tận.

Bấy giờ Nịnh-thị (vợ Tần-Di) bèn thu-thập ít nhiều gia-tư, trốn ra ngoài thành; khi đó loạn-binh đầy đường chật phố, các nô-tì đều kinh-khiếp bỏ chạy tán-loạn cả, một mình phu-nhân ẵm Thái-bình-lang (Tần-Quỳnh) chạy trốn; đương phân-vân sợ chạy, chưa biết ẩn-nấp vào đâu, chợt đến một nơi ngõ hẹp hẻo-lánh, mọi nhà đều đóng cửa im ỉm cả, nghe ngóng một lát, thấy trong một nhà ở đấy có tiếng trẻ khóc, biết là trong có người ở, bèn gõ cửa gọi vào, thấy chỉ có một người đàn-bà và một đứa con trai chừng ba, bốn tuổi đương khóc. Nịnh phu-nhân kể qua sự-tình và ngỏ ý xin trọ. Ngồi yên một lát định-thần rồi, hỏi ra thì đó là người đàn-bà góa họ Trình và đứa con gọi là Nhất-lang, chỉ có hai mẹ con chạy loạn đến ở đó, ngoài ra không có ai nữa. Nịnh phu-nhân ở tạm đấy ít lâu, khi loạn yên rồi, bèn giở đồ vàng báu đem theo trong mình ra, mua một nơi nhà cũng ở liền đấy để tạm-trú. Từ đó hai nhà đi lại ngày rất thân-mật. Bấy giờ Tề đã mất nước, bầy-tôi tử-tiết, ai người tinh-biếu đoái-hoài; phu-nhân cũng đành tần-tảo nuôi con, ở lẫn vào trong bọn thường-dân, lần-lữa cho qua ngày tháng. Cũng may láng-giềng có Trình-thị sớm hôm đi-lại, nương-tựa nhau trong những khi tối-lửa tắt-đèn; hai đứa trẻ đều dần mặt cả, năm 12, 13 tuổi đã hay sinh-sự đánh nhau với trẻ con trong phố. Sau nhân gặp năm mất-mùa đói-kém, hai mẹ con Nhất-lang trở về quê ở Đông-a. -- Nịnh-phu-nhân từ lúc trọ lại Lịch-thành, Thúc-bảo (Thái-bình-lang) một ngày một lớn, thân-thể vạm-vỡ, tuy còn nhỏ, coi đã có cái khí-vũ khác thường, tính lười học, chỉ thích tập võ tập bắn, hay hung-hăng gây sự đánh nhau, thường chỗ phố-phường, giữa đường thấy sự bất-bình, là xuất tử-lực ra cứu-đỡ ngay, không hề kiêng-sợ. Nịnh phu-nhân thấy vậy, lấy làm lo, thường khóc bảo con rằng:

Ấy dòng-dãi họ Tần chỉ còn trông vào một mống con đó! Theo học vũ-nghệ, là phận-sự con nhà vũ-tướng, cái đó mẹ không cấm con; nhưng, mẹ chỉ khuyên con chớ nên quá hùng-hiết liều-mình làm vậy, cái thân mình là hệ-trọng lắm! Vậy con hãy nghe mẹ, con hãy yên phận ở nhà mà trông-nom đỡ-đần mẹ lúc tuổi già, hòng sau này nối dõi lấy họ Tần nhà ta!.....

Từ đó, một đôi khi Tần-Quỳnh có sinh-sự lôi-thôi với ai ngoài phố, hễ nghe tiếng bà mẹ gọi, thì trở về ngay. Sau lấy được vợ là Trương-thị cũng có của, Tần-Quỳnh bèn lợi-dụng cái của đó để chu-cấp cho những người nghèo-khó và kết-giao bạn-bè. Trước còn kết-giao với những tay kiệt-sĩ gần vùng đó, thì có Phàn-Hồ tên tự là Kiến-uy, Phòng-ngạn-Tảo, Vương-bá-Đương và Giả Nhuận-phủ thời-thường đi lại, cùng nhau hết tập vũ-nghệ, lại giảng binh-pháp; sau lần lần người nọ giắt người kia, thành ra giao-du ngày một rộng. Tần-Quỳnh vũ-nghệ cũng càng ngày càng giỏi; có hai thanh giản nặng tới 130 cân là vật báu gia-truyền, nên về nghề múa giản lại càng thần-diệu lắm. Tần-Quỳnh tuy còn trẻ tuổi, đã có cái khí-vũ độ-lượng anh-hùng; lại được Nịnh phu-nhân và Trương-thị cũng có khí-khái khác thường, tính rất hiếu-khách. Bởi vậy những hào-kiệt bấy giờ giao-du với Tần-Quỳnh rất nhiều, mà cả vùng Giang-bắc ai cũng biết tiếng Tần-Quỳnh.

Một hôm, Phàn-Hồ đến chơi, nói với Tần-Quỳnh rằng:

Bác ạ! gần đây miền Tề, Lỗ đói-kém, giặc cướp như rươi, quan quân

tiểu-nã đã riết mà chẳng vẫn gì. Mới rồi quan Thứ-sử bản-châu có gọi đệ ủy cho đệ việc mộ người đi tiễu-trấp ; nhân đệ có đề-cử bác, và nói với quan Thứ-sử để nhường bác đứng làm quản-lĩnh, mà đệ xin làm phó, thì quan Thứ-sử rất lấy làm mừng, ủy đệ đến mời bác và nhờ bác giúp cho một tay. Chẳng hay ý bác thế nào ?

Tần-Quỳnh nói :

— Bác dạy thế, nhưng cứ ý đệ thì lại nghĩ khác, mình dầu chẳng ra gì, song cũng đã mang tiếng đứng trong cõi đời, đệ thiết-tưởng nếu trời cho mà có dịp đắc-chí ra, làm việc gì cho nó rõ ra tuồng thì hãy nên làm ; mà không ra nữa, thà rằng cứ yên phận điền-viên, dau cháo thế nào xong thôi, trên phụng mẹ già, dưới nuôi vợ con, anh em bè bạn đi lại, khi cuộc cờ chén rượu, khi cung-tên săn-bắn, mấy gian nhà cỏ cũng đủ tiêu-dao, chẳng phải lụy đến ai mà ai cũng chẳng lụy đến được. Nay đem thân mà luồn-lụy người không đáng cho mình lụy, thì cái đó, bác nghĩ thế nào, chứ như đệ thật quả không dám ! Vả, bác nghĩ mà coi, uổng công, bác ạ! chẳng ra gì đâu mà làm ! . . . Xin bác liệu lời nói lại với Thứ-sử giúp cho.

Phàn-Hồ nói :

— Bác không nên nghĩ thế ! Bác nghĩ thế là sai ! Anh-hùng lập-công, có quá câu-nệ thế sao được !. . . .

Hai người đương nói, thì Ninh phu-nhân ở nhà trong ra, chủ-khách hàn-huyên xong mấy câu, phu-nhân nói :

— Này, con ạ ! Trượng-phu vẫn phải có chí-khí, mẹ cũng biết thế ; song ở đời thì phải cứ như lời bác Phàn vừa nói đó, mới được ! Con thử coi xem, con cứ lêu-lổng thế này mãi thì biết đến dòi nào... ? Nếu tiện được dịp này mà con chịu khó một chút, để có việc cho yên thân ; túng-sử may mà lập được chút công-lao thì càng hay ; không nữa, cũng chẳng hề chi. Này ! con thử nghĩ xem, công-công ta ngày xưa cũng là do chức Đông-cung Thị-vệ xuất-thân đấy chứ gì... ? Ở đời phải tùy theo thời-thế mới được chứ ! Con cứ khăng-khăng cố-chấp thế không xong !

Tần-Quỳnh vốn là người hiếu, nghe lời bà mẹ dạy, không dám nói gì nữa, đành phải vâng mạnh.

Sáng hôm sau, Tần-Quỳnh sắm-sửa cùng đi với Phàn-Hồ lên yết-kiến quan Thứ-sử. Thứ-sử tên là Lưu-phương-Thanh, thấy Tần-Quỳnh uy-phong lẫm-liệt, đường-đường một đấng anh-hào, bèn mời ngồi mà rằng :

— Nhà-ngươi là Tần-Quỳnh, phải chăng ? Hiện nay trời làm đói-kém, giặc-giã nổi lên tứ-tung ; ta có ủy cho Phan-Hồ mộ người đi tiễu-nã. Phàn-Hồ có đề-cử và xin để cho nhà-ngươi đứng làm quản-lĩnh. Nay nhà-ngươi đã có bụng giúp ta mà tới đây, vậy thì ta giao cho nhà-ngươi và Phàn Hồ cùng giữ chức quản-lĩnh. Các ngươi nên tận tâm liệu làm cho được việc, cũng là một dịp tốt cho các ngươi lập-công nữa đó !

Đoạn, hai người từ-tạ lui ra ; về trọ bàn tính với nhau một đêm, sáng hôm sau ra phố tìm tới nhà Giả Nhuận-phủ nhờ mua giúp một đôi ngựa, lưu lại nhà Giả Nhuận-phủ uống rượu bữa sáng, rồi hai người lại cùng trở về trọ. Được mấy bữa sau, có lệnh quan Thứ-sử sai hai người đem quân đi áp-giải tù-phạm sung quân, Phàn-Hồ đi Trạch-châu và Tần-Quỳnh đi Lộ-châu đều thuộc về hạt Sơn-tây cả, cùng đi một đường. Tần-

Quỳnh được lệnh, về nhà sửa-soạn hành-lý, từ-biệt mẹ già, dăn-dò vợ con ; đoạn cùng Hàn-Hồ về Trường-an trình bộ Binh và lĩnh cờ lệnh, rồi đem quân sang Sơn-tây.

Nói về Lý-Uyên được chỉ chuẩn cho về Thái-nguyên, mừng quá khác nào được tờ chiếu-thư ân-sá, vội-vàng thu-sếp sửa-soạn đợi ngày khởi-trình. Lý-Uyên vốn người lượng cả bao-dung, nên chi môn-hạ nhiều lắm, được tin Lý-Uyên sắp từ-giã Trường-an, mọi người đều mến-tiếc ngao-ngán ; Lý-Uyên bèn gọi đến đông đủ, yên-ủi từng người, dặn-dò cặn-kẽ, người nào tình-nguyện đi theo, cấp lương cho đi, người nào thế không đi được, cũng đều cấp cho ít nhiều để ở lại. Đoạn rồi trở vào nhà trong, phu-nhân là Đậu-thị nói với Lý-Uyên rằng :

— Nay nhờ ơn Thánh-thượng được toàn-vẹn mà trở về cố-lý thế này, thật là việc rất may ; song hiện thiếp đương hoài-thai đã gần đến kỳ sinh-nở, mà đường-xá xa-xôi, đi lại vất-vả như thế, e không thể được ; chi bằng bây giờ ta hãy ở lui lại trong vòng mươi lăm bữa nửa-tháng xem sao ?

Lý-Uyên nói :

— Phu-nhân phải biết rằng Thánh-thượng ngài cả nghi lắm, mà bên cạnh lúc nào cũng có kẻ gièm-báng, muốn để giết hết những người họ Lý mới nghe ; ta ở đây một khắc nào thật chẳng khác chi cá nằm trên thớt ! Nay nhờ ơn Thánh-thượng mà được trở về cố-hương, ấy là đại-phúc cho mình đó ! Phu-nhân không thấy cái tai họa nhà Lý-Hồn đấy sao ?...

Phu-nhân nghe ra, bèn trở vào sửa-soạn lên đường ; Lý-Uyên thì vào bệ-từ và đi từ-biệt các liêu-hữu, đoạn rồi cùng Đậu phu-nhân và tiểu-thư 16 tuổi ngồi một xe, còn em họ là Đạo-Tôn và con trưởng là Kiến-Thành đều cưỡi ngựa, bọn gia-đinh môn-hạ ngoại 40 người toàn là những tay lực-sĩ cả đi theo hầu, một đoàn từ Trường-an khởi-hành.

Bấy giờ được thoát vòng nguy-hiểm trở về, ai nấy đều mừng-rỡ, hành-trình đi gấp lên, ra khỏi kinh-đô chừng ngoài 20 dặm, trước mặt đi tới một giẩy núi đột-ngột mọc giữa cánh đồng, đó là núi Tra-thụ, cây-cối um-tùm, đường lối ngoắt-nghéo, bốn bề đồng rộng, thôn-lạc xa-lắc, người đi kẻ lại vắng teo, qua đó ai nấy đều có ý lo sợ, xe đi thong-thả, gia-đinh xúm quanh lại để hộ-vệ ; duy có Đạo-Tôn và Kiến-Thành đem mấy tên gia-đinh cùng cưỡi ngựa đi lên trước, cách độ vài ba dặm, theo lối đi vào đường rừng (nguyên tối hôm trước Vũ-văn-Thuật đã sai hung-thủ cưỡi ngựa ra phục sẵn trong rừng, chực khi Lý-Uyên đi qua, bổ ra đánh giết) bọn hung-thủ xa trông thấy cách ăn-mặc ra dáng người nhà quan, biết đích ngay là người nhà Lý-Uyên, một lũ đầu trâu mặt ngựa đến 70 người ở trong bụi rậm tay đao nách thước ầm ầm kéo ra, hò-thét đuổi đánh ; Kiến-Thành thốt-nhiên thấy vậy, thất-kinh quay ngựa chạy trở lại báo cho Lý-Uyên biết, còn Đạo-Tôn thì ở lại đem mấy tên gia-đinh cầm binh-khí thủ-thế kháng-cự.

Lý-Uyên thấy Kiến-Thành trở lại báo như vậy, lấy làm ngạc-nhiên mà rằng :

— Lạ ! ở liền nơi kinh-thành mà cũng như vậy !

Bèn xuống xe, để một nửa gia-đinh hộ-vệ gia-quyến đi lui lại tạm-trú vào

một nơi thôn-lạc, còn Lý-Uyên thì đeo cung tên, tay cầm ngọn trường, cưỡi ngựa đem một bọn ngoại 20 gia-đinh đi theo để đánh giải-vây cho Đạo-Tôn. Khi đến nơi, xấn vào đánh, bên phục-binh của Vũ-văn-Thuật thoạt thấy có quân tới đánh, tưởng là nhiều người thế mạnh, nên sợ chạy tan-tác mất một lúc, thành ra Lý-Uyên đem gia-đinh xấn vào được với Đạo-Tôn; đến sau bên phục-binh biết đích là bên Lý-Uyên chỉ có được vài chục viện-binh, nên không sợ, lại xông đến đánh, chia bốn mặt bỏ vây.

(Còn nữa)

GÁI PHỤC THÙ CHA

(Cô-long-ba thiếu-nữ)

Colomba par **Prosper Mérimée**

BÙI-HUY-CƯỜNG dịch-thuật

(Tiếp theo)

... Khi ấy, nàng bước vào tiệm, hỏi chủ-tiệm một đôi câu, rồi ngồi xuống cái ghế đá ở bên cổng đợi. Người nhà quê đi theo nàng dắt cả hai con ngựa vào chuồng...

Ni-viên nữ sĩ ăn-bận kiểu Ba-ly đi qua trước mặt nàng, mà nàng cũng không ngẩng mắt đoái tròng. Nữ-sĩ về phòng đã được một lát, mở cửa sổ nhìn ra, vẫn thấy nàng ngồi đợi ở trên ghế đá.

Chẳng bao lâu nữa, trung-tá cùng Liếp-ba đi săn đã về. Người chủ-tiệm vội chỏ Liếp-ba và nói nhỏ với người con gái có tang ấy một đôi câu; tức-thì người ấy đổi sắc mặt, đứng phắt dậy, đi lên vài bước rồi lại đứng lại chẳng nói chẳng rằng... Liếp-ba bước tới gần nàng nhìn nàng một cách kỳ lạ.

Nàng cảm-động, hỏi chàng rằng:

— Cậu có phải Liếp-ba trung-úy đó không? Tôi là *Cô-long-ba* đây mà!

Liếp-ba vội đáp:

— Kìa chị Cô-long-ba!

Rồi chàng ôm chặt nàng vào đôi cánh tay, hôn-hít nàng một cách rất là thân-thiết âu-yếm. Trung-tá và quý-nữ thấy vậy lấy làm lạ-lùng, là vì rằng ở bên Anh-quốc, không bao giờ người ta lại hôn nhau ở ngoài đường như thế.

Cô-long-ba nói:

— Cậu tha-thứ cho chị nhé! Chị đến đây không có lệnh của cậu, thực bởi lỗi chị; song vì chị được tin rằng cậu đã về tới A-giác-xi-ô, chị nóng ruột lắm, chị không thể ngồi nhà đợi được lâu nữa, chị phải thân-hành đi đón cậu đó. Trông thấy mặt cậu, chị rất lấy làm vui-sướng.....

Liếp-ba lại hôn chị, rồi quay lại nói với trung-tá rằng:

— Bẩm quan trung-tá, đây là chị tôi đây; thế mà nếu chị tôi không nói tên thì tôi cũng không nhớ mặt nữa kia đấy.....

Rồi chàng lại ngoảnh lại giới-thiệu quan trung-tá với chị rằng:

— Đây là Ni-viên-trung-tá, chị ạ!

Sau chàng xin lỗi trung-tá rằng:

— Hôm nay tôi tiếc vì không được danh-dự cùng ngài ăn cơm, là vì tôi gặp chị tôi đây...

Trung-tá vội nói chặn rằng:

— Vậy chớ ngài muốn sơi cơm ở đâu kia? Ngài há lại không biết rằng ở cái hàng cơm mạt này chỉ có một phòng ăn, mà phòng ăn ấy lại đã thuộc về tay ta rồi đó sao? Thiết-tưởng lệnh-tỉ cùng ta ăn cơm thì chẳng thêm vui bội phần cho cháu gái tôi lắm ư?

Cô-long-ba nhìn em, em có ý gật đầu. Thế là cả ba người cùng nhau bước vào trong phòng lớn. Cái phòng ấy vừa dùng làm buồng chơi, vừa dùng làm buồng ăn cho Trung-tá và Liếp-ba.

Tới khi Liếp-ba giới-thiệu chị cho Ni-viên nữ-sĩ thì bà chị cũng chẳng nói chẳng rằng, chỉ cúi đầu một cách lễ-phép để trả lời thôi. Ai thấy nàng thế, chẳng tưởng rằng nàng mới có lần này đứng trước mặt người lạ là một, nên nàng mới ra dáng e-lệ sợ-hãi nhường ấy; thế mà xem cách nàng cử chỉ thì lại không có một ý chi là quê-mùa dần-độn cả. Nàng tuy vụng-về, song vụng về một cách khôn-khéo. Ấy cũng vì thế mà Ni-viên tiểu-thư rất lấy làm khen ngợi.

Ni-viên mau có cảm-tình với nàng đến nỗi quen nhau chưa được mấy tiếng đồng-hồ, mà đã ngỏ ý mời nàng về phòng mình nghỉ.

Vốn trong tiệm cơm ấy chỉ có hai phòng ngủ: một phòng của trung-tá và Liếp-ba, còn một phòng nữa phần Ni-viên thiếu-nữ. Ni-viên sai người kê thêm một giường nữa ở bên giường Ni-viên nghỉ.

Cô-long-ba vội-vàng ngỏ mấy câu cảm-tạ nữ-sĩ, rồi theo chân con nụ của nữ-sĩ về phòng. Nàng vội-vã thế là vì nàng từ đường xa đi ngựa lại, quần-áo cùng mặt-mũi có ý không được chỉnh-tề lễ-phép; nay nàng muốn vào phòng sửa-sang ngay-ngắn lại đôi chút.

Khi nàng vào tới buồng chơi, nàng nhác thấy súng của trung-tá dựng ở góc tường, bèn dừng gót lại, hỏi em rằng:

— Này cậu, những khẩu súng này đẹp nhỉ! Có phải của cậu đấy không?

— Thưa chị, không! Ấy là những súng Anh của quan trung-tá đó. Những súng đó đẹp ngần nào, tốt ngần ấy, chị ạ!

— Tôi ước gì cậu cũng có được một khẩu súng như thế nhỉ?

Trung-tá vội nói:

— Của trung-úy cũng có một khẩu ở trong ba khẩu súng ấy đó. Trung-úy dùng súng ấy tốt lắm kia; trong một buổi hôm nay, ngài bắn 14 phát trúng cả 14 phát, tiểu-thư ạ!

Rồi người nọ nhường súng cho người kia, người kia trả lại súng người nọ; nhưng đến sau Liếp-ba trung-úy bất-đắc-dĩ phải nhận lời xin lĩnh một khẩu súng của trung-tá để làm của tin. Cô-long-ba tiểu-thư thấy vậy, cả mừng, nét mặt đang trang-nghiêm đường-bệ nhường ấy, bỗng thấy có vẻ hi-hởn vui tươi như đứa con gái mười một tuổi.

Trung-tá liền bảo trung-úy rằng:

— Xin ngài tự chọn lấy một khẩu súng vừa ý ngài.

Trung-úy từ chối. Trung-tá nhìn Cô-long-ba mà nói.

— Vậy để tiểu-thư chọn cho ngài vậy.

Cô-long-ba không để cho trung-tá phải mời hai lần, tự chọn lấy một khẩu súng xấu nhất, nhưng to nhất và tốt

nhất trong ba khẩu súng nọ mà nói rằng :

— Hẳn khẩu này mới đủ sức mang được những viên đạn lớn.

Liếp-ba trung-úy còn đang luống-cuống tìm lời kính tạ Ni-viên, thì may đâu cơm chiều đã dọn, ai nấy rộn-rịp vào ngồi bàn ăn. Ni-viên thiếu nữ đã mấy lần mời Cô-long-ba ngồi ăn mà nàng không chịu ; đến khi trung-úy đưa mắt cho nàng, nàng mới xin lỗi rón-rén ngồi vào bàn ăn. Trước khi ăn nàng lại đánh dấu chữ thập ở trước mặt một cách rất là sùng đạo. Ni-viên tiểu-thơ thấy vậy ưng-ý lắm, bụng bảo dạ rằng : « Hay lắm, người cồ-nhân a đã gặp ở bàn ăn này rồi đây ! »

Tiểu-thư nghĩ thế, trong lòng lại quyết-định rằng sẽ hết sức chú-ý vào cái con người đại-biểu xứ Cocc kia, mà xem xét cho rõ-ràng mọi nỗi tâm-lý.

Còn Liếp-ba trung úy thấy chị thực thà quá vậy, trong lúc ngồi ăn chỉ lo rằng cách nói-năng cử-động của chị, hoặc có lộ ra một vẻ gì mọi rợ quá, khiến cho ngượng mắt người Anh-quốc chăng ?

Về phần Cô-long-ba thì không hề một lúc nào rời con mắt nhìn-nhận Liếp-ba trung-úy cả. Thực là nàng cử-động theo cái ý muốn của em. Song nàng nhìn cậu em một cách buồn rầu bí-mật. Mỗi khi cậu đưa mắt lên nhìn mình như thế, riêng lòng hiểu-ý, vội-vàng quay mặt đi chỗ khác, hình như không muốn để cho chị biết rằng mình đã hiểu ý của chị vậy.

Vì trung-tá nói tiếng Ý-đại-lợi không được giỏi lắm, thành ra cả mọi người ngồi trong bàn ăn phải dùng tiếng Pháp trò-chuyện cùng nhau. Cô-long-ba cực chẳng đã, cũng phải tuân theo một cái mệnh-lệnh chung ấy để cho đẹp lòng chủ khách.

Khi cơm nước xong, Ni-viên trung-tá có ý xem xét biết chị em Liếp-ba vẫn có ý ngượng-ngùng e-lệ, bèn hỏi thực ngay trung-úy một câu rằng :

— Nếu trung-úy có sự gì muốn riêng ngỏ cùng lệnh-tỉ, tôi xin cùng tiện-nữ lánh sang phòng bên cạnh một lát.

Nhưng Liếp-ba vội-vàng dùng tiếng cảm ơn và từ tạ rằng khi tới *Bi-trần-noa*, chị em chàng sẽ có chán thời giờ trò-chuyện cùng nhau, chớ như bây giờ, quả không cần đi đâu mà vội. (Bi-trần-noa vốn là tên một cái làng của Liếp-ba trung-úy ở.)

Ni-viên trung-tá bèn theo lệ thường ngồi vào cái ghế trường-kỷ. Còn như tiểu-thư đã dùng hết cách khơi mào để cho Cô-long-ba mỹ-nữ nói chuyện, song mỹ-nữ không chịu hé môi ; tiểu-thư đành phải ngỏ lời xin cùng trung-úy ngâm cho một đoạn văn của Dante thi-sĩ vậy.

Liếp-ba bèn chọn bài « Địa-ngục ca » cất tiếng ngâm lên một cách não-nùng thê-thảm đến nỗi người nghe khôn cầm giọt lệ, khó nén tấc lòng. Chàng càng ngâm to bao nhiêu, Cô-long-ba càng tiến lại cạnh bàn bấy nhiêu ; nàng vốn từ nãy đến giờ lúc nào cũng có ý bẽn-lẽn cúi gầm mặt xuống, nhưng nay nghe tiếng em đọc cảm-động một cách lạ thường, ngửng hẳn đầu lên, hai con mắt chừng chừng như lửa bốc, mà nét mặt thì đỏ bừng-bừng, lúc lại tái mét hẳn đi. Nàng ngồi ở trên ghế không sao giữ nổi yên người được. Nàng thực đã là cái biểu-hiệu riêng của những cô con gái Ý-đại-lợi ngồi nghe thơ vậy.

Khi Liếp-ba đọc vừa ngớt tiếng, nàng vội tấm-tắc khen rằng :

— Thơ đâu mà hay đến thế nhỉ ! Ai làm bài thơ ấy thế, hử cậu Liếp-ba ?

Liếp-ba nghe hỏi, có ý hơi ngượng-ngùng ; Ni-viên nữ-sĩ bèn đỡ lời đáp nàng rằng thơ đó là của một nhà thi-sĩ cổ, chết đi đã được mấy trăm năm nay rồi.

Sau Liếp-ba nói :

— Hễ khi nào ta tới Bi-trần-noa, tôi sẽ đưa sách của Dante thi-sĩ cho chị xem !

Cô-long-ba lại kêu lên rằng :

— Trời ơi ! Thơ ấy hay lắm, hay lắm lắm kia !

Rồi nàng đọc lại mấy đoạn thơ mà nàng đã cố-ý nhớ được khi nãy. Trước nàng còn ngâm lý-tý ở trong mồm, sau bất-giác nàng sinh cảm, ngâm lên to quá đến nỗi tiếng của Liếp-ba khi trước ngâm thơ cũng không thấm vào đâu cả.

Ni-viên nữ-sĩ lấy làm lạ, hỏi rằng :

— Hình như tiểu-thư thích thơ lắm thì phải. Tôi thấy tiểu-thư ngâm thơ Dante thi-sĩ mà như thể ta xem một quyển sách mới-lạ thì tôi lấy làm thèm-ước lắm.

Liếp-ba bèn bảo Ni-viên rằng :

— Đó tiểu-thư thử coi. Thơ của Dante tiền-nhân có thế-lực đến ngần nào nhỉ ? Chẳng có thế mà mới có mấy câu thơ xoàng-xĩnh ấy đã đủ khiến cho một cô bé quê-mùa mọi-rợ xưa nay chỉ thuộc có một bài *kinh* thôi, cảm-động đến như thế được !. . . . . À, tôi quên, tiểu-thư ạ ! Chị tôi lại có nghề riêng kia đấy. Khi chị tôi còn bé, chị tôi thích gọt rũa những câu thơ cỏn-con lắm. Tới lúc tôi đi tòng-chinh, tôi có bắt được bao lâu đã thành nên một người hát « Tử-ca » có tiếng ở trong làng và ở xung-quanh làng rồi.

Cô-long-ba đưa mắt nhìn em một cách như xin em đừng bắt mình hát thế nữa. Song Ni-viên tiểu-thư vốn đã từng nghe thấy người ta đồn rằng ở Cocc có những cô con gái hát « Tử-ca » rất thú, nàng rất thèm nghe một bài, nàng mới vội-vàng hỏi Cô-long-ba nữ-sĩ rằng :

— Nghe nói tiểu-thư là tay kiệt-tài trong làng thi-ca, xin tiểu-thư cho tôi được nghe tiểu-thư một lần thì tôi lấy làm hân-hạnh lắm !

Liếp-ba lúc ấy hối rằng biết thế đừng nhớ đến cái tài thi-văn của chị mình xong, chàng bèn ngỏ-ý cùng Ni-viên thiếu-nữ :

— Thưa tiểu-thư, không còn cái gì chán-nản bằng nghe một bài « Tử-ca » ở miệng người Cocc hát. Vả chăng, ngâm thơ của Dante cổ-nhân rồi mới ngâm đến thơ Cocc thì ấy là một sự làm cho mất thể-diện của bản-xứ tôi đó.

Chàng nói vậy chẳng qua chỉ hun thêm cái lửa tò-mò của tiểu-thư lên thôi, tiểu-thư lại càng ngỏ ý muốn được nghe Cô-long-ba nữ-sĩ hát bài « Tử-ca » lắm. Sau, bất-đắc-dĩ, chàng phải xin chị rằng :

— Vậy, xin chị ngâm cho một bài, nhưng một bài nào ngắn thôi, chị nhé !

Cô-long-ba thở dài một tiếng, ngẩng nhìn lên giẫm nhà, lại cúi trông xuống thảm đất, rồi đưa tay lên mắt như một con chim tưởng không ai trông thấy mình đậu ở trên cành cây mà hát bài ca sau đây, giọng nghe rất bất-bình thảm-đạm :

Người thiếu-nữ và con chim gáy

« Ở dưới lũng, ở sau núi, có một gian nhà thấp nhỏ. — Gian nhà ấy cả ngày chỉ có một lần ánh sáng mặt trời chiếu đến thôi, — Gian nhà ấy cỏ mọc khắp thềm, lau leo đầy vách, — Then cài cửa đóng, chung-quanh lặng-ngắt như tơ. . . — Cứ đến buổi trưa, khi mặt trời đứng bóng, — Thì thấy một cửa sổ mở hé ra, — Một cô bé mồ-côi

ngồi kéo chỉ, — Cô ta vừa kéo, vừa hát, Hát mới thảm-thương làm sao chớ, — Thế mà cũng chẳng thấy tiếng hát của ai họa lại cả. Một ngày kia, là một ngày mùa xuân, Cô đang ngồi hát, có một con gáy đậu ở cành cây gần đó nghe tiếng, Chim gọi : Cô ơi! cô không ngồi khóc một mình đâu! — Tôi đây cũng vừa bị con cắt bắt mất vợ tôi! — Cô bé hỏi lại chim gáy rằng : Gáy ơi gáy? Con cắt độc-ác kia đâu? Ngươi hãy bảo ta, dù nó ở trên từng mây xanh biếc, ta cũng có thể bắn nó rơi xuống mãi chốn đất đen-xì này được! — Nhưng mà, còn như ta đây! Ai trả lại em ta để ta trả thù? — Em tacòn ở phương xa xứ lạ, nước thẳm, non cao... — Gáy bèn nói rằng : Cô ơi cô! Em cô ở xứ nào? — Cô hãy bảo, tôi sẽ vỗ cánh bay đến gần cậu em cô cho! »

Cô-long-ba vừa hát xong, Liếp-ba hiểu ý, làm ra dáng vui-đùa, hôn chị mà nói rằng :

— Con chim gáy đáng qui-trọng lắm đây nhỉ.

Ni-viên thiếu-nữ cũng nói :

— Bài ca của tiểu-thư hay lắm, thú lắm! Xin tiểu-thư viết cho tôi vào trong nhật-ký để tôi dịch ra tiếng Anh, rồi phả vào cung đàn dịp phách mà lưu-truyền thiên-cổ.

Ni-viên trung-tá tuy nghe Cô-long-ba hát không hiểu một tiếng nào, cũng nối lời con gái mà khen ngợi tiểu-thư. Sau ngài lại nói tiếp :

— Con chim gáy mà tiểu-thư nói đó tức là con chim gáy mà ta vừa mới quay ăn sáng ngày đó mà!

Tới khi Ni-viên tiểu-thư lấy nhật-ký ra đưa cho Cô-long-ba thiếu-nữ chép bài thơ thiếu-nữ vừa mới ngâm vào, tiểu-thư rất lấy làm lạ. Tiểu-thư thấy thiếu-nữ viết hà tiện giấy một cách lạ thường ; nàng cứ viết câu nọ nối với câu kia và từ đầu dòng đến tận cuối dòng, chớ không để chừa trắng hai bên ra như khi ta chép thơ thường vẫn để thế cho đẹp dâu! Cả đến cái lối viết tự-do của nàng cũng khiến cho tiểu-thư nhìn thấy phải mỉm môi cười nụ ; song tiểu-thư càng mỉm cười bao nhiêu thì Liếp-ba càng lấy làm mích-lòng về nỗi chị mình mọi-rợ bấy nhiêu.

Đến giờ đi nghỉ, cả hai thiếu-nữ cùng lui vào phòng. Ni-viên nữ-sĩ tay thì tháo vòng, nhẫn, hột, hoa ra, mà mắt thì để nhìn-nhận Cô-long-ba đang thu-thu rút ở dưới vạt áo ra một vật gì trăng-trắng như xương cá-voi. Rồi tiểu-thư lại thấy nàng sẽ rón-rén đấu cái vật kỳ-khôi bí mật ấy xuống dưới cái áo tang mà nàng đã quẳng trên bàn từ khi nẫy. Nàng cất vật kín xong đâu vào đấy, quỳ gối xuống cầu nguyện một cách rất là sùng đạo. Cách hai phút nữa, nàng đã bước vào giường nghỉ.

Ni-viên vốn thiên-tính là hay tò-mò và chậm-chạp y như phần nhiều những cô con gái Anh thay xiêm-áo vậy, tiểu-thư bèn tảng-lờ đánh mất cái danh-phim để đứng dậy đi tìm. Tiểu-thư đứng gần bàn, nhấc áo tang của Cô long-ba lên, ý tìm của, thì thấy một con dao găm sáng quắc, vừa nhỏ vừa dài, con dao ấy có một cái chuôi khảm sà-cừ và rất bạc. Con dao ấy tức là một vật cũ rất có giá-trị cho những người hiếu-cổ. Người xưa đánh nên con dao ấy hẳn đã tốn nhiều mồ-hôi nước-mắt lắm thay!

Ni-viên mỉm cười, hỏi Cô-long-ba rằng :

— Bẩm tiểu-thư, có phải ở Coọc ta đây, những người thiếu-nữ thường hay có tục dắt vật cỏn-con này vào trong nếp áo không?

Cô long-ba thở dài đáp :

— Bẩm tiểu-thư, tối bần-cùng mà phải dắt đi, là vì ở quanh tôi lắm người nguy-hiểm lắm.

— Thế nhưng mà tiểu-thư lại có can-đảm cầm dao này mà đâm chết một kẻ thù nhân kia à?

Ni-viên nói vậy, cầm dao ra hiệu thẳng tay đâm xuống một nhát như người ra trò ở trong rạp tuồng vậy.

Cô-long-ba thỏ-thẻ và dịu-dàng đáp lại :

— Bẩm tiểu-thư, phải! Khi cần đến giữ thân mình hay là giữ thân cho chúng bạn thì bất-đắc-dĩ tôi cũng phải dùng nó mà chém giết thật. . . . Nhưng tiểu-thư cầm dao như vậy không phải cách đâu! Nếu tiểu-thư cầm như thế thì có lúc người thù lánh khỏi, dao lại tự trúng vào người tiểu-thư mất.

Rồi nàng ngồi nhổm dậy, giơ tay cầm lấy con dao, đâm giả ra không một nhát, miệng nói rằng :

— Đây này, tiểu-thư phải cầm dao cách thế này mới được! Nếu tiểu-thư cầm thế này thì không mấy phát là tiểu-thư lại nhầm sai đâu!. . . . . Sung-sướng thay là những kẻ nào không phải dùng tới những đồ khí-giới sát-nhân này!

Nàng nói xong, thở dài một tiếng, ngả đầu xuống gối nhắm mắt thiu-thiu . . . Thực là một cái khuôn mặt con người đẹp-đẽ, đường-bệ và trinh-khiết nhất đời. Vì Phidias muốn cải tượng Minerve thấy cũng phải chọn nàng làm kiểu-mẫu chớ chẳng không!

VI

Ấy cũng vì ký-giả bắt chước lối chép chuyện của Horace cổ-nhân nên mới nhập đầu-bài một cách đột-ngột như thế. Song nay mỗi người yên-ngủ hết cả, nào là Cô-long-ba, nào là cha con Ni-viên trung-tá cùng nhau đang mơ-màng giấc điệp, vậy ký-giả phải nhân dịp ấy thuật lại cùng độc-giả nghe một vài sự rắc-rối có quan-thiệp đến câu chuyện này, ngõ-hầu độc-giả mới hiểu thấu chuyện được.

Chắc độc-giả cũng thừa biết rằng Liếp-ba trung-tá là thân-sinh Liếp-ba trung-úy và Cô-long-ba thiếu-nữ chết vì có người giết ; mà người giết ấy không phải là người giết lấy của như ở nước Pháp ta, song là người giết để trả thù vậy. Đành rằng trung-tá bị người ta giết vì thù-oán, sự ấy biết cũng không bổ mấy, nhưng cái duyên-cớ tại vì sao gây nên cuộc thù-oán, ấy mới thật là sự mà độc-giả nên lắng tai nghe cho tường-tận.

Những cái duyên-cớ cỏi-rễ như thế thường khó tìm ra mối-manh được, là vì ở Coọc dày, nhiều nhà họ chỉ để ý đến sự phục-thù nhau, chớ họ không cần ghi-nhớ lấy cái nguyên-ủy. Sự phục-thù ấy để làm gì?

Số là nhà trung-tá Liếp-ba có thù với nhiều gia-tộc khác ở miền Coọc, song nặng thù nhất là với gia-tộc Ba-li-xĩ luật-sư.

Có kẻ bảo rằng từ thế-kỷ XVI, một người nhà họ Liếp-ba tằng-tịu với một ả nhà họ Ba-ly-xĩ, người họ với ả bị hiếp bèn giết tình-nhân ả để rửa thẹn. Vì vậy gây nên cuộc oán-thù từ đó.

Cũng có người lại nói rằng việc thù nhau ấy gốc ở một sự khác ; mà sự này xét ra có lẽ phải hơn :

Nguyên là người nhà Liếp-ba bị hiếp, mà người nhà Ba-ly-xĩ bị giết, chớ không phải như lời ở trên kia đã nói.

Từ ấy mà đi, tuy hai nhà có thù-oán cùng nhau, song không thể giết nhau được, là vì có chính-phủ *Giê-noa* săn-sóc đến mà cản-trở đi. Chính-phủ *Giê-noa* đã trừng-trị cả hai nhà một cách rất nghiêm-khắc, phần thì bắt tội nhà người sát-nhân, phần thì phạt nặng nhà người hiếp gái, nghĩa là bao những mặt thanh-niên anh-tuấn của hai nhà ấy cùng bị biệt-xứ, mỗi người một nơi, để khỏi phải trông thấy nhau luôn mà sinh thù, sinh oán nữa.

Đến cuối thế-kỷ vừa rồi, một người họ Liếp-ba đi tòng-chinh ở Nạp-bà, có vào chơi trong sòng bạc tại đó. Trong cuộc đỏ đen, chàng ta có sinh-sự cãi nhau với một vài người khác. Một người kia gọi chàng là « con dê Coọc ».

Chàng nổi giận, rút kiếm ra trả-thù, song một mình chàng chống với ba người, xem chừng chàng đã núng thế. Nếu lúc bấy giờ không có một người khác tuốt gươm ra nói rằng: « Ta cũng là người Coọc đây », rồi xông vào đánh giúp chàng thì có lẽ chàng cũng bị chúng giết mất. Nhưng người Coọc đánh giúp chàng ấy là ai? Tức là một người trong họ Ba-ly-xĩ.....

(Còn nữa)

BẠCH-TUYẾT

Mùa đông, tuyết rơi trắng sóa.

Một vị Hoàng-hậu kia đương ngồi thêu ở bên cái cửa sổ khung bằng gỗ mun; chợt cái kim đâm vào ngón tay, ba giọt máu rỏ xuống đám tuyết. Trông thấy máu đào pha vào sắc trắng của tuyết sinh ra cái đẹp lạ-lùng, Hoàng-hậu bụng bảo dạ rằng: Ước gì ta có một đứa con trắng như tuyết, đỏ như máu, đen như gỗ mun khung cửa kia.

Cách đó ít lâu, Hoàng-hậu sinh được một nàng công-chúa trắng như tuyết, đỏ như máu, tóc đen như gỗ mun thực. Vì vậy đặt tên là Bạch-Tuyết. Khi công-chúa xuất-thế thì Hoàng-hậu từ-trần.

Một năm sau, vua lại lấy Hoàng-hậu nữa. Bà này nhan-sắc tuyệt vời, nhưng kiêu-ngạo hiếu-thắng, không chịu cho ai đẹp hơn mình. Hoàng-hậu có một cái gương quí-thuật. Khi bà soi gương ấy mà hỏi rằng:

— Gương ơi, gương xinh treo tường kia ơi, ai là người đẹp nhất nước?

Thì cái gương trả lời rằng:

— Tâu Hoàng-hậu, ngài là người đẹp nhất.

Hoàng-hậu rất lấy làm vui sướng, vì biết rằng cái gương nói thực. Nhưng trong khi ấy, Bạch-Tuyết càng lớn lại càng đẹp, đến năm lên bầy thì đẹp lạ đẹp lùng, đẹp hơn cả Hoàng-hậu.

Một hôm Hoàng-hậu hỏi cái gương rằng:

— Gương ơi, gương xinh treo tường kia ơi, ai là người đẹp nhất nước?

Gương trả lời rằng:

— Tâu Hoàng-hậu, ngài đẹp nhất ở đây, nhưng nàng Bạch-Tuyết lại còn đẹp hơn ngài nghìn lần nữa.

Hoàng-hậu giật nẩy mình, rồi phát ghen xanh-xám cả người đi.

Từ đó, Hoàng-hậu trông thấy nàng kia đâu thì liền nổi cơn tức-giận. Tấm lòng kiêu-đại ghét-ghen ngày cứ thêm mãi ra mà làm cho Hoàng-hậu ngày đêm không lúc nào yên cả. Hoàng-hậu bèn cho đòi một kẻ lạp-nhân đến mà phán rằng:

— Nhà người đem con bé này ra rừng, ta muốn khuất mắt nó đi. Nhà ngươi giết nó đi rồi mang tim gan nó về đây cho ta làm bằng-chứng.

Lạp-nhân vâng mệnh rồi mang đứa bé đi. Khi rút dao ra sắp mổ bụng con bé thì nó khóc mà nói rằng:

— Ông ơi, ông đừng giết tôi, tôi sẽ ở lại trong rừng này, không khi nào về nhà nữa đâu.

Con bé xinh-đẹp quá, bác kia cũng động lòng thương mà bảo rằng:

— Ừ thôi được, con ạ!

Rồi bụng nghĩ rằng: « Các giống thú dữ cũng đến nuốt sống con đi mất thôi! » Sống trong lòng bác ta cũng như cất gánh đầy đồ đi. Giữa lúc ấy, một con hươu con chạy gần, bác ta liền giết chết lấy tim gan đem về dâng Hoàng-hậu để giả làm tim gan nàng Bạch-Tuyết. Bà mẹ ghẻ độc-ác kia sai ngay nhà bếp nấu nướng rồi ăn.

Con bé khốn-khổ ấy ở trong rừng một mình rất lấy làm sợ hãi, không biết sau này sẽ ra thế nào. Chạy nhẵng chạy nhít, rồi những sỏi nhọn cùng gai góc nó làm xây-xát cả chân ra. Thú giữ vẫn qua lại cạnh mình, nhưng không làm hại gì cả. Đến chập tối thì nó trông thấy một cái nhà con, liền vào đó nghỉ. Trong nhà cái gì cũng nhỏ ti-teo cả, nhưng xinh-đẹp sạch-sẽ. Lại thấy một cái bàn trải khăn bàn rất đẹp, trên bày bầy cái đĩa, bên cạnh mỗi cái đĩa có một cái thìa, một cái dĩa, một con dao, một cái cốc. Bầy cái giường xinh-xắn kê ở gần tường, cái nào cũng trải đệm rất sạch. Con bé bấy giờ vừa đói vừa khát, mỗi đĩa ăn một ít, mỗi cốc uống một ngụm, vì nó không muốn cho người nào phải mất phần cả. Nó lại muốn nằm, vì nó mệt lắm, nhưng giường nào cũng không vừa, cái thì rộng quá, cái thì dài quá, ướm mãi đến cái thứ bầy mới vừa bằng thân thể nó, nó bèn nằm đó ngủ.

Trời đã lối mịt, bầy ông chủ-nhà mới về, đó là bầy người lùn đào mỏ ở núi. Họ thắp đèn, khi họ đã trông tỏ thì bảo nhau rằng chắc có người nào đến đây, vì cái gì cũng sai suyền khác lúc để nhà ra đi cả. Người thứ nhất nói: Ai đã ngồi lên ghế tôi? — Người thứ nhì nói: Ai đã ăn vào đĩa của tôi? Người thứ ba nói: Ai đã lấy bánh của tôi? — Người thứ tư nói: Ai đã ăn rau của tôi? — Người thứ năm nói: Ai đã dùng dĩa của tôi? — Người thứ sáu nói: Ai đã cắt bằng dao của tôi? — Người thứ bảy nói: Ai đã uống ở cốc của tôi?

Một người chạy lại chỗ giường, nói rằng: Ai đã mó đến giường tôi? Rồi tất cả mọi người đều chạy lại mà nói rằng: Người ta mó vào cả giường tôi nữa. Nhưng người thứ bầy khi đến cạnh giường mình thì thấy nàng Bạch-Tuyết ngủ đó. Bèn gọi những người kia, thì đều chạy lại, đều lấy làm ngạc nhiên cả. Họ bèn đi lấy đèn đến mà xem cho rõ nàng Bạch-Tuyết,

rồi họ cùng reo lên rằng: « Trời ơi ! Trời ơi ! con bé xinh sao ! » Thích quá, cũng không đánh thức con bé dậy nữa, cứ để im cho nó ngủ. Thế rồi bác lùn thứ bảy ấy cứ lần lượt nằm bên cạnh mỗi người một chốc, cho đến suốt đêm.

Sáng hôm sau, trở dậy, nàng Bạch-Tuyết ta trông thấy bầy bác lùn, lấy làm sợ hãi. Nhưng họ mỉm cười ra dáng hiền-hòa mà hỏi rằng:

— Tên em là gì ?

Thưa rằng :

— Bạch-Tuyết ạ.

Họ lại hỏi :

— Thế nào mà em lại đến nhà này ?

Bấy giờ nàng mới kể chuyện cho họ nghe rằng mẹ ghẻ định giết mình, nhưng kẻ lạp-nhân lại tha cho sống, rồi nàng cứ chạy hoài mãi cho đến khi tìm được nhà họ.

Các bác lùn bảo Bạch-Tuyết rằng:

— Em có bằng lòng trông nom những việc trong nhà cho ta không ? làm cơm nước cùng là các việc lặt-vặt không ? Em cứ ở đây với chúng ta, ta sẽ không để cho em phải thiếu cái gì cả.

Bạch-Tuyết thưa rằng :

— Xin vâng.

Thế rồi nàng ở với mấy bác lùn ấy, trông nom làm lụng các việc trong nhà. Buổi sáng các bác lùn vào núi đào mỏ, chiều về thì cơm nước đã sẵn-sàng rồi. Cả ngày nàng ở nhà một mình, các bác lùn lại tốt bụng, giữ-gìn cho mẹ ghẻ nàng không làm gì được, mà dặn rằng :

— Mụ ấy biết con còn sống đấy ; đừng để cho người nào vào nhà nhé.

Bà Hoàng-hậu kia khi đã ăn tim gan con bé rồi thì yên-trí rằng từ đây về sau mình là đẹp nhất.

Bà đến chỗ cái gương mà hỏi rằng :

— Gương ơi, gương xinh treo tường kia ơi, ai là người đẹp nhất nước ?

Gương trả lời rằng :

— Tâu Hoàng-hậu, ở đây thì ngài đẹp nhất, nhưng ở bên kia núi trong nhà bầy người lùn, cô Bạch-Tuyết còn đẹp hơn ngài nghìn lần nữa.

Hoàng-hậu giật nẩy mình, vì biết rằng cái gương không nói dối, và hiểu là kẻ lạp-nhân kia đã đánh lừa mình, mà nàng Bạch-Tuyết thì hãy còn sống. Không được là đẹp nhất nước thì bà không sao yên thân.

Sau mãi bà tìm được một mưu là bôi nhọ mặt đi và thay lốt làm bà lão già bán hàng, để cho không ai nhận ra được nữa. Ăn mặc thế rồi, bà đi đến nhà bầy người lùn ở bên kia núi, gõ cửa mà nói rằng :

— Tôi có những đồ hàng tốt đẹp đến bán.

Bạch-Tuyết nhìn qua cửa sổ, nói rằng :

— Bà lão ơi, bà bán gì thế ?

— Những cái rất đẹp rất xinh, này những áo lót mình đủ các mùi.

Bà lão vừa trả lời thế, vừa đưa ra cho xem một cái áo bằng xa-tanh mùi hồng hồng.

Bạch-Tuyết bụng nghĩ rằng: « Ta cho bà lão này vào nhà cũng được ».

Rồi mở cửa cho bà lão vào, mua một cái áo lót mình rất đẹp.

Bà lão bảo Bạch-Tuyết rằng:

— Em thắt cái dây vụng lắm, lại đây tôi thắt tử-tế cho.

Bạch Tuyết bất-ý ngờ đâu, để cho bà lão thắt hộ. Nhưng bà lão thắt lanh quá, ghì dây chặt quá, đến nỗi Bạch-Tuyết không thở được, ngã ra bất-tỉnh-nhân-sự.

— Thôi thế là hết cả đẹp nhất nhé !

Bà lão nói thế rồi lẩn mất.

Một lát, tối đến, các bác lùn về, trông thấy Bạch-Tuyết nằm dưới đất thẳng dẵng không động-đậy gì, đều lấy làm kinh ngạc. Họ bèn dựng dậy, thấy cổ thắt nghẹt quá, bèn sẻ rách cái áo lót mình ấy ra. Bạch-Tuyết lại thở được, hồi-tỉnh lại ngay. Nàng kể chuyện lại cho các bác lùn nghe, thì họ bảo rằng :

— Bà lão bán hàng ấy chẳng phải là ai đâu, chính là Hoàng-hậu độc-ác kia đấy. Em phải cẩn-thận mới được, khi chúng ta đi vắng thì đừng để cho người nào vào trong nhà nhé !

Trong khi ấy, mụ độc-ác kia về đến nhà, liền chạy lại trước cái gương mà hỏi rằng :

— Gương ơi, gương xinh treo tường kia ơi, ai là người đẹp nhất nước ?

Gương trả lời rằng :

— Tâu Hoàng-hậu, ở đây thì ngài đẹp nhất, nhưng ở bên kia dẫy núi trong nhà bầy người lùn, cô Bạch-Tuyết còn đẹp hơn ngài nghìn lần nữa.

Nghe nói, Hoàng-hậu lại giật nẩy mình và trong lòng đau-đớn, vì biết rằng Bạch-Tuyết đã sống lại. Bụng bảo dạ rằng: Được ! Để ta sẽ nghĩ cách trừ-khử hẳn con bé này đi mới được. Nguyên bà giỏi phép phù-thủy, bà bèn chế ra cái lược có thuốc-độc. Rồi lại thay hình đổi lốt làm một bà lão già khác, đi sang bên kia dẫy núi đến nhà bầy người lùn, gõ cửa nói rằng :

— Tôi có các đồ-hàng tốt đẹp đến bán.

Bạch-Tuyết ngó đầu ra ngoài cửa sổ mà kêu lên rằng :

— Đi đi, tôi không thể cho ai vào nhà được.

Bà lão nói :

— Em cứ dòm qua ra ngoài cửa sổ cũng được kia mà.

Rồi bà ta chìa cái lược có thuốc độc ra cho xem.

Cái lược làm cho nàng Bạch-Tuyết ta ưa quá đến nỗi để cho nó quyến-dũ mà mở cửa cho bà lão vào. Nàng mua cái lược ấy, rồi bà lão bảo rằng :

— Bây giờ để tôi chải đầu tử-tế cho em.

Bạch-Tuyết để yên cho bà lão chải, chẳng ngờ chi hết. Nhưng bà lão vừa dặt cái lược vào trong tóc thì thuốc-độc truyền ra, nàng ngã lăn xuống, bất-tỉnh nhân-sự.

— Thôi, thế là đi đời nhé, cái đẹp tuyện-trần nhé !

Mụ già khốn-nạn nói vậy rồi đi.

Nhưng may sao trời đã tối, các bác lùn về ngay. Trông thấy nàng Bạch-Tuyết nằm đứ-đừ ở đất, họ ngờ ngay rằng lại mụ mẹ ghẻ kia làm phép chi đây, đi tìm thì quả-nhiên thấy một cái lược có thuốc-độc. Vừa vứt cái lược đi, thì nàng Bạch-Tuyết hồi tỉnh ngay, mà kể lại đầu đuôi cái sự xảy ra ấy. Các bác lùn lại dặn-dò nàng phải gườm cái mụ mẹ ghẻ kia và đừng mở cửa cho ai vào nhà cả.

Vừa về tới nhà, Hoàng-hậu liền hỏi ngay cái gương rằng :

— Gương ơi, gương xinh treo tường kia ơi, ai là người đẹp nhất nước ?

Gương lại trả lời như trước rằng :

— Tàu Hoàng-hậu, ở đây thì ngài đẹp nhất, nhưng ở bên kia dẫy núi trong nhà bầy người lùn, có Bạch-Tuyết lại còn đẹp hơn ngài nghìn lần nữa.

Nghe cậu trả lời ấy, Hoàng-hậu điên cuồng cả người mà gầm lên rằng:

— Con Bạch-Tuyết này phải chết, dù ta có mất đời cũng cam.

Rồi Hoàng-hậu vào một cái buồng biệt-tịch ở trong lâu-đài mà chế một quả táo có thuốc-độc. Quả táo trông ngon-lành đến nỗi ai cũng muốn ăn, nhưng ai đụng môi vào là chết. Khi làm xong quả táo, Hoàng-hậu lại bôi nhọ mặt, giả hình làm một mụ nhà quê, rồi đi sang bên kia dẫy núi vào nhà bầy người lùn. Mụ gõ cửa thì nàng Bạch-Tuyết thò đầu ra ngoài cửa sổ mà nói rằng:

— Tôi không thể cho ai vào nhà được, vì bầy bác lùn đã cấm tôi như thế.

Mụ nhà quê nói:

— Không can chi, ta định bán hết những táo của ta đi, ta cho em một quả nhé.

Bạch-tuyết nói:

— Không, tôi không thể nhận cái gì được cả.

Mụ kia lại nói:

— Em sợ bị thuốc độc ư? Này trông, ta bổ quả táo làm đôi, em ăn một nửa đỏ, còn ta ăn cái nửa kém tươi này.

Quả táo chế khéo đến nỗi người ta có thể ăn cái nửa sau ấy mà không việc gì. Nàng Bạch-tuyết thấy quả táo ngon thèm quá.

Trông thấy mụ kia ăn, nàng cũng chẳng nghi ngại gì mà cầm lấy cái nửa quả mụ đưa cho, rồi cắn rất ngon lành. Nhưng ngã chết thẳng cẳng ngay lập tức. Hoàng-hậu nhìn nàng một cách dữ-tợn, rồi cười khanh-khách mà rằng:

— Trắng như tuyết, đỏ như máu đen như mun! Lần này thì các chú lùn cũng hết phép cải-tử-hoàn-sinh cho mi nhé!

Khi về tới dinh, Hoàng-hậu ngồi trước gương mà hỏi rằng:

— Gương ơi, gương xinh treo tường kia ơi, ai là người đẹp nhất nước?

Gương trả lời rằng:

— Tàu Hoàng-hậu, ngài đẹp nhất nước.

Các bác lùn về đến nhà thấy nàng Bạch-Tuyết nằm ở đất, không thở nữa, vì đã chết rồi. Họ bèn dựng dậy tìm xem cái gì làm cho nàng chết, thôi thì cởi dây buộc áo, thôi thì chải đầu, thôi thì rửa mặt, mà chẳng công hiệu gì; tội nghiệp con bé thế là chết hẳn, không sống lại được nữa rồi! Họ đặt con bé lên dường, ngồi sùm chung quanh mà khóc trong ba ngày. Họ muốn chôn, nhưng con bé mầu da vẫn tươi tốt, đôi má vẫn hồng-hồng như người sống vậy. Họ bảo nhau rằng ta không thể chôn nó đi được; rồi họ để vào trong một cái áo-quan bằng thủy-tinh để cho đứng phía nào cũng trông thấy được, lại khắc tên con bé bằng chữ vàng nữa. Rồi họ đem cái áo quan ấy đặt lên trên đỉnh núi bên cạnh mà cắt nhau canh giữ lần-lượt. Cả các cầm-điểu cũng đến khóc nàng Bạch-Tuyết: trước thì con cú, rồi thì con quạ, sau cùng đến chim bồ-câu.

Nàng Bạch-Tuyết nằm trong áo-quan ấy đã lâu mà nước da không hề biến sắc; trông hình như ngủ mà vẫn trắng như tuyết, đỏ như máu, tóc đen như mun.

Bỗng đâu dun-dủi một vị Hoàng-tử lỡ độ đường trong rừng đến xin ngủ trọ ở nhà các bác lùn. Hoàng-tử, thấy cái áo quan ở trên núi, có nàng Bạch-Tuyết ở trong, lại đọc mấy chữ vàng đề đó, bèn bảo với các bác lùn rằng:

Các ông cho tôi cái áo-quan này, rồi các ông muốn gì tôi lại xin biếu.

Nhưng họ trả lời rằng:

— Bao nhiêu vàng bạc, tôi cũng không để cho ngài cái áo quan ấy được.

Hoàng-tử lại nói:

— Thế thì các ông làm quà cái ấy cho tôi vậy, vì tôi không thể sống mà không trông thấy nàng Bạch-Tuyết được. Tôi sẽ yêu nàng hết sức mà chăm nom nàng như người yêu của tôi.

Các bác lùn cũng tử-tế, nghe nói cảm-động trong lòng, rồi nhường cái áo-quan cho Hoàng-tử. Hoàng-tử sai lũ bộc-tụng khiêng về. Thế nào chúng vấp ngay phải rễ cây, chuyển động đến nàng Bạch-Tuyết mà làm cho nàng bật cái miếng táo thuốc-độc ở mồm ra.

Nàng mở choàng mắt ra, lật nắp áo-quan lên, đứng dậy, lại hồi-sinh rồi. Nàng kêu lên rằng:

— Trời ơi, tôi ở đâu thế này?

Hoàng-tử nói:

— Cô ở nhà tôi.

Rồi Hoàng-tử kể hết sự-tình đầu đuôi cho nàng nghe. Lại nói luôn rằng:

— Tôi yêu cô nhất thiên-hạ. Cô đi với tôi về dinh cha tôi, rồi cô sẽ đẹp duyên cùng tôi.

Nàng Bạch-Tuyết cũng ưng-ý theo Hoàng-tử về; rồi hôn-lễ rất là linh-đình rực-rỡ.

Mụ mẹ-ghẻ độc-ác của nàng Bạch-Tuyết cũng có giấy mời đến dự tiệc. Trang-điểm cực-kỳ sang-trọng, mụ đến trước gương mà hỏi rằng:

— Gương ơi, gương xinh treo tường kia ơi, ai là người đẹp nhất nước?

Gương trả lời rằng:

— Tàu Hoàng-hậu, ở đây thì ngài đẹp nhất, nhưng bà Hoàng-hậu thanh-niên kia lại còn đẹp hơn ngài nghìn lần nữa.

Mụ đàn-bà ghê-gớm ấy nguyền-rủa một câu, rồi sợ-hãi, sợ-hãi đến nỗi tứ-chi đều run cầm-cập. Trước mụ đã nghĩ không đến dự tiệc, song lòng muốn xem bà Hoàng-hậu thanh-niên quá, không đừng được, lại đi.

Khi mụ vừa vào thì nàng Bạch-Tuyết nhận ra được ngay, mụ kinh-hãi quá đứng đờ người ra đó. Nhưng đôi giầy sắt nung lửa đỏ ối đã nung sẵn để cho bà mẹ ghẻ ấy đi. Đôi giầy đặt trước mặt, bà ta phải sỏ chân vào mà nhảy-đầm mãi cho đến khi kiệt sức lăn xuống đất chết mới thôi.

Nguyễn-Thượng-Huyền dịch thuật

(Trích trong bộ Contes choisis des Frères Grimm)

BÀ PHƯỚC

Trời đã tối, trước cửa nhà thương, ở đầu lối đi thẳng vào các cửa phòng, đứng đầy những nữ-khán-hộ và phu-cáng. Bên trong thì ngọn đèn le-lói, chốc chốc một luồng gió đông lạnh giá thổi rốn-cợt nhấp-nhô; bên ngoài thời trời mưa rả-rích. Những người bị thương thoạt mới ở trên xe xuống, đều phải đứng cả; kẻ thì chống bằng gậy, kẻ thì phải có người đỡ. Mặt mũi xám như đất, quần áo đầy những bùn, con mắt lờ-đờ trông chẳng khác nào như một toán âm-binh. Họ ngồi quày tròn trong một cái buồng rộng; ngồi im phăng-phắc, có ý ngơ-ngác. Song dầu đau-đớn nhưng có vẻ sung-sướng dễ chịu vì được những người tiếp-đãi ân-cần, lại được tĩnh-mạc an-dưỡng.

Kế đến một bọn đi cáng. Trong bọn đó có một người gầy nhỏm, nét mặt khác hẳn các người kia, con mắt sốt-sắng, râu-ria rậm đen. Phu cáng xẽ đặt người đó xuống đất. Hắn ta chống khủy tay nhắc mình dậy, đưa con mắt thất-vọng nhìn chung-quanh mình. Trong đám nữ-khán-hộ đang tấp-nập có một bà-phước đi đi lại lại. Dưới cái khăn vuông hai mùi, trắng và đen; trông mặt bà không thể đoán đích được bà bao tuổi, nhưng cái nét mặt rõ ra còn trẻ và thanh-tân. Trông đến cái dáng-điệu và cái vẻ người thì đoán được rằng xưa kia bà là người khuê-các; đến sau vì bà xuất-giáo nhập đạo, nên hóa ra mất vẻ hồng-nhan.

Bà cúi xuống cái cáng khiêng người bị-thương đó định hỏi hắn có muốn dùng gì chăng, nhưng bà vội-vàng ngửng lên, mặt tái mét đi, kéo cái khăn vuông xuống quá trán, rồi vội lẳng ngay sang toán khác.

Người bị-thương đó tên là Simon de Préfaye. Khi bỏ vải quấn ra, thời thấy dấu thương hắn nặng, nên phải đưa lên một phòng riêng. Một người đàn-bà còn trẻ tuổi mà tóc đã hoa râm lãnh chức khán-hộ cái phòng đó, tức là bà-phước kể trên kia vậy.

Đêm nào bà cũng phải ở lại đấy để trông coi hắn.

Bệnh Simon càng ngày càng nặng, trông cái mầu da xanh-xám đủ biết rằng máu hắn đã bị hư. Những vết thương ở chân không tài nào cắn miệng lại cho, dầu thông thế nào cũng không sao hết mủ. Hắn ta đau quá, không đêm nào ngủ được.

Một đêm kia hắn gọi bà-phước.

Bà-phước Marie Hélène kéo khăn vuông xuống quá mọi khi rồi lại gần giường hắn mà rằng:

— Tôi đây, chẳng hay bác cần sự gì ạ?

— Thưa bà, trước hết tôi xin bà hãy cho tôi uống nước.

Khi bà-phước đang rót nước thuốc vào chén, thì hắn ta nói lầm-bầm mấy câu rằng:

— Vâng, trước hết tôi hãy xin uống nước, rồi sau tôi xin phép bà cho tôi nói chuyện với bà. Vâng, tôi muốn nói chuyện với bà . . . Ôi! Tôi cũng biết rằng câu chuyện tôi sắp nói với bà đây kể cũng không lấy gì làm hay thật; vả cứ theo như ý tôi thì tưởng là một sự kỳ-khôi cho bà lắm, vì bà không từng trải việc đời bao giờ cả. Song, hình như có một cái ma-lực gì nó dun-dủi tôi, nó bảo rằng bà sẽ hiểu thấu chuyện tôi và có lẽ cái lời phán-đoán của bà sẽ là hạnh-phúc cho tôi đó. Thưa bà, vậy chớ bà có bằng lòng nghe chăng?

Bà-phước nói:

— Có.

Cái tiếng « có » khe-khẽ đến nỗi hắn ta lắng tai lắm mới nghe thấy.

Hắn nói:

— Nếu vậy, mới bà ngồi xuống đây, tôi không muốn để bà phải đứng nghe như thế cho mỏi-mệt.

Bà y lời, nhưng bà tìm cách ngồi để cho lưng quay ra đèn. Đầu bà cúi xuống, tay bà chắp lại, hình như cuộn người vào trong bóng tối vậy.

Simon de Préfaye bèn nói rằng:

— Thưa bà, tôi cũng biết mình rằng tôi sắp chết.

Bà-phước nói:

— Không mà, không mà! Bác không can chi! Sáng hôm nay quan Đốc-tơ coi ưng bác lắm . . .

Hắn ta sẽ nhếch miệng cười một câu cười nhạt có ý riễu cợt, mà bảo với bà-phước rằng:

— Thưa bà, xin bà đừng nói với tôi như với đứa trẻ con vậy. Tôi không phải lên năm lên ba gì, tôi đã ngoài bốn mươi tuổi đầu rồi, vả chăng đó là chính tôi tình-nguyện xin ra tòng-chinh kia mà, nghĩa là nói cho bà biết rằng tôi đây không hề sợ, không hề chống-cự lại cái chết; dầu chết cũng đành, không còn ân-hận! Cái chết của tôi có một cái mạnh-lệnh mà đời tôi thì không! Vì rằng tôi sẽ được liệt vào một hạng người làm cho nước Pháp uy-danh lừng-lẫy; mà cái hạng người đó quá một thế-kỷ nay nước Pháp tuyệt không. Cái đó có giá-trị riêng; nhưng đây không phải là bàn về cái vấn-đề ấy. Chỉ xin bà biết cho rằng xưa kia tôi là kẻ tội-nhân khốn-đốn vậy. Xưa kia tôi có yêu . . . .

Vừa nói tới đó hắn ta ngừng lại mà rằng:

— Kia bà! bà có đánh rơi cái gì thì phải?

Bà-phước đáp lại một cách lúng-túng rằng:

— Phải, tôi đánh rơi cái mũ của tôi; vừa nói vừa giả bộ cúi xuống nhặt mũ ở dưới gầm giường người ốm. Sau bà gượng nói một cách bình-tĩnh rằng:

— Tôi nhặt được rồi.

Bà vừa nói, bà vừa đẩy cái ghế xê ra. Hắn nói:

Vậy thì tôi xin nói tiếp.

Bà-phước liền nói:

— Chẳng hay bác liệu có cần để cho tôi biết cái lịch-sử kín-đáo của bác không?

Hắn nói:

— Thưa bà, cần lắm! Vả chăng bà cũng không nên từ-chối việc đó. Tất không ai nỡ từ-chối người hấp-hối điều gì!

Nói đoạn hắn kể rằng:

— Ngày xưa tôi có ở lính Dijon ít lâu, tôi ở đó với người ông cậu tôi. Tôi có quen một người con gái nhan-sắc tuyệt vời, nàng tên là Hélène Bré-derode. Rồi chắc sau đây cũng có ngày bà gặp nàng. Tôi đối với nàng có một cái tình thâm, mà nàng đối với tôi cũng vậy. Trong mấy tháng trời chung hưởng cái ái-tình thanh-cao đó, thật là một sự sung-sướng cho tôi có một. Tới khi tôi sắp hỏi nàng thì ông chú nàng mất. Sau tôi phải về Paris, có hứa rồi sẽ trở lại tìm nàng trong ít bữa. Nhưng tại sao tôi không trở lại? Ôi! đó là sự hối-hận suốt đời tôi đó! Tôi bị anh em dủ-dỗ đi lại với một người ca-nhi. Người ca-nhi đó cho tôi tự-do nếm trải đủ mùi

khoái-lạc trước khi cưới. Tôi tính khi nhược lại là đứa vô-tâm, nên không thể sửa mình lại kịp. Thành-thử bao nhiêu những tội-lỗi tôi làm nên đều bắt đầu từ đó cả.

Tôi bỏ bẵng không viết thư cho nàng Bréderode nữa cũng không dám trở lại Dijon và cũng chẳng đoái-hoài thăm dò tin-tức gì tới người yêu của tôi, mà có lẽ tôi đã làm cho nàng phải đầy-đọa tấm thân!!... Mãi tới nay tôi cũng chẳng biết nàng ra sao!.....

Nói tới đó thì Simon de Préfaye vật-vã mình ở trên giường, trông rất đau-đớn, rồi lại nói:

— Bà-phước ơi! Nếu một ngày kia bà có gặp nàng Bréderode, xin bà nhớ nói dùm hộ rằng: Tôi muốn hi-sinh cho nước Pháp yêu-quý của tôi để chuộc lấy tội. Bà nói hộ rằng: tôi khẩn-khoản xin nàng đại-xá, và suốt đời tôi không có một ngày nào là ngày tôi không than-tiếc những sự lầm lỗi của tôi trong cái tuổi thanh-niên đó. Nhất là xin bà nói hộ cho rằng: không bao giờ tôi quên thương yêu nàng! Nhưng mà biết nàng có xá cho không!

Bà-phước nói:

— Vâng, tôi xin y lời.

Hắn lại nói:

— Giả thử như bà, liệu bà có xá lỗi cho tôi không?

Bà-phước nói:

— Nếu tôi ở vào cái địa-vị ấy, tôi xin đáp rằng:..... Thế nhưng mà, này bác, bác cũng phải đánh đổi cho tôi bằng một lời thề mới được. Bác ở chốn trần-tục này thời-thường bác cư-xử chắc phải có nhiều điều lầm-lỗi, vậy thì bác phải hứa với tôi rằng bác để cho tôi được phép chuộc tội bác với Hoàng-Thiên!

Hắn đáp:

— Thưa bà, tôi xin y lời.

Đoạn rồi hắn thiu ngủ.

Sáng hôm sau hắn trông thấy ông Cố coi nhà thương, thì có vẻ khoan-khoái lắm. Nhưng vào khoảng buổi chiều thì hắn bất-tỉnh nhân-sự và đến đêm thì mất.

Dưới chân giường hắn, bà phước Marie Hélène đang quỳ khóc và cầu kinh. Cái ánh sáng tờ-mờ ngọn nến chiếu vào cái sắc mặt vàng xám và cái bộ râu rậm-rạp của hắn thì trông hắn hình như đã được tha-thứ và đã trút sạch được cả cái gánh đầy hối-hận vậy.

Còn như Marie Hélène thì tưởng đem mình vào chốn am mây, tấm thân liễu với cỏ-cây cho rồi! mà ngờ đâu, bỗng dưng xét đánh ngang tai, này tình này nghĩa, này người ngày xưa!.....

Nàng những tưởng rũ sạch bụi trần, xa lánh bến mê bể khổ, nên mới đem thân bồ liễu làm tôi giáo-đường; nào hay đâu trong cái khoảng đời hi-sinh cho công-việc phúc-đức mà đột-nhiên lại còn tìm thấy dấu xưa tích cũ! Có khác nào như một tiếng vang dữ-dội của những tình-dục nồng-nàn, thói đời kiêu-bạc, nông-nỗi khắt-khe ở chốn hồng-trần cực-khổ này mà nàng đã tìm đường xa lánh! Thế cho nên trong những lúc vừa cầu kinh vừa khóc nức khóc nở thời nàng thường vẫn lẩm-bẩm rằng:

— Chàng bảo rằng chàng không bao giờ quên thiếp!

Chàng bảo rằng chàng vẫn thương yêu thiếp!

Thế mà chàng không nhận ra được thiếp! Thương ôi!.....

Vũ-văn-Định dịch-thuật

(Trích ở trong thuyết-bộ của Edmond Jaloux tiên-sinh)

BỎ CHỒNG

— Thế nào? Mợ Hàn, mợ định bỏ tôi à? Sao mợ không nói cho tôi biết trước?

Cậu Hàn Cả tay cầm cái trát Tòa-án đòi ra hậu-chất về việc vợ kiện xin ly-dị mà hỏi vợ như thế. Mợ Hàn cứ ung-dung mà trả lời rằng:

— Điều ấy, xin cậu tha lỗi cho tôi...

— Thế là mợ tuyệt hẳn tình nghĩa rồi, phải không? Nếu vậy cũng tùy mợ đấy... Thôi để ra tòa, rồi ai sẽ có phận nấy...

Hai vợ chồng định bỏ nhau mà điều-đình với nhau có mấy câu dung-dị như thế, thì hình như trong ý hai người đã có sở-định rồi. Tuy vậy, ý-định của hai người thế nào, không ai biết cả. Ai thấy hai vợ chồng đương ăn-ở với nhau, trai gái đều có, của-cải cũng nhiều, cảnh gia-đình thực có vẻ vui đẹp, thế mà thốt nhiên bỏ nhau như thế, thì đều lấy làm một sự quái-lạ; mà càng quái-lạ nữa, là việc bỏ nhau ấy lại tự người vợ sinh ra trước... Người thì nói rằng tại cậu Hàn chơi-bời hư quá, nên mợ Hàn phải bỏ; nhưng có người lại nói rằng thói-phép đâu vợ lại được bỏ chồng, chồng hư thì khuyên can, không can được thì kệ chồng chơi chán phải thôi, mình cứ yên phận làm ăn nuôi con, nhà giầu thế lo gì phải khổ..... Có kẻ lại đồ-đoán rằng mợ Hàn có ngoại-tình, muốn bỏ chồng chia của, để rồi lấy cái của được chia ấy mà thỏa nguyền ân-ái với tình-lang. Song mợ xưa nay vốn không có tai-tiếng gì là người hư, mà dù cho hư nữa cũng không nỡ nào bỏ chồng bỏ con đến thế... Cái tâm-sự của hai vợ chồng ấy thế nào, không ai hay; cái duyên-cớ bỏ nhau vì đâu, cũng không ai rõ. Ai hỏi cậu Hàn sao lại để cho vợ bỏ, thì chỉ thấy trả lời một câu cộc-tếch rằng: «Hắn bỏ tôi, thì tôi giữ làm gì?» Ai hỏi mợ Hàn sao lại bỏ chồng thì chỉ thấy đáp rằng: «Sau này tôi sẽ trả lời.....»

Về việc ly-dị này, những câu nghị-luận tiếng chê cười thực đã đầy rẫy ở tai mọi người; song hai vợ chồng cậu Hàn vẫn gác để ngoài tai, hình như không nghe thấy gì cả, vì hai người chỉ đã quyết-định cả rồi. Cũng vì vậy mà việc ly-dị ấy có trong vòng một tháng thì xong ngay.

Khi đã chia con chia của xong rồi thì mợ Hàn đem đứa con gái lên hai cùng các đồ-đạc của mợ ra đi, cũng không ai biết là đi đâu cả. Còn đứa con trai lên bốn tuổi thì ở lại với cậu Hàn. Thế là cái gia-đình xưa nay ai cũng cho là sung-sướng kia, đến đó bỗng chia tan rồi vậy.

* * *

Cậu Hàn Cả nguyên là con một nhà cự-phú. (Người ta nói cậu được là cậu Hàn mất kể cũng đến dăm nghìn bạc kia đấy.) Vợ cậu nguyên là con nhà thế-gia sa-sút, cũng vì chỗ thế-nghị mà ông cụ khi xưa đã lấy cho cậu làm vợ. Cậu lấy vợ, ba năm để hai con, trong cảnh gia-đình, con có của nhiều, ai không bảo rằng sung-sướng; song cậu vẫn thường lấy làm khó chịu, vì rằng tính cậu hay chơi, mà vợ cậu thì hay khuyên giữ, cho nên hai vợ chồng thường vẫn bất-bình với nhau luôn. Cậu lại dan-díu với một ả buôn

phấn bán hương ; tự cậu xem ra từ cái nhan-sắc cho chí cái lời ăn lẽ ở của ả, cái gì cũng hợp ý cậu hơn là người vợ tao-khang. Cậu đã cùng ả nặng lời nguyện-ước, song chỉ vì vợ cả sờ-sờ ra đó, cho nên cuộc vuông tròn chưa tiện tính xong. Tâm-sự cậu đương như thế, mà vợ cậu bỗng lại tính chuyện ly-hôn thì thực là trúng ý cậu quá ; cho nên đối với việc ly-dị này cậu tuy vẫn đồ là tại vợ bội-bạc thì cậu cũng chẳng giữ làm gì, song đó chính là một sự cậu vẫn mong muốn mà chưa kịp làm thì dịp may đâu đã đưa đến làm cho cậu tránh khỏi cái tiếng bỏ vợ đó thôi.

Cách đó ít lâu, cậu lấy ngay ả tình-nương của cậu về làm vợ. Hai vợ chồng bấy giờ thực là tâm đầu ý hiệp, lại sẵn có nhiều tiền lắm bạc, tha-hồ phóng-túng ăn chơi. Thôi thì nay phản-thán, bài cào, mai lại cao-lâu rạp-hát, quanh năm suốt tháng, miệt-mài trong cuộc truy-hoan. Hai cậu mợ vui thú say-sưa quá đến nỗi đứa con trai để ở nhà, bị con vú đem đi mất, cũng không buồn tìm về nữa. Dòng-dã ăn chơi trong tám năm trời, núi của cũng đến phải sạt, thành ra trải qua tám năm khoái-lạc ấy, chẳng những của-cải của cậu đã khánh-kiệt rồi mà công-nợ lại còn thêm ra nữa. Cái nhà cậu ở, xác tuy còn đó, nhưng bán đi cũng không chắc có đủ trả nợ không. Lại buồn thêm cho cậu một nỗi nữa là từ khi tiền cậu nghe đã càn-cạn thì vợ yêu của cậu cũng tình nghĩa lạt dần ; vì ả vốn là một gái ăn chơi xa-phí đã quen thân, thấy cậu không còn của để cung cái dục-vọng của ả cho được thỏa-thích nữa, thì ả nay chẳng với con-bạc-mỡ này, mai đi với công-tử-bột kia, chẳng khác gì lại làm cái nghề-nghiệp xưa kia lần nữa. Lắm lúc cậu biết vậy mà đành phải cắn răng, vì bấy giờ cậu còn yêu ả muốn giữ ả lại thì khó, chớ lôi-thôi sinh sự thì ả đi ngay, ả lại sẵn lòng bỏ cậu hơn là cậu sẵn lòng bỏ vợ khi trước. Nhưng chẳng bao lâu ả kia cũng bỏ đi theo người khác mất, vì cậu mắc nghiện thuốc-phiện từ khi quá chơi, đến đó lại càng nghiện oắt mãi đi mà tiền thì lắm lúc một xu không có ; thế mà ả kia vốn có phải là kẻ tao-khang tần-tảo đâu, ả chỉ quen vui trong cái cảnh vui thôi, chớ đến cái cảnh đức ông chồng hoắt-hoeo nằm ngáp vặt ở bên bàn đèn thì còn chịu làm sao được mà không tếch.

Thế là cậu Hàn hai lần bị vợ bỏ ! Nhưng lần sau này thực là cay đắng cho cậu, mà lại khác hẳn lần trước, là sau khi vợ đi rồi tiền hết tình không, đứa con thì mất, cái cảnh cậu bấy giờ thực thảm quá cơ-hồ có lúc phải nhịn đói. Nhưng cái khổ có thế mà thôi đâu, lại còn các món nợ đã quá hạn cả, chủ nợ kiện tứ-tung, không bao lâu cái nhà cậu vẫn ở đã thành ra kỷ-vật của người khác, mà cậu thì vào yên-nghỉ ở trong « nhà đá ». Thực là mùi đời trải hết cả bùi ngọt rồi đến chua cay !

* * *

Cậu Hàn-Cả xưa nay đã quen cách phong-lưu mà bấy giờ phải bó chân ngồi tù, thì cái khổ thế nào, cũng không cần phải tả nữa. Duy có một cái khổ hơn cả mọi người ở tù khác, là cậu nghiện mà không có thuốc-phiện hút, mỗi ngày cơn lên, thì các bệnh-não lại hành-hạ cậu một cách rất thảm. Khổ quá, cậu chỉ còn có cái hy-vọng chết là sướng thôi. Nhưng thuốc phiện vật mãi cậu không được, hình như cũng chán mà tha cho cậu, vài tháng sau cậu lại được khỏe-mạnh như thường. Tuy vậy, cậu cũng lại lấy làm lo, vì nghĩ đến sau khi hết hạn được ra, cậu chẳng biết nghề-nghiệp gì thì hồ dễ đã tìm vành ấm-no cho được. Có lúc cậu nghĩ quẩn quá, lại hy-vọng được ngồi tù nợ chung thân có lẽ còn an nhàn hơn được tha ra mà vô-nghề phải đói rét. Một hôm cậu đương nghĩ vơ nghĩ vẩn lo quẩn lo quanh như thế, thì thấy có lệnh truyền tha cậu ra. Thế là cái hy-vọng cuối cùng của cậu cũng lại mất nốt ! Khốn nạn ! như người khác ngồi tù được tha thì vui mừng đến đâu, mà cậu lại phải lấy làm lo nghĩ ! Cái cảnh-ngộ của người ta lắm lúc thực oái-oăm !

Khi cậu Hàn vừa ở nhà pha bước ra lại gặp ngay một điều khiển cho cậu choáng-loạng tinh-thần, bước không được nữa. Số là người vợ cũ của cậu cùng hai con cậu đã đứng đón cậu ở đấy. Thực chẳng khác gì cái cảnh-tượng trong mộng. Đau đớn thay là thấy vợ thấy con rõ-ràng mà không dám nhận ! Vì cậu tự nghĩ mình ăn mặc bần-tiện lại ở trong cái chỗ nhục ấy bước ra, xấu-hổ quá, cúi đầu toan đi rẽ ra phía khác.

Cậu bấy giờ dung-nhan y-phục tuy khác hẳn năm xưa, song vợ con cậu cũng nhận ngay ra được. Người đàn-bà liền bảo hai đứa con chạy ra chào cậu. Hai đứa bé chạy ra theo nắm lấy cậu mà gọi « cậu ơi » thì cậu hoảng hốt người lên, muốn giật tay ra mà đi thẳng, nhưng người đàn bà kia đã đến cạnh dịu lời mà nói rằng :

— Thưa cậu, mời cậu về nhà sơi cơm, chớ cậu đi đâu bây giờ.

Câu nói ung-dung tự-nhiên ấy lại càng làm cho cậu vừa ngạc-nhiên vừa hồ-thẹn ; nhận lời mời ấy mà đi, không mặt mũi nào, mà vùng ra đi thì đi đâu, người đàn bà ấy với hai đứa bé cũng không để cho đi. Sẵn hai cái xe cao-su kề lại mời, bốn người cùng lên xe đi. Thế là vợ chồng con-cái chia cách nhau tám chín năm trời, đến đó bỗng lại sum họp.

Cậu Hàn bất-đắc-dĩ phải theo vợ con về, cũng nhắm mắt đưa chân, chẳng biết là về đâu cả, vì mình có còn nhà đâu nữa mà về. Khi đến nơi thì là một cái nhà khác lạ, đó là nhà của người vợ cũ cậu mới tậu sau này.

Người đàn-bà đi lấy áo quần mới đưa cho cậu thay ; lại giục đầy tớ pha nước, dọn cơm, ân-cần tự-nhiên như là khi trước lúc chồng đi xa vắng đâu về vậy. Cậu Hàn càng thấy thế, càng hồ-thẹn, lấy làm nan-vi-tình quá. Người đàn-bà biết ý nói rằng :

— Thưa cậu, đối với luật-pháp, tuy cậu với tôi không phải là vợ chồng rồi ; nhưng theo trong tình nghĩa thì bao giờ tôi cũng vẫn coi cậu là chồng tôi. Nhà cửa cùng là đồ ăn thức dùng của tôi, cũng như là của cậu cả. Người ta chỉ ở với nhau những lúc này mới là quí, chớ việc gì mà cậu e-ngại, xin cậu thay quần áo, nghỉ-ngơi, sơi cơm, rồi thong-thả tôi sẽ thưa chuyện cậu nghe.

Người đàn-bà ấy vui-vẻ dịu-dàng cùng hai đứa bé ngoan-ngoãn đến nỗi làm cho cái cảm-tưởng của cậu Hàn khác hẳn lúc mới bước chân vào trong nhà ấy.

Đêm đến, khi trong nhà đã yên-tĩnh rồi, lời tan-hợp nỗi gần xa, người đàn-bà kia mới bắt đầu thỏ-thẻ :

— Chốc là tám chín năm trời, chuyện cũ đáng lẽ cũng không nên kể chi bây giờ nữa. Nhưng cái khổ-tâm của tôi trong bấy nhiêu năm, tôi không bày tỏ ra thì cậu không rõ cho mà có lẽ cậu cho tôi là người tệ-bạc. Người ta ở với nhau một ngày cũng là nghĩa, huống chi cậu với tôi lấy nhau trong

năm năm trời, trai có gái có, khi nào lại tuyệt-tình được. Nhưng bấy giờ làm sao mà tôi phải xin ly-dị? Là vì tôi nghĩ thế này: Cậu đương độ chơi bời say đắm, tôi lấy lời hay lẽ phải khuyên mãi, cậu cũng không nghe. Không phải là cậu không biết phải trái đâu, song đương độ mê-man phải hay trái cũng đều chấp cả; cho nên tôi biết rằng tôi muốn khuyên ngăn cấm giữ thế nào cũng không được cậu. Thế mà nếu tôi cứ ngồi yên để cậu tự-do, thì sản-nghiệp của cậu có ngần ấy chớ ngần ấy nữa cũng đến phải hết, mà khi đã hết thì tất phải khổ-sở, một thân tôi thì chẳng làm gì, song lại còn hai đứa con đó nheo-nhóc đói rét, lêu-lổng hư-hỏng, mình sao yên tâm. Nghĩ lo như thế, bất-đắc-dĩ mà tôi phải kiện xin ly-dị, vì có ly-dị thì tôi mới được chia con chia của, để mà giữ lấy một phần của cho cậu và nuôi lấy con. Cái khổ-tâm ấy, ai có xét cho, thiên-hạ bấy giờ chê cười, tôi cũng phải giả điếc làm thinh, chỉ mong sau này chuộc được cái tiếng xấu bỏ chồng ấy thôi! Từ khi bỏ nhau thì tôi về ở Nam-định, sẵn cái của được chia đem ra buôn-bán, cố sức cần kiệm cho được thành cái vốn to. Nhưng cũng không phải tôi cốt làm giầu cho sung-sướng cái thân đâu, tôi biết chắc cậu chơi mãi tất đến hết của thì khi ấy tôi sẽ đem dấn-vốn của tôi ra mà giúp cậu.

Tôi tuy ở xa, song trong ngần ấy năm trời cậu ở trên này, chơi-bời thế nào, ăn ở thế nào, tôi cũng dò biết cả. Cậu còn nhớ chuyện thằng bé con bị vú ẵm đi mất không? Đó cũng là tôi làm ra cả; vì tôi dò biết cậu ham chơi không trông nom gì đến con cả, tôi nghĩ nếu cứ để nó ở với cậu mãi thế, thì lớn tất sinh hư, cho nên tôi phải thuê tiền người đến dỗ con vú nó ẵm nó về cho tôi. Đến khi cậu bị con kia bỏ đi, cậu mắc nợ, mắc nghiện phải vào hỏa-lò, tôi cũng biết hết. Nhưng làm sao tôi lại không cứu-giúp cậu ngay lúc ấy? Là vì tôi muốn để cho cậu được trải hết mọi mùi đời, chớ không phải tôi không rõ những cảnh-ngộ của cậu đâu, cũng không phải tôi khiết-nhiên không nghĩ gì đến cậu đâu.

Thôi nhưng mà tôi cũng chẳng nên nói lôi-thôi lắm nữa, chỉ nên thưa để cậu biết rằng các món công-nợ của cậu tôi đã trả hết mà đốt văn-tự đi rồi, cái nhà cũ cũng chuộc lại rồi; nhà này cũng là tiền của cậu chia cho tôi mà tôi tậu được đây; thằng bé lớn đã học ở lớp nhì trường Pháp-Việt tỉnh Nam rồi đấy, cậu ạ; con bé con thì đã biết trông cửa hàng, tính đác-đề, tôi vẫn sai đi thu tiền họ đấy. Tiền bạc trừ những trả nợ và tậu nhà, cũng còn được dăm nghìn. Bây giờ hẳn cậu đã biết nghĩ lại rồi, vậy tôi muốn đem cả sản-nghiệp cả con-cái về trả cậu, còn tôi thì tôi chỉ xin làm một người bạn già với cậu để tôi trông nom các con giúp cậu, khi nào nó khôn-lớn thành người thì tôi sẽ đi tìm một nơi am thanh cảnh vắng để yên cõi già của tôi mà thôi.

Nghe nói, cậu Hàn cảm-động quá, tầm-tã giọt châu, cầm tay vợ cũ thổn-thức mãi mới nói được một câu rằng:

— Mợ ơi! thực là tôi bỏ vợ, chớ không phải mợ bỏ chồng!

Nguyễn-Thượng-Huyền

THỜI-ĐÀM

Hội-đồng Chính-Phủ

Hội-đồng Chính-phủ đã mở kỳ hội-nghị chiều hôm 18 Décembre 1922, hồi 4 giờ, tại phòng Khánh-hạ phủ Toàn-quyền, có quan Toàn-quyền Baudoin chủ-tọa.

Trước khi hội-nghị, quan Toàn-quyền có mời các quan trong Hội-đồng ra chụp ảnh ở trước bệ lớn ở từng dưới.

Các quan có chân trong Hội-đồng là:

MM. Blondlat, quan Thống-soái coi các đạo binh Đông-Pháp; Robin quan Phó Toàn-quyền; Cognacq, quan Thống-đốc Nam-kỳ; Monguillot, quan Thống-sứ Bắc-kỳ, khó-ở xin kiếu; Pasquier, quan Khâm-sứ Trung-kỳ; L'Helgoualc'h, quan quyền Khâm-sứ Cao-mên; Daroussin, quan quyền Khâm sứ Ai-lao; Joubin, quan Học-chính tổng-trưởng; Habert, quan Tư-pháp tổng-trưởng; Détieux, quan Tài-chính tổng-trưởng; Pouyanne, quan Công-chánh giám-đốc; Kircher, quan Thương-chính tổng-trưởng; Lochard, quan Kinh-tế tổng-trưởng; Blanc, quan Thủy-quân Đô-đốc; Géhin, quan quyền Chánh Ngân-khố; Fays, Hội-trưởng Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ; Ducroizet, Hội-trưởng phòng Thương-mại Saigon; Sauvage, Hội-trưởng phòng Thương-mại Hanoi; Paquin, quyền Hội-trưởng phòng Thương-mại Haiphong, Labaste, Hội-trưởng phòng Canh-nông Nam-kỳ; Borel, Hội-trưởng phòng Canh-nông Bắc-kỳ; Cousin, Phó Hội-trưởng phòng Canh-nông Cao-mên; S.A.R. Hoàng-thân Soupanuvong, Thủy-bộ và Nông-bộ Thượng-thư Cao-mên, nghị-viên dự-khuyết thay S.E. Okuha Chakrey Ponn nghị-viên thực-thụ; Nguyễn-Hữu-Bài Lại-bộ Thượng-thư, nghị-viên dự-khuyết thay S.E. Tôn-Thất-Hân, nghị-viên thực-thụ; Lê-Văn-Trung nguyên nghị-viên Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ; Hoàng-Trọng-Phu Tổng-đốc Hà-đông; Tiao Phe Sarath, Ratsaphakinay, Đại-thần xứ Cao-man, nghị-viên dự-khuyết thay M. Chao Nhony Rathsadanay là nghị-viên thực-thụ; Le Prévost, Chánh văn-phòng quan Toàn-quyền làm Thư-ký Hội-đồng có quyền nghị-luận; Norès quan Kiểm-soát Tài-chính Đông-Pháp cũng đến dự hội; Marty, quan chánh tòa Pháp-chính phủ Toàn-quyền cũng đến dự hội, theo như điều thứ 2, đoạn thứ 3, chỉ dụ ngày 20 Octobre 1911, Outrey, Nghị-viên xứ Nam-kỳ và Đại-biểu xứ Cao-mên tại Hội-đồng các thuộc-địa, vắng mặt.

Đại biểu các báo quán Tây Nam đều đến dự thính cả.

Khi các quan an-vị thì quan Toàn-quyền đọc một bài diễn-thuyết về tình-thế chính-trị, tài-chính, kinh-tế Đông-Pháp, tóm dịch như sau này:

Thưa các ngài,

Tôi nhân cái cơ-hội bất-kỳ, cái cơ-hội rất buồn rầu mà được cái danh-dự chủ-tọa cuộc Hội-nghị của các ngài ngày hôm nay, các ngài cũng biết rằng quan Toàn-quyền thực-thụ vì bị bệnh mà phải đỗ tàu xuống nghỉ ở Colombo trong khi ngài đang vượt biển sang đây vui mừng mà đem cho ta những cái kết-quả sung-sướng về việc ngài đi công cán ở Đại-Pháp.

Chẳng phải nói chắc các ngài cũng phải biết khi Đông-Pháp được cái tin buồn rầu thốt-nhiên rằng quan Thủ-hiến Thuộc-địa phải đau lại như thế thì hết thảy nhân-dân trong xứ đều rầu-rĩ mà ước mong cho quan chủ-tể rất đáng qui đáng mến ở xứ này chóng được bình-phục để trở về trọng nhậm chức-vị của ngài ở đây. Ngay khi được tin ấy, tôi đã chuyển đệ lên quan Toàn-quyền Long cái tấm lòng ước mong nhiệt-thành ấy, mà từ bấy đến nay lại thêm biết bao nhiêu lời chúc ở khắp mọi nơi gửi đến ngài, vậy thực đã tỏ rõ được tấm lòng ấy vậy.

Chúng ta hãy vững dạ rằng những cách tỏ tình trung-chính và luyến-ái đối với quan Thủ-hiến trong dịp này như thế, thật đã khiến cho những bực thần-trí hùng-vĩ như ngài được thêm phấn-chấn lên mà đè-nén được những sự đau-đớn ở hình-thể, và sẽ vượt khỏi được cái cơn mệt nhọc này là do sự lao cần quá độ của ngài ở bên này và ở bên Mẫu-quốc mà ra.

Thưa các ngài, tôi thật không ngờ hôm nay lại được chủ-trương công việc của các ngài thì rất lấy làm hân-hạnh, song ở trong cái phòng này là nơi khiến cho ta phải hồi-tưởng đến các bực vĩ-nhân ngày trước là những tay thợ cả của xứ Đông-Pháp này, hình như còn đông-đúc ở trên một bức tranh vĩ-đại trên tường, thì tôi không thể quên được rằng chỉ có nhà Quốc-chính đương cầm quyền chính ở xứ này mới có thể giải bầy được một cách rõ-rệt như một khi về những điều dự-định mà ngài đã cùng bàn với quan Thượng-thư Thuộc-địa với các Hội-đồng trong nghị-viện hoặc với các hội Đông-pháp trong khi ngài đương ở Paris.

Nếu ngài đến hội-nghị ngày hôm nay thì ngài đã đem cho ta tấm lòng quảng-đại và thân-ái của quan nguyên Toàn-quyền *Albert Sarraut* đối với xứ Đông-Pháp tốt đẹp và yêu mến này là thể nào, ngài đã ngỏ cho ta hay cái ý quyến-luyến cái lòng đại-độ của quan nguyên Toàn-quyền đối với các việc ở xứ thuộc-địa này thế nào, ngài đã nhắc lại cho ta biết cái phần vẻ-vang của Thuộc-địa này ở trong cuộc Đấu-xảo Marseille là cuộc đã khiến cho người đồng-bang ta nom thấy những tài-sản vô-ngần của Đại-Pháp chi nội ngoại mà xứ Đông-Pháp là một cái đồ lưu-ly ở trong cái sản-nghiệp tốt-đẹp ấy, ngài đã cho ta hay những điều ngài mong về cuộc tương-lai thế nào và các ngài đây đã được nghe ngài giải bầy cái phương-lược về sự thực-hành dự-định cho cuộc mai sau, các ngài đã được cùng với quan Toàn-quyền Maurice Long mà chia một lòng nhiệt-thành hy-vọng vậy.

Đến như tôi đây, thì tôi chỉ xin tỏ bầy đại-lược cùng các ngài rõ các tình-thế của thuộc-địa trong một năm vừa qua là thế nào thôi.

Nhưng trước hết, tôi hãy xin thay lời của hội-đồng Chính-phủ thay lời quan Toàn-quyền Long cùng phần riêng tôi mà tỏ tình thân-ái chào mừng các vị hội-viên mới đến dự hội lần thứ nhất trong kỳ hội-đồng này. Chính-phủ Đông-Pháp được các ngài nay đến giúp việc cho, thật lấy làm vẻ-vang và biết trước rằng công việc của các ngài thật là qui báu lắm.

Việc tài-chính

Sau quan Toàn-quyền nói đến việc tài-chính. Ngài tóm thuật lại cái chánh-sách tài-chính khôn khéo của quan Toàn-quyền Long bấy nay đã gây nên thiện-quả hiển-nhiên, khiến cho trong khi Đông-Pháp có tiền-tài mà thực-hành những công-trình vĩ-đại,

làm cho cái tín-lực của Đông-Pháp có cơ-sở vững bền. Ấy nhờ về cái chánh-sách tài-chính ấy, nên từ khi việc Âu-chiến tàn-cục đến giờ, các nước dự-chiến đều phải thiệt-hại về cái nạn tiền-tệ, mà Đông-Pháp ta tránh được không phải tổn hại chút nào. Ngay từ ngày 1er Janvier năm nay, cái lệ cưỡng hành giấy bạc đã bãi đi được mà từ đấy đến nay, tiền-tệ vẫn được lưu-thông như thường. Khi lập lệ cưỡng hành giấy bạc, thì số tồn ngân của nhà Ngân-hàng được có 5.627.500p và số tồn ngân của Ngân-khố được có 3.765.000 p. mà số ngân-phiếu lưu-thông cộng được 69.563.000 p. vậy cái giá ngân-phiếu lưu-thông tính gấp 12 lần cái số tồn-ngân.

Lúc bãi cái lệ cưỡng hành ngân-phiếu. Số ngân-phiếu lưu-hành được hơn 92 triệu rưỡi, mà số tồn ngân ở Ngân-hàng gần được 15.000.000 p. và tồn-ngân trong Ngân-khố được độ 4.350.000 p. Trong số tiền bạc ấy chỉ có độ hai triệu đồng là tiền tệ mới chế ở San-Francico và ở Birmingam mà thôi. Còn trong số tồn-ngân của nhà Ngân-hàng và Ngân-khố tăng lên đó thì 8.850.000 p. là tiền bạc cũ thu vào kho, trong khi dân sự nộp các thứ thuế. Vậy trong khi hãy còn cưỡng hành ngân-phiếu thì tiền bạc trong Ngân-hàng lại phải phát-hành ra nhiều lắm. Tuy vậy mặc lòng, nghe lúc bãi lệ cưỡng-hành ngân-phiếu, Chính-phủ cũng quả-quyết định số ngân-phiếu chỉ được to gấp chín lần số tồn-ngân trong nhà Ngân-hàng là cùng.

12 triệu đồng bạc mới của Chính-phủ thửa tại San-Francico và ở Birmingam hiện nay nhà Ngân-hàng đã thu nhận rồi. Cái hiện tình tiền-tệ lưu-thông tính đến ngày 31 Août mới rồi như sau này: Số Ngân-phiếu được 86.688.000 p. số tồn-ngân của nhà Ngân-hàng được là 26.860.000 p. và số tồn-ngân của Ngân-khố được là 3.165.000 p.

Đến ngày 14 Juin quan Toàn-quyền lại định hạn cái số ngân-phiếu chỉ được to gấp năm lần số tồn-ngân mà thôi. Cái lệ cưỡng-hành ngân-phiếu thi-hành trong 31 tháng giời được một điều lợi rằng làm cho nhân dân quen dùng ngân-phiếu hơn trước kia nhiều. Chứng ngay như số tồn-ngân của nhà Ngân-hàng và Ngân-khố trong ngày 31 Août thì đủ biết. Trong khi cưỡng hành ngân-phiếu, số tiền bạc lưu-thông thu vào làm tồn-ngân của nhà Ngân-hàng mất 8.800.000 p. mà từ lúc bãi lệ cưỡng-hành ngân-phiếu đến giờ Ngân-hàng cũng chỉ phải phát ra có 2.200 nghìn đồng mà thôi.

Chánh-phủ cũng gia công cải-lương cái vấn-đề hào xu nữa. Cái mục-đích thứ nhất là bãi những giấy bạc hào đi, vì giấy bạc hào những lúc khủng-hoảng dùng cũng được việc, nhưng cũng lắm điều bất-tiện lôi thôi. Chánh-phủ lại cũng muốn rút những đồng hào chế ra trước năm 1921 hoặc 900, hoặc 835, hoặc 400 ly bạc nguyên, chỉ để một thứ đồng hào kiểu mới là 680 ly bạc nguyên mà thôi. Muốn thực-hành cái chánh-sách ấy, tất một đường phải chế lấy bạc hào kiểu mới cho đủ dùng và một đường phải thu dần giấy bạc con và tiền hào kiểu cũ lại. Ngày 9 Juin năm 1921 Chính-phủ đã đặt ở nhà máy tiền-tệ Paris một số bạc con đáng giá là 7133 nghìn đồng. Hiện nay đã nhận được một số đáng giá 3,580.000 p. rồi. Nên ngày 20 Octobre quan quyền Toàn-quyền đã có nghị-định thu giấy bạc con về, giấy ấy kể từ ngày 1er Mars sang năm thì không tiêu dùng nữa.

Còn về cái vấn-đề xu đồng thì Chính-phủ đã đặt tại nhà máy tiền-tệ Paris

7.250.000 đồng xu, Chính-phủ cũng lại đặt của công-ty tiền-tệ Đại-Pháp 30 triệu đồng nữa. Hiện nay công-ty ấy đã gửi đến được ít nhiều.

Sau cùng, theo như lời các hội-đồng thỉnh-cầu trong kỳ hội-nghị năm trước, Chính-phủ định đặt một đồng tiền năm xu nữa, cái kiểu đồng tiền mới ấy đã ấn định xong rồi. Chắc nhà điêu-khắc Patry ở Paris đã đệ trình quan Toàn-quyền Long chuẩn-y trước khi ngài xuống tàu sang Đông-Pháp mới rồi. Đồng tiền ấy sẽ làm bằng Nickel giống kiểu đồng tiền 25 centimes của nước Pháp. Chánh-phủ đã đặt tại nhà máy tiền-tệ Paris một số là 5.000.000 đồng tiền. Cuối sang năm tiền ấy mới tới Đông-Pháp ta.

Cái lệ cưỡng-bách ngân-phiếu bắt buộc Chính-phủ phải làm một việc hối-đoái rất lớn. Theo như các điều-khoản trong bản hợp-đồng ngày 20 Janvier năm 1920 của Chính-phủ ký với nhà Đông-Pháp Ngân-hàng thì những ngân-phiếu của nhà Ngân-hàng phát-hành trong khi cưỡng-hành ngân-phiếu lợi hại thế nào sổ chi thu của Đông-Pháp phải chịu đớm nhận cả. Theo như điều-khoản trong bản hợp-đồng ấy, thì mỗi khi giá bạc lên xuống mà trong việc hối-đoái thiếu-thốn bao nhiêu đều ghi vào sổ là Chánh-phủ Đông-Pháp nợ của nhà Ngân-hàng về khoản ấy, nhà Ngân-hàng phải ứng cho Chánh-phủ 27 triệu đồng. Song cũng theo như điều-khoản trong bản hợp-đồng ấy thì bao nhiêu tiền-tệ ngoại-quốc như tiền-tệ của nước Pháp nước Anh, nước Hoa-kỳ, nước Nhật-bản, của các nhà ngoại-quốc đong gạo ở Đông-Pháp và nhà Ngân-hàng Đông-Pháp hai bên tính toán thừa trừ với nhau, mà các nhà ấy phải trả lại nhà Ngân-hàng được bao nhiêu tiền-tệ ấy, đều là về quyền sở-hữu của Chánh-phủ Đông-Pháp cả. Từ tháng Avril 1921 đến nay việc hối-đoái ấy đã thành-toán. Cứ như số ước-đạc năm ngoái trong việc Chính-phủ Đông-Pháp được thu về 5.800.00 đồng hoa-viên Hoa-kỳ, 3 .0.0.000 đồng tiền France và 1.100.00 đồng bạc Đông-Pháp, tổng cộng đáng giá là 120.000.000 quan.

Từ khi cái lệ cưỡng-hành ngân-phiếu có nghị bãi đi mà số tiền nợ ở nhà Ngân-hàng Chánh-phủ đã hoàn xong, thì về khoản tiền-tệ ngoại-quốc ấy, Chánh-phủ đã thu về được 12.020.000 đồng về khoản ấy, sổ chi thu năm 1921 đã nhận được 10 triệu đồng. Số tiền ấy đã nộp vào kho dự-bị của Đông-Pháp, còn được 2.020.000 đồng nữa, thì tính vào sổ thu-nhập về năm 1920 và kê vào các khoản thu-nhập bất-thường. Ngoài hai số tiền ấy, còn một số là 67.000 đồng để ở chi điếm ở Saigon của nhà Ngân-hàng, số tiền ấy còn tạm lưu lại để chi các khoản tiêu dùng về việc hoa-viên mới, như tiền cước, tiền bảo-hiểm, vân vân.... Sau cùng lại còn một số độ vài nghìn đồng tiền-tệ của nước Anh, nước Hoa-kỳ, và 28.000.000 đồng tiền francs, hiện nay bị nghẽn ở nhà Thực-nghiệp ngân-hàng, nguyên số tiền ấy tính theo giá bạc 7 fs 40, như vậy thì các khoản ấy khi nào thu-nhập xong, cũng gần được 120.000 nghìn quan như đã ước-đạc trước kia vậy.

Cái chánh-sách tài-chính khôn khéo của quan Toàn-quyền Long chẳng những có thế mà thôi. Chắc ai cũng còn nhớ cuộc trái khoản 6.180.000 đã mở buổi đầu năm nay, mà cái kết-quả đã được thập-phần viên-mãn. Cuộc công-thải ấy phải đình chỉ trước ngày đã định mà cũng thu được 10.289.100 đồng, số người mua phiếu cộng được 82.544 người, người Pháp người Nam đủ các giới, ai cũng có dự phần cả, trong khi mở các cuộc công-thải Thượng-quốc, Chính-phủ đã lưu-tâm đến việc đặt một cái ngân-thị, nên khi có cuộc công-thải Đông-Pháp, lại cần phải trù tính việc giao-dịch các ngân-phiếu, nên Chính-phủ phải kíp giải-quyết cái vấn-đề ấy. Ngày 24 Mai năm 1922, Chính-phủ có nghị cử nhà Ngân-hàng Đông-Pháp tổ-chức một ngân-thị, mọi việc giao-dịch tại ngân-thị, Chính-phủ vẫn kiểm-soát luôn luôn, nhà Ngân-hàng lại còn cầm trái-phiếu mà cho các trái-chủ vay tiền nữa.

Nay ta xét hiện tình công-khố Đông-Pháp thì biết việc tài chính mấy năm nay cũng phát-đạt lắm. Hai năm về trước đây, ngân-khố còn nợ nhà Ngân-hàng 5.484.247 p.60, sự thiếu-thốn ấy là bởi Đông-Pháp phải ứng cho Thượng-quốc nhiều khoản. Mà đến lúc Thượng-quốc mộ-thải ở bản-xứ, Chính-phủ Đông-Pháp cũng không đòi được các khoản đã ứng-ra, tiền mộ thải thu được bao nhiêu phải gửi về Thượng-quốc. Về sau cái hiện tình tài-chính một ngày một khá, nhất là cái tài-chính của Thượng-quốc nhờ được cuộc công-thải 6 % năm 1920 thì cũng không quẫn bách như trước; trong cuộc công-thải ấy, Chính-phủ Đông-Pháp có mua 50 triệu francs, tiền ấy chỉ tính sổ trừ đi, chứ không phải trả tiền thật. Về sau Đông Pháp mua 37 triệu francs quốc-phòng trái-phiếu, y khoản cũng dùng cái cách thừa trừ trong sổ sách ấy. Trong hai lần mua trái-phiếu của Thượng-quốc ấy, dẫu Đông-Pháp không được tiền về ngân-khố, nhưng được một điều rằng tiền bạc hai bên tính toán với nhau xong, không phải lo thiệt thòi về bạc lên xuống thất thường nữa.

Sau thành toán cái sổ hối-đoái với nhà Ngân-hàng mà Chính-phủ được thu tiền về, sổ chi thu năm 1921 lại còn thừa lại được ít nhiều, và cuộc công-thải 6 triệu đồng lại được viên-mãn, nên trong ngân-khố lại được dư-dụ hơn xưa, và đến ngày 31 Août mới rồi ngân-khố lại có 26 triệu đồng để ở nhà Ngân-hàng Đông-pháp.

Trong sổ chi thu Đông-pháp về năm 1921 thì thụ nhập thắng hơn số chi xuất được 16.748.907 p. 11, tiền trích trong dự-định công-quĩ để chi các khoản bất thường cộng có 5.458.730 đồng. Vậy đến cuối năm khống những số chi thu có tiền để chi vào các khoản bất thường đã trích trong dự-bị công-quĩ, mà lại còn tiền bỏ thêm vào đấy được 11 triệu đồng nữa. Ấy là cái sổ chi thu năm 1921 còn phải chi mất 5.150.000p về các khoản của sổ chi thu các năm trước còn để lại kia đấy, mà các khoản của chính sổ chi thu năm 1921 để lại cho sổ chi thu các năm sau phải chi thay, tính ra chỉ có 1.800.000 đồng mà thôi.

Sổ chi thu năm 1922 này may ra cũng còn thừa được 6 triệu đồng. Còn như sổ chi thu năm 1923 là sổ của Hội-đồng Chính-phủ xét trong kỳ hội-đồng này thì số thu-nhập dự tính nhiều hơn số chi thu năm trước độ 4 triệu đồng.

4 triệu ấy dùng vào những việc gì? Một số độ chừng 1 triệu đồng dùng để mua hóa-vật cho nha Thượng-chính bán lại. Một số độ chừng 250.000 đồng để chi vào các khoản binh-vụ, một là vì Chính-phủ Thượng-quốc định cái phần của Đông-Pháp phải chịu về các khoản chi tiêu về việc binh-vụ phải tăng lên, hai là để chi phí về hai chiếc tầu Malicieuse và Moqueuse của Đại-Pháp giao cho Đông-Pháp để tuần

phòng nơi bờ cõi. Một số nữa độ chừng 1 triệu đồng dùng vào việc sắp sửa khí-cụ hoặc là để chi vào việc hoàn lại trái-khoản 6 triệu đồng, hoặc là thêm vào số tiền chi vào các công trình công-ích. Một số độ 800.000 đồng chi vào các sở Tư-pháp Thương-chính, Bưu-điện và Vô-tuyến-điện. Một số độ chừng 300.000 đồng sẽ chi vào tiền trợ-cấp tiền hưu-trí v. v..... của binh-sĩ. Một số độ 275.000 đồng sẽ chi vào các khoản vận-tải của các viên-chức vì tiền cước tầu thuyền mới tăng lên cao hơn trước. Còn thừa bao nhiêu thì dùng vào khoản dụng-cụ của sở Địa-dư, Kinh-tế, Điện-tín, Vô-tuyến-điện.

Việc chính-trị

Quan Toàn-quyền trần-thuyết xong mọi lẽ về việc tài-chính, rồi ngài nói đến việc chính-trị trong nước. Ngài nói hiện-tình chính-trị của Đông-Pháp có thể tóm lại trong mấy chữ : bình-an thịnh-vượng. Thực thế, người bản-xứ tinh cần-mẫn, lại biết phục tòng, nên chỉ về đường tinh-thần và về đường kinh-tế, ai nấy đã được vui lòng hả dạ, tất nhiên là biết yên ổn mà làm ăn, vì vậy dân sự khắp cõi Đông-Pháp đều nhất tâm trung-thành với Chính-phủ Đại-Pháp.

Chính-phủ cũng sẵn có cường binh nhuệ-khí để bảo-thủ cuộc bình an. Lại như những công việc vệ-sinh, y-tế, giáo-dục, vân vân của Đại-Pháp mở mang ra ở đây toàn là những công-cuộc làm cho nhân-dân mỗi ngày một thâm-hiểu cái chính-sách khai-hóa của Đại-Pháp, thì làm gì mà bốn phương chẳng được yên vui. Các quốc-vương được Đại-Pháp bảo-hộ ai nấy một lòng một dạ với Chính-phủ Đại-Pháp. Song cái cuộc hòa-bình ấy một phần là nhờ về các điều kiện kinh-tế, nhưng cũng thực là công-trạng của tất cả các hàng sĩ nông công thương Tây, Nam, vả lại là cái kết-quả của cái chính-sách đề-huề của quan Albert-Sarraut đã đề-xướng lên vậy. Trong các phương-sách thuộc về cái chính-sách ấy, trước nhất có việc mở-mang việc học. Như số con trẻ theo học các trường sơ-đẳng độ nhất cấp năm nay được quá 169.000; so với số học-sinh về năm ngoái hơn được 15 nghìn người, mà so với số học-sinh trước thì hơn được 60 nghìn. Số học sinh về các trường kỹ-nghệ cộng được 937. Các trường cao-đẳng có 525 học-sinh, và các trường trung-đẳng có 1.675 học-sinh.

Trong các sự cải-lương về việc học, thì có việc tổ-chức lại trường Cao-đẳng thương-mại thực-hành ở Saigon, việc đặt các ban thứ nhất về trường Cao-đẳng công-tác và việc mở trường Cao-đẳng sĩ-hoạn ở Kinh-sư.

Chính-phủ đã mở-mang việc học để tăng-tiến cái trình-độ học-thức cho người bản-xứ, nên Chính-phủ lại đặt ra những ngạch tương-đương để dùng những người bản-xứ có học-thức chuyên-môn. Nay mai ở Nam-kỳ lại đặt ra ngạch quan-tòa bản-xứ, ấy cũng là theo cái chánh-sách ấy vậy.

Các Hội-đồng cũng tổ-chức lại cho dân-sự được tham dự vào việc chính-trị một phần rộng hơn, như là Hội-đồng quản-hạt, các phòng Thương-mại và các phòng Canh-nông đều cải-lương lại cho thích-hợp với hiện-thời, các việc của Chính-phủ cải-lương trong khoảng mấy năm nay kể còn nhiều. Ở Bắc-kỳ thì đã bắt đầu thi-hành bộ luật mới cải-lương hương-chính ở các nơi thôn-xã,

Ở Cao-mên thì việc tổ-chức lại nền chính-trị bắt đầu từ năm 1917 mấy tháng đây đã thành công. Từ nay việc cai-trị và việc hình-pháp đã đặt ra hai ngạch quan-chức khác nhau, mỗi ngạch giữ riêng một việc.

Ở xứ Ai-lao thì từ ngày 1er Janvier sẽ bắt đầu thi-hành các luật-lệ mới.

Các dân ở miền rừng núi như dân Phuongs dân Mois, vân vân, không phải Chính-phủ không lưu-tâm đến. Sau này đường xá một ngày một mở mang, tất là các dân ấy cũng sẽ được hưởng cái ơn khai-hóa hơn ngày nay.

Ở đất Quảng-Châu-Loan Chính-phủ cũng đã đặt một Hội-đồng Tư-vấn ở đấy để giúp đỡ Chính-phủ trong việc chánh-trị, lại tổ-chức lại việc học để sau này bọn thanh-niên ở các miền lân cận cũng có thể đến đấy mà học tập chữ Pháp được, cùng là mở nhiều đường-xá khiến cho từ Fort-Bayard cho đến các tỉnh lị Trung-hoa gần đó đi lại rất là tiện-lợi.

Việc ngoại-giao

Còn như việc ngoại-giao, thì hiện nay mọi điều cũng được thỏa-thuận cả, nước Trung-hoa đương vào lúc qua-phân bức-liệt, tưởng cũng là một việc ngại cho Đông-Pháp ta, nhưng kỳ thực không có điều gì cả. Các quan chức Trung-hoa ở nơi biên-thùy vẫn giữ gìn không để xảy ra luôn những việc rắc-rối như ngày trước. Chính-phủ Đông-Pháp đối với các đảng Trung-hoa bao giờ cũng giữ một cái thái-độ trung-lập, nhưng cái thế tất-nhiên là phải giao-thiệp với các nhà quyền-chính ở các tỉnh lân cận. Như ở Vân-nam thì quan Thống-chế Đường-Kế-Nghiêu đã hồi-phục được sự trật-tự, mà đường hỏa-xa của ta đã được yên-ổn như thường.

Ở lưỡng-Quảng thì từ ngày Tôn-Dật-Tiên bỏ đi, xem chừng đã được yên-ổn. Ở Quảng-Đông có lẽ Trần-Quýnh-Minh sẽ hồi-phục được trật-tự, và ở Quảng-Tây thì từ khi Lục-Vinh-Đình lại về, xem chừng cũng khá hơn trước, cuộc giao-tế của Đông-Pháp đối với Nhật-bản bao giờ cũng vẫn thân-ái, hiện nay Chính-phủ Nhật-bản đương điều-đình với Chính-phủ Đại-Pháp để đặt lại cái thể-lệ thương-chính về hàng hóa Nhật-bản nhập-cảng Đông-Pháp. Ta nên mong cho cái vấn-đề ấy sẽ giải-quyết được chóng xong, mà lại được tiện-lợi cả cho dân hai nước.

Còn như nước Xiêm-la với Đại-Pháp hai bên đối với nhau rất là mặn-mà, tháng Juillet năm 1921, các phi-hành-gia Đại-Pháp có đến thăm thành Bang-kok, thì nhân ngày hội đình-chiến mới rồi các phi-hành-gia Xiêm-la lại đến đáp lễ lại ta. Cuộc giao-tế thân-ái sau này có lẽ bổ-ích cho đường kinh-tế lắm lắm.

Việc kinh-tế

Nghề làm ruộng bao giờ cũng là cái căn-bản cho nền kinh-tế của Đông-Pháp. Gạo thóc của Nam-kỳ xuất-cảng năm nay không được nhiều bằng năm ngoái, điều ấy là một điều tất-nhiên, vì xưa nay không mấy năm gạo thóc xuất-cảng được nhiều như năm 1291. Những số gạo thóc xuất-cảng về năm 1922 đem so với thóc-gạo xuất-cảng năm 1921 thì cũng chẳng kém là mấy, vả nếu đem số thóc gạo xuất-cảng trong ba tháng đầu năm 1922 so với số thóc gạo đồ đồng trong 15 năm về trước thì thấy thóc gạo của Đông-Pháp sinh-sản vẫn là một ngày một tăng lên. Còn như giá thóc gạo năm nay cũng không bằng giá mấy năm trước, cùng là giá về cuối năm ngoái, nhưng giá về sáu tháng đầu năm nay kể ra cũng còn là cao hơn giá năm ngoái. Vả giá đồ-đồng năm 1922 và năm 1921 xem ra cũng không cao hạ hơn nhau mấy.

Cà-phê của ta thị-giá năm nay cao hơn nhiều, dẫu tính ra quan tiền hay đồng bạc cũng vậy, mà cà-phê trồng ở các nơi xem chừng cũng tốt lắm

Cao-su năm nay giá vẫn còn hạ lắm, Chính-phủ Đông-Pháp vẫn gia công giúp đỡ các nhà trồng cao-su ở Nam-kỳ, song Chính-phủ Đông-Pháp cũng chỉ có thể giúp được đến thế là cùng, nay chỉ còn trông mong Chính-phủ Thượng-quốc xét xem có thể đặt thuế nhập-cảng về cao-su ngoại-quốc đem vào Thượng-quốc khiến cho cao-su thuộc-địa có thể cạnh-tranh được với cao-su ngoại-quốc chăng.

Hồ-tiêu, rừa, lúa-ngô, thuốc-lá của Đông-Pháp ta mỗi năm cũng bán được ít nhiều. Mới đây ở Nam-kỳ mới mở một nhà máy đường rất lớn, chắc rằng nhờ đó việc trồng mía có thể mở-mang lên được nhiều. Các nhà tư-bản Thượng-quốc hiện nay đương lưu-tâm đến việc trồng bông, có lẽ nay mai sẽ mở nhiều trại bông lớn ở Cao-mên, các nhà kỹ-nghệ Thượng-quốc cũng đương trù-tính việc mở trại trồng rau và dựng máy chế các vật-liệu hiện nay vẫn phải mua của ngoại-quốc.

Về phần bắc-bộ Đông-Pháp, thì kỹ-nghệ một ngày một thêm tiến-bộ, năm nay là năm thứ nhất mà các mỏ than ở Bắc-kỳ lấy được một triệu tấn. Trong số ấy thì 600 nghìn tấn đem bán ở ngoài, còn 400 nghìn tấn thì để dùng ở bản-xứ, tuy rằng than sinh-sản hơn được một năm bao nhiêu, toàn là tiêu-thụ ở bản-xứ cả, ấy thế mà xem ra kỹ-nghệ bản-xứ mua than cũng khó lắm, như vậy thì biết rằng kỹ-nghệ phấn-khởi lên nhiều. Thị-giả kim-khí ngày nay đã cao lên và các mỏ lại sẽ làm việc như cũ. Hiện nay thì mỏ kẽm đã bắt đầu làm việc, còn mỏ thiếc, mỏ sắt, mỏ vàng, mỏ bạc cũng sắp sửa lục-tục mở dần. Mọi việc trong trường kinh-tế đều có quan-hệ mật-thiết với nhau, kỹ-nghệ đã phát-đạt, thì thương-mại cũng nhờ đó mà phấn-hưng lên. Vì vậy, tuy rằng số thóc gạo xuất-cảng về năm nay không được bằng mọi năm, nhưng số thương-mại về chín tháng đầu cũng được 1.743 triệu, nghĩa là cũng sấp-sỉ với số thương-mại của năm trước. Số xuất-cảng giảm đi, nhưng số nhập-cảng tăng lên, cho nên số thương-mại tổng-cộng cũng gần bằng năm trước. Số nhập-cảng tăng lên phần nhiều là hàng-hóa mua của Thượng-quốc cả, như vậy thì cũng chẳng có gì là thiệt đâu.

Nền kinh-tế đã được phát-đạt, tất là các công-trình công-ích cũng mở-mang lên nhiều. Thực thế, các đường bộ hiện nay đã được 28 nghìn kilomètres và các đường sắt hiện đã được 2 nghìn kilomètres, đến năm nay lại mở-mang lên nhiều ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Cao-mên. Chính-phủ lại bắt đầu thực-hành cái chương-trình về việc dẫn-thủy nhập-điền nữa, các hải-cảng Saigon, Haiphong, Tourane, Pnom-Penh cũng mở-mang thêm, ở trong Nam-kỳ có đào nhiều sông, để khiến cho các xứ bỏ hoang cũng có thể trồng-giọt được, các thành-phố cũng sửa sang lại cho hợp vệ-sinh hơn trước.

Chính-phủ lại còn lưu-tâm việc tổ-chức các cơ-quan về việc du-lịch, khiến cho sau này Đông-Pháp cũng có thể thu được các mối lợi như là Ấn-độ và Nhật-bản. Vả một xứ có nhiều khách đến thăm, cũng là một điều đại-ích cho nền kinh-tế nữa, vì biết đâu trong trăm nghìn người đến thăm xứ ta, sau này chẳng có một người đem tư-bản đến cho ta. Về việc ấy Chính-phủ vẫn gia công khuyến-khích các tư-gia trong việc lập lên các khách-sạn cho nhiều. Ngoài việc ấy Chính-phủ còn trù-tính nhiều nữa, khiến cho sau này Đông-Pháp cũng được chú-ý trong cái hành-trình của các nhà du-lịch ngoại-quốc.

Sau này Đông-Pháp ta đường bộ đường thủy tiện-lợi, lại có đường vô-tuyến-điện, đường không-trung vận-tải, cùng là các kinh-te dụng-cụ tinh-xảo, thì Đông-Pháp ta cũng chẳng kém gì các xứ văn-minh Âu-Mỹ ngày nay.

Quan quyền Toàn-quyền bầy tỏ mọi lẽ về việc kinh-tế, thì ngài kết luận lại lời lẽ rất hùng-hồn. Đại-ý ngài nói: Ngày nay Thái-bình-dương đã thành ra cái trung-tâm-điểm về đường chính-trị và về đường kinh-tế, mà Đông-Pháp ta lại có cái cơ-sở thế-lực của Đại-Pháp ở cõi Thái-bình-dương này, sau này chắc là cái địa-vị của Đông-Pháp ta một ngày một lớn mãi lên vậy. Ta chỉ nên mong rằng Nghị-viện chóng ưng-chuẩn cái chương-trình khuếch-trương tài-nguyên của quan A. Sarraut, cái chương-trình ấy mà đem ra thực-hành thì chẳng bao lâu mà tài-nguyên của Đông-Pháp có thể khuếch-trương đến hết được, lúc bấy giờ Đông-Pháp sẽ đến ngày rất là phát-đạt thịnh-vượng vậy.

Những vấn-đề Hội-đồng phải xét trong kỳ ấy là:

1. Sổ dự-toán Đông-Pháp năm 1923.
2. Xét lại sổ dự-toán Đông-Pháp năm 1921.
3. Sổ dự-toán việc trưng đường xe hỏa năm 1923.
4. Xét lại sổ dự-toán việc trưng đường xe-lửa năm 1921.
5. Sổ dự-toán về trái-khoản 90 triệu đồng năm 1923.
6. Xét lại sổ dự-toán về trái-khoản 90 triệu đồng năm 1921.
7. Sổ dự-toán Nam-kỳ năm 1923.
8. Xét lại sổ dự-toán Nam-kỳ năm 1921.
9. Sổ dự-toán Bắc-kỳ năm 1923.
10. Xét lại sổ dự-toán Bắc-kỳ năm 1921.
11. Sổ dự-toán Trung kỳ năm 1923.
12. Xét lại sổ dự-toán Trung-kỳ năm 1921.
13. Sổ dự-toán Cao-mên năm 1923.
14. Xét lại sổ dự-toán Cao-mên năm 1921.
15. Sổ dự-toán Ai-lao năm 1923.
16. Xét lại sổ dự-toán Ai-lao năm 1921.
17. Sổ dự-toán Quảng-Châu-Loan năm 1923.
18. Xét lại sổ dự-toán Quảng-Châu-Loan năm 1921.
19. Sổ dự-toán về công-thải 6.180.000 đồng năm 1922.
20. Sổ dự-toán về công-thải 6.180.000 đồng năm 1923.
21. Sổ dự-toán xưởng đóng tầu Saigon.

Các đơn thỉnh-cầu có thể nộp tại phòng Thư-ký Hội-đồng chính-phủ cho đến kỳ hội-đồng ngày thứ sáu 22 Décembre.

Xét các vấn-đề trên ấy thì quan Toàn-quyền chia làm ba ban là:

Ban thứ nhất: Xét sổ dự-toán Đông-Pháp và các sổ dự-toán phụ.

Hội-trưởng: M. Blondlat quan Thống-soái coi các đạo binh Đông-Pháp.

Hội-viên: MM. Joubin, quan Học chính tổng-trưởng; Habert, quan Tư-pháp tổng-trưởng; Détieux, quan Tài-chính tổng-trưởng; Pouyanne, quan Công-chính giám-đốc; Audibert, quan Y-chính giám-đốc; Kircher, quan Thương-chính tổng-trưởng; Lochard, quan Kinh-tế tổng-trưởng; Géhin, quan quyền chánh Ngân-khố; Fays, Hội-trưởng Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ, Sauvage, Hội-trưởng phòng Thương-

mại Hanoi, Labaste, Hội-trưởng phòng Canh-nông Nam-kỳ, Perignon, hội-trưởng phòng Canh-nông Trung-kỳ, Cousin, Phó-hội-trưởng phòng Canh-nông Cao-mên; S. E. Nguyễn-hữu-Bài, Lại-bộ Thượng-thư, nghị-viên dự-khuyết thay S. E. Tôn-thất-Hân nghị-viên thực-thụ; Lê-văn-Trung nguyên nghị-viên Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ; Hoàng-trọng-Phu Tổng-đốc Hà-đông.

Thư-ký: M. M. Valette và Lozer, ban này họp ngay tại phòng Hội-đồng.

Ban thứ hai: Xét sổ dự-toán Bắc-kỳ Trung-kỳ, Ai-lao, và xét lại các sổ dự-toán cũ của các xứ ấy.

Hội trưởng: M. Cognacq, quan Thống-đốc Nam-kỳ.

Hội-viên: MM. L'helgoualch, quan quyền Khâm-sứ Cao-mên; Paquin quyền hội-trưởng phòng Thương-mại Hai-phong; Borel, Hội-trưởng phòng Canh-nông Bắc-kỳ; Tiao Philsarath Ralsaphatynay, đại-thần xứ Luang-prabang

Thư-ký: M. Echinard.

Ban này họp tại phòng bên hữu phòng Hội-đồng.

Ban thứ ba: Xét sổ dự-toán Nam-kỳ, Cao-mên và xét lại sổ dự-toán cũ của các xứ ấy.

Hội-trưởng: MM. Pasquier, quan Khâm-sứ Trung-kỳ.

Hội-viên: MM. Darroussin, quan quyền Khâm-sứ Ai-lao; Blanc, quan Thủy-quân Đô-đốc; Ducroizet, hội-trưởng phòng Thương-mại Saigon; S. A. R. Hoàng-thân Soupanouvong, Thủy-bộ và nông-bộ Thượng-thư Cao-mên.

Thư-ký: M. Gidicelli.

Ban này họp tại phòng khách.

***

Trước khi giải tán thì quan quyền Toàn-quyền có đệ tại Hội-đồng một bức điện-tín sau này để rồi chuyển lên quan Toàn-quyền Maurice Long:

Các viên Hội-đồng Chính-phủ rất lấy làm buồn rầu vì cơ-hội chẳng may khiến cho quan Maurice Long chậm tới Đông-Pháp, Hội-đồng đồng-thanh tỏ lòng tiếc rằng ngài xa vắng không dự Hội-đồng này và xin nhiệt-thành chúc ngài chóng được bình-phục để mau trở lại Đông-Pháp.

Hội-đồng lại đồng-thanh lấy tình hâm-mộ tín-phục ngài mà mong rằng cái sự chí-thành tận trung của Hội-đồng đối với ngài ở đây có thể làm cho ngài hả dạ vui lòng mà mạnh thêm nên đôi chút cho mau khỏi sự khó ở này.

***

Ban hội-đồng xét các sổ dự-toán Nam-kỳ và Cao-mên sáng hôm 19 Décembre đã hội-nghị tại phủ Toàn-quyền quyền có quan Khâm-sứ Pasquier chủ-tọa.

Ban hội-đồng xét các sổ dự-toán chung của Đông-Pháp cùng các sổ dự-toán phụ cũng bắt đầu làm việc sáng hôm ấy có quan Thống-soái Blondart chủ-tọa.

Chiều hôm 19 Décembre thì ban hội-đồng xét các sổ dự-toán Trung-bắc-kỳ và Ai-lao đã hội-nghị có quan Thống-đốc Cognacq chủ-tọa.

Chiều thứ bảy 23, Hội-đồng Chính-Phủ họp Đại-hội-đồng kỳ cuối cùng thì đã giao cho Nhà-nước xét hai mươi mốt cái đơn thỉnh-cầu của các ông Đại-biểu bản-xứ và các ông Hội-trưởng các nơi do dân công-cử, thì Hội-đồng có ký giấy xin bên Pháp xét ngay cái dự-án điều-luật về việc khai-khẩn thuộc-địa mà quan Thượng-thư Thuộc-địa đã đệ trình độ trước là một điều luật mà dư-luận Đông-Pháp khẩn-khoản xin y ngay cho.

Trước khi Hội-đồng giải tán, quan quyền Toàn-quyền có đọc một bài diễn-thuyết đại-khái như sau này:

Trước khi giải tán, tôi xin trình các ngài một bức điện-tín của quan Toàn-quyền Long vừa gửi sang cho chúng ta như sau này:

« Tôi rất lấy làm cảm-động về những tình ý của các quan Hội-đồng Chính-phủ, vậy nhờ quan-lớn cảm ơn và tỏ lòng thân-ái của tôi với các ngài. »

Tôi tưởng các ngài cũng đồng ý với tôi mà tỏ lòng một lần nữa, tiếc rằng quan Toàn-quyền thực-thụ vắng mặt không có tại Hội-đồng ta. Vì sự vắng mặt mà công việc của ta làm không được rộng rãi, như ý sở-cậy. Nhưng vì năm mới đã sắp tới nơi, chúng ta không thể hoãn công việc lại được, mà phải kíp lập sổ dự-toán các xứ cho xong ngay.

Tôi được chủ-tọa kỳ Hội-đồng này thật lấy làm hân-hạnh lắm. Cái chức-vụ của tôi đáng lẽ rất là nặng-nề, song le nhờ được các ngài giúp cho một cách rất thân-ái thì công việc lại hóa dễ-dàng. Vậy tôi xin tỏ lời thâm-tạ các ngài.

Tôi lại xin cảm ơn riêng các ông Hội-trưởng các Hội do dân công-cử và các ông Đại-biểu bản-xứ đã từ các miền xa đến dự kỳ Hội-đồng này mà trong khi nghị-luận lại tỏ được cái ý cao-thượng của cái chức-trách các ngài.

Sau nữa tôi lại không quên tỏ lời cảm ơn cùng các quan Hội-trưởng ba ban Hội-đồng đã xét công việc một cách rất hợp với phương-pháp, nhờ thế mà việc tranh-luận của ta được rõ ràng minh bạch.

Mấy lời nói cuối cùng tôi xin mời các ngài hãi đem cái tâm-thần của chúng ta qui-hướng về quan chúa-tể thực-thụ thuộc-địa và xin kính-chúc ngài chóng được bình-phục để lại sang giữ cái địa-vị mà dân Chính-phủ đã lấy lòng tin-mến phó thác cho ngài.

Sau nữa tôi tưởng các ngài cũng đồng ý như tôi mà đệ sang quan Thượng-thư Thuộc-địa tấm lòng thâm-mến của Đông-Pháp đối với ngài và mong rằng các điều dự-định của ngài vì sự khuếch-trương cái đất tốt đẹp của Đại-Pháp sẽ được thành hiệu.

Sau nữa nhân kỳ Hội-đồng này, tôi lại xin chuyển đệ về Chính-phủ Mẫu-quốc tấm lòng qui mến bất-di bất-dịch của các hàng dân đảng Pháp-Việt đối với Mẫu-quốc.

***

Tối thứ bảy quan Toàn-quyền có mở tiệc thết các quan Hội-đồng Chính-phủ tại dinh ngài. Sau bữa tiệc ấy ngài có mời các quan xem chớp ảnh tại qui-phủ, trong những giây chiếu bữa ấy có một phiến ảnh về cuộc đấu-xảo Marseille vừa mới ở Pháp gửi sang và phiến ảnh quan Thống-chế Joffre đến xem Đế-thiên Đế-thích.

Cuộc Hội-nghị Thái-bình dương

M. Charles là quan chánh cai-trị, đại-biểu quan Toàn-quyền đi cuộc hội-nghị Thái-bình-dương vừa đáp tầu Hanoi ở Hong-Kong sang tới nơi. Cuộc hội-nghị ấy họp tại Honolulu là Kinh-đô của xứ Hawai. Các nước ở Thái-bình-dương đều có Đại-biểu đến dự, cả thảy có 107 viên của các nước và các xứ này: Alaska, Canada, Hoa-kỳ, Mễ-tây-cơ, Nicaragna, San-Salvador, các đảo Fidji, Nouvelle-Zélande, Australie, Indes Néerlandaises, Phillippines, Sataits Settlements, Xiêm-la, Đông-Pháp, Trung-hoa, Cao-ly, Hải-sâm-uy, Nhật-bản.

Các vấn-đề bàn nhiều lắm, nhất là về việc thương-mại, việc hàng-hải, việc đặt nhà vô-tuyến, làm lệ-luật về việc đánh cá biển.

Bắc-đẩu bội-tinh về cuộc Đấu-xảo

Báo *Presse Coloniale* có đăng rằng hiện nay quan Tổng-ủy-viên trong cuộc Đấu-xảo Marseille chưa làm giấy tư thưởng Bắc-đẩu bội-tinh, vì còn phải đợi Nghị viện đầu-phiếu xong về việc điều-luật ưng cho Chính-phủ thưởng cho các nhà có đồ đấu-xảo ấy là bao nhiêu cái. Vậy mà điều luật ấy đến nay vẫn chưa đệ tại Nghị-viện.

Nhưng có nhiều ông nói rằng ngũ-đẳng Bắc-đẩu bội-tinh thì sẽ thưởng 250 cái, tứ-đẳng 50 cái, tam-đẳng sáu cái và nhị-đẳng hai cái. Nhưng có một điều lạ là chỉ có một mình ông Artaud chính là tay tổ-chức ra cuộc Đấu-xảo ấy đã giữ cái chức khó-nhọc làm Tổng-ủy-viên, lại không có thể vào hạng các nhà tư thưởng được, vì điều luật năm 1906 tức là điều luật Violette cấm thưởng các bội-tinh cho các ông thượng-hạ nghị-viên, trừ ra hễ có công trong cuộc chiến-tranh thì không kể. Vậy mà trong những nhà sắp được tư thưởng thì không có ai xứng đáng bằng ông nghị-viên Artaud đã tổ-chức nên cuộc Đấu-xảo ấy.

Thế mới rõ rằng các ông nghị-viên bên Pháp biết trọng cái chức-trách của một nhà đại-biểu cho dân lắm vậy, các ông không dám lấy bội-tinh với huân-chương của Chính-phủ là cho cái nghĩa rằng đã là đại-biểu cho dân thì phải giữ lợi-quyền cho dân mà không được thụ-ân của Chính-phủ vậy.

Hội-chợ Hanoi năm nay

Nói về Hội-chợ, không phải là chỉ cốt để tả những cái lễ-văn trang-trọng trong buổi khai-mạc, không phải chỉ cốt để ngợi-khen cái công tổ-chức của Hội-đồng Hội-chợ, không phải chỉ cốt kể la-liệt cho hết những hóa-vật bộn bề, gian hàng dài rộng, cũng không cốt để tả những cái cảnh nam-thanh nữ-tú, áo quần như nêm; vì những cái đó, trong mười lăm hôm Hội-chợ mở cửa, con mắt khách du-lãm từng cũng đã quan-sát cả rồi, nay có nhắc qua lại lượt nữa, có lẽ cũng là vô-vị. Vậy nói về Hội-chợ thì nói cái gì? Tưởng chỉ nên xét xem cái kết-quả của Hội-chợ ở chỗ nào và cái ảnh-hưởng của Hội-chợ với tiền-đồ công-thương nước ta ra làm sao mà thôi. Cứ theo như ý quan Toàn-quyền Baudoin nói trong buổi Hội-chợ khai-mạc, thì cuộc Hội-chợ được hoàn-hảo, không phải là bởi cái số người bầy hàng cùng người đi xem đông, mà bởi cái số hàng-hóa mua bán nhiều ít thế nào.

Thực vậy, muốn xét cái kết-quả hay của Hội-chợ, phải xét ở chỗ đó. Song cũng phải biết rằng cái số hàng-hóa mua bán ấy, không phải là số mua bán ở ngay trường Hội-chợ đâu, mà là cái số bán buôn bán cất sau này của các nhà kỹ-nghệ do có cuộc Hội-chợ ấy làm chiêu-hàng vậy. Sự xét ấy thì rất khó, vì đó là sự xét thuộc về phòng Thương-mại và sở Thương-chánh, chớ không phải một người nào có thể xét được. Tuy vậy, ta không thể xét được, song ta cũng có thể đoán biết được, vì ta cứ xem các hàng-hóa cùng sản-vật của ta tốt xấu thế nào thì sẽ chắc được cái số tiêu-thụ ít nhiều thế nào vậy.

Hóa-vật bầy tại Hội-chợ năm nay thì nhiều lắm. Không kể những cửa hàng của người qui-quốc, người Trung-hoa người Nhật-bản và khu Cao mên, cứ hóa-vật của Trung, Nam, Bắc ba kỳ ta mà liệt kê cho tường-tận ra cũng phải mấy mươi trang giấy này mới hết. Nhưng sự liệt-kê đó tưởng cũng là thừa, vì rằng trong ba kỳ có những hóa-vật gì bầy tại Hội-chợ, thì nhà-nước đều đã in riêng cho mỗi xứ một quyển mẫu hàng (*Catalogue*) rất là tường-tận, dù ta có kỹ-thuật khéo đến đâu nữa cũng không kỹ bằng những quyển ấy. Vậy tưởng ta chỉ nên lưu-tâm khảo-sát về những kỹ-nghệ gì cùng những sản-vật gì có cái ảnh-hưởng to đến tiền-độ thực-nghiệp của nước ta mà thôi.

Nay xin cứ lần-lượt mà nói.

* * *

Trong ba kỳ thì Bắc-kỳ xưa nay vẫn có tiếng kỹ-nghệ phát-đạt hơn cả, mà xem những kỹ-nghệ của Bắc-kỳ ở Hội-chợ năm nay thì lại càng chứng rõ sự phát-đạt ấy lắm. Ngoài những đồ kỹ-nghệ năm nào bầy tại Hội-chợ cũng nhiều và cũng khéo như đồ gỗ đồ cần, đồ thêu đồ đồng v. v... thì ta nên kể mấy kỹ-nghệ sau này rất có đặc-sắc và có ảnh-hưởng đến cuộc ngoại-thương hơn:

Những chiếu dệt bằng cói xe như của hiệu Chân-Thụy ở số 4 Phố Mới, hiệu Nam-Trinh, hiệu của M. M. Trần-đình-Trưng, Trần-đình-Trọng, Đỗ-đình-Thông và hiệu của M Nguyễn-văn-Tâm, bầy tại Hội-chợ thực đã tinh-xảo lắm. Chiếu ấy người ngoại-quốc mỗi năm mua cũng nhiều, dùng để trải trong phòng và trải gác thay cho thảm, rất là bền tốt. Tuy cũng có người chê rằng những cái cói không nhuộm bằng phẩm Đức (couleur allemande) thì không được đẹp. Song cái đó cũng không quan-hệ gì cho lắm. Nếu chiếu ta cứ làm cho mỗi ngày mỗi tiến-bộ thêm, và khi sự quảng-cáo đã lan rộng

mọi nơi rồi, thì nghề làm chiếu cói xe này cũng chiếm được một mối lợi rất to vậy.

Nghề dệt thì như vải màn của hiệu Chân-Thụy, vải dệt rất khéo và mùi nhuộm rất đẹp, cũng là một thứ hàng có thể tiêu-thụ được rất nhiều; bày ở khu Hà-đông đồ dệt cũng rất khéo, tussor cũng chẳng kém gì *tussor* tây, mỗi năm bán cho người qui-quốc dùng may quần áo cũng nhiều lắm. Nếu có được một xưởng to mà dệt thứ vải ấy để có nhiều hàng xuất-sản mà bán ra ngoài, chẳng là một mối lợi to lắm ru?

Nghề làm ghế mây kiểu *Thonet* bây giờ của ta cũng khéo lắm, mà thịnh nhất thì ở tỉnh Vĩnh-yên và tỉnh Bắc-ninh. Ghế làm thực lắm kiểu khéo. Gần đây chẳng những đoạt được cái mối lợi của nước Áo mà lại được cái lợi mỗi năm bán ra ngoài cũng nhiều. Nếu sau này ta biết dùng máy để làm ghế thì có lẽ cái mối lợi ấy lại càng to lắm.

Nghề làm đồ sơn Nhật-bản mấy năm nay cũng xuất-sắc lắm. Nói đến nghề này thì trước hết ta nên phải nói đến công-ty Hiệp-ích ở số 14 phố hàng Bông. Hiệu ấy năm nay bán hàng ở Hội-chợ nhiều lắm, đủ các thứ bàn, ghế, khay, hộp, tráp trầu, ba-toang, cán-ô, dép, câu-đối, tranh vẽ sơn, đúng như kiểu Nhật-bản mà nước sơn lại bền hơn khéo hơn, nét vẽ lại vui hơn đẹp hơn của Nhật-bản. Những hàng này người qui-quốc mua rất nhiều. Chẳng những các hiệu to bên qui-quốc thường có đặt hàng mà chính người Nhật cũng muốn buôn độc-quyền đồ hàng của công-ty ấy. Thực cũng là một nghề có thể đoạt được mối lợi của nước ngoài.

Nghề quạt vẽ sơn và làm dép Nhật-bản của tỉnh Sơn-tây cũng đáng khen

lắm, cũng tranh được với người Nhật-bản mà bán ra ngoài rất nhiều.

Nghề đóng xe tay nhà và xe ngựa như của công-ty Nguyễn-Huy-Hợi cũng tấn-bộ lắm. Xe đóng khéo như các hiệu đóng xe tây, đó cũng là một mối lợi lắm.

Nghề tráng gương của ta cũng mới phát-đạt, như những gương treo trong gian hàng công-ty Hiệp-ích thì gương ta tráng đã khéo lắm. Nghề ấy khuếch-trương ra cũng có thể đoạt được mối lợi rất to của người Tầu.

Đồ mây đan của ta cũng khéo lắm, cũng có thể trở nên mối đồ-hàng rất lợi sau này, vì lắm cái thực thích-dụng và đẹp lắm.

Những kỹ-nghệ mới của Bắc-kỳ lược kể qua như vậy mà thôi; còn các kỹ-nghệ khác cũng tấn-bộ nhiều lắm.

* * *

Xứ Trung-kỳ xưa nay kỹ-nghệ vẫn chưa được tấn-bộ cho lắm. Các hóa-vật của Trung-kỳ năm nay bày tại Hội-chợ cũng nhiều. Song xét cho kỹ ra thì các kỹ-nghệ của xứ ấy cũng chẳng có mấy cái khác mọi năm, như các đồ tơ lụa ở Hà-tĩnh và Thừa-thiên, the hoa của Quảng-ngãi; lãnh, tơ của Qui-nhơn, lương trắng và lĩnh trắng của Sông-cầu, thổ-cẩm của Nghệ-an, nhiễu trắng của Thanh-hóa, lụa sồi của Nghệ-an, nhiễu trơn của Bình-định, đệm ghế đệm dường của Bình-định, sợi vải của Sông-cầu, chăn mường của Thanh-hóa, những đồ gỗ lim gỗ trạm như tủ, hộp, bình-phong, khay hộp của Đồng-hới, chậu hoa bằng đất của Qui-nhơn, chum, vại, tượng đất chum, đất của Thanh-hóa, ấm, chén đá, chậu đá của Quảng-nam, cáng bằng tre của Hà-tĩnh, gối mây guốc dừa của Thừa-thiên, nón gò-găng, rổ thúng của Thanh-hóa, khay hộp bằng tre của Nghệ-an, chiếu của Thừa-thiên và Thanh-hóa, dây gai của Sông-cầu, v. v... Ấy kỹ-nghệ Trung-kỳ thường thường như vậy cũng không có cái gì là mới lạ lắm, song sản-vật Trung-kỳ thì rất nhiều rất quí, như là tràm ở Sông-cầu, quế, trầu và cánh-kiến ở Thanh-hóa, thuốc lá Phan-rang, miến Bình-định, chè Quảng-ngãi, nước mắm của Đồng-hới, Phan-thiết, Thanh-hóa, Nghệ-an, mật ong của Quảng-ngãi và Thanh-hóa, sáp ong của Thừa-thiên v. v... Một xứ sản-vật phong-thú như thế mà một mai kỹ-nghệ khuếch-trương mãi, lối giao-thông tiện-lợi, thì thực cũng sẽ chiếm được những cái lợi to trong việc ngoại thương vậy.

* * *

Nam-kỳ xưa nay vẫn có tiếng là một xứ giàu nhất trong nước ta. Thực thế. Cứ xem những hóa-hạng và sản-vật của Nam-kỳ bày tại Hội-chợ năm nay thì đủ biết Nam-kỳ chẳng những giàu về thổ-sản, mà kỹ-nghệ cũng phát-đạt lắm. Trong các tỉnh ở Nam-kỳ có hàng bày tại Hội-chợ năm nay thì tỉnh Biên-hòa bầy đủ các thứ mẫu hàng hơn cả, nào là các thứ gỗ quí-lạ sản-xuất ở rừng tỉnh ấy, bầy mẫu tại Hội-chợ kể có đến 112 thứ; nào là các tấm nhựa cao-su, chè, bông, cà-phê, các thứ dầu; lại các thứ đồ gỗ cẩm-lại là thứ gỗ rất tốt cùng đồ đồng của trường Kỹ-nghệ Biên-hòa và 600 thứ mẫu những khí-cụ của xứ mọi ở tỉnh ấy nữa. Tỉnh Gia-định bầy nhiều đường là một thứ mỗi năm sản-xuất được đến sáu nghìn tấn, cũng là thuốc-lá ngon và chè. Tỉnh Thủ-dầu-một cũng bày nhiều mẫu các thứ gỗ và nhựa thông hồ-tiêu, mật ong, sáp ong cùng các thứ đồ nữ-trang, trường Kỹ-nghệ tỉnh ấy cũng có bầy đồ đồng đồ gỗ, song không được khéo bằng của tỉnh Biên-hòa. Tỉnh Sa-đec bày các các đồ nữ-trang như ống điếm, vỉ thuốc, cán ô bằng bạc trạm vàng, vòng, xuyến nhẫn, hạt vàng v. v... rất là tinh-xảo; tỉnh ấy cũng lại có nhiều các hàng tơ lụa nhuộm mùi rất đẹp, nhất là những hàng tơ-lụa dệt ở Cù-lao-giêng người ta lại ưa dùng lắm. Tỉnh Châu-đốc là một tỉnh thịnh về ngư-nghiệp có bầy nhiều mẫu dầu cá và các khí-dụng về nghề đánh cá, những chiếu và bao dệt bằng gai cùng các khoáng-sản làm sản của tỉnh ấy cũng nhiều. Tỉnh Hà-tiên ngư-nghiệp cũng thịnh, cho nên bày tại Hội-chợ nhiều các thứ cá mắm, tỉnh ấy cũng lại có hai kỹ-nghệ rất khéo là nghề làm đồi-mồi và huyền (Jais), như những vòng, bót hút thuốc lá, khuy v.v. bằng huyền, và những đĩa, hộp, xương quạt, lược v.v... bằng đồi-mồi, rất là tinh-xảo. Thành-phố Chợ-lớn là một nơi có những máy say gạo to bầy rất nhiều các mẫu lúa gạo, cùng những mẫu chiếu, bao đay, lạc, hạt cau khô và thuốc-lá vân vân. Tỉnh Gò-công bày cũng rất nhiều các mẫu thóc gạo có đến ngót 50 thứ vì tỉnh ấy nông-nghiệp rất thịnh, chứ còn các kỹ-nghệ thì chẳng có gì, cho nên ngoài lúa gạo ra thì chỉ có một ít dừa, tôm cá bày làm mẫu mà thôi. Tỉnh Mỹ-tho là một tỉnh thương-nghiệp thịnh, nên bày tại Hội-chợ rất nhiều hóa-vật: ngoài lúa gạo là cái sản-vật phong-phú, lại có vải, tơ bông, kén, sợi cùng các thứ dầu, thừng, chiếu, bao gai rất nhiều. Tỉnh Tân-an bày các mẫu đường. Tỉnh Bắc-liêu cũng bày ít nhiều thứ lâm-sản. Đảo Côn-lôn (Poulo-Condore) cũng có bày những bàn ghế làm bằng mày trắng, những mẫu hồ-tiêu, cà-phê, vôi san-hô (chaux de corail) dầu gan cá mập (huile de foie de requin) da, vây cá mập, vẩy đồi-mồi, mang rùa, vỏ trai cùng các thứ gỗ v. v...

Trong khu Nam-kỳ lại có hai kỹ-nghệ sau này của người mình là có cái thế bành-trướng rất to và đáng chú-ý hơn nữa:

1° — Sở làm dầu Trương-văn-Bền ở Saigon có các máy tối-tân có thể mỗi ngày làm được 10 tấn dầu và 100 tấn gạo, năm nay cũng có bày những thứ dầu của xưởng ấy chế ra như dầu lạc, dầu bông, dầu thầu-dầu và dầu vừng cùng là các thứ bã dầu dùng làm đồ bón rất tốt.

2· Hiệu Lê-Phát-Vinh là một hiệu dệt rất to có 18 cái máy dệt chạy bằng hơi, nước cũng có bày thứ lụa nhiễu sa-tanh nhuộm theo cách tây rất khéo.

Xem đó thì xứ Nam-kỳ thực đã không phụ cái tiếng là xứ giầu nhất ở nước ta vậy.

* * *

Bây giờ ta họp cả Trung, Nam, Bắc ba-kỳ tại Hội-chợ mà xem thì ta cũng tạm có thể nói được rằng nước ta thổ-sản thực nhiều, kỹ-nghệ đã tấn-bộ, nhờ cái sức cổ-động của Hội-chợ thì lắm thức có thể chiếm được một mối lợi to trong cuộc ngoại-thương. Song ta cũng lại phải biết rằng muốn cho được thành cái kết-quả hay ấy thì trước hết cần phải sẵn có tư-bản để khuếch-trương mọi nghề cho được ngày một tinh-xảo thêm mới được. Vậy các nhà thực-nghiệp và các nhà tư-bản trong nước, tưởng nên phải lâm lưu đến chỗ đó.

Linh cơ, linh lệ, linh châu được tăng lương.

Kể từ ngày 1er Janvier 1923 trở đi thì lương của các hạng linh cơ, linh lệ, linh châu, được tăng lên như sau này:

Thứ bực	Lương cũ	Lương mới Mỗi tháng	Mỗi năm
Linh cơ	5 p. 40	7 p. 50	90 p.
Cai cơ	6 p. 40	8 p. 50	102 p.

Đội cơ	9 p. 60	10 p. 50	120 p.
Lệ-mục hạng nhất	6 p. 00	8 p. 00	96 p.
Lệ-mục hạng nhì	5 p. 00	7 p. 00	84 p.
Linh lệ	4 p. 00	6 p. 00	72 p.
Linh châu	4 p. 50	6 p. 00	72 p.

Hễ được lương bổng mới này thì từ rầy không được hưởng khoản lương-điền mỗi năm 24 đồng nữa và những người đang hưởng khoản lương-điền ấy thì hễ khi nào không được nữa mới được lĩnh theo như lương bổng mới kể ở trên kia.

Cầm-sắt giai âm

Bản-chí được tin rằng ngày mồng một tháng chạp ta ông Trần-Minh-Kính là Thư-ký của bản-chí đã làm lễ nghinh-hôn tại quí quán, xã Thịnh-quang, huyện Hoàn-long (Hà-đông), vậy bản-chí xin có lời mừng ông và tân-giai-nhân.

Công việc hội CÔNG THƯƠNG đồng-nghiệp

ĐOÀN-THỂ MỘT HỘI

Vừa rồi trong một bài xã-thuyết của báo « *Nam-kỳ kinh tế* » trong Saigon số 104, xuất-bản ngày 23 Décembre 1922 có nói về hội « Nam-kỳ Công thương chức-việc tương-tế » (Association mutuelle des Employés indigènes de Commerce et d'Industrie de la Cochinchine) là một hội mục-đích và chủ-nghĩa cũng tương-tự như hội « Bắc-kỳ Công-Thương đồng-nghiệp » ta.

Trong bài đó, soạn-giả nói đến những cái nỗng-nổi khó-khăn trong sự sinh-hoạt của các người làm việc ở các sở công thương ta, và các bạn chức-việc trong công-thương-giới nên vào hội Công-Thương để họp làm đoàn-thể, đặng mà giúp-đỡ lẫn nhau những khi cần-cấp. Vậy xin trích một quãng như sau này đăng-tải để các bạn công thương trong hội ta cũng được biết rộng thêm cái hiện-tình của hai hội và những lời bàn xác-đáng của soạn-giả vậy.

« ....Hội lập ra đã ba năm trời, mà người trong hội mới tới số hai « trăm. Có nhiều nhà buôn, số người làm việc mười, vô hội chỉ một hai; « lại nhiều nhà không có một người có chân trong hội. Thành ra hội « không được phần nửa số người công thương chức-việc tại Saigon, hội « làm gì cho có thế-lực lớn? Số hội-viên ít, tiền hội ít, hội làm sao thi-thố

« các việc hội muốn làm ích-lợi cho chung? Tình cảnh làm vậy là bởi « cớ làm sao?

« Chúng tôi đã nghĩ kỹ rồi. Đây chẳng qua là trong bọn đồng-« bang ta phần nhiều không biết lo xa, không biết việc hiệp-quần là ích-« lợi cùng đối với các sự hội-hè như có một cái chủ-nghĩa hồ-nghi. Và « lại cái tánh điềm-nhiên lạnh-lạt là cái thông-bịnh, một phần rất đông « người Nam nhà mắc phải. Phàm những việc không quan-thiết liền và « ngay đến họ, họ chẳng buồn để ý làm gì! Có hội tương-tế, hay không « có hội tương-tế chẳng có hề chi! Cái thông-bịnh ấy xưa nay làm trở-« lực cho sự tấn-hóa của giống dân này biết là bao nhiêu!

« Chúng tôi xin các bạn đồng-bang làm việc các sở công thương « suy-nghĩ cho lắm. Việc ở đời, nay vầy mai khác, cái tương-lai thế nào « thiệt không thế gì chắt-chắn được. Gì bằng ta đoàn-kết nhau để phòng « những khi hoạn-nạn để mà giúp-đỡ với nhau. Huống chi anh em cũng « biết rằng xã-hội đối với mình không có chi trọng-vọng, sự rẻ-rúng làm « vậy thiệt không công đáng giận biết chừng nào! Ở đời còn gì khốn-« nạn bằng người vô-thế-lực, vô-ảnh-hưởng! Vậy muốn cho khỏi như « thế, anh em sao lại không thiệt-hành câu «Hiệp-quần làm nên thế-lực» « (*L'union fait la force*)? »

Về quãng cuối-cùng, soạn-giả lại có nói rằng: « Các nhà chức-việc « công thương Nam kỳ ta! Các nhà hãy xem gương đồng-bào ta ngoài « Bắc đó: một cái hội « Bắc-kỳ Công Thương đồng-nghiệp » số hội-viên « đến những hai ngàn! »

Quý-hóa thay, lời vàng tiếng ngọc, anh em tòng-sự trong các sở công thương ta cũng nên biểu-đồng-tình với báo « Nam-kỳ kinh-tế », lý-hội cái địa-vị tình-cảnh mình mà rủ nhau vào hội Công-thương cho đông; họp thành đoàn-thể rất to rất mạnh để mưu-toan đường hạnh-phúc trong cuộc sinh-hoạt cạnh-tranh ở thời-đại này.

Chủ-nhiệm báo « Nam-kỳ kinh-tế » là ông Nguyễn-Văn-Thượng, cũng là hội-viên trong hội ta, hiện vẫn làm Đại-biểu uỷ-viên cho chi hội Saïgon. Ông đã từng nhiều phen cổ-động cho hội ta, chắc sau này hội cũng sẽ được nhờ ông mà làm cho cái thế-lực của hội tràn khắp ở miền Nam được. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Nhân trong Nam cũng đã có hội tương-tế của các bạn tòng-sự các sở công thương, ký-giả lại có cái lòng xa-vọng ước-ao rằng cả hai đoàn-

thể sẽ có cơ-hội nhập lại làm một, cùng dựa một chủ-nghĩa, cùng theo một mục-đích mà tiến-hành mãi lên cho đến vô-cùng vô-tận thời cái thế-lực của đoàn-thể lại càng to-tát lắm vậy. Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao ! Nếu hai hội cứ đứng riêng ra thời sự giúp-đỡ cho người trong hội không được trọn-vẹn lắm, sự phát-đạt của hội không được mau-chóng ; mà họp lại thời các phương-diện của đoàn-thể lại càng được hoàn-bị lắm.

Đó là ngu-ý của Ký-giả muốn đem ra giãi-bày cùng các bạn đồng-tâm, còn phải chăng thế nào cũng nhờ các bực cao-minh trong hai hội lấy những lời cao-đàm hùng-luận mà bàn bạc thêm vào, may ra lòng hy-vọng của tôi có ngày được thỏa-mãn, thời cũng thực là một cơ-hội đáng mừng lắm vậy. Các bạn trong hội « Nam-kỳ Công-thương chức-việc tương-tế » nghĩ sao ? Các bạn trong hội « Bắc-kỳ Công Thương đồng-nghiệp » ta nghĩ sao ? ?

Hội-chánh Hanoi

Biên-bản kỳ Tiểu-hội-đồng thường-nguyệt ngày 14 Décembre 1922. — Hiện-diện có những ông : Nguyễn-Huy-Hợi, Trần-Đình-Quang, Nguyễn-Duy-Nho, Bạch-Thái-Sơ, Phạm-Văn-Điển, Nguyễn-Thống, Nguyễn-Đình-Liên, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Tiến-Ân.

Vắng mặt có giấy kiếu : MM. Lê-Đình-Khoa, Nguyễn-Long, Lê-Sĩ-Mão, Tạ-Công-Viết, Nguyễn-Bá-Thiệu, Đào-Thao-Cảnh, Nguyễn-Thượng-Huyền.

Vắng mặt không có giấy kiếu : MM. Lưu-Đức-Khang, Đào-Trịnh-Nhất, Bùi-Thiện-Nhân, Trần-Quang-Huy.

Đúng 8 giờ ông Hội-trưởng khai hội-đồng bàn các việc theo trương-trình như sau này :

1· *Xét đơn các ông mới xin vào hội.* — Ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi trình hội-đồng đơn xin vào hội của ông Nguyễn-Bính-Giai, tú-tài, số 13 phố hàng Quạt, trợ-bút tại Hữu-Thanh tạp-chí. Hội-đồng công-nhận ông tú Giai vào hội.

2· *Bức thư quan Thống-sứ.* Ông Hội-trưởng trình hội-đồng bức thư của quan Thống-sứ gửi cho nói về việc các hội xin mở cuộc sổ số, mà ông Hội-trưởng hội-đồng sổ số các hội tương-tế đã chuyển-giao cho hội ta. Cứ theo như bức thư ấy thời quan Thống-sứ định cho các hội được chung vào với nhà-nước để mở một kỳ sổ số to, một phần làm đài kỷ-niệm trận-vong tướng-sĩ, còn thời các hội chia nhau. Cả hội-đồng đều lấy làm vui-vẻ lắm.

3· *Thư từ các chi hội.* — Ông Hội-trưởng trình hội-đồng các bức thư của các chi hội Haiphong, Tourane, Uông-bí. Hội-đồng đều vui-mừng vì đã thấy đâu cũng có vẻ phát-đạt cả.

4· *Việc M. Trần-Quang-Huy với món tiền Lộc-ninh.* — Hai bức thư của M. Trần-Quang-Huy ngày 15 Octobre và 9 Décembre 1922 đều xin khất sẽ thu xếp trả hội sau. Hội đồng bằng lòng để chờ xem.

5· *Các việc vặt : a) M. Đào-Thao-Cảnh xin từ chức.* — M. Đào-Thao-Cảnh, Văn-tấn ủy-viên vì nhiều việc bận và nhà ở xa có viết thơ xin từ chức. Hội-đồng đều ưng-thuận.

b) Thơ viết cho M. Nguyễn-Mạnh-Bồng Hội-đồng định viết thơ cho M. Nguyễn-Mạnh-Bồng, trước là Tổng Thư-ký hội, để hỏi ông xem những thư-từ giấy-má gì của hội ông còn giữ thì xin ông trao lại hội vì ông đã từ chức rồi.

c) Ông Lê-Ngọc-Giản trình hội-đồng ngày 14 Novembre 1922 ông có tiếp ông Phạm-Xuân-Quang, là phó hội-trưởng chi hội Uông-bí về các công việc kỳ Đại-hội-đồng thành-lập chi hội ấy, ông đã trình bầy các giấy-má và thể-cách họp Đại-hội-đồng rồi. Ông Quang có nói nhà hội-quán ở Uông-bí cũng đã xong rồi, song việc Đại-hội-đồng chưa nhất định, có lẽ chỉ vào khoảng tháng Décembre 1922 hay sang Janvier 1923 mà thôi. Ông Quang có lại thăm ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi, song ông Hợi đi vắng nên ông Quang có nhờ ông Giản kính chào ông Hội-trưởng. Khi ông Hợi về được biết thì lấy làm tiếc lắm, vì không được thừa tiếp ông Đại-biểu của chi hội Uông-bí, nên ông Hợi và ông Giản ra tận nhà ga tiễn ông Quang trước khi tàu chạy. Ba ông chuyện trò rất là thân-ái, cho đến khi tàu chạy.

Đúng 10 giờ không còn việc gì bàn, hội-đồng giải-tán.

Hội-trưởng
Nguyễn-Huy-Hợi

Thư-ký
Nguyễn-Thống

Chi-hội Haiphong

Biên-bản kỳ Tiểu hội-đồng thường nguyệt ngày 24 Novembre 1922. — Ngày thứ sáu 24 Novembre 1922, tòa Trị-sự chi hội Bắc-kỳ Công Thương đồng-nghiệp Haiphong họp Tiểu-hội-đồng thường-nguyệt tại nhà hội Trí-tri phố Đường-Cát ; đúng 8 giờ chiều khai hội-đồng, hiện-diện có những ông : Phạm-Cao-Kương, Nguyễn-Xuân-Đài, Vũ-Đức-Hồi, Ng-Đức-Hân, Vũ-Thiện-Nghị, Phạm-Kim-Bảng, Nguyễn-Thái-Định, Hoàng-Tiến-Minh, Tạ-Quang-Cát, Phạm-Văn-Trung, Đỗ-Lã-Vượng.

1· *Các ông xin vào hội.* — Ông Hội-trưởng trình Hội-đồng những đơn xin vào hội của những ông :

Vũ-Văn-Phụng, Employé chez M. Briffaud n· 10 Avenue Belgique.

Nguyễn-Huy-Tri, Employé à la Sté des Ateliers Maritimes au Village de Gia-Viên Haiphong.

Hội-đồng đều ưng-thuận công-nhận các ông Hội-viên mới.

2· *Xét sổ chi thu.* — Ông Thủ-quỹ trình hội-đồng sổ chi thu về tháng Septembre và Octobre 1922, mà ông Kiểm-soát ủy-viên đã kiểm-duyệt thì hội-đồng xét lại các khoản chi tiêu đều hợp lệ cả. Hội-đồng bàn rằng kỳ trước Hội-chánh có gửi cho chi hội một bản in mẫu để tính sổ chi thu hàng tháng, thì hội-đồng xét bản ấy

có mấy chỗ tuy hơi khác, nhưng rút lại cách-thức cũng tương-tự như kiểu của chi hội đã vẫn làm xưa nay, vậy hội-đồng định rằng ông Thủ-quỹ cũng nên theo đấy mà làm cho nhất-loạt thì cũng tiện.

3· *Xét bản dự-toán việc làm nhà Hội quán.* — Ông Ng-Xuân-Đài, Trưởng ban, làm bản dự-toán trình hội-đồng rằng ông cùng các ông trong ban ấy đã bắt đầu làm giờ nhưng chưa xong, vậy xin để kỳ sau ông sẽ trình hội-đồng xét.

4· *Sổ lạc-quyên.* — Hội-đồng định rằng các số tiền các ông đã có lòng quyên để làm nhà hội thì nay bắt đầu từ tháng Décembre này ông Thủ-quỹ cho đi thu dần để tiện việc khởi công làm nhà. Ông Nguyễn-Đức-Hân nói rằng các ông bạn ta nhiều ông thực có lòng sốt-sắng về việc làm nhà Hội-quán, xem như sổ lạc-quyên lại thêm được là :

Ông Nguyễn-Xuân-Tyk 15 p. Vũ-Ngọc-Tri 5p. Nguyễn-Đình-Tài 3 p. Đặng-Lạp-Cầu 3 p. Phạm-Văn-Thỏa 5 p. Trần-Văn-Lượng 5 p. Bùi-Hữu-Đăng 5 p. Đỗ-Văn-Uy 5 p. Nguyễn-Văn-Thanh dit Ám 5 p.

Trong số này có nhiều ông có lòng nhiệt-thành mà tự đến ký sổ lạc-quyên và gửi tiền ngay.

Hội-đồng đều lấy làm thâm-cảm những tấm lòng sốt-sắng của các bạn, chắc nhà Hội-quán sẽ mau được hoàn-thành, vậy xin các viên-chức trong ban Trị-sự nên gắng công đi quyên khắp tất cả các ông Hội-viên thì số tiền quyên còn tăng lên được nhiều lắm.

5· *Cuộc diễn kịch.* — Ông Nguyễn-Xuân-Đài, Phó Hội-trưởng bàn với hội-đồng xem như việc làm nhà hội-quán thực là một việc vĩ-đại, các khoản chi tiêu rất nhiều, sợ các số tiền lạc-quyên cùng tiền quỹ không thể chu-tất được, nay ông xin biếu hội một buổi hát ở rạp « Bắc-diễn-trường » của ông đã mở được ít lâu nay. Ông Hội-trưởng thay mặt hội-đồng cảm ơn ông Nguyễn-Xuân-Đài đã sẵn lòng qui-hóa giúp hội và xin cử một Tiểu-hội-đồng để cùng với ông Nguyễn-Xuân-Đài dự-định mọi việc. Hội-đồng nói rằng ông Nguyễn-Xuân-Đài đã sẵn lòng giúp hội như thế thực là hiếm có, nhưng e rằng rạp hát của ông không đủ chỗ ngồi thì làm thế nào được ; nhưng sau xét lại đây là một buổi sơ-đầu hội đương cần việc làm nhà Hội-quán mà ông Đài lại có lòng tốt giúp hội thì chắc các công việc sẽ được hoàn-mỹ, dẫu có eo-hẹp chỗ ngồi thì cũng không ngại, vì các bạn ta ai chẳng có lòng tán-thành việc hội ; đến như người ngoài cũng còn thường biết cho chi hội ta, nhất-cử nhất-động, đều là chu-chí cẩn-thận ; thì sau này khi làm xong nhà hội-quán ta sẽ còn có thể mở một cuộc diễn-kịch nữa để hiến các nhà có lòng giúp hội một cuộc mua vui và sẽ động-đạt cho cả toàn-thể hội biết, chứ như bây giờ là một buổi hát trước lấy tiền giúp việc làm nhà Hội-quán sau để các bạn ta được tiện cùng nhau tỏ tình liên lạc mà phấn-khởi tấm lòng tương-thân tương-ái thì cũng là một dịp hay lắm. Hội-đồng đều lấy làm phải và cử ông Vũ-Đức-Hồi, ông Ng-Đức-Hân, ông Phạm-Kim-Bảng, ông Ng-Thái-Định, ông Phạm-Văn-Trung và ông Đỗ-Lã-Vượng để cùng với ông Nguyễn-Xuân-Đài thương-lượng ấn-định cuộc hát.

6· *Tin buồn.* — Hội-đồng tiếp được thư của ông Hoàng-Đức-Châm là Hội-viên làm việc ở sở Développement Indochine có bà nội-tướng tạ-thế, định đến ngày 26 Novembre 1922 thì đưa đám. Hội được tin buồn ấy thì định rằng khi xong hội-đồng tất cả anh em đều đến viếng bà Hoàng-Đức-Châm và chia buồn cùng ông Châm và bảo-quyến.

Đúng 10 giờ thì hội-đồng giải-tán.

Hội-trưởng,

Thư-ký Phạm-Cao-Kương

Nguyễn-Đức-Hân

Biên-bản kỳ Tiểu-hội-đồng bất-thường ngày 5 Décembre 1922. — Theo tờ thông-đạt của ông Hội-trưởng, ngày thứ ba 5 Décembre 1922, đúng 8 giờ chiều tòa Trị-sự chi hội Công-Thương Đồng-Nghiệp Hải-phòng họp Tiểu-hội-đồng bất-thường tại nhà hội Trí-Tri để xét việc tổ-chức cuộc hát lấy tiền giúp việc làm nhà Hội-quán ; hiện diện có những ông : Ng-Xuân-Đài (làm chủ-tọa thay mặt ông Hội-trưởng yếu có giấy kiếu.) Vũ-Đức-Hồi (Trưởng ban tổ-chức cuộc hát.) Nguyễn-Đức-Hân, Phạm-Kim-Bảng, Đoàn-Mạnh-Giư, Quách-Đình-Thọ, Đặng-Văn-Ngần, Đào-Tấn-Châm, Paul-Văn, Trần-Xuân-Lịch, Phạm-Văn-Trung, Đỗ-Lã-Vượng.

Ông Chủ-tọa khai hội-đồng rồi nói về việc làm nhà Hội-quán các khoản phí-tổn cùng công việc xếp đặt thì kỳ hội-đồng trước đã bàn và đã chuẩn-định tổ-chức cuộc hát tại rạp hát « Bắc-diễn-trường » mà ông chủ rạp Ng-Xuân-Đài đã định biếu hội, các tiền phí-tổn ông không tính, việc ấy đã giao cho Tiểu-hội-đồng ấn-định, nay ông Trưởng ban hội-đồng ấy đã xét xong, vậy có tờ trình để Tòa Trị-sự xét như sau này :

1· — Ngày khai-diễn : ngày thứ sáu 22 Décembre 1922.

2· — Tích hát : Tiểu-hội-đồng đã giao cho ông Vũ-Đức-Hồi điều-đình với ông Nguyễn-Xuân-Đài, chọn một tích hát có ý-vị về chủ-nghĩa hữu-ái và có cảnh hoạt-tượng hữu-ái.

3· — Chỗ ngồi và các hạng vé : nhà hát tuy không được rộng rãi lắm, nhưng cũng xếp đặt được hơn 300 chỗ ngồi còn rộng-rãi, vậy các hạng vé định như sau này :

40 vé ngoại hạng là 3 p. 00 = 120 p. 00
100 vé hạng nhất là 2 p. 00 = 200 p. 00
150 vé hạng nhì là 1 p. 00 = 150 p. 00
Cộng là : 290 vé

Số tiền thu được cộng là : 470 p. 00

Hội-đồng đều ưng-thuận và giao các số vé để các viên-chức đi bán vé, định đến kỳ Tiểu-hội-đồng sau ai bán được bao nhiêu sẽ trình cho Hội-đồng biết, rồi sẽ cùng đi bán vé một thể.

Ông Ng-Đức-Hân bàn rằng : việc tổ-chức cuộc hát này tuy tòa Trị-sự đã ấn-định mọi việc ; nhưng cũng nên làm tờ đạt để các Hội-viên biết và xin tất cả toàn-thể chi hội tán thành và cổ-động cho thì mọi việc càng được hoàn-hảo. Hội-đồng đều lấy làm phải.

Ông Nguyễn-Xuân-Đài nói về phần riêng ông, xin giãi bày cùng Hội-đồng rằng chủ-ý ông muốn tán-thành cho việc làm nhà Hội-quán được chóng hoàn-thành mà ông biếu hội buổi hát này trước là lấy tiền giúp hội, sau tiện việc cổ-động chủ-nghĩa hữu-ái của hội, chứ không phải là có ý nhân việc hội mà cổ-động cho rạp hát của ông. Ông Vũ-Đức-Hồi, ông Đoàn-Mạnh-Giư nói rằng kỳ trước Hội-đồng đã bàn xem mọi lẽ và ông Hội-trưởng đã thay mặt hội cảm ơn ông trước, nay chúng tôi xin biểu-đồng-tình mà cảm ơn lòng qui-hóa của ông, ai cũng một lòng tán thành cho cuộc công-ích chứ còn có đi-nghị gì nữa.

Đúng 10 giờ rưỡi hội-đồng giải tán.

P. le Président excusé

Le Vice Président,

Nguyễn-Xuân-Đài

Le Secrétaire

Nguyễn-Đức-Hân

Chi-hội Viétri

Biên-bản kỳ Tiểu-hội-đồn thường-nguyệt ngày chủ-nhật 26 Novembre 1922 hồi 20 giờ, tại nhà Hội-quán phố Ga. — Hiện-diện có những ông Nguyễn-Thế-Long, Nguyễn-Văn-Thu, Trần-Bá-Quỳ, Đỗ-Đình-Lâm dit Danh, Đào-Văn-Bỳ, Nguyễn-Đức-Thuần, Trần-Đức-Mưu, Ngô-Vi-Tiếu, Vũ-Lệ-Địch, Ngô-Đình-Toản, Trần-Ngọc-Oánh, Nguyễn-Ngọc-San.

Vắng mặt có giấy kiếu :

M. M. My, Lập, Sinh.

Đúng 20 giờ khai hội-đồng :

1° *Hội viên mới.* — Ông Hội-trưởng Nguyễn-Thế-Long trình hội-đồng bốn ông mới xin vào hội :

A) Ông Nguyễn-Ngọc-San, Phó-Lý Lâm-Trung do ông Mưu giới-thiệu.

B) Ông Bùi-Văn-Tích, do ông Lợi Ủy-viên Hưng-hóa giới-thiệu.

C) Ông Phạm-Văn-Phúc, Hương-Nghị do ông Lạc và ông Chẩm giới-thiệu.

Ba ông trên này Hội-đồng đều hoan-nghênh, duy còn một ông thứ tư hội-đồng đồng-ý không nhận.

2° *Việc văn-tấn.* — Ông Hội-trưởng Nguyễn-Thế-Long trình hội-đồng các việc đi thăm các Hội-viên và gia-quyến các Hội-viên mệt.

Ngày 24 Octobre 1922, được tin ông Lê-Hữu-Duyên Ủy-viên Nghĩa-yên mệt, hội đã cử ông Qui và ông Thuần đi thăm.

Ngày 24 Octobre 1922, được tin cụ Nhạc-mẫu ông Cự mệt tại nhà quê, ông Hội-trưởng Nguyễn-Thế-Long, và ông Trần-Đức-Mưu thay mặt hội lại nhà ông Cự hỏi thăm.

Ngày 29 Octobre 1922, được tin cụ thân-mẫu ông Tán-trợ hội-viên Lê-Năng-Tĩnh và ông Uỷ-viên Nghĩa-yên Lê-Hữu-Duyên mệt tại Nghĩa-yên, ông Hội-trưởng Nguyễn-Thế-Long và ông Trần-Đức-Mưu thay mặt hội sang thăm.

Ngày 22 Novembre 1922, được tin ông Phó Hội-trưởng Nguyễn-Văn-My mệt tại tư-thất ông bên Hạc, hội cử ông Thuần và ông Sinh sang thăm.

Nay các Hội-viên cùng gia-quyến các Hội-viên đều được bình-yên vô-sự cả.

Hội xin có lời mừng.

Duy còn ông My chưa thực khỏe.

3° *Việc sắm cờ, đèn vân vân.* — Ông Hội-trưởng Nguyễn-Thế-Long trình hội-đồng về việc sắm biển và đèn để trương đăng ngày 11 Novembre 1922, (kỷ-niệm đình-chiến).

Hội-đồng đều ưng-thuận.

4° *Tình khứ-lưu.* — Được tin ông Sán phải đổi đi Phủ-đoan và ông Đức đổi đi Phố-mới.

Ngày 10 Novembre 1922 Hội có đặt tiệc trà tại Hội-quán tiễn hai ông để tỏ tình thân-ái. Khi hai ông thượng-lộ các Hội-viên điều đi tiễn hai ông một cách trân-trọng.

Ông thư-ký Trần-Đức-Mưu đọc thư của ông Vòng ủy-viên ở Phủ-đoan đại ý nói : « Ông tiếp được thư ông Hội-trưởng nói ông Sán đổi lên Phủ-đoan và ngày ông Sán khởi-hành, ông cùng các hội-viên hạt Phủ-đoan tuân theo lệ Hội ra tận bến tầu đón ông Sán mời về nhà tiếp đãi chu-tất tử tế ».

Hội-đồng xin cảm ơn ông Vòng và các Hội-viên trên Phủ-đoan đã tỏ tình thân-ái làm hết nghĩa-vụ đối với Hội như vậy.

Ông Mưu lại đọc bức thư của ông Sán đại ý nói : « Cảm ơn Hội đã hậu đãi mà đưa đón ông. Khi tới Phủ-đoan ông ủy-viên Vòng và các hội-viên hạt Phủ-đoan ra tận tầu đón ông lại cho người nhà đem đồ hành-lý của ông về nhà, lưu ông lại đó cho đến khi ông thuê được nhà ».

5° Ông Mưu đọc bức thư của ông Đức ngày 12 Novembre 1922 đại-ý nói : « Nay mai ông phải đổi đi Phố-mới, nhân ông thấy nhà Hội-quán còn trương-đăng rực-rỡ, ông xin ông Hội-trưởng mời các anh em trong ban Trị-sự đến 17 giờ lại cùng ông chụp một bức ảnh để làm kỷ-niệm trước khi ông khởi hành đi Phố-mới »

Ông Hội-trưởng chiều ý ông, song thì giờ ít ỏi nên chi không kịp đạt khắp được. Chỉ có sáu ông đến được là M.M. Long, Chí, Qùi, Mưu, Thuần và Đức.

Ông Mưu lại đọc bức thư tặng ảnh của ông Đức và trình bức ảnh.

Hội-đồng ưng thuận cheo bức ảnh ấy tại Hội-quán.

6° Việc quỹ. — Ông Thủ-quỹ Trần-Bá-Qùi trình Hội-đồng về việc thu tiền nguyệt-cấp lấy làm khó khăn quá, xin thỉnh-cầu với Hội-đồng đạt giấy trước cho các hội-viên rằng bắt đầu từ 1er Décembre 1922 ông đi thu tiền nguyệt, cấp để cho tiện việc thu tiền.

Ông Phó-thủ-quỹ Đỗ-Đình-Lâm nói về việc ông Kiên giới-thiệu ông Hạp và ông Cảnh từ khi vào hội đến này chưa đóng tiền nhập hội, xin Hội-đồng nhắc lại ông Kiên cho và việc thu tiền nguyệt-cấp ở Phú-Thọ, có một vài ông đã hỏi nhiều lần mà cũng chưa đóng. Hỏi mãi thì bất tiện quá, xin trình để Hội-đồng biết.

Ông Mưu nói cách mấy hôm đây ông có gặp ông Kiên có nói truyện về việc ông Cảnh và ông Hạp, ông Kiên có hứa rằng thế nào đến kỳ 30 Novembre này hai ông sẽ đóng món tiền ấy. Thì đến 30 Novembre này nhờ ông Lâm lên Phú-Thọ nhắc lại ông Kiên thì ông sẽ nhớ.

Ông Cố-vấn-nhiệm Nguyễn-văn-Thu nói : Việc là việc công-ích cả. Khi nào ông Thủ-quĩ hoặc ông Phó-thủ-quĩ đến thu tiền thì xin các ông hội-viên liệu châm-chước cho, kẻo để hai ông đi lại nhiều lần hoặc hỏi nhiều lần, không phải là phiền cho hai ông thu tiền mà lại phiền cho cả các ông hội-viên nữa.

Ông Hội-trưởng Nguyễn-Thế-Long đọc bức thư của Hội-chánh nói về việc Hội-đồng thường niên 1923 từ giờ đến tháng Mars 1923 thì Hội-đồng giao để ban Trị-sự trù liệu.

Viétri, le 26 Novembre 1922.

Hội-trưởng.
Nguyễn-Thế-Long.

Thư-ký,
Trần-Đức-Mưu.

Sổ lạc-quên của chi Hội Việt-trì để sắm bàn ghế. — MM. Ng-Thế-Long 15 p.; Trần-Bá-Quỳ 8 p.; Ng.-Văn-Bình 5 p.; Khổng-Trọng-Điển 5 p.; Đỗ-Đình-Danh dit Lâm 5 p.; Trần-Như-Đức 5 p.; Trần-Đức-Thịnh 5 p.; Hoàng-Văn-Uẩn 5 p.; Nguyễn-Văn-Vòng 5 p.; Nguyễn-Đình-Lợi 3 p.; Vũ-Lệ-Dịch 2 p.; Lê-Hữu-Duyên 2 p.; Phan-Đình-Đôn 2 p.; Nguyễn-Đức-Thuần 2 p.; Nguyễn-Xuân-Trọng 2 p.;

Bùi-Đức-Tú 2 p.; Đỗ-Linh-Trung 1 p.; Trần-Đức-Tiến 1 p.; Nguyễn-Xuân-Lưu 1 p.; Phan-Cao-Kiên 1 p.; Ng.-Trọng-Thước 1 p.; Đào-Văn-Bỷ 1 p.; Nguyễn-Văn-Bê 1 p.; Nguyễn-Văn-Vỹ 1 p.; Ngô-Đình-Toán 1 p.; Phạm-Văn-Cường 1 p.; Ngô-Vi-Tiến 1 p.; Nghiêm-Xuân-Hộ 1 p.; Khổng-Quang-Khải 1 p.; Trần-Văn-Liên 1 p.; Tạ-Văn-Sinh 1 p.; Lưu-Văn-Chương 1 p.; Lưu-Duy-Tiếp 1 p.; Nguyễn-Văn-Lập 1 p.; Nguyễn-Văn-Khuê 1 p.; Đào-Văn-Hộ 1 p.; Vũ-Quí-Tụ 1 p.; Trần-Hữu-Cư 1 p.; Lê-Nguyên-Tư 1 p.; Ngô-Văn-Soe 1 p.; Nguyễn-Văn-Thu 1 p.; Nguyễn-Văn-Bàn 1 p.; Nguyễn-Liên 1 p.

Cộng. . . . . 100 p.

(còn nữa)

KẾ TOÁN HỌC

(Comptabilité)

MAURICE CHAPAT

(Suite)

---

2. LIVRES AUXILIAIRES

DIVISION

Les livres auxiliaires se divisent comme suit :

1/ Le Brouillard,
2 Le Grand-Livre,
3/ Le Livre de Caisse,
4/ Le Livres des Effets à payer,
5 Le Livre des Effets à recevoir.

1. — Le Brouillard.

Comme son nom l'indique, le brouillard est destiné à l'inscription provisoire de toutes les opérations du Journal.

Sa contexture est la même que celle du Journal.

Comme nous le dirons plus loin, ce registre tend à être supprimé dans la comptabilité des grandes entreprises modernes.

2. — Le grand livre

C'est le correspondant du Journal.

Dans le Livre Journal, les opérations sont énumérées les unes à la suite des autres par journées ou par mois ;

Dans le Grand-Livre, ces opérations sont réparties dans les livers comptes qu'il comporte.

Le Journal « *centralise* »

Le Grand Livre « *distribue* »

Modèle du Grand Livre.

Doit						Avoir					
Année et mois	Quantième	Opérations effectuées	Folio du Journal	Montant		Année et mois	Quantième	Opérations effectuées	Folio du Journal	Montant	

Le première page du Grand-Livre contient eu outre un répertoire de tous les comptes qu'il comporte, avec indication du folio de chaque compte.

3, — Livre de Caisse

Le Livre de Caisse comporte toutes les opérations de Caisse.

Le contexture de ce registre est la suivante :

RECETTES *Mois de. . . . . 192. . . .* PAIEMENTS

Année et mois	Quantième	Opérations de Recettes	Montant		Année et mois	Quantième	Opérations de Dépenses	Montant	

4. — Livre des Effets à payer

Contexture du registre des *Effets à payer* au mois de . . . . . ou échéancier.

DATE de l'écriture		NUMÉROS d'ordre	NATURE des Effets	FOURNISSEURS		ÉCHÉANCES	SOMMES	OBSERVATIONS
				Noms	Adresse			
1919 Mars	1er	1	Traite	Marchand	Haiphong			

Pour permettre d'assurer d'une façon parfaite le contrôle des Effets à payer on affecte généralement à ce Compte deux registres :

A) Le premier servant à l'Enregistrement des échéances et appelé *échéancier* (Modèle N° 1)

B) Le second est consacré à l'inscription de toutes les acceptations, c'est-à-dire des engagements.

2· *Contexture* du Registre des *Effets à payer* proprement dit.

NUMÉRO	DATE	FOLIO du Grand-Livre	TIREURS ou Bénéficiaires	ÉCHÉANCE	MONTANT	TOTAUX	ESCOMPTES et Rabais	OBSERVATIONS

5. — Livre des Effets à Recevoir.

Contexture de ce registre.

Enregistrement		Cédants		NATURE de l'effet	TIREURS ou Souscripteurs		DATES des Effets	ORDRE	TIRÉS ou Souscripteurs		ÉCHÉANCE	SOMME	SORTIES	
N°	Date	Nom	Adresse		Nom	Villes			Nom	Lieu de paiement			Dates	A qui cédés

LES LIVRES AUXILIAIRES DANS LA COMPTABILITÉ MODERNE

On tend de nos jours à supprimer le Brouillard. Les données qui étaient fournies jusqu'ici par ce registre sont réparties entre des livres auxiliaires affectés aux principales opérations de l'enpreprise. C'est ainsi que la plupart des grandes maisons de commerce ont remplacé le Brouillard par les livres auxiliaires de Caisse, de Ventes, d'Effets à recevoir, d'Effets à payer, et des Divers dont les éléments sont centralisés directement au Journal.

(*A suivre*)

Các tin trong hội

Bản-hội mở ra mục này để đăng-tải các tin buồn, tin mừng, tin thuyên-chuyển của các Hội-viên trong Hội. Vậy ngài nào có tin-tức gì xin gửi thư riêng về cho ông Hội-trưởng ngoài bì đề là « Các tin trong hội » để tiện việc bóc thư.

Tòa Thư-ký Hội Chánh.

Tin buồn. — Hội Chánh mới tiếp được tin cụ thân-mẫu ông Thủ-quĩ Nguyễn-Hữu-Trí hội-viên chi-hội Uông-bí, tạ-thế ở Uông-bí, vậy xin thay mặt cả toàn-thể Hội mà có lời chia buồn cùng ông Trí.

Bắc-đẩu-bội-tinh. — Bản-hội mới được tin ông Bạch-Thái-Bưởi, Tán-trợ hội-viên bản-hội được quí Chính-phủ thưởng cho bức huy-chương đệ-ngũ-đẳng Bắc-đẩu bội-tinh là một thứ bội-tinh quí nhất ở quí-quốc. Thực là một sự vẻ-vang cho cả công-thương-giới nước nhà và cho cả hội Công-thương-đồng-nghiệp ta nữa. Vậy bản-hội có lời mừng ông.

Tin mừng. — Ông Hội-trưởng mới sinh con gái, vậy Hội có lời mừng ông bà Nguyễn-Huy-Hợi.

* * *

Hội Chánh Hanoi tiếp được tin rằng ngày mồng một tháng chạp ta này, ông Trần-Minh-Kính là Hội-viên chi Hội Chánh đã làm lễ nghinh-hôn tại quí quán làng Thịnh-Quang huyện Hoàn-Long (Hà-Đông), vậy xin có lời mừng ông Kính và tân-giai-nhân.

Phiếu hội-viên. Bản Tiểu-hội-đồng làm phiếu hội-viên đã bắt đầu làm việc từ ngày 15 Décembre 1922, hiện nay những ông Hội-viên nào đã gửi ảnh về hội Chánh, sắp sửa được nhận phiếu rồi.

Nhiều ông gửi ảnh to quá, xin cứ theo lời đạt mà chụp ảnh 4 × 6 thôi và khai đủ theo như mẫu phiếu gửi về cho.

Buổi hát của chi Hội Hải-phòng tổ-chức. — Ngày 22 Décembre 1922 tại rạp hát Bạc-diễn-trường của ông Phó-hội-trưởng chi Hội Hải-phòng ở phố Belgique số 101 đã diễn tích « *Tâm-phúc tương-giao* » để tả cái tấm tình hữu-ái rất cao-thượng của người Á-đông ta, tiền thu được thời cũng vào việc làm nhà hội-quán cho chi Hội. Các bạn hát trong rạp Bác-diễn-trường đã tỏ tài nhà nghề hiến bà con đất Hải-cảng ta một cuộc vui thanh-nhã trong khi tỏ lòng tốt đối với việc công-ích vậy.

Bản-hội xin có lời cảm ơn các ngài đã chiếu-cố đến chứng-kiến và ông Nguyễn-Xuân-Đài đã có lòng hảo-tâm đối với Hội như vậy.

MẪU PHIẾU HỘI-VIÊN

Tình yêu nghĩa thiết

Số Phiếu

Hội-Viên

Hanoi, le 192

Chánh Hội-trưởng,

Công-Thương đồng-nghiệp

PHIẾU HỘI-VIÊN

HỘI-VIÊN

Tên

Nghề-nghiệp

Tuổi

Quán

Ngụ

, le 192

Chi Hội-trưởng,



AU BONHEUR DES TONKINOIS

HAI-CHINH

53 et 76 Rue du Pont en Bois

HANOI



Nhà may-đo ra các kiểu mũ và các thức khăn sếp nếu, xuất-hiện đã 10 năm được [illegible] nhiều cái quang-cảnh hân hạnh như sau này :

Hoàng-Thượng ban kim-tiền.

Nhà-nước thưởng médaille chương-mỹ hội tinh.

Hội Ái-Mỹ tặng những bằng khen ngợi hạng Hors concours.

Nghề làm mũ và khăn của hiệu hiện càng say mới được nhiều, càng toàn thợ khéo làm có kỹ-lưỡng mà hợp-thời-trang ; giá bán phải chăng, qui khách mua buôn hạ mua lẻ xin cứ gửi thư cho bản hiệu và gửi cho một phần tiền đặt trước ; tiếp được thư xin gửi ngay theo cách lĩnh hóa giao ngân đi [illegible] nào cũng được.

Kính cáo : HAI-CHINH

TA NÊN DÙNG ĐỒ NỘI-HÓA

Hiệu CHÂNTHỤY *ở số 4 Phố Mới Hanoi (4 Rue Jean Dupuis Hanoi) có bán đủ các thứ màn chẳng, màn gọng, màn cưới, đủ các mùi. Cũng ở phố ấy số 13 và đường Bờ sông số 6 (6 Quai Clémenceau Hanoi) hiệu ấy lại chuyên cả nghề làm chiếu bằng các thứ cói se nữa. Đồ nội-hóa chế ra theo lối kim thời đã rất khéo, rất đẹp, lại rất tốt, rất bền, ta nên dùng.*

Các ngài ở xa có lòng chiếu-cố đến xin viết thư cho bản hiệu hay là cho ông ĐÀO-THAO-CẢNH *Tổng-thư-ký tòa tạp-chí* HỮU THANH *ở số 58 phố Hàng Bông Hanoi (58 Rue du Coton Hanoi) cũng được.*

CHÂN-THỤY cần bạch,

MỚI XUẤT BẢN

CUỘC TANG-THƯƠNG

(Xã-hội tiểu-thuyết)

Tả một cảnh gia-đình tan nát vì cái hại lấy hầu và mục-đích sự học của bạn thoa-quần thế nào cùng cái tình bè bạn ngày nay điên đảo ra làm sao ?

Riêng hiến các bạn thiếu niên

Hơn 100 trang, giấy rộng, giá bán 0$30

Ai muốn mua xin hỏi tại M. Bùi-Xuân-Học, 61, 63 Rue du Coton Hanoi.

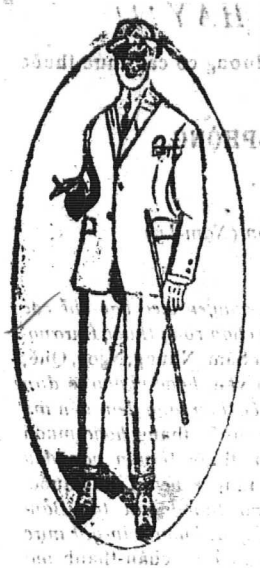

NAM-THINH — TAILLEUR

SOIERIES

6, Rue des Cantonnais — Hanoi (Tonkin)

Bán buôn và bán lẻ, hàng tơ lụa Bắc-kỳ

Bản-hiệu chuyên nghề bán cắt các thứ tơ lụa Bắc-kỳ sau này :

Lĩnh bưởi trơn và hoa lương trơn và hoa, băng thâm và các sắc, lụa cô đỏ thâm và chẳng, lụa quần anh thâm và các sắc the la cả thâm và các sắc, sô hột thâm và các sắc, sồi thâm thật tốt, vân thâm và các sắc, sa trơn và hoa, lượt khăn 12 và 14 vuông (còn nhiều thứ nữa không kể hết).

Các thứ hàng Tây may y phục Langsa : alpaga couleur, drap fantaisie, gabardine couleur, tissus imperméable, tussor de soie très blanc, drap satin noir tennis, flanelle blanche, etc.

Cửa hàng nào buôn nhiều về bản, hãy viết thư về thương nghị, sẽ được *trừ hoa hồng từ 5 đến 10 pour cent.*

Hàng gửi đi Contre remboursement.

NAM-THỊNH, Hanoi

Kính cáo

MỚI Ở TÂY SANG

1° GIA ĐÓNG GIẦY hàng Langsa (hiệu con chim), gia để giầy có hai hạng : một hạng giầy và một hạng mỏng, gia bốt-can, gia cho vộ đủ các thứ mũi, và gia vê-ni.

2° CHỈ THÊU đủ các thứ và đủ các mùi.

3° LỐP VÀ RUỘT XE ô-tô, đạp, moto và xe tay, hiệu « DUNLOP » cao-su đen có cái đầu người.

4° ĐỒ DÙNG VỀ XE TAY toàn bộ và bán lẻ, có cả vải mùi, vải đệm, giấy nhựa và cao-su (Tapis) để lót chân xe.

5° Ô TRẮNG cán tre và cán sắt thực hiệu « CÂY THÁP ».

6° ĐỒ SẮT : sắt tròn đủ các thứ, bản lề, sen khóa, sen cửa, đanh, lưỡi bào, vân vân.

7° THUỐC LÁ CUỘN RỒI hiệu « Tam tài », « Lá cờ », « Salonica, đầu thiếp vàng.

Ai cần mua hàng hoặc đến hoặc viết thư thì :

HAIPHONG : Tại bản-tỵ Cie de Commerce et de Navigation d'Extrême-Orient (ALLATINI & Co) số nhà 36, đường Harmand.

HANOI : Tại nhà ông G. ELLIES số 33, phố Đồng-khánh.

THUỐC CHỮA BỆNH RẤT HAY!!!

Chắc các ngài xem báo Nam-kỳ từng biết tiếng bản-đường có các thức thuốc trị các bệnh rất hay :

ÍCH-NGUƠN ĐƯỜNG LÃO-DƯỢC-PHÒNG

Chủ-nhân : **A-ANH**

ở đường Chợ-cũ số 55, Place Gambetta — Saigon (Nam-kỳ)

Bản-đường từ khai-sáng đến nay đã ngoài 50 năm rồi, chuyên việc bào-chế các thứ thuốc Cao Đơn Hoàn tán Dược-Dẫn, Dược-Thủy *đều chọn ròng thuốc thượng-hạng như* Sâm, Nhung, Ngọc, Quế, vân vân, *hoặc vị nào có đơn thuốc thầy lang đem đến mà bốc* thuốc thang *hoặc muốn làm* thuốc tễ *vân vân đều được cả, lại có chứa đủ các thứ thuốc* thần-hiệu *của các* danh-y *bên* Trung-quốc. *Thuốc của Bản-đường có gởi bán cùng Lục-châu. Những thuốc bán tại Bản-đường đều là thuốc ở bên* Trung-quốc *mỗi kỳ tàu gửi qua, buôn bán giữ mực công bằng khắp nơi trong Lục-châu đều biết. Như quí-vị nào ở xa* châu-thành *mà muốn hỏi thăm điều chi về việc thuốc men hoặc muốn mua thuốc của Bản-đường xin chịu khó mà viết thơ gởi đến Bản-đường, Bản-đường sẵn lòng hồi-đáp lập-tức, nếu tiếp thư mua thuốc, thì Bản-đường sẽ gởi* Contre-remboursement.



Phụ khoa khôn phụng hoàn (5)

(Thuốc điều kinh chưởng tử rất hay)

Phàm người đàn bà đường khinh nguyệt có chừng thì được mạnh giỏi hằng ngày, đến gặp cơn xanh đẻ mà được mạnh giỏi cũng bởi nhờ nơi thân thể dung hòa khí-huyết sung túc mà ra. Song ai cũng mong mỏi điều mạnh giỏi việc kinh nguyệt cho đúng kỳ và cơn sanh đẻ đặng bình an mọi sự, mà chẳng hay tìm phương giữ mình, tìm thuốc hay dùng ngăn-ngừa trước cho khỏi đều hậu hoạn về sau, vì như cây cỏ mà đặng tốt tươi-nhờ bởi khí âm dương hòa huởn, còn người mà đặng mạnh-mẽ là nhờ khi huyết đều hòa, nên mọi người lo phòng trước lúc chưa bệnh, hay hơn là để gặp bệnh mới lo tìm thuốc hay : Xét cho kỷ người sinh thường hay có bệnh không chừng. Đây tóm một đều đại-khái của đờn bà khi kinh-nguyệt và cơn sinh đẻ là đều rất quan-hệ mà nói, còn kỳ-dư biết bao nhiêu chứng bệnh hay xảy đến thình-lình kể sao cho xiết. Nên Bổn-đường có chế phương thuốc Khôn-Phụng này thiệt là một phương thuốc thượng-hạng thuốc đã hay lại hiệp sức diệu được và bào chế kỷ cang, bao sắp làm hoàn-tánh được mỗi mỗi đều trùng theo cách điều kinh chưởng-tử rất nên thần hiệu, thiên-hạ kắp dùng đã lâu, rõ là một phương thánh-dược trên đời nếu người đương mạnh mà thường dùng thuốc này thì chắc mạnh giỏi luôn luôn không hay đau vặt, còn đờn bà có chồng thì mau sanh con, chi như đã có thai lại thêm bồi-bổ cho an-thai và giúp sức mạnh-mẽ đến cơn sanh đẻ, chẳng vậy mà thôi, dầu con gái mới lớn lên dùng thuốc này cũng hữu-hạnh lắm là thêm điều hòa đường kinh, bồi bổ khí huyết da thịt mịnh màng, thanh tươi nhan-sắc, thân thể phương-phi, diệt trừ bá bệnh. Thiệt là một phương thuốc vệ sanh của đờn-bà.

Trị những chứng

1 Đàn-bà khí huyết kém suy, đường kinh không tốt chậm con.
2 Đường kinh hư, hoặc khi nhiều khi ít trời sụt không chừng.
3 Bế đường kinh không tốt biến ra chứng đau bụng.
4 Đường kinh bế, nghịch-hành, ói máu.
5 Đường kinh xấu huyết dợt dạt hoặc đỏ bầm.
6 Huyết bạch, huyết băng, thân thể ốm o, tinh thần giã dược.
7 Hoặc lo-lắng nhiều, mệt nhọc chân thân bãi hoải.
8 Nghẹn, tức, đau lưng mỏi gối ăn không tiêu, nhức đầu, bụng dạ bàn hoàn, mặt mày xầy xẩm.
9 Thai bệnh, máy động chẳng êm thân-thể mỏi tê, tứ chi phát thũng.
10 Lúc sinh đẻ huyết dư còn lại, hoặc giau (thai y) ra không hết mà sinh bệnh.

Các chứng nói trên đây dùng đến thuốc Khôn-Phụng này tức thì lành đã.

Mỗi một viên giá. . . . . 0$40
Nguyên một hộp bốn viên giá. 1 50

Hôm trước tôi mua 5 hộp thuốc «phụ-khoa khôn phụng-hoàn» cho vợ tôi dùng thiệt là mầu-nhiệm, vợ tôi năm nay đã 43 tuổi sinh đặng mười mấy đứa con, bởi thai nghén nhiều lần nên hóa ra nhiều chứng bệnh huyết khí suy kém, xây xẩm mặt mày, thân-thể bần-thần, nóng lạnh, nhức đầu, mỏi gối đau lưng, ăn uống không ngon, đêm ngủ không an. Nay nhờ thuốc mầu-nhiệm của ông, vợ tôi dùng hết 5 hộp thì tiêu hết bệnh như tôi đã nói trên đây mà lại khỏe hơn hồi trước thập bội, mạnh-mẽ hơn xưa, thiệt là thuốc của ông rất nên thần-hiệu; nên tôi chẳng nài quê kịch mà tạm đôi lời tỏ lòng cám ơn với ông và rất khen ngợi ông khéo lựa thuốc hay mà luyện chế thuốc «phụ-khôn phụng-hoàn» chẳng có thuốc nào bì kịp. Luôn dịp xin ông chịu khó gởi cho tôi mua 15 hộp phụ-khoa khôn phụng-hoàn *và 10 hộp* kim-y-song-bổ-hoàn *gởi* contre remboursement, *rất cám ơn.*

PHẠM-VĂN-DƯƠNG
Propriétaire à Phước-Thành Bacliêu

Tích chế huê liễu hoàn (Số 4)

(Thuốc tiêu các giống độc)

Hằng tưởng hễ quá vui thì sinh buồn, nên người hay ham vui xảy bệnh chứng sang độc là một chứng rất hiểm nghèo, hoặc phơi nhiễm độc mà sinh, nhiều khi dùng không đúng thuốc, thì đau đi đau lại mãi mãi, vui một chốc mà chịu nhọc cả đời, khó cho tuyệt chứng sang-độc ấy, muốn cho tuyệt độc phải trừ căn, vì như đốn cây phải dức gốc nên bổn-đường chế phương thuốc tiêu độc này, chẳng luận lâu mau, hoặc mới phát, cả mình mọc mụn hoặc nơi dương-vật mọc mụn, đái gắt xương gối mỏi-mê, châu-thân bãi hoải, lột da chon, các chứng về sang độc, đến thuốc này tức thì hết, lại trừ tuyệt nọc độc, khỏi đau đi đau lại nữa, và sức lực trở nên mạnh-mẽ như thường, thực là thần-hiệu hơn các thứ thuốc sang-độc khác, lại dùng thuốc này sau khỏi lo bề tuyệt-tự, (thuốc này kỵ thai).

Giá bán mỗi lọ. . . . . 0$80

Monsieur Ngô-quang-Sanh
Clerc d'Huissier à Sadec
à Monsieur A-ANH
Ích-Ngươn-Đường Saigon

Lời cho ông rỏ : Tôi lấy làm khen thứ thuốc «Tinh-Chế Huê Liễu-Hoàn» của tiệm ông bào-chế, thiệt là thuốc rất hay. Tôi đã uống thuốc Tây thuốc Nam nhiều thứ mà không thấy hiệu nghiệm chút nào, chừng uống thuốc của ông vô thì bệnh thuyên-giảm rất lẹ. Tôi cầu chúc cho mọi người nếu nhằm bệnh như vậy mà gặp thứ thuốc này đặng thiệt là rất có phúc. Nay tôi gửi theo đây một cái mandat 3 p.20 và xin ông gởi lại lập-tức cho tôi bốn ve thứ thuốc đó đặng tôi uống tiếp theo Tôi cầu chúc cho qui đường đặng bền vững lâu dài, thạnh vượng luôn luôn.

NGÔ-QUANG-SANH

N. B. — Tôi xin hỏi ông nếu bệnh đã mạnh rồi muốn uống thuốc bổ lại, có thứ thuốc bổ chi hay, ông chỉ giùm cho tôi mua uống. Thứ thuốc bổ nào về bệnh đó cho thiệt hay, đắt bao nhiêu cũng không sao, miễn là thuốc thiệt hay thì thôi, ông nói cho tôi biết hoặc thuốc nước, thuốc hoàn hay là thuốc rượu cũng đặng.

NG. Q. S.

ĐÔNG-PHÁP YÊN-THẢO CÔNG-TY

SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE
SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 6.000.000 FRANCS
Administration et Manufacture à Hanoi

SẢN XUẤT NHỮNG THỨ THUỐC LÁ NHƯ SAU NÀY:
(PRODUITS RECOMMANDÉS):

Thuốc thái (Tabacs) :	Coq et Scaferlati
Thuốc cuốn (Cigarettes) :	Coq, Alliés, Métropole, Favorites, Dragon d'or, Midinettes
Thuốc Si-gà (Cigares) :	Mandarin, Bouquet

DEMANDEZ LE PRIX-COURANT

« Annam : nên hút thuốc lá « hiệu con gà » vì giống giọt tại xứ ta, vừa ngon vừa rẻ. Ai ôi nên hút thuốc lá hiệu con gà ».

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty

HANOI — số 73, Phố Mới, số 73 — HANOI
HỮU-HẠN TẬP-CỔ CÔNG-TY
Vốn 42.500$00

Đóng, chữa, sơn lại, các thứ xe tay, xe ngựa.

Xe nhà cao-su kiểu mới, thực đẹp, thực nhẹ; các quí-khách muốn đặt kiểu nào cũng được.

Có nhiều kiểu xe đã bày tại Hội-chợ mới rồi và có nhiều xe chạy trong thành-phố Hà-nội.

Giá tính phải chăng. Làm cẩn-thận và thật mau.

Các ngài ở nơi xa muốn đóng xe, bản-hiệu xin đóng cẩn-thận mà gửi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận được xe của bản-hiệu đóng gửi thơ ra ban khen bản-hiệu.

Xin các quí-khách chiếu-cố, bản-hiệu hết lòng hoan-nghênh.

NGUYỄN-HUY-HỢI công-ty.

廣東二天堂大藥房
NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG

PHỤ-KHOA KIM-PHỤNG-HUỜN

TIỆM LỚN TẠI QUẢNG-ĐÔNG TỈNH-THÀNH. MỘT TIỆM TẠI NAM-KỲ
Ở TẠI ĐƯỜNG CANTON SỐ 38, CHOLON

Extrait du Certificat délivré par l'Institut Pasteur de Saigon le 15 Octobre 1921 :

Ces préparations peuvent être considérées, toutes, comme des préparations ou substances de la Pharmacopée chinoise. Elles paraissent ne présenter aucun danger, à condition de se conformer, pour leur emploi interne ou externe, aux indications des notices ou des étiquettes. Enfin, elles sont en très bon état de conservation.

Sao lục tờ vi-bằng Institut Pasteur, Saigon ngày 15 Octobre 1921 chứng rằng :

Các thứ thuốc của tiệm tôi nói trên đây đều làm bằng mấy vị thuốc bên Trung-huê. Thuốc của tiệm tôi không có món chi làm hại hết, miễn là trong khi dùng hoặc uống hoặc thoa, thì phải cứ coi theo các lời dặn hầy là coi theo nhãn. Nói tắt một điều là thuốc của tiệm tôi để lâu chẳng hư.

Phàm đờn-bà khác hơn đờn-ông thì chỉ có 2 điều : 1° đường kinh, 2° sanh-đẻ mà thôi. Nên hễ muốn sanh con thì trước hết phải lo cho đường-kinh đều đặng. Nếu đường-kinh chẳng đều thì khó mà có thai cho đặng, ấy là phần nhiều, gốc bởi ngoại-cảm, lục-dâm, hoặc tại ho, rầu, buồn-bực, ưu-uất trong lòng, làm cho khí-huyết hao mòn, sanh nhiều chứng bịnh, đều cũng do nơi đường-kinh không đều mà ra.

Tiệm tôi đây, từ ngày dặng phương thuốc mầu-nhiệm của ông Lô truyền lại đến nay, hằng gìn lòng giúp cho đời, lựa những thuốc tốt, gia công chế ra mà làm huờn, để trị cho các chứng bịnh đờn-bà đều dùng đặng hết.

Còn như bình thời mà thường uống thuốc nầy, thì khí huyết đầy đủ, chẳng hề sanh bịnh, mà rồi sanh con đẻ cháu cũng nhiều, chí như đờn-bà có thai mà uống thuốc nầy, thì lại đặng an thai bảo sản, chừng sanh con ra lại đặng mạnh mẽ nữa, ấy là một phương thuốc rất hay, để trị các chứng bịnh đờn-bà hiệu-nghiệm như thần đó.

Chủ trị các chứng kể ra sau nầy :

1. Đường-kinh hoặc trồi, hoặc sụt, hoặc ít, hoặc nhiều ; 2. Bạch-đái, Bạch-dâm, ra hoài không dứt ; 3. Đường-kinh hoặc vàng dợt, hoặc đen bầm ; 4. Khí huyết đều hư, đường-kinh không có ; 5. Hoặc đường-kinh ra nhiều quá, như muốn làm băng ; 6. Đường-kinh đi nghịch, sanh ra thổ huyết, trong bụng thì đau ; 7. Thân thể chẳng yên, xây-xẩm mặt mày, ăn uống không tiêu ; 8. Đau lưng, mỏi cẳng, vàng mét, ốm gầy ; 9. Thai động chẳng yên, trong bụng đau hoài ; Đẻ rồi ứ huyết mà đau, hoặc lá-nhao không ra.

CÁCH DÙNG : Mỗi ngày phải uống 1 huờn, uống với nước trà Tàu. Còn đờn-bà để thì phải dùng nước đái con nít mà uống với thuốc.

CỬ ĂN : Những đồ sống-sít, lạnh-lẽo, cùng là đồ rang-nướng, nóng-nảy, độc-địa chẳng nên dùng.

Mỗi hộp 2 huờn giá là. . . . . 1$00

Xin các vị có mua thì phải nhìn cho kỹ cái hiệu NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG có hình ÔNG-PHẬT, kẻo lầm đồ giả.

Như chư-vị ở đàng xa xuôi mà muốn dùng thuốc chi, xin viết thơ gởi cho tiệm tôi rõ, thì tôi sẽ gởi thuốc lập tức, mà gởi contre remboursement, nghĩa là đem tiền lại nhà thơ mà lãnh thuốc. Còn đề bao thơ như vầy :

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG
Pharmacie Asiatique
Rue de Canton, N° 38 CHOLON

HOTEL DE LA MARINE

(NAM-LỢI KHÁCH-SẠN)

76, Avenue Paul Doumer, Haiphong

Hàng cơm tây to nhất của người Việt-Nam ta chủ-trương.

Ăn tháng, ăn bữa, đặt tiệc đến 500 người. Bản-hiệu lúc nào cũng sẵn sàng thừa-tiếp không phải chờ đợi.

Có phòng cho thuê tháng, thuê ngày, đủ cả quạt và đèn điện.

Lại có xe ô-tô đón khách.

HIỆU J. BRUNEL

TOURCHAM ở DALAT (Annam)

Có chế các thứ máy kiểu mới, được cấp văn-bằng mà không phải Chính-phủ bảo-lĩnh.

Máy làm gạch được 3.000 viên một ngày. Giá **100$00**, tiền cước chở người mua phải chịu.

Máy dã gạo được 800 cân tây một ngày, không có nồi súp-de, nhưng mà có 2 cánh. Giá **100$00**, tiền cước chở người mua phải chịu.

ĐỒ DÙNG ĐI SĂN

Đạn chì và đạn ghém, không có thuốc, gửi theo lối lĩnh-hóa giao-ngân, ba đồng rưỡi một hộp.

Xin các ngài chiếu-cố cho, đa tạ.

益 HIỆP-ÍCH 協

(Công-ty trách-nhiệm tập-cổ vốn định 20.000$00, mỗi cổ-phần 25$00)

Làm các thứ đồ sơn Nhật-bản và sơn ta, các thứ ghế mây, đồ mây, tượng nặn và tranh vẽ.

Ngài nào vào cổ-phần xin gửi thư cho:

Chủ-nhiệm*: NGUYỄN-TIẾN-ÂN, *Số 14, Phố Hàng Bông, Hanoi

Téléphone 356

HÃNG TÀU CHẠY SÔNG Ở BẮC-KỲ

F. SAUVAGE, Armateur

SERVICE SUBVENTIONNÉ

Nhà giấy — Số 138, Phố Bờ Sông — Hanoi

Giờ tàu chạy trong mùa nước xuống

ĐƯỜNG HANOI — TUYÊN-QUANG

Lúc đi tới đỗ ở : Sơn-tây, Viétri, Thum, Phan-Lemy, Kim-xuyên, Phu-doan, Bla

ĐI	VỀ
Ở Hanoi Lúc đi Thứ hai Thứ tư Thứ sáu hồi 10 giờ sáng	Đến Viétri Lúc đi Cùng trong một ngày hồi 6 giờ chiều
Ở Viétri Lúc đi Thứ ba Thứ năm Thứ bảy Hồi 5 giờ sáng	Đến Tuyên-quang Lúc đi Cùng trong một ngày Hồi 6 giờ chiều

ĐƯỜNG HANOI — CHỢ-BỜ

Lúc đi tới về đỗ ở : Sơn-tây, Viétri, Trung-hà, Lapho, Bahong. Tu-vu, Hoabinh

ĐI	VỀ
Ở Tuyên-quang Lúc về Thứ hai Thứ tư Thứ sáu Hồi 7 giờ sáng	Đến Viétri Lúc về Cùng trong một ngày
Ở Viétri Lúc về Thứ ba Thứ năm Thứ bảy Hồi 10 giờ sáng	Đến Hanoi Lúc về Cùng trong một ngày Hồi 3 giờ chiều

ĐƯỜNG HANOI — HANOI

Lúc về đỗ ở : Đia, Phu-doan, Kim-xuyên, Lemy, Phan-lemng, Thum, Viétri, Sơn-tây

ĐI	VỀ
Ở Hanoi Lúc đi Thứ ba Thứ bảy Hồi 10 giờ sáng	Đến Chợ-bờ Lúc đi Thứ tư Chủ-nhật Hồi 6 giờ chiều
Ở Chợ-bờ Lúc về Thứ năm Thứ hai Hồi 7 giờ sáng	Đến Hanoi Lúc về Cùng trong một ngày Hồi 3 giờ chiều

ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG — CHIÊM-HÓA

Nhân vì mùa nước xuống nên đường Tuyên-quang, Chiêm-hóa thuyền-thoáng không chạy được.

Những tàu ở Hanoi và Tuyên-quang về thì đều mắc xế ở Viétri cả (đường Hanoi — Tuyên-quang)

Đường tàu Thương-Mại

Đường Hanoi — Haiphong

Đường Haiphong — Hanoi

Haiphong: Những lúc đi cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi | Hanoi: Những lúc đi. Cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Đường Haiphong, Nam-định và Hanoi — Nam-định, Haiphong và Hanoi thì khi nào cần đến mới phải chạy mà thôi

Hàng hóa thì phải xếp xuống Tàu it là trước khi một giờ tàu chạy.

Nhận hàng chở thẳng tới tận bến hay là đỗ hàng cả các chỗ mắn-xế

Nộp hộ thuế thương-chính, trừ hàng — Cho thuê tàu cả chuyến hay chở các phà các thuyền hàng

Các chi-quán: Sơn-tây, Viétri, Tuyên-quang và Chợ-bờ

Tổng-cục: Haiphong

HẰNG-PHONG DIT NGUYỄN-THÀNH-CỰ

Bijouterie et commerçant

CAOLANH

Bán đồ nữ trang đủ theo kiểu kiêm thời, mỹ nhứt là bông tai bèo bằng vàng và đồng xứng đã tính **xảo mà giá rẻ**, vì làm sở trường bặt thiệp nên tính **công-nhẹ**.

Ông E. CHASSAGNE

LÀ MỘT NHÀ BÁO CHẾ HẠNG NHẤT Ở ĐẠI-HỌC-ĐƯỜNG PHÁP-LÊ

Số 59, Phố Pasteur,

HANOI

Bán những chất hóa-học của hiện POULENC và ADRIAN chế ra.
Bán đồ dùng trong một phòng thí-nghiệm về việc thuốc hay việc kỹ-nghệ.
Đi xửa-soạn xếp đặt các phòng thí-nghiệm công, tư.
Bán nhiều cho các nhà đi khai-khẩn, tính giá đặc-biệt.

泰 NAM-THAI 南

福 薗 津 稍 登 公

SOCIÉTÉ COMMERCIALE TONKINOISE

SUCRERIE — PATISSERIE — CONFITURERIE

Hộn đường, nấu mứt, làm bánh

DIPLÔME DE MÉRITE A LA FOIRE DE HANOI 1920

TONKIN — 77, Rue Maréchal Foch, 77 — NAM-DINH

(Số nhà 77, Phố hàng Trống)

Các bạn đồng-nghiệp ở Nam-kỳ gửi các thứ đường ra bán nhiều lắm

Bán buôn và bán lẻ

NAM-HỒNG-PHÁT

KHÁCH-LAU

N° 104 et 106, Boulevard Bonnard, (ngang gare xe lửa nhỏ)

Saigon, Cholon Govap, gần chợ mới

Có bán rượu tây, cho mướn phòng ngủ, và mở tiệm bớt tóc, có may y-phục Annam và Langsa, cũng có bán hàng, lụa, vải, vân vân...

NAM-HỒNG-PHÁT

GIÁ ĐĂNG CÁO-BẠCH RAO HÀNG VÀO HỮU-THANH TẠP-CHÍ

Đăng cáo-bạch rao hàng vào « **Hữu-Thanh Tạp chí** » thời cứ mỗi trang giấy chia ra làm sáu ô, nhỏ nhất là một phần sáu trang. Vậy ngài nào đăng một phần chia sáu cũng được, hay một phần chia tư, một phần chia ba, một nửa hay cả trang Bản-chí sẽ xin tùy giá châm-chước. Song Bản-chí xin nói để các ngài có cửa hàng hay muốn rao bảo việc gì thời rõ cho rằng: Bản-chí là một cái cơ-quan chung của hai hội lớn nhất Đông-Pháp này, vả người đọc Bản-chí rất nhiều, nếu đăng vào Bản-chí thật là có ích-lợi cho việc cổ-động của các ngài lắm.

Ngài nào muốn đăng cáo-bạch hay rao bảo việc gì xin mời các ngài đến Bản-xã hay là gửi thư đến, Bản-xã sẽ xin tính giá phải chăng.

GỬI MANDAT GIẢ TIỀN VÀ GÓP CỔ-PHẦN

Xin các ngài gửi mandat giả tiền Tạp-chí hay Cáo-bạch cùng là đóng Cổ-phần cho **Ích-hữu-thư-xã** *xin đề phong-bì rõ-ràng cho :*

M. NGHIÊM-VỊNH

Directeur de la Société « **Ích-hữu-thư-xã** » *58 Rue du Coton Hanoi.*

MUA TẠP-CHÍ, ĐĂNG CAO-BẠCH VÀ GỬI BAI LAI-CẢO

Các ngài trong Hội **Ích-hữu-thư-xã** *và Hội* **Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp** *mua* **Hữu-Thanh** *hay đăng cáo-bạch vào* **Hữu-Thanh** *đều được trừ 10% cả.*

Ai mua Tạp-chí đăng Cáo-bạch vào Tạp-chí, gửi bài lai-cảo hay hỏi việc gì xin viết thư cho :

M. NGHIÊM-VỊNH

Directeur de la Société « **Ích-hữu-thư-xã** », *58 Rue du Coton, Hanoi (Tonkin)*

Imp. Ích-Hữu-Thư-Xã — *Le Directeur-Gérant* **NGHIÊM-VỊNH**

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R F

友聲雜誌

第廿三廿四號合版

益友書社發行